

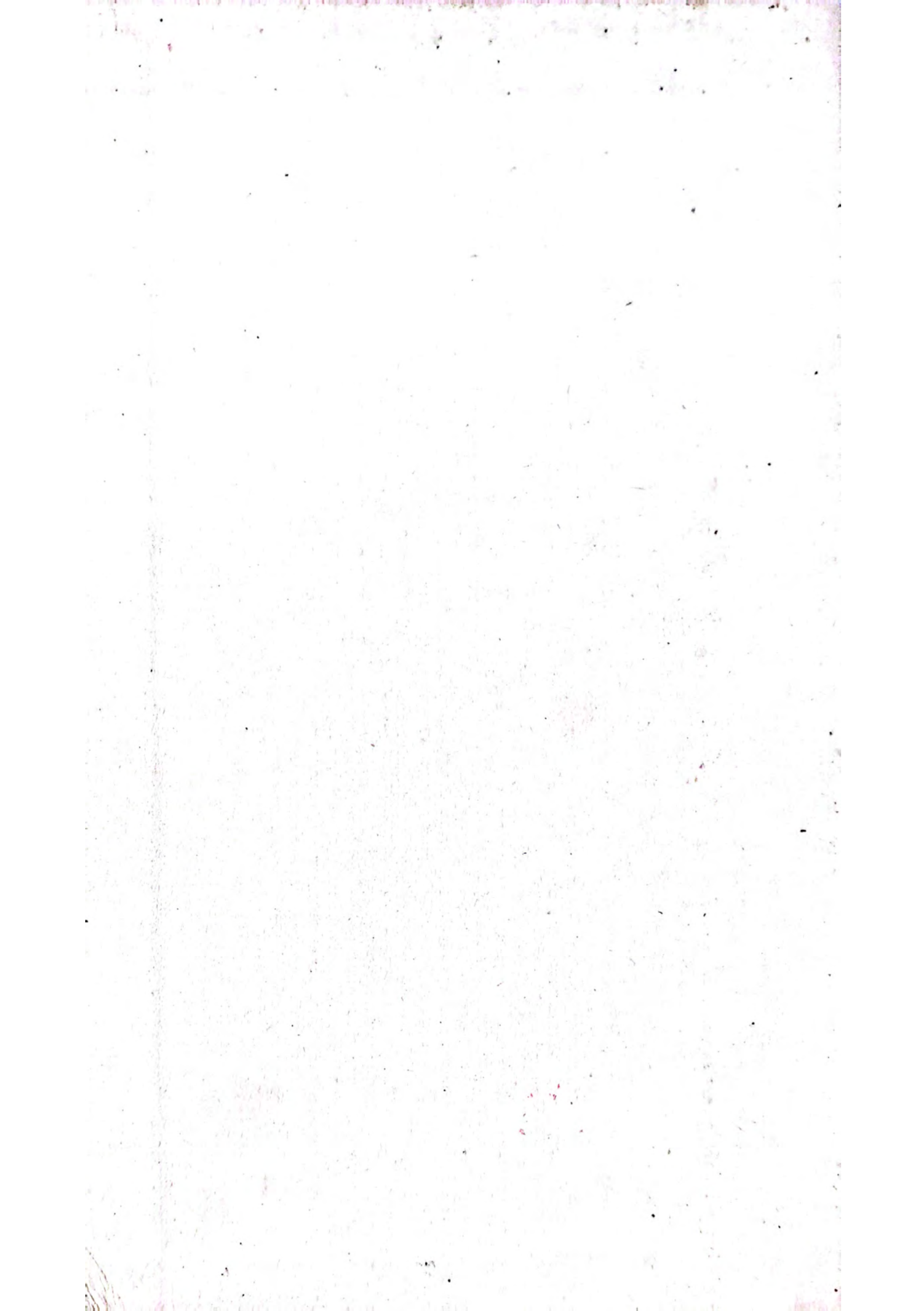
C. Mác
và
Ph. Ăng-ghe-n

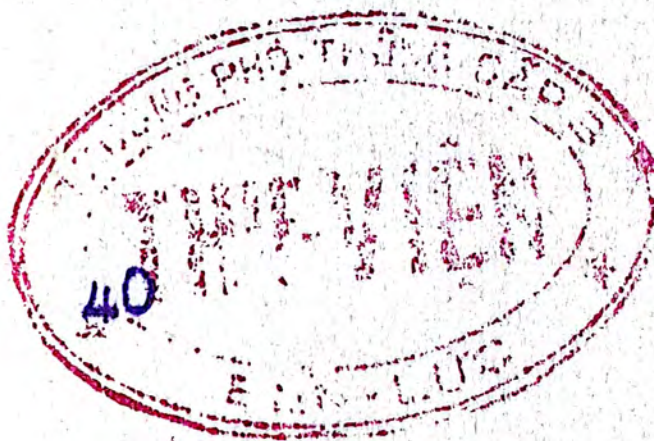
Bản về
thanh niên

Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội
1982

STK

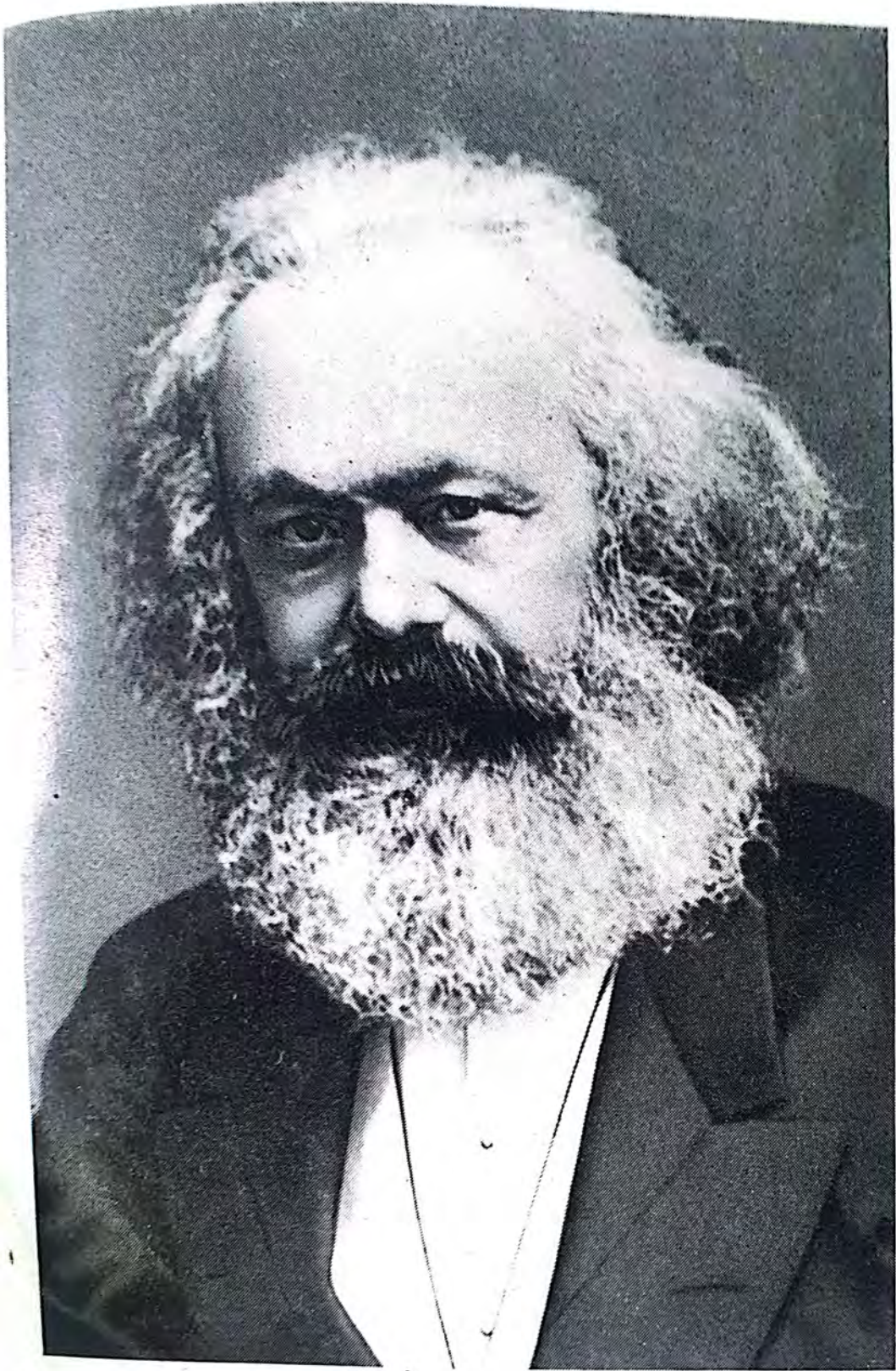
3392



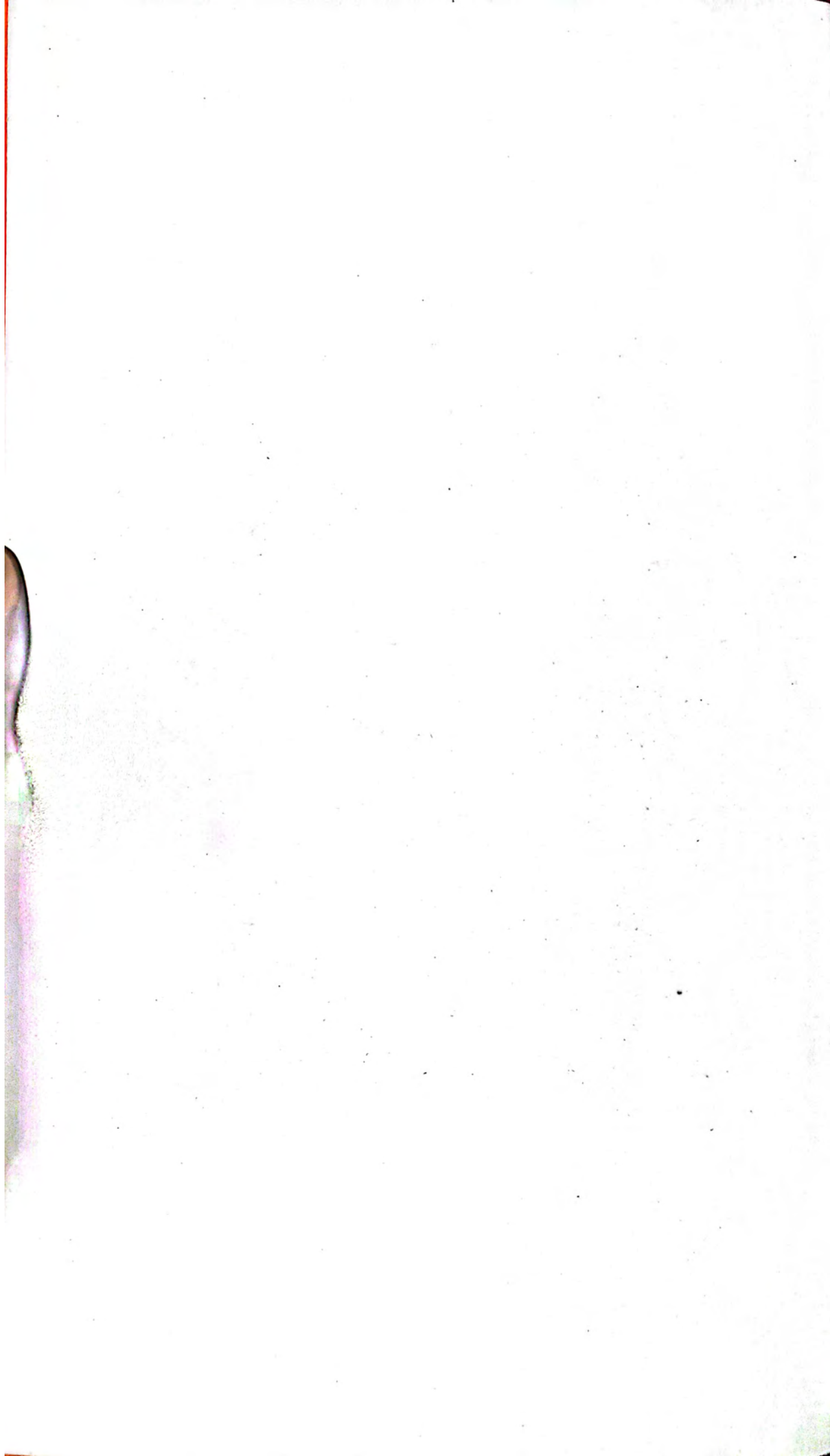


~~6300~~





Karl Marx





F Engels

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

C. Mác
và
Ph. Ăng-ghen

Bàn về
thanh niên

3392/02

Nhà xuất bản Thanh niên,
Hà-nội 1982

К. Маркс и Ф. Энгельс

О МОЛОДЕЖИ

На вьетнамском языке

МЭ $\frac{10101-042}{014(01)-82}$ без объявл.

0101010000

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

«Tương lai của cả loài người hoàn toàn phụ thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên»¹⁾.

Từ hàng trăm năm nay, các nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học và những người cộng sản chân chính đều coi vấn đề thanh niên là rất quan trọng, nó giữ vị trí chiến lược trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản đối với từng nước cũng như trên toàn thế giới.

Để giúp bạn đọc nắm được một số luận điểm cơ bản của những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học về vai trò và nhiệm vụ của thanh niên và Đoàn thanh niên, Nhà xuất bản Thanh niên biên soạn tập chuyên đề «C. Mác và Ph. Ăng-ghen BÀN VỀ THANH NIÊN».

¹⁾ C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, tập 16, trang 198.

Bạn đọc có thể tìm thấy ở tập sách này những quan điểm lý luận mẫu mực cũng như những giá trị thực tiễn lớn lao về nhiều vấn đề của thanh niên; sẽ có được những tài liệu khoa học về cuộc sống và hoạt động của các thế hệ thanh niên trong thế kỷ trước.

Ngoài ra, trong tập chuyên đề này cũng có những đoạn trích, tuy không trực tiếp nói về thanh niên song rất cần để giúp thanh niên hiểu về tình hình kinh tế, xã hội của tuổi trẻ trong hệ thống sản xuất tư bản chủ nghĩa, hiểu tầm quan trọng của việc giáo dục thế hệ đang lớn lên, hiểu về chủ nghĩa anh hùng cách mạng và về sự phát triển nhân cách toàn diện.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ, đánh giá cao vai trò, vị trí của thế hệ trẻ trong sự nghiệp cách mạng thế giới, đã chú ý rất nhiều đến nhiệm vụ giáo dục, coi đó là biện pháp hàng đầu để đào tạo con người mới với tư cách là chủ thể sáng tạo có ý thức của xã hội mới — xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Mác và Ăng-ghe-nơ đã kịch liệt phê phán nền giáo dục phản động tư bản chủ nghĩa, đó là một nền giáo dục nô dịch làm cho thế hệ trẻ phát triển một cách què quặt. Theo các ông thì chỉ có lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng

chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản thì mới có đủ điều kiện để thực hiện một nền giáo dục chân chính, phục vụ lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân lao động. Nền giáo dục xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ đem lại toàn bộ những giá trị văn hóa cho nhân dân lao động, góp phần tích cực đào tạo những con người mới phát triển toàn diện, biết «thâm nhuần tổng số những kiến thức của nhân loại, mà chính chủ nghĩa cộng sản là kết quả» — những con người có đủ năng lực và tư cách làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, để chuyển «từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc tự do». Muốn hoàn thành được nhiệm vụ nặng nề này, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa phải và chỉ có thể là một nền giáo dục tổng hợp.

Nhận thức và giải quyết những vấn đề hiện tại của cuộc sống và hoạt động của thế hệ trẻ là một đòi hỏi thường xuyên của phong trào thanh niên quốc tế, cho nên chỉ dựa trên cơ sở vững chắc của lý luận và phương pháp luận chủ nghĩa Mác — Lê-nin mới có được sự giải đáp đúng đắn. Chính vì vậy mà những người làm cách mạng phải biết dựa vào những di sản của những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác, nghĩa là phải nghiên cứu và vận dụng nó một cách sáng tạo vào những điều kiện

hiện nay, phải sử dụng nó như một vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh, giáo dục và tổ chức thể hệ cách mạng mới.

* * *

Ở nước ta, trong những điều kiện lịch sử mới, đường lối mác-xít-lê-nin-nít về công tác thanh niên đã được Đảng ta phát triển và thể hiện trong các văn kiện của Đảng. Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội Đảng lần thứ IV, đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã nói: «Tiền đồ rạng rỡ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nằm trong tay thanh niên, thiếu niên và nhi đồng... Đó là những lớp người có lý tưởng cách mạng, có hiểu biết chính trị, có kiến thức văn hóa, khoa học, kỹ thuật, dũng cảm và sáng tạo trong chiến đấu cũng như trong sản xuất. Cần phát huy những truyền thống tốt đẹp của thanh niên, bồi dưỡng và đào tạo thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc, bảo đảm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước ta đến thắng lợi hoàn toàn».

Những luận điểm cơ bản về thanh niên và Đoàn thanh niên của những nhà sáng lập chủ

nghĩa cộng sản khoa học giúp chúng ta có cơ sở lý luận để quán triệt sâu sắc đường lối thanh vận của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV và Nghị quyết thanh vận của Trung ương.

* * *

Kết cấu của tập chuyên đề này, gồm 3 phần: phần thứ nhất trích những tác phẩm chung của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n; phần thứ hai trích những tác phẩm của Các Mác và phần thứ ba trích những tác phẩm của Ph. Ăng-ghe-n. Tất cả tài liệu được sắp xếp theo thứ tự thời gian.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc và mong nhận được nhiều nhận xét phê bình của các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



C. MÁC
VÀ
PH. ĂNG-GHEN

GIA ĐÌNH THẦN THÁNH HAY PHÊ PHÁN SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN¹

(*Chồng Bru-nô Bau-ơ
và đồng bọn*)

... Hoạt động lịch sử càng đi sau thì khối quần chúng lấy hoạt động đó làm sự nghiệp của mình cũng sẽ do đó mà tăng lên. Trong lịch sử phê phán là thứ lịch sử cho rằng, trong các công việc lịch sử, cái chính không phải là quần chúng đang hành động, không phải là hoạt động kinh nghiệm và cũng không phải là *lợi ích* kinh nghiệm của hoạt động đó, mà trái lại là cái «*quan niệm*» nằm «*ở trong các cái đó*» — trong thứ lịch sử đó dĩ nhiên là mọi sự đều xảy ra khác hẳn.

Sự phê phán dạy ra rằng:

Phải tìm kẻ thù thật của tinh thần ở trong quần chúng, chứ không phải ở trong cái gì khác như những kẻ tự do chủ nghĩa bên vực quần chúng trước kia thường nghĩ.

Kẻ thù của tiên bộ ở *ngoài* quần chúng chính là *những sản phẩm* — đã có một tồn tại độc

Xin xem phần chú thích ở cuối sách

lập, đã có một cuộc sống riêng — của sự tự ti, của sự tự bài xích và sự tự tha hóa của quần chúng. Vì vậy quần chúng đứng lên chống lại những sản phẩm tồn tại độc lập của sự tự ti của quần chúng, tức là chống lại thiếu sót của bản thân mình, cũng y như là con người ta khi phản đối sự tồn tại của Thượng đế tức là cũng phản đối cái tâm lý tôn giáo của mình. Nhưng vì rằng những kết quả thực tế đó của sự tự tha hóa của quần chúng tồn tại trong thế giới hiện thực bằng phương thức bề ngoài. Quần chúng tuyệt nhiên không thể coi các sản phẩm đó của sự tự tha hóa của mình chỉ là những ảo ảnh trong quan niệm, chỉ là những sự tha hóa đơn giản của tự ý thức, và không thể mong muốn tiêu diệt sự tha hóa vật chất bằng hoạt động duy linh thuần túy bên trong. Ngay từ năm 1789, tờ báo của Lu-sta-lô¹⁾ đã lấy câu sau đây làm châm ngôn:

«Chỉ vì ta quì gối,

Nên ta cảm thấy các vĩ nhân là to lớn.

Ta hãy đứng lên đi!»

Nhưng muốn đứng dậy thì không thể chỉ đứng dậy trong tư tưởng trong khi vẫn để cái đầu hiện thực và cụ thể tròng mãi dưới cái

¹⁾ Đây chỉ tuần báo Cách mạng Pa-ri (Révolution de Paris) phát hành ở Pa-ri từ tháng Bảy 1789 đến tháng Hai 1794. Trước tháng Chín 1790, nhà chính luận và nhà cách mạng dân chủ E-li-dơ Lu-sta-lô là chủ bút tờ báo này.

ách hiện thực và cụ thể mà không một quan niệm nào có thể rời bỏ nổi¹⁾.

...

Không cần phải thông minh lắm mới thấy được mối liên hệ tất nhiên giữa học thuyết của chủ nghĩa duy vật về tính thiện bẩm sinh và sự bình đẳng về trí lực của người ta, về tính vạn năng của kinh nghiệm, tập quán và giáo dục, về ảnh hưởng của hoàn cảnh bên ngoài đối với con người, về ý nghĩa quan trọng của công nghiệp, về tính hợp lý của hưởng lạc với chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Nếu như người ta thu được mọi tri thức và cảm giác v. v. của mình từ trong thế giới cảm tính và trong kinh nghiệm thu được ở thế giới cảm tính, thì do đó cần phải tổ chức thế giới xung quanh sao cho người ta nhận thức và lĩnh hội được ở đó cái gì thực sự hợp với tính người, sao cho người ta nhận thức được mình là con người. Nếu như lợi ích hiểu một cách đúng đắn là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì do đó cần ra sức làm cho lợi ích riêng của con người. Nếu như người ta không có tự do theo ý nghĩa duy vật, nghĩa là nếu người ta có tự do không phải nhờ có lực

¹⁾ Ý nói: Muốn tự giải phóng thì phải đứng lên dùng bạo lực cách mạng chứ không thể chỉ dùng hoạt động tinh thần.

lượng tiêu cực lẫn tránh cái này cái nọ mà nhờ có lực lượng tích cực thể hiện cá tính chân chính của mình thì không nên trừng phạt những hành vi tội lỗi của cá nhân mà nên tiêu diệt nguồn gốc xã hội đẻ ra tội lỗi và đem lại cho mỗi người địa bàn xã hội cần thiết để biểu lộ sức sống bản chất của anh ta. Nếu như tính cách người ta do hoàn cảnh tạo nên thì do đó phải làm cho hoàn cảnh hợp với tính người. Nếu như người ta bẩm sinh đã là sinh vật có tính xã hội thì do đó chỉ có thể phát triển bản tính chân chính của mình trong xã hội và cần phải phán đoán về lực lượng của bản tính của anh ta không phải căn cứ vào lực lượng của cá nhân riêng lẻ mà căn cứ vào lực lượng của toàn xã hội.

C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết tháng Chín-tháng Mười một 1844

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t.2, tr. 90, 145-146

TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN²

...
Giai cấp tư sản không những đã rèn vũ khí để giết mình; nó còn sinh ra những người sử dụng vũ khí ấy, — những công nhân hiện đại, những *người vô sản*.

Cùng với sự phát triển của giai cấp tư sản, tức là của tư bản, thì giai cấp vô sản, giai cấp

công nhân hiện đại cũng phát triển, họ chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản. Những công nhân này buộc phải tự bán mình để kiếm ăn từng bữa một, họ là một món hàng hóa, tức là một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác; vì thế, họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường.

Việc dùng máy móc ngày càng mở rộng và sự phân công làm cho lao động của công nhân mất hết tính chất độc lập, do đó đã làm cho họ mất hết hứng thú. Người sản xuất trở thành một vật đơn thuần phụ thuộc của máy móc, người ta chỉ đòi ở họ một công việc đơn giản nhất, buồn tẻ nhất, dễ học nhất mà thôi. Cho nên chi phí cho một công nhân rút lại, hầu như chỉ là số tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống của anh ta và để cho anh ta khỏi mất giống. Mà giá cả của lao động¹⁾ cũng như giá cả mọi hàng hóa thì ngang với chi phí sản xuất của nó. Cho nên công việc càng trở nên ghê tởm thì tiền công càng hạ. Hơn nữa, cùng với sự phát triển của máy móc và của sự phân công, thì tổng số lao lực cũng tăng lên, hoặc là do tăng thêm giờ làm, hoặc là do tăng

¹⁾ Hay nói cho đúng hơn, như sau này Mác đã xác định, là «giá cả của sức lao động» (xem Lời nói đầu của Ăng-ghe-n trong cuốn «Lao động làm thuê và Tư bản của Mác»).

thêm lao động phải làm trong một thời gian nhất định, do cho máy chạy nhanh thêm, v. v..

Công nghiệp hiện đại đã biến xưởng thợ nhỏ của người chủ thủ công gia trưởng thành công xưởng lớn của chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Quần chúng công nhân chồng chất nhau trong công xưởng, bị tổ chức theo lối quân sự. Là những người lính thường của công nghiệp, họ bị đặt dưới quyền giám sát của cả một hệ thống cấp bậc sĩ quan và hạ sĩ quan. Họ không những là nô lệ của giai cấp tư sản, của Nhà nước tư sản, mà hàng ngày, hàng giờ còn là nô lệ của máy móc, của người đốc công, và nhất là của chính người tư bản chủ xưởng. Chế độ chuyên chế ấy càng công khai tuyên bố lợi nhuận là mục đích duy nhất của nó thì nó lại càng trở thành ti tiện, bỉ ổi, đáng căm ghét.

Lao động càng ít cần đến sự khéo léo và sức lực chừng nào, nghĩa là công nghiệp hiện đại càng tiến, thì lao động của đàn ông càng được thay thế bằng lao động của đàn bà và trẻ em. Những sự phân biệt già trẻ, trai gái không còn có ý nghĩa xã hội gì nữa đối với giai cấp công nhân. Tất cả đều là công cụ lao động, mà giá cả thì thay đổi tùy theo già, trẻ, trai, gái.

Một khi người thợ đã bị chủ xưởng bóc lột, và được trả tiền công rồi, thì anh ta lại trở về thành miêng mồi cho những phần tử

khác trong giai cấp tư sản: chủ cho thuê nhà, chủ hiệu bán lẻ, chủ hiệu cầm đồ, vân vân và vân vân.

Những nhà tiểu công nghiệp, tiểu thương và người thực lợi nhỏ, thợ thủ công và nông dân, tất cả tầng lớp dưới của giai cấp trung gian xưa kia, đều rơi xuống giai cấp vô sản; một phần vì số vốn ít ỏi của họ không cho phép họ dùng những phương pháp của đại công nghiệp, nên họ bị sự cạnh tranh của bọn tư bản lớn đánh bại; một phần vì sự khéo léo nhà nghề của họ bị những phương pháp sản xuất mới làm giảm giá trị đi. Thành thử giai cấp vô sản được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp trong dân cư.

Giai cấp vô sản trải qua nhiều giai đoạn tiến triển khác nhau. Cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản bắt đầu ngay từ lúc họ mới ra đời.

Cuộc đấu tranh được tiến hành trước hết là do những công nhân cá biệt, kế đến là do những công nhân cùng một công xưởng, và sau chót là do những công nhân cùng một ngành công nghiệp, cùng một địa phương chống lại người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Không phải họ chỉ đá kích vào quan hệ sản xuất tư sản, họ còn đá kích ngay cả vào công cụ sản xuất nữa; họ phá hủy hàng ngoại hóa cạnh tranh với họ, đập tan máy móc, đốt các

công xưởng và ra sức giành lại địa vị đã mất của người thợ thủ công thời trung cổ.

Trong giai đoạn đó, vô sản còn là một đám quần chúng phân tán trong toàn quốc và bị cạnh tranh chia xé. Nếu có lúc công nhân hỗ trợ nhau bằng hành động có tính chất quần chúng, thì đó cũng chưa phải là kết quả sự liên hiệp của chính họ, mà là kết quả sự liên hiệp của giai cấp tư sản, vì muốn đạt những mục đích chính trị của nó, giai cấp này phải huy động toàn thể giai cấp vô sản, và nó còn tạm thời có khả năng làm được việc ấy. Cho nên suốt trong giai đoạn này, những người vô sản chưa đánh kẻ thù của chính mình, mà đánh kẻ thù của kẻ thù của mình, tức là những tàn tích của chế độ quân chủ chuyên chế, bọn địa chủ, bọn tư sản phi công nghiệp, bọn tiểu tư sản. Toàn bộ phong trào lịch sử như thế là tập trung vào tay giai cấp tư sản; bất cứ thắng lợi nào đạt được trong những điều kiện ấy cũng là thắng lợi của giai cấp tư sản.

Nhưng, sự phát triển của công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành những khối quần chúng lớn hơn; vô sản tăng thêm lực lượng và giác ngộ về lực lượng của mình hơn. Máy móc càng xóa bỏ mọi sự phân biệt trong lao động và càng rút tiền công hầu khắp mọi nơi xuống một mức thấp ngang nhau, thì lợi ích,

điều kiện sinh hoạt của những người vô sản càng dần dần san bằng nhau. Vì bọn tư sản ngày càng cạnh tranh với nhau hơn, và vì khủng hoảng thương mại do sự cạnh tranh ấy sinh ra, cho nên tiền công ngày càng trở nên bấp bênh; việc cải tiến máy móc không ngừng và ngày càng nhanh chóng hơn, làm cho tình cảnh của người công nhân ngày càng bấp bênh, những xung đột cá nhân giữa công nhân và tư sản ngày càng có thêm tính chất xung đột giữa hai giai cấp. Công nhân bắt đầu liên hiệp lại chống bọn tư bản để bảo vệ tiền công của mình. Họ đi cả tới chỗ lập thành những đoàn thể thường xuyên để chuẩn bị trước cho những cuộc xung đột bất thần xảy ra. Đây đó, đâu tranh nổ thành bạo động.

Đôi khi công nhân thắng; nhưng đó là một thắng lợi tạm thời. Kết quả thật sự của những cuộc đấu tranh của họ là sự đoàn kết ngày càng mở rộng của những người lao động, hơn là sự thành công tức thời. Việc tăng thêm phương tiện giao thông do đại công nghiệp tạo ra giúp cho công nhân các địa phương tiếp xúc với nhau, đã làm cho sự đoàn kết ấy được dễ dàng. Mà sự tiếp xúc ấy cũng đủ để tập trung nhiều cuộc đấu tranh địa phương, đâu đâu cũng mang tính chất giống nhau, thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng bất cứ

cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng đều là một cuộc đấu tranh chính trị, và sự đoàn kết mà những thị dân thời trung cổ đã phải mất hàng thế kỷ mới xây dựng được bằng những con đường làng nhỏ hẹp của họ, thì những người vô sản hiện đại chỉ xây dựng trong một vài năm là nhờ có đường sắt.

Sự tổ chức ấy của vô sản thành giai cấp và do đó thành chính đảng, luôn luôn bị phá hủy vì sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Nhưng nó luôn luôn được tái lập và luôn luôn mạnh hơn, vững chắc hơn, hùng hậu hơn. Nó lợi dụng những bất hòa trong nội bộ giai cấp tư sản, để buộc chúng phải thừa nhận bằng hình thức luật pháp một số quyền lợi của giai cấp công nhân: chẳng hạn như *luật 10 giờ ở Anh*¹⁾.

Nói chung, những xung đột xảy ra trong xã hội cũ đã giúp bằng nhiều cách cho giai cấp vô sản phát triển. Giai cấp tư sản sống trong một trạng thái đấu tranh không ngừng; trước hết chống quý tộc, rồi chống các bộ phận của ngay giai cấp tư sản mà quyền lợi xung đột với sự tiến bộ của công nghiệp, và cuối cùng luôn luôn chống lại giai cấp tư sản của tất cả các nước ngoài. Trong hết thảy những cuộc đấu

¹⁾ Luật 10 giờ là đạo luật ra ngày 8 tháng Sáu 1847 ở Anh, qui định ngày làm việc 10 giờ, bắt đầu từ ngày 1 tháng Năm 1848.

tranh ấy, giai cấp tư sản tự thấy buộc phải kêu gọi đến giai cấp vô sản, cầu họ giúp sức, và do đó lôi cuốn họ vào phong trào chính trị. Thành ra giai cấp tư sản đã cung cấp cho vô sản những yếu tố tri thức của bản thân nó, nghĩa là những vũ khí chống lại bản thân giai cấp tư sản.

Hơn nữa như chúng ta vừa thấy, cả từng bộ phận của giai cấp thống trị vì sự tiến triển của công nghiệp mà bị đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản, hay ít ra thì điều kiện sinh hoạt của họ cũng bị đe dọa. Những bộ phận ấy cũng đem lại cho giai cấp vô sản nhiều yếu tố tiên bộ.

Cuối cùng, giữa lúc đấu tranh giai cấp tiên gần đến giờ quyết định thì quá trình tan rã của giai cấp thống trị, của toàn bộ xã hội cũ, có một tính chất dữ dội và khốc liệt đến nỗi một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị tách ra và đi theo giai cấp cách mạng, đi theo giai cấp đang nắm tương lai trong tay mình. Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang giai cấp tư sản, thì ngày nay một bộ phận của giai cấp tư sản cũng chạy sang giai cấp vô sản, và nhất là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã tiến tới nhận thức được về mặt lý luận toàn bộ cuộc vận động lịch sử.

Trong tất cả các giai cấp hiện đang đương đầu với giai cấp tư sản, thì chỉ có giai cấp vô

hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo, đối với người vô sản, đều là những thiên kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản.

Tất cả những giai cấp trước kia đã chiếm được chính quyền đều ra sức củng cố địa vị đã nắm được của họ, bằng cách bắt xã hội phục tùng những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính họ. Những người vô sản chỉ có thể chiếm được lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đây, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu đã tồn tại từ trước cho đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả: họ phải phá hủy hết thảy những cái gì từ trước đến nay vẫn bảo đảm, giữ gìn tài sản tư hữu.

Tất cả những phong trào lịch sử từ trước đến nay đều là do thiếu sót thực hiện hoặc mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của tuyệt đại đa số mưu lợi ích cho tuyệt đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp dưới của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên mà lại không làm nổ tung toàn bộ

sản là một giai cấp thực sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp; giai cấp vô sản thì trái lại, là sản vật của bản thân nền đại công nghiệp.

Các giai cấp trung gian, tiểu chủ, tiểu thương, thợ thủ công, nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản vì giai cấp này là một mối đe dọa cho sự sống còn của họ với tính cách là những giai cấp trung gian. Cho nên họ không có tính chất cách mạng, mà có tính chất bảo thủ; hơn thế, họ lại còn có tính chất phản động: họ tìm cách làm cho bánh xe lịch sử quay ngược trở lại. Nếu họ có thái độ cách mạng, thì cũng là vì họ có cơ sắp rơi xuống thành vô sản; lúc đó họ bảo vệ lợi ích tương lai của họ chứ không phải bảo vệ lợi ích hiện tại của họ; họ bỏ quan điểm của chính họ để tự đặt mình vào quan điểm của giai cấp vô sản.

Còn tầng lớp vô sản lưu manh, thứ cận bã thụ động ấy của những tầng lớp thấp nhất của xã hội cũ, thì đây đó họ có thể được cách mạng vô sản lôi cuốn vào phong trào, nhưng điều kiện sinh hoạt của họ lại khiến họ càng sẵn sàng hơn để bán mình cho phe phản động.

Điều kiện sinh hoạt của xã hội cũ đã bị xóa bỏ trong điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản rồi. Người vô sản không có tài sản; quan

hệ giữa anh ta với vợ con không còn giống một chút nào những quan hệ gia đình tư sản; lao động công nghiệp hiện đại, tình trạng người công nhân làm nô lệ cho tư bản, ở Anh cũng như ở Pháp, ở Mỹ cũng như ở Đức, làm cho người vô sản mất hết mọi tính chất dân tộc. Luật pháp, đạo đức, tôn giáo, đối với người vô sản, đều là những thiên kiến tư sản che giấu những lợi ích tư sản.

Tất cả những giai cấp trước kia đã chiếm được chính quyền đều ra sức củng cố địa vị đã nắm được của họ, bằng cách bắt xã hội phục tùng những điều kiện bảo đảm cho phương thức chiếm hữu của chính họ. Những người vô sản chỉ có thể chiếm được lực lượng sản xuất xã hội bằng cách xóa bỏ phương thức chiếm hữu hiện nay của chính mình, và do đây, xóa bỏ toàn bộ phương thức chiếm hữu đã tồn tại từ trước cho đến nay. Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả: họ phải phá hủy hết thảy những cái gì từ trước đến nay vẫn bảo đảm, giữ gìn tài sản tư hữu.

Tất cả những phong trào lịch sử từ trước đến nay đều là do thiếu sót thực hiện hoặc mưu lợi ích cho thiểu số. Phong trào vô sản là phong trào độc lập của tuyệt đại đa số mưu lợi ích cho tuyệt đại đa số. Giai cấp vô sản, tầng lớp dưới của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên mà lại không làm nổ tung toàn bộ

những tầng lớp bên trên cấu thành xã hội chính thức.

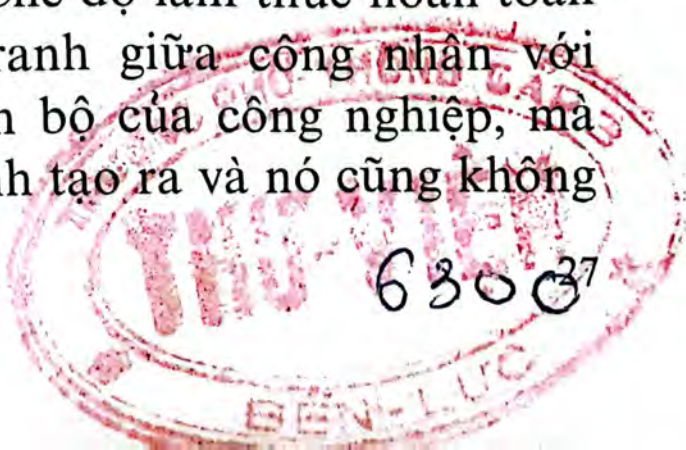
Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, dù về thực chất không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu vẫn mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên, giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã.

Trong khi phác ra những nét lớn về các giai đoạn của sự phát triển của giai cấp vô sản, chúng tôi đã vạch lại lịch sử cuộc nội chiến ít nhiều tiềm tàng, ngấm ngấm trong xã hội hiện nay cho đến lúc cuộc nội chiến ấy nổ bùng ra thành cách mạng công khai, và đến lúc giai cấp vô sản xây dựng sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản.

Tất cả những xã hội trước kia, như chúng ta đã thấy, đều xây dựng trên sự đối kháng giữa giai cấp áp bức và giai cấp bị áp bức. Nhưng, muốn áp bức một giai cấp nào, thì ít ra phải có thể bảo đảm cho giai cấp ấy những điều kiện sinh hoạt khiến họ có thể sống được trong vòng nô lệ. Người nông nô, giữa thời phong kiến đang thịnh, đã đạt tới chỗ trở nên một thành viên của công xã, cũng như người bình dân (*Kleinburger*) đã đạt tới địa vị người tư sản, dưới ách chuyên chế phong kiến. Người

công nhân hiện đại, trái lại, đã không tiến lên được cùng với sự tiến bộ của công nghiệp, mà còn luôn luôn sa xuống thấp hơn, dưới cả những điều kiện sinh hoạt của chính giai cấp họ. Người lao động trở thành người nghèo khổ, và cảnh nghèo khổ còn tăng lên nhanh hơn là dân số và của cải. Như vậy, hiển nhiên là giai cấp tư sản không thể tiếp tục làm tròn vai trò giai cấp thống trị của mình và không thể bắt xã hội theo điều kiện sinh hoạt của giai cấp mình như một định luật tối cao được nữa. Nó không thể thống trị được nữa, vì nó không thể nào bảo đảm cho người nô lệ của nó ngay cả đến mức sinh hoạt nô lệ, vì nó đã buộc phải để người nô lệ ấy lâm vào tình trạng làm cho nó phải nuôi người nô lệ ấy, chứ không phải người nô lệ ấy nuôi nó nữa. Xã hội không thể sống dưới sự thống trị của giai cấp tư sản nữa, như thế tức là nói rằng sự tồn tại của giai cấp tư sản không còn thích hợp với sự tồn tại của xã hội nữa rồi.

Điều kiện căn bản của sự tồn tại và sự thống trị của giai cấp tư sản là việc tích lũy của cải vào tay những tư nhân, là sự hình thành và tăng thêm tư bản; điều kiện tồn tại của tư bản là chế độ làm thuê. Chế độ làm thuê hoàn toàn dựa vào sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau. Nhưng sự tiến bộ của công nghiệp, mà giai cấp tư sản vô tình tạo ra và nó cũng không



sao cưỡng lại được, — đã đem lại sự đoàn kết cách mạng của công nhân do liên hiệp lại mà có, thay thế cho tình trạng phân tán của công nhân do cạnh tranh giữa họ gây nên. Như vậy là sự phát triển của đại công nghiệp đã phá đổ dưới chân giai cấp tư sản, chính ngay cái nền tảng mà trên đó giai cấp tư sản đã xây dựng lên chế độ sản xuất và chiếm hữu của nó. Trước hết, giai cấp tư sản tạo ra những người đào huyệt chôn chính mình. Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản cũng đều không thể tránh được.

...

Quan hệ giữa những người cộng sản với toàn thể những người vô sản như thế nào!

Những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác.

Họ không có lợi ích nào tách họ khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.

Họ không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt để hòng khuôn phong trào công nhân theo những nguyên tắc ấy.

Những người cộng sản chỉ khác với các đảng công nhân khác về hai điểm:

1. Trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ coi trọng và bảo vệ những lợi ích chung và không phân biệt dân tộc trong toàn thể giai cấp vô sản.

2. Trong các giai đoạn đấu tranh khác nhau giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn là đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào.

Như vậy, về thực tiễn, những người cộng sản là bộ phận kiên quyết nhất trong các đảng công nhân ở tất cả các nước, là bộ phận lôi cuốn tất cả những bộ phận khác: về lý luận, họ hơn bộ phận còn lại của giai cấp vô sản ở chỗ họ có một nhận thức sáng suốt về điều kiện, bước tiến và kết quả chung của phong trào vô sản.

Mục đích trước mắt của những người cộng sản cũng giống như của tất cả các đảng công nhân là: đoàn kết những người vô sản thành giai cấp, lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền.

Những quan điểm lý luận của những người cộng sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh ra hay tìm thấy.

Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những điều kiện thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một phong trào lịch sử tự nó đang diễn ra trước mắt chúng ta. Việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã có từ trước đến nay không phải là đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản.

Chế độ sở hữu đã trải qua những thay đổi liên tiếp, những cải biến liên tiếp trong lịch sử.

Cách mạng Pháp chẳng hạn, đã xóa bỏ chế độ sở hữu phong kiến, đem chế độ sở hữu tư sản thay thế vào.

Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản.

Nhưng chế độ tư hữu hiện thời, chế độ sở hữu tư sản, lại là biểu hiện cuối cùng hoàn bị nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên những đối kháng giai cấp, trên sự bóc lột của những người này đối với những người khác.

Theo nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình trong công thức duy nhất này là: *xóa bỏ chế độ tư hữu*.

...

Những lời buộc tội nhằm phản đối phương thức cộng sản chủ nghĩa về sản xuất và chiếm hữu sản phẩm vật chất, cũng là nhằm phản đối sự sản xuất và sự chiếm hữu những sản phẩm về tinh thần. Nếu đối với người tư sản, sở hữu giai cấp mất đi có nghĩa là tất cả mọi sản xuất đều mất đi, thì văn hóa giai cấp mất đi, đối với họ, cũng có nghĩa là tất cả văn hóa đều mất đi.

Cái văn hóa mà người tư sản than khóc sự bị tiêu diệt đó, thì đối với tuyệt đại đa số, chỉ là việc rèn luyện họ thành những cái máy mà thôi.

Nhưng ích gì mà gây chuyện với chúng tôi, nếu các ông lấy tiêu chuẩn những quan niệm tư sản của các ông về tự do, về văn hóa, về luật pháp, v.v. ra để áp dụng vào việc xóa bỏ sở hữu tư sản. Chính những tư tưởng của các ông cũng là con đẻ của chế độ sản xuất và sở hữu tư sản, cũng như pháp quyền của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật pháp, cái ý chí mà nội dung là do những điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định.

...

Xóa bỏ gia đình! Ngay những kẻ cấp tiến nhất cũng phần nộ về cái ý định xấu xa ấy của những người cộng sản.

Gia đình tư sản hiện nay dựa trên cơ sở nào? Dựa trên tư bản, trên lợi nhuận cá nhân, hình thái gia đình phát triển đầy đủ thì chỉ tồn tại đối với giai cấp tư sản; nhưng nó lại kèm theo sự bắt buộc thủ tiêu mọi gia đình đối với người vô sản và kèm theo nạn mãi dâm công khai.

Gia đình tư sản dĩ nhiên sẽ tiêu tan cùng với cái kèm theo nó, và cả hai cái đó đều mất đi cùng với tư bản.

Phải chăng các ông trách chúng tôi là muốn xóa bỏ sự bóc lột của cha mẹ đối với con cái? Tội ác ấy, chúng tôi xin chịu.

Nhưng các ông lại bảo rằng chúng tôi đem

giáo dục xã hội thay cho giáo dục gia đình, thế là chúng tôi đã đập tan mất mối liên hệ thân thiết nhất.

Thế thì việc giáo dục của các ông, chẳng phải cũng do xã hội quyết định là gì? Chẳng phải do điều kiện xã hội trong đó các ông nuôi con cái các ông, do sự can thiệp trực tiếp hay không trực tiếp của xã hội, do nhà trường v.v. quyết định là gì? Người cộng sản không bịa đặt ra việc xã hội tác động vào giáo dục; họ chỉ thay đổi tính chất của sự tác động ấy và kéo giáo dục ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp thống trị mà thôi.

Đại công nghiệp càng phá hủy mọi liên hệ gia đình đối với người vô sản và càng biến các trẻ em thành ra chỉ là những món hàng mua bán, chỉ là những công cụ lao động, thì những lời huênh hoang của giai cấp tư sản về gia đình và giáo dục, về những mối liên hệ êm đềm gắn bó con cái với cha mẹ, lại càng trở thành ghê tởm.

Nhưng toàn thể giai cấp tư sản đều đồng thanh tru tréo lên rằng: «Bọn cộng sản các anh, các anh muốn thực hành chế độ cộng thể!»

Đối với người tư sản, vợ hán chẳng qua chỉ là một công cụ sản xuất. Nghe nói các công cụ sản xuất phải để sử dụng chung thì tự nhiên hán kết luận rằng chính những người đàn

bà rồi cũng phải chịu cái số phận chung của xã hội hóa.

Hắn không ngờ rằng vấn đề ở đây chính là kéo người đàn bà ra khỏi vai trò hiện nay của họ là: chỉ làm một công cụ sản xuất.

Vả lại, không có gì lỗi bịch bằng sự ghê tởm quá ư đạo đức mà những nhà tư sản của chúng ta đã tỏ ra đối với cái gọi là cộng thể chính thức mà tựa hồ những người cộng sản sẽ chủ trương. Những người cộng sản không cần phải du nhập chế độ cộng thể đâu: chế độ ấy hầu như luôn luôn vẫn có rồi.

Các ngài tư sản của chúng ta đã sẵn có vợ và con gái của những người vô sản, đó là chưa kể chế độ mãi dâm công khai nhưng các ngài ấy vẫn chưa lấy làm vừa lòng, các ngài ấy còn cấm sừng lẫn nhau để làm một thú vui đặc biệt.

Hôn nhân của giai cấp tư sản thật ra là chế độ cộng thể. Quá lắm nữa thì người ta cũng chỉ có thể buộc cho những người cộng sản là muốn đem một chế độ cộng thể công khai và chính thức thay cho chế độ cộng thể che đậy một cách giả dối mà thôi. Nhưng với sự xóa bỏ chế độ sản xuất hiện tại, thì dĩ nhiên là chế độ cộng thể do chế độ sản xuất ấy mà ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức, cũng sẽ biến đi.

...
Còn những lời buộc tội chủ nghĩa cộng sản về phương diện tôn giáo, triết học và nói chung là về phương diện ý thức tư tưởng thì không đáng phải xét kỹ.

Có cần gì phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của người ta, tóm lại là ý thức của người ta, cũng đều thay đổi theo mọi thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của người ta.

Lịch sử tư tưởng chứng minh gì, nếu không phải là chứng minh rằng sự sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sự sản xuất vật chất? Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị.

Khi người ta nói đến những tư tưởng đang cách mạng cả một xã hội, là người ta chỉ nêu ra sự thật này, tức là: trong lòng xã hội cũ, đã hình thành những yêu tố của một xã hội mới và sự tan rã của những tư tưởng đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh hoạt cũ.

Khi thế giới cổ đại đương suy tàn thì những tôn giáo cũ bị đạo cơ đốc đánh bại. Vào thế kỷ XVIII, khi tư tưởng đạo cơ đốc nhường chỗ cho những tư tưởng tiên bộ, thì xã hội phong kiến đương giao chiến trận cuối cùng với giai cấp tư sản, lúc bấy giờ giai cấp này là giai cấp

cách mạng. Nhưng tư tưởng về tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo chẳng qua chỉ nói lên thời kỳ thống trị của cạnh tranh tự do trong lĩnh vực tri thức mà thôi.

Có người sẽ bảo: «Cổ nhiên là những quan niệm tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền v.v.. đã biến đổi trong tiến trình phát triển lịch sử. Nhưng tôn giáo, đạo đức, triết học, chính trị, pháp quyền, vẫn luôn luôn được duy trì qua những biến đổi ấy.

Vả lại, còn có những chân lý vĩnh cửu như tự do, công lý v.v., chung cho tất cả mọi chế độ xã hội. Thế mà chủ nghĩa cộng sản lại xóa bỏ chân lý vĩnh cửu, xóa bỏ tôn giáo, và đạo đức chứ không phải là đổi mới hình thức của những cái đó, làm như thế là trái ngược với tất cả sự phát triển lịch sử trước kia».

Lời buộc tội ấy rút cục là gì? Lịch sử mọi xã hội từ trước đến nay đều diễn ra trong những đôi kháng giai cấp, những đôi kháng ấy tùy từng thời đại mà mang những hình thức khác nhau.

Nhưng dù những đôi kháng ấy mang hình thức nào đi nữa, thì việc một bộ phận này của xã hội đi bóc lột một bộ phận khác cũng vẫn là một hiện tượng chung cho tất cả các thế kỷ trước kia. Vậy thì, không lấy gì làm lạ nếu ý thức xã hội của mọi thế kỷ, mặc dầu biểu hiện ra hết sức phức tạp và muôn màu muôn

về, vẫn vận động trong một số hình thái chung nào đó—những hình thái ý thức này chỉ hoàn toàn tiêu tan khi đối kháng giữa các giai cấp đã mất hẳn.

Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền; không có gì là lạ nếu trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền.

Nhưng hãy xếp lại đó những lời của giai cấp tư sản phản đối chủ nghĩa cộng sản.

Như chúng ta đã thấy trên kia, giai đoạn thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản phải thành giai cấp thống trị, là phải giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng ưu thế chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản của giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay Nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng số lượng những lực lượng sản xuất lên hết sức nhanh.

Cô nhiên, điều đó lúc đầu chỉ có thể thực hiện được bằng cách dùng bạo lực chuyên chế đối với quyền sở hữu và chế độ sản xuất tư bản, nghĩa là dùng những biện pháp mà về mặt kinh tế hình như thiêu sót và không vững, nhưng trong tiến trình cuộc vận động, những

biện pháp ấy sẽ vượt quá phạm vi của bản thân mình và là thủ đoạn không thể thiếu để đảo lộn toàn bộ phương thức sản xuất.

Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều.

Nhưng, đối với những nước tiên tiến nhất, thì những biện pháp sau đây sẽ có thể được áp dụng khá phổ biến:

...

4. Tịch thu tài sản của tất cả những kẻ trốn ra nước ngoài và của tất cả những kẻ phiến loạn.

5. Tập trung tín dụng vào tay Nhà nước, bằng một Ngân hàng quốc gia, vốn của Ngân hàng này sẽ thuộc về Nhà nước và Ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn.

6. Tập trung tất cả các phương tiện giao thông vào trong tay Nhà nước.

7. Tăng thêm số công xưởng quốc dân và công cụ sản xuất; vỡ đất hoang và cải tạo chất đất theo một kế hoạch chung.

8. Thực hành nghĩa vụ lao động với tất cả mọi người; tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là cho nông nghiệp.

9. Kết hợp lao động nông nghiệp với lao động công nghiệp; thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự phân biệt giữa thành thị và nông thôn.

10. Giáo dục công cộng và không mất tiền

cho tất cả các trẻ em; xóa bỏ việc dùng trẻ em làm trong các công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sự sản xuất vật chất v.v..

...

Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, thì một thể liên hiệp xuất hiện, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

...

Những người cộng sản chiến đấu cho những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân; nhưng đồng thời trong cuộc vận động hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của cuộc vận động.

...

Không giờ phút nào Đảng cộng sản lại sao nhãng việc gây cho công nhân một ý thức sáng suốt và rõ rệt về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, để lúc cần đến, thì công nhân Đức biết đòi bao nhiêu điều kiện chính trị và xã hội, do chế độ tư sản tạo ra, thành bấy nhiêu vũ khí chống lại giai cấp tư sản, để ngay sau khi tiêu diệt xong những giai cấp phản động ở Đức, thì có thể tiến hành đấu tranh chống lại chính ngay giai cấp tư sản.

...

Những người cộng sản cho rằng giàu gièm những ý kiến và dự định của mình là hèn hạ.

Họ công khai và tuyên bố rằng mục đích của họ chỉ có thể đạt được bằng cách dùng bạo lực lật đổ tất cả trật tự xã hội hiện có. Mặc cho giai cấp thống trị run sợ khi nghĩ đến một cuộc cách mạng cộng sản! Trong cuộc cách mạng này, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Trong cuộc cách mạng này, họ giành được cả một thế giới về mình.

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

Viết từ tháng Chạp
1847 - tháng Giêng 1848

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 430 - 436, 437, 438, 440 - 443, 443 - 444, 445 - 446, 446 - 447, 458, 459

**LỜI KÊU GỌI
CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG GỬI ĐỒNG MINH
NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN**

(Tháng Ba 1850)

Thưa anh chị em! Trong suốt cả hai năm cách mạng 1848 và 1849, Đồng minh những người cộng sản đã được thử thách về hai mặt:

một là khắp nơi các thành viên của Đồng minh đều hăng hái tham gia phong trào, không kể là trên báo chí, tại các chiến lũy, trên chiến trường, ở đâu họ cũng đều đứng hàng đầu giai cấp vô sản, giai cấp duy nhất có tinh thần kiên quyết cách mạng. Sau đó, Đồng minh đã được thử thách, theo ý nghĩa là quan điểm của Đồng minh đối với phong trào, như đã được trình bày trong các thông cáo của các cuộc Đại hội và của Ban chấp hành Trung ương năm 1847 và trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, đều tỏ ra là những quan điểm duy nhất đúng, và những điều dự đoán nêu lên trong những văn kiện đó cũng đã hoàn toàn được chứng thực, và quan điểm đối với tình hình xã hội hiện đại — mà trước kia Đồng minh chỉ tuyên truyền một cách bí mật — thì bây giờ đều được mọi người nói tới và được tuyên truyền công khai tại các quảng trường.

...

Tính độc lập của công nhân cần phải được khôi phục. Ban chấp hành trung ương đã hiểu rõ sự cần thiết đó và vì vậy ngay từ mùa đông năm 1848 — 1849, Ban chấp hành Trung ương đã cử phái viên là Giô-dép Môn sang Đức để cải tổ Đồng minh. Nhưng sứ mệnh của Môn đã không gây được ảnh hưởng vững chắc, một phần là do công nhân Đức hồi đó chưa có đầy đủ kinh nghiệm, một phần nữa

là do sứ mệnh đó bị bỏ dở vì cuộc khởi nghĩa tháng Năm năm ngoài làm gián đoạn. Bản thân Môn thì đã cầm vũ khí tham gia quân đội Ba-đen Pơ-phan-xơ và ngày 19 tháng Bảy đã hy sinh trong chiến dịch gần Muốc-gơ. Môn mất đi, Đồng minh mất một trong những thành viên lão luyện nhất, tích cực nhất và đáng tin cậy nhất đã từng tham gia tất cả các cuộc Đại hội và tham gia Ban chấp hành Trung ương và trước kia đã nhiều lần thực hiện có kết quả tốt nhiệm vụ công tác. Sau khi các chính đảng cách mạng Đức và Pháp bị thất bại vào tháng Bảy 1849, hầu hết các Ủy viên Ban chấp hành Trung ương đều lại đã đến họp hội nghị ở Luân-đôn để bổ sung thành phần của mình bằng những lực lượng cách mạng mới và lại hăng hái bắt tay vào việc cải tổ Đồng minh.

Chỉ có cử ra một phái viên chuyên trách thì mới có thể thực hiện được việc cải tổ Đồng minh, vì vậy Ban chấp hành Trung ương cho rằng cử phái viên đi ngay vào lúc này là một điều hết sức cần thiết, bởi vì nay là lúc mà một cuộc cách mạng mới sắp nổ ra, do đó Đảng công nhân cần phải hành động một cách hết sức có tổ chức, hết sức nhất trí và hết sức chủ động mới không bị giai cấp tư sản lợi dụng và mới khởi theo đuôi giai cấp tư sản như năm 1848.

Đối với công nhân thì không nghi ngờ gì cả, trước hết công nhân vẫn phải là công nhân làm thuê như trước, nhưng đồng thời bọn tiểu tư sản dân chủ đó muốn rằng công nhân được hưởng tiền công khá hơn và được sống bảo đảm hơn; họ hy vọng đạt được cái đó bằng cách Nhà nước bảo đảm công ăn việc làm, một phần bằng những biện pháp cứu tế từ thiện, — tóm lại, họ hy vọng mua chuộc công nhân bằng những khoản bồi thí ít nhiều được che giấu và đè bẹp lực lượng cách mạng của công nhân bằng cách tạm thời cải thiện điều kiện sinh hoạt của họ. Không phải là tất cả các phái trong Đảng dân chủ tiểu tư sản đều chủ trương tất cả những yêu sách nêu ra trên đây, mà chỉ có một số ít đảng viên dân chủ tiểu tư sản tự coi mình có nhiệm vụ đấu tranh để thực hiện toàn bộ những yêu sách đó. Những nhân vật cá biệt và những phái trong Đảng dân chủ tiểu tư sản càng tiến xa hơn thì họ càng biên những yêu sách đó thành những yêu sách riêng của họ, còn một số ít người thì coi những yêu sách đã trình bày trên đây là cương lĩnh của bản thân mình, có lẽ là họ có thể nghĩ rằng đó là mức tối đa mà nói chung có thể chờ đợi cách mạng đem lại. Nhưng vô luận như thế nào thì những yêu sách đó cũng không thể làm thỏa mãn

được Đảng của giai cấp vô sản. Những người dân chủ tiểu tư sản nhiều lắm cũng chỉ là muốn thực hiện những yêu sách đó mà thôi, cho nên tìm cách kết thúc cuộc cách mạng càng sớm càng hay, thế nhưng lợi ích của chúng ta và nhiệm vụ của chúng ta lại là làm cho cách mạng trở thành cách mạng không ngừng cho tới khi tất cả các giai cấp hữu sản lớn hay nhỏ bị gạt ra khỏi địa vị thống trị, cho tới khi giai cấp vô sản giành được chính quyền Nhà nước, cho tới khi sự liên hiệp của những người vô sản không những ở trong một nước mà cả ở trong tất cả các nước chiếm địa vị thống trị trên thế giới đều phát triển đến mức khiến sự cạnh tranh giữa những người vô sản trong các nước ấy chấm dứt và ít ra là lực lượng sản xuất có tính chất quyết định đã được tập trung vào tay những người vô sản. Đối với chúng ta, vấn đề không phải là cải biến chế độ tư hữu, mà là thủ tiêu chế độ tư hữu, không phải là che giấu mâu thuẫn giai cấp, mà là tiêu diệt giai cấp, không phải là cải lương xã hội hiện tại mà là xây dựng một xã hội mới.

...

Mọi người đều hiểu rằng trong các cuộc xung đột đẫm máu sắp tới, cũng như trong tất cả các vụ xung đột trước kia, chủ yếu là công nhân phải dựa vào sự dũng cảm, quyết tâm và tinh thần hy sinh của mình để giành

thắng lợi. Cũng như trước kia, trong cuộc đấu tranh đó, quần chúng tiểu tư sản sẽ tìm mọi cơ hội để dây dưa được chừng nào hay chừng đó và sẽ tỏ thái độ do dự và thụ động để rồi một khi giành được thắng lợi, thì sẽ lợi dụng thắng lợi đó để mưu cầu lợi ích riêng cho mình, kêu gọi công nhân phải bình tĩnh và trở về với lao động, để phòng cái gọi là những hành động quá khích và cướp lấy món quả thực thắng lợi của giai cấp vô sản. Công nhân không đủ sức ngăn cản các đảng viên dân chủ tiểu tư sản làm việc đó, nhưng công nhân có đủ sức làm cho các đảng viên dân chủ tiểu tư sản khó vượt lên trên giai cấp vô sản đã được vũ trang và buộc các đảng viên đó phải tiếp thụ những điều kiện trong đó ngay từ đầu sự thống trị của những người dân chủ tư sản sẽ chứa đựng sẵn trong bản thân nó mầm mống diệt vong và việc giai cấp vô sản sau này dùng quyền lực để đạt sự thống trị đó sẽ dễ dàng hơn nhiều. Trong thời kỳ xảy ra xung đột và sau khi cuộc đấu tranh vừa kết thúc, công nhân trước hết cần phải tận dụng khả năng để ngăn cản mưu đồ chiêu an của giai cấp tư sản và buộc các đảng viên dân chủ phải thực hành những lời lẽ khùng bô hiện nay của họ. Công nhân cần phải cố gắng làm cho nhiệt tình cách mạng không trực tiếp đi đến chỗ lại bị nén xuống một lần nữa sau khi vừa mới

thắng lợi. Trái lại, họ cần phải tìm mọi cách giữ vững nhiệt tình cách mạng đó. Công nhân không những không nên phản đối cái gọi là những hành động quá khích, không nên phản đối hành động trả thù của nhân dân chống lại những nhân vật đáng ghét và những cơ quan chính thức có dính dáng với những việc cũ đáng ghét; họ không những cần phải dung thứ những hành động đó, mà còn có trách nhiệm lãnh đạo hành động đó.

...

Muốn kiên quyết và nghiêm khắc phản đối cái chính đảng bắt đầu phản bội công nhân ngay từ giờ phút đầu sau khi thắng lợi, thì công nhân cần phải được vũ trang và tổ chức lại. Cần phải lập tức trang bị súng trường, các-bin, đại bác và đạn dược cho toàn thể giai cấp vô sản; cần phải chống lại việc phục hồi đội dân vệ cũ chuyên môn dùng để chống lại công nhân. Ở nơi nào xét ra không thể tiến hành việc đó được, thì công nhân cần phải tìm cách tổ chức lại thành những đội tự vệ vô sản độc lập, cùng với những người chỉ huy và bộ tổng tham mưu riêng do chính mình cử ra, và không phục tùng mệnh lệnh của chính quyền Nhà nước, mà chỉ phục tùng mệnh lệnh của những Hội đồng đại biểu cách mạng địa phương do công nhân lập nên. Ở những nơi nào công nhân làm việc tại các xí nghiệp

Nhà nước, thì họ cần phải kiếm cho được vũ khí và tổ chức lại thành những quân đoàn độc lập với những người chỉ huy do chính họ bầu ra hoặc là tổ chức thành một đơn vị tự vệ vô sản. Vô luận như thế nào, họ cũng không thể đem nộp vũ khí và đạn dược; trong trường hợp cần thiết, phải vũ trang chống lại mọi mưu mô giải trừ vũ trang của công nhân.

...

Muốn giành lấy thắng lợi cuối cùng cho mình, họ cần phải trước hết tự mình cố gắng: họ cần phải nhận thức được lợi ích giai cấp của mình, cần phải càng sớm càng hay giữ được lập trường Đảng độc lập của mình và không một phút nào để cho những người tiểu tư sản dân chủ dùng những lời lẽ giả dối để đẩy họ đi chệch con đường tổ chức độc lập của Đảng vô sản. Khẩu hiệu chiến đấu của họ phải là: «Cách mạng không ngừng».

Luân-đôn, tháng Ba
1850

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 257, 258, 260 - 261, 262 - 263, 263 - 264, 267

CÁC MÁC

NHỮNG Ý NGHĨ CỦA MỘT THANH NIÊN KHI CHỌN NGHỀ³

Đối với con vật, tạo hóa đã qui định phạm vi mà trong đó bản thân nó phải vận động, và nó yên tâm làm như vậy, không cố gắng vượt ra ngoài phạm vi của tự nhiên, thậm chí cũng không hề hay biết rằng còn có những phạm vi khác.

... Con người, khác với con vật, hành động một cách tự do. Sự tự do của con người biểu hiện rõ nhất ở việc chọn nghề.

Khả năng lựa chọn này là ưu thế to lớn của con người so với những sinh vật khác của thế giới, nhưng đồng thời sự lựa chọn này là hành động có thể phá hoại toàn bộ cuộc đời của con người, làm hỏng mọi kế hoạch của họ và biến họ thành kẻ bất hạnh. Vì vậy, thái độ cân nhắc thận trọng trong việc chọn nghề là trách nhiệm hàng đầu của một thanh niên khi bắt đầu con đường đời của mình và không muốn phó thác những việc

làm quan trọng nhất của mình cho sự ngẫu nhiên.

... Không phải bao giờ chúng ta cũng có thể chọn được nghề mà chúng ta mong muốn: các quan hệ xã hội đối với chúng ta đã bắt đầu được xác định ở chừng mực nào đó ngay từ trước khi chúng ta có thể có tác dụng quyết định đối với các quan hệ đó.

... Phẩm chất là cái đề cao con người hơn cả, là cái truyền thêm cho hoạt động của họ, cho tất cả những khát vọng của họ một giá trị cao thượng nhất... Chúng ta phải chọn nghề nào mà trong đó chúng ta không phải là những công cụ nô lệ, mà độc lập sáng tạo trong phạm vi của mình.

... Những sự nghiệp vĩ đại và đẹp đẽ chỉ có thể phát sinh từ sự điềm đặn, nó là mảnh đất duy nhất trên đó có thể mọc lên những trái thơm quả ngọt... Không hấp tấp, không vội vàng, phải bình tĩnh sáng suốt, chỉ có như vậy mới thực hiện được trên thế gian này tất cả những gì có thể để lại dấu vết đời đời cho mai sau... Và đó là điều chủ yếu nhất. Chớ băn khoăn về hạnh phúc riêng tư, cá nhân, vị kỷ, về thành công chốc lát. Tất nhiên cần phải biết những khả năng của mình, chú ý đến những năng lực của mình, nhưng chỉ

cốt để hành động vì hạnh phúc của tất cả mọi người.

... Những nghề không đi sâu vào cuộc sống, mà chỉ chú ý đến những chân lý trừu tượng là những nghề nguy hiểm nhất đối với một thanh niên chưa có được những nguyên lý chắc chắn, những niềm tin vững vàng và không gì lay chuyển nổi.

Nếu con người làm việc chỉ vì bản thân mình thì may ra có thể trở thành một nhà bác học nổi tiếng, một nhà thông thái vĩ đại, một nhà thơ ưu tú, nhưng không bao giờ có thể thành một con người thực sự hoàn thiện và vĩ đại.

... Lịch sử thừa nhận những vĩ nhân là những người làm việc cho mục đích chung, và do đó mà bản thân họ cũng trở nên cao thượng hơn; kinh nghiệm cho thấy rằng người nào đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất thì người đó là kẻ hạnh phúc nhất.

... Nếu ta chọn một nghề trong đó ta có thể làm việc được nhiều hơn cho nhân loại, thì ta sẽ không còng lưng dưới gánh nặng của nó, bởi vì đó là sự hy sinh vì mọi người; khi đó ta cảm thấy một niềm vui không phải là tội nghiệp, thiên cận, ích kỷ, mà hạnh phúc của chúng ta sẽ thuộc về hàng triệu người,

những việc làm của ta sẽ sống một cuộc sống âm thầm, nhưng mãi mãi có hiệu quả, và trên thi hài của chúng ta, sẽ nhỏ xuống những giọt nước mắt nóng bỏng của những con người cao quý.

Mác viết vào nửa đầu
tháng Tám 1835

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 40, tr. 3,
5, 6, 7

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN CỦA HỘI NGHỊ DÂN BIỂU KHÓA 6 CỦA TỈNH RANH⁴

(*Bài thứ nhất*)

NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ TỰ DO BÁO CHÍ VÀ VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÁC BIÊN BẢN CỦA HỘI NGHỊ CÁC ĐẢNG CẤP

... Khi nói về mình, *trẻ em* thường nói tên mình ra để thay cho tiếng «tôi»: «Ghê-oóc», v.v..

...
Mọi người đều biết rằng, hoạt động lý luận đầu tiên của lý trí đang dao động giữa cảm tính và tư duy là việc đếm. Đếm là

hành vi lý luận tự do đầu tiên của lý trí của đứa trẻ.

... *Thông kê* là khoa học chính trị đầu tiên! Tôi sẽ nhận thức được cái đầu của một con người, nếu như tôi biết có bao nhiêu sợi tóc trên đó.

Anh mong muốn những người khác đối xử với anh như thế nào thì anh hãy đối xử với họ như thế ấy.

...

Không gian là cái đầu tiên gây ấn tượng mạnh mẽ đối với đứa bé do đại lượng của nó. Đó là đại lượng đầu tiên mà *đứa bé* gặp phải trong thế giới. Vì vậy, đứa bé coi một người cao lớn là một đại nhân.

... Các trẻ em có phẩm hạnh tốt, các em hãy nhớ rằng đây đang nói đến những điều «thông thái». Vì vậy, các em hãy nghiên cứu trước hết là những cuốn sách, những tờ báo, vì khuôn khổ nhẹ nhàng của chúng, và các em sẽ cũng yêu mến chúng, vì sự dễ dàng trần tục của chúng, đó là những cái có một tác động quả thật mát mẻ hơn những cuốn sách dày cộp.

...

Tuy nhiên, nếu như tư duy lý luận của *đứa bé* có tính chất số lượng, thì sự phán đoán của đứa bé, cũng như tư duy thực tiễn của nó, trước hết có tính chất cảm giác—thực

tiền. Bản chất cảm tính của cơ thể đứa bé—đó là mối liên hệ đầu tiên kết hợp nó với thế giới. *Những cảm quan thực tiễn*, chủ yếu là mũi và miệng, là những cơ quan đầu tiên mà đứa bé dùng để đánh giá thế giới.

...

Lẽ dĩ nhiên, trẻ em không đi quá cái *nhận thực cảm tính*, nó chỉ thấy cái riêng mà không ngờ tới sự tồn tại của những sợi dây thần kinh vô hình nối liền cái riêng đó với cái chung, những sợi dây này ở trong quốc gia cũng như ở khắp mọi nơi, đang biến những bộ phận vật chất thành những thành viên sống của một tổng thể có linh hồn. Trẻ em tin rằng mặt trời quay xung quanh trái đất, cái chung quay xung quanh cái riêng. Vì vậy, trẻ em không tin vào *tinh thần*, nhưng lại tin vào *ma quỷ*.

...

Tất cả những gì đang phát triển, đều là chưa hoàn thiện. Sự phát triển chỉ chấm dứt với cái chết. Như vậy thì giết chết con người để giải thoát cho con người khỏi cái tình trạng không hoàn thiện ấy, hẳn là rất triệt để. Chỉ ít, diễn giả cũng suy luận như vậy, khi mong muốn giết chết tự do báo chí. Đối với ông ta,

sự giáo dục thật sự là bắt con người suốt đời nằm trong tã lót,—bởi vì, khi con người tập đi, con người cũng tập ngã, và chỉ có ngã, con người mới tập đi được. Nhưng nếu như tất cả chúng ta đều nằm trong tã lót thì ai sẽ quần tã lót cho chúng ta! Nếu như tất cả chúng ta vẫn nằm trong nôi, thì ai sẽ là người đưa nôi cho chúng ta!.

Sự không hoàn thiện cần đến sự giáo dục. Nhưng phải chăng giáo dục không phải là một công việc của loài người, do đó là một công việc không hoàn thiện! Phải chăng bản thân sự giáo dục cũng không cần đến sự giáo dục?

... Nhưng, nếu giả định rằng, tất cả những gì của con người, chỉ do chỗ *nó tồn tại nên đều* không hoàn thiện, thì phải chăng từ đó cần phải kết luận rằng chúng ta cần phải nhập cục tất cả thành một, cần phải tôn trọng tất cả thiện và ác, thật và giả, với một mức như nhau? Kết luận duy nhất đúng được rút ra từ đó là như sau: tựa như khi xem một bức tranh, cần phải từ bỏ cái vị trí mà từ đó, trên bức tranh chỉ nhìn thấy những chấm lốm đốm chứ không phải là màu sắc, chỉ nhìn thấy những đường nét lồng vào nhau một cách lộn xộn, chứ không phải là hình vẽ,—khi xem xét thế giới và những quan hệ của loài người

cũng vậy, cần phải từ bỏ cái quan điểm mà từ đó chỉ nhìn thấy bề ngoài của chúng. Cần phải thừa nhận rằng quan điểm này là không thích dụng cho việc phán đoán giá trị của sự vật—cái quan điểm về thế giới đang quy thành một quan niệm nhạt nhẽo cho rằng mọi cái tồn tại đều là không hoàn thiện, quan điểm đó liệu có thể dùng làm cơ sở cho tôi phán đoán và phân biệt một cách đúng đắn được không? Quan điểm này là cái không hoàn thiện nhất trong tất cả những cái không hoàn thiện mà nó toàn nhìn thấy ở quanh mình. Vì thế, chúng ta cần đánh giá sự tồn tại của các sự vật bằng cái thước đo mà bản chất của tư tưởng nội tại đem lại, còn việc viện vào kinh nghiệm phiên diện và tầm thường thì lại càng dẫn chúng ta tới chỗ lầm lạc, bởi vì mọi quan điểm như vậy, mọi kinh nghiệm, mọi phán đoán đều không còn nữa: con mèo nào cũng hóa thành xám cả.

Do C. Mác viết vào
tháng Tư 1842

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 1, tr. 30, 31, 32, 33, 34, 53, 54

XÃ LUẬN BÁO
«KÖLNISCHE ZEITUNG»
SỐ 179⁵

... Nhà triết học quốc gia đạo Cơ-đốc vĩ đại của chúng ta không có khái niệm «cao» về Nhà nước, điều đó đã rõ ràng.

«Vì các quốc gia của chúng ta không chỉ là những *tổ chức pháp quyền*, mà đồng thời còn là những *cơ quan giáo dục* thật sự, chỉ có điều là những cơ quan này mở rộng sự chăm lo của mình tới một nhóm người *rộng lớn hơn* là các cơ quan được chỉ định làm nhiệm vụ giáo dục thanh niên, v.v.» cho nên «toàn bộ sự giáo dục xã hội của chúng ta» đều dựa trên «*cơ sở đạo Cơ-đốc*».

Việc giáo dục thanh niên học sinh của chúng ta cũng dựa vào một mức độ như vậy trên sách vở của các tác giả cổ điển, cổ đại và các bộ môn khoa học nói chung, cũng như dựa trên cuốn văn đáp về giáo lý.

Theo H. (tức Héc-mét. — BT.), nhà nước khác với nhà trẻ, không phải do nội dung những nhiệm vụ của mình, mà chỉ do qui mô của mình, — sự «chăm lo» của nhà nước được mở rộng tới một nhóm người rộng lớn hơn.

Thực ra thì «vai trò giáo dục xã hội» chân chính của nhà nước bao hàm ở sự tồn tại hợp

lý trí và xã hội của nó. Bản thân nhà nước giáo dục các thành viên của mình bằng cách làm cho họ trở thành những thành viên của nhà nước, bằng cách biến những mục đích riêng thành mục đích chung, biến bản năng thô lỗ thành những khuynh hướng đạo đức, biến tính độc lập tự nhiên thành sự tự do tinh thần; bằng cách là từng cá nhân hòa vào cuộc sống của tổng thể, còn tổng thể thì tìm thấy sự phản ánh của mình trong ý thức của mỗi cá nhân.

Ngược lại, bài xã luận lại hiểu nhà nước không phải là khối liên minh của những con người tự do, giáo dục lẫn nhau, mà là một đám đông những người lớn, nhằm được giáo dục từ bên trên và chuyển từ một lớp học «chật hẹp» sang một lớp học «rộng rãi hơn».

Ở đây, học thuyết giáo dục và bảo trợ được tiến hành bởi một người bạn của tự do báo chí, vì yêu cô gái đẹp ấy mà nêu ra «những sự sơ xuất của kiểm duyệt», ông bạn này, ở một nơi thích hợp, sẽ biết mô tả được «trình độ hiểu biết của quần chúng đông đảo» (phải chăng là vì trình độ hiểu biết đó của quần chúng đông đảo gần đây đã trở thành điều đáng nghi vấn đối với báo «Kölnische Zeitung», đến mức là quần chúng thôi không đánh giá cao những phẩm chất cao quý của «tờ báo phi triết học»

đó?), cố làm cho các nhà khoa học tin rằng cần phải nói những quan điểm này trên sân khấu, còn những quan điểm khác thì nói sau hậu trường!

Do C. Mác viết vào
khoảng thời gian giữa
29 tháng Sáu và 4 tháng
Bảy 1842

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 1, tr. 103

NHỮNG NHẬN XÉT PHÊ PHÁN VỀ BÀI BÁO CỦA «MỘT NGƯỜI PHỔ» «VUA PHỔ VÀ CẢI CÁCH XÃ HỘI»⁶

...Biểu hiện rõ ràng nhất của những quan điểm Anh về nạn bần cùng—chúng tôi vẫn đang nói đến những quan điểm của giai cấp tư sản và chính phủ Anh—là khoa *kinh tế chính trị Anh*, tức là sự phản ánh những điều kiện kinh tế nước Anh vào khoa học.

Mác-cu-lôc,—một trong những nhà kinh tế học Anh ưu tú nhất và nổi tiếng nhất, am hiểu tình hình sự việc hiện nay và do đó, ắt phải có một quan điểm chung nào đó về sự vận động của xã hội tư sản, đồ đệ của Ri-các-

đô vô liêm sỉ, — ngay hiện nay, trong một buổi diễn giảng công khai, — và lại được công chúng tán thưởng, — vẫn dám vận dụng vào khoa kinh tế chính trị điều mà *Bê-con* nói về triết học:

«Một người với sự khôn ngoan thật sự và không mệt mỏi, chưa vội kết luận dứt khoát, cứ tiến dần lên phía trước, vượt hết chướng ngại này đến chướng ngại khác, những chướng ngại này tựa như những ngọn núi ngăn cản tiến trình nghiên cứu khoa học, — một con người như thế với thời gian sẽ đạt tới đỉnh cao của khoa học, nơi có thể khoan khoái hưởng thụ sự yên tĩnh và không khí trong lành, nơi mà thiên nhiên mở ra trước tầm mắt ta toàn bộ vẻ đẹp của nó và từ đó, theo lối dộc thoai thoải thuận tiện, có thể tụt xuống tận những chi tiết nhỏ nhất của thực tiễn».

Còn phải nói gì nữa, cái *không khí trong lành* ấy mới tốt làm sao: cái bầu không khí dịch bệnh của những căn nhà hầm ở Anh! Cái *vẻ đẹp này của thiên nhiên* mới tuyệt diệu làm sao: những bộ quần áo rách mướp kỳ lạ của dân nghèo Anh; thân hình răn rúm, cần cỗi của những người phụ nữ kiệt quệ vì lao động và đói khổ; những đứa trẻ bê bết trong bùn; những thân hình quái dị do lao động cơ khí đơn điệu, quá sức tại công xưởng sinh ra!

Anh, làm lung lay sự tin cậy lẫn nhau giữa những nhà kinh doanh, làm suy yếu những cơ sở chính trị và xã hội».

Sự dẫn độ của giai cấp tư sản Anh và báo chí của nó trong vấn đề tình trạng bản cùng, cái bệnh dịch toàn quốc này của nước Anh, lớn đến *Những chi tiết nhỏ nhất nhất ấy của thực tiễn* mới mê li làm sao: mãi dâm, tụt sát và giá treo cổ!

Ngay cả cái bộ phận trong giai cấp tư sản Anh hiểu rõ nguy cơ của tình trạng bản cùng, cũng chỉ nhìn tình trạng này và những phương thức xóa bỏ nó theo quan điểm *riêng* của mình, nói thẳng ra là theo quan điểm *trẻ con* và *phi lý*.

Chẳng hạn, trong tập sách nhỏ của mình, cuốn «*Những biện pháp mới nhất về cải tiến công tác giáo dục ở Anh*», bác sĩ Cây đã qui tất cả vào việc *coi thường những vấn đề giáo dục*. Các bạn hãy đoán xem tại sao! Do thiếu giáo dục, công nhân không hiểu được những «*qui luật tự nhiên của thương mại*» những qui luật này *dĩ nhiên* dẫn họ đến tình trạng bản cùng. Ấy cũng vì thế mà họ làm loạn. Điều đó có thể «*gây trở ngại cho sự hưng thịnh của các công xưởng Anh và cho nền thương mại như vậy đây*».

Như vậy, chúng ta hãy cho rằng những lời mà «*Người Phổ*» của chúng ta trách cứ xã

hội Đức là có căn cứ. Vậy thì sao? Phải chăng nguyên nhân của tình trạng này là tình hình *phi chính trị* của nước Đức? Nhưng nếu giai cấp tư sản của nước Đức *phi chính trị* không đủ trình độ để hình dung rằng sự đói nghèo *cục bộ* là một vấn đề có ý nghĩa chung thì ngược lại giai cấp tư sản của nước Anh *chính trị* lại khôn ngoan lảng tránh ý nghĩa phổ biến của nạn đói nghèo toàn diện, — sự đói nghèo đã phơi bày cái ý nghĩa chung của nó bằng cách lặp đi lặp lại có tính chất định kỳ trong thời gian, bằng cách lan tràn trong không gian, cũng như bằng mọi mưu toan vô hiệu nhằm khắc phục tai họa này.

Tiếp đó, «Người Phổ» còn gán cho *trạng thái phi chính trị* của nước Đức cái tình hình là *vua Phổ* cho rằng nguyên nhân của tình trạng bản cùng là sự bất lực của *bộ máy hành chính* và *thiếu sót của hoạt động từ thiện* và vì vậy, đi tìm những phương tiện chống lại tình trạng bản cùng trong *những biện pháp hành chính* và *từ thiện*.

Phải chăng chỉ riêng có vua Phổ mới có quan điểm này? Chúng ta hãy lướt nhìn sang nước Anh, — nước duy nhất có thể nói là đã triển khai một hoạt động *chính trị* lớn, nhân tình trạng bản cùng.

Pháp chế ngày nay ở Anh về những người nghèo bắt nguồn từ thời đạo luật ban hành năm thứ 43 của triều đại Ê-li-da-bét. Những thủ đoạn mà pháp chế đó dùng đến là gì?— Là giao trách nhiệm cho giáo khu phải giúp đỡ công nhân nghèo, là khoản thuế để giúp người nghèo, là hoạt động từ thiện do pháp luật điều tiết, pháp chế này, hoạt động từ thiện này, được tiến hành theo qui chế hành chính, đã tồn tại hai thế kỷ rồi. Sau khi đã trải qua kinh nghiệm lâu dài và đau xót của hai thế kỷ nay, nghị viện đứng trên quan điểm nào trong việc tu chỉnh đạo luật về dân nghèo, được phê chuẩn năm 1834?

Trước hết, nó giải thích sự tăng lên khủng khiếp của nạn bần cùng là do «*sự bất lực của bộ máy hành chính*».

Bởi vậy, người ta tiến hành cuộc cải cách bộ máy hành chính quản lý việc thu thuế để giúp cho dân nghèo. Trước đây, bộ máy hành chính này gồm các quan chức của từng giáo khu nhất định. Bây giờ người ta lập ra những *khôi* gồm khoảng hai mươi giáo khu, thông nhất thành một đơn vị hành chính riêng. Ban thường trực gồm những quan chức do những người đóng thuế bầu ra — Board of Guardians¹⁾ họp nhau lại vào một ngày nhất định ở trung

¹⁾ Ủy ban bảo trợ.

tâm hành chính của khu và giải quyết vấn đề trợ cấp. Hoạt động của những Ban thường trực này do các đại diện của chính phủ — tức là do ủy ban trung ương đặt trụ sở tại Xô-mơ-xê-t Hau-dơ¹⁾, hay như định nghĩa rất trúng của một người Pháp²⁾, do cái *bộ bản cùng* này — chỉ đạo và kiểm soát. Số vốn do cơ quan này chi phối hầu như ngang với số tiền chi phí cho bộ máy quản lý quân sự ở Pháp. Số chi nhánh địa phương do cơ quan này quản lý lên tới 500, và trong từng chi nhánh địa phương ấy, đến lượt mình, có ít ra là 12 viên chức làm việc.

Nghị viện Anh không tự giới hạn trong một cuộc cải cách *hình thức* đối với bộ máy hành chính.

Nó đã phát hiện ra căn nguyên tình trạng *gay go* của nạn bản cùng ở Anh ngay trong *đạo luật về người nghèo*. Theo nó, thủ đoạn mà đạo luật qui định để chống lại tệ nạn xã hội, hoạt động từ thiện, lại càng làm tăng tệ nạn xã hội. Còn về nạn bản cùng nói chung, thì nạn đó tựa hồ như là một *qui luật vĩnh cửu của tự nhiên*, phù hợp với thuyết *Man-tuyt*:

¹⁾ Somerset House là tòa lâu đài trên bán đảo ở phần tây Luân-đôn, trong đó có nhiều cơ quan chính phủ làm việc.

²⁾ Tức là Ô-gien Buy-rê.

«Bởi vì dân số luôn luôn cố vượt quá những tư liệu sinh hoạt, cho nên hoạt động từ thiện là một sự ngu xuẩn, là công khai khuyến khích nạn nghèo khổ. Vì vậy, nhà nước chẳng còn gì nữa để làm, ngoài việc phó mặc dân nghèo cho số phận riêng của họ, và nhiều lắm thì cũng chỉ làm cho người nghèo chết được dễ dàng mà thôi».

Nghị viện Anh kết hợp cái thuyết nhân ái đó với cái quan điểm về nạn bần cùng theo tính cách là *nạn nghèo khổ của công nhân, dường như bản thân công nhân đã gây ra*, và vì vậy, nó coi sự nghèo khổ ấy không phải là một sự bất hạnh cần ngăn ngừa mà là một tội phạm cần đàn áp và trừng phạt.

Thế là xuất hiện trại lao động, nghĩa là những trại cho người nghèo mà nội qui của trại gây cho kẻ nghèo một sự *khủng khiếp* đến nỗi họ chẳng muốn tìm đến đó nương tựa đâu có chết đói đến nơi. Trong các trại lao động, việc làm phúc quỵen chặt một cách khôn khéo với sự *trả thù* của giai cấp tư sản đối với người nghèo nhờ đến sự làm phúc của nó.

Do đó, nước Anh thoát đầu cũng đã mưu toan thủ tiêu nạn bần cùng bằng *hoạt động từ thiện* và những *biện pháp hành chính*. Sau đó, nó đã nhìn thấy rằng sự phát triển nhanh chóng

của nạn bần cùng không phải là hậu quả tất yếu của nền *công nghiệp* hiện đại, mà ngược lại, là hậu quả của thứ *thuế Anh để giúp người nghèo*. Nó chỉ coi nạn nghèo đói phổ biến là một vấn đề cục bộ của pháp chế Anh. Cái mà trước kia người ta đã giải thích bằng tình trạng *hoạt động từ thiện không đủ*, thì giờ đây người ta lại bắt đầu giải thích bằng tình trạng *hoạt động từ thiện quá thừa*. Cuối cùng, người ta đã xem sự nghèo khổ là lỗi của bản thân những kẻ bần cùng, vì lỗi này mà họ phải chịu trừng phạt.

Cái ý nghĩa phổ biến mà nạn bần cùng đã có được trong nước Anh *chính trị*, bị giới hạn bởi cái tình trạng là trên bước đường phát triển, nạn bần cùng đã biến nhanh thành một *thể chế quốc gia* bất chấp mọi biện pháp hành chính, và vì vậy dĩ nhiên phải trở thành đối tượng hoạt động của bộ máy hành chính có rất nhiều chi nhánh và rộng lớn. Thế nhưng nhiệm vụ của bộ máy hành chính này *không còn* là thủ tiêu nạn bần cùng nữa, mà là làm cho nó trở nên *có kỷ luật*, tồn tại mãi mãi. Bộ máy hành chính này từ bỏ việc ngăn chặn nguồn gốc của tình trạng bần cùng bằng những biện pháp *tích cực*; nó tự thỏa mãn với việc dùng thái độ mềm mỏng của cảnh sát để đào huyết chôn nạn bần cùng một khi tệ nạn này nổi lên trên bộ mặt của thể giới chính thức. Nhà

nước Anh không hề đi xa hơn những biện pháp hành chính từ thiện, mà trái lại, nó đã tụt lùi một bước lớn. Sự bảo trợ có tính chất hành chính của nó giờ đây chỉ áp dụng cho cái tình trạng bần cùng tuyệt vọng tự để cho mình bị tóm cổ và nhốt vào trong những trại lao động.

Thế là, cho đến nay «Người Phổ» vẫn chưa khám phá ra một cái gì *độc đáo* trong những biện pháp của vua Phổ. Nhưng *tại sao?*— nhân vật vĩ đại này thốt lên một cách *ngây thơ hiêm có*,—«tại sao nhà vua Phổ lại không hạ lệnh tóm ngay lập tức tất cả lũ trẻ bị bỏ rơi để giáo dục?» Tại sao thoát đầu ngài lại trông vào cơ quan chính quyền và chờ đợi những kế hoạch và kiên nghị của họ?

«Người Phổ» đại thông minh sẽ yên lòng khi biết rằng trong trường hợp này vua Phổ cũng ít độc đáo bằng trong mọi việc khác của ngài, và con đường ngài đã chọn cũng là con đường duy nhất có thể có đối với vị nguyên thủ quốc gia.

Na-pô-lê-ông đã muốn thủ tiêu nạn bần cùng ngay một lúc. Ông ta đề nghị các cơ quan chính quyền của mình đệ trình những kế hoạch *tróc tận rễ nạn bần cùng* trong toàn nước Pháp. Việc thảo dự án bị kéo dài. Na-pô-lê-ông sốt ruột; ông viết thư cho bộ trưởng Bộ nội vụ của mình là Crê-tê, và ra lệnh cho ông này

phải thủ tiêu nạn bần cùng trong vòng một tháng. Na-pô-lê-ông nói:

«Chúng ta không được đi qua trên trái đất này mà lại không để lại đằng sau ta một dấu vết khiến hậu thế phải cảm ơn ta. Đừng đòi tôi cho ba, bốn tháng nữa để thu thập tin tức. Ông có những thánh giả trẻ, những quận trưởng thông minh, những kỹ sư có học thức trong cục giao thông liên lạc; ông hãy huy động tất cả họ đi; đừng có nằm ngủ trong một công việc bàn giấy bình thường».

Mọi việc đã hoàn thành trong mấy tháng. Ngày 5 tháng Bảy 1808, đạo luật nhằm thủ tiêu nạn bần cùng đã được ban hành. Thủ tiêu bằng cách nào? Bằng những *nhà tể bần*, những nhà tể bần này chuyển thành những nhà giam nhanh đến nỗi chỉ ít lâu sau người nghèo chỉ rơi vào đây theo quyết định của *tòa án cảnh sát cải tạo*. Ấy thế mà ngài Nô-ay-đuy-Ga, ủy viên Hội đồng lập pháp hồi bấy giờ đã thốt lên:

«Mãi mãi ghi ơn vị anh hùng đã cho kẻ túng thiếu nơi ẩn náu và cho người nghèo cái ăn. Trẻ em sẽ không còn bị phó mặc cho số mệnh; gia đình nghèo sẽ không còn bị tước mất nguồn sống, còn công nhân thì sẽ không còn bị bỏ rơi và không có công ăn việc làm. Cái cảnh ghê tởm của những thân hình gầy guộc và đói rách nhục nhã sẽ không

còn cần bước chúng ta trên các đường phố nữa».

Câu nói vô liêm sỉ cuối cùng là một chút xiu sự thật duy nhất trong toàn bộ lời ca tụng này.

Nếu như Na-pô-lê-ông đã kêu gọi các thánh giả, quận trưởng, và kỹ sư của mình suy nghĩ, thì tại sao nhà vua Phổ lại không kêu gọi các cơ quan chính quyền của mình?

Tại sao Na-pô-lê-ông hạ lệnh thủ tiêu *ngay lập tức* nạn bần cùng? Và câu hỏi của «người Phổ» cũng ở trình độ như vậy thôi: «Tại sao nhà vua Phổ lại không hạ lệnh tóm ngay lập tức tất cả lũ trẻ bị bỏ rơi để giáo dục?» Liệu «Người Phổ» có hiểu trong trường hợp như vậy, nhà vua ắt phải ra sắc lệnh gì không? *Thủ tiêu giai cấp vô sản*, không hơn không kém. Muốn giáo dục trẻ em thì cần phải *nuôi dưỡng* chúng và giải thoát chúng khỏi phải đi *kiếm sống*. Nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em bị bỏ rơi, tức là nuôi dưỡng và giáo dục *toàn bộ thể hệ mới lớn lên* của giai cấp vô sản, sẽ có nghĩa là *thủ tiêu* giai cấp vô sản và nạn bần cùng...

Pa-ri, ngày 31 tháng Bảy
1844

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 1, tr. 434 - 438

BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC NĂM 1844⁷

...

Bản thân xã hội sản sinh ra *con người* với *tính cách là con người* như thế nào thì nó cũng sản sinh ra xã hội như thế ấy. Hoạt động và sự hưởng thụ những thành quả của hoạt động, xét theo nội dung, cũng như xét theo *phương thức tồn tại* của nó, là có *tính chất xã hội*: hoạt động *xã hội* và hưởng thụ *xã hội*. Bản chất *con người* của tự nhiên chỉ tồn tại đối với *con người xã hội*; vì chỉ có trong xã hội, *tính tự nhiên* của *con người* mới thể hiện là một cái *khâu liên hệ con người với con người*, mới là tồn tại của *con người* đối với người khác và tồn tại của người khác đối với người đó, mới là nhân tố sinh hoạt hiện thực của *con người*; chỉ có trong xã hội, *tính tự nhiên* mới hiện ra như là *cơ sở* của tồn tại có *tính chất người* của bản thân *con người*. Chỉ có trong xã hội, tồn tại *tự nhiên* của *con người* mới là tồn tại có *tính chất người* của *con người* đối với *con người*. Như vậy, *xã hội* là sự thống nhất bản chất đã hoàn chỉnh của *con người* với tự nhiên, sự phục hồi chân chính của tự nhiên, chủ nghĩa tự nhiên đã được thực hiện bởi *con người* và chủ nghĩa nhân đạo đã được thực hiện bởi tự nhiên.

...
Chế độ tư hữu làm cho chúng ta ngu xuẩn và phiến diện đến nỗi một đối tượng nào đó chỉ là *của chúng ta* khi nào chúng ta chiếm hữu được nó, nghĩa là khi nó tồn tại đối với chúng ta như tư bản hoặc khi chúng ta trực tiếp chiếm hữu nó, ăn nó, uống nó, mặc vào ta, hay cư trú ở trong đó v.v., — nói tóm lại là khi chúng ta *tiêu dùng* nó, — mặc dù, bản thân chế độ tư hữu đến lượt nó lại chỉ coi tất cả những dạng được thực hiện ấy của sự chiếm hữu như là *tư liệu sinh hoạt*, còn sinh hoạt mà chúng dùng làm tư liệu để phục vụ cho sự chiếm hữu lại là *sinh hoạt của chế độ tư hữu* — lao động tư bản hóa.

Cho nên thay thế *tất cả* những cảm giác của thể xác và tinh thần là sự tha hóa đơn giản của *tất cả* những cảm giác ấy — là cảm giác chiếm hữu. Thực thể con người không thể không bị dẫn tới sự nghèo nàn tuyệt đối ấy, khiến nó có thể đẻ ra từ bản thân nó sự phong phú bên trong của nó.

Cho nên xóa bỏ chế độ tư hữu có nghĩa là *giải phóng* hoàn toàn tất cả những cảm giác và thuộc tính của con người; nhưng sự giải phóng ấy chính là vì những cảm giác và thuộc tính của nó trở thành *của con người* theo ý nghĩa chủ quan cũng như theo ý nghĩa khách quan. Con mắt trở thành con mắt người cũng

như *đôi tượng* của con mắt trở thành *đôi tượng* của xã hội, của *con người*, do con người sáng tạo ra vì con người. Cho nên *những cảm giác* ấy trong thực tiễn của chúng đều trực tiếp trở thành *những nhà lý luận*. Chúng có quan hệ với *sự vật* vì *sự vật*, nhưng bản thân *sự vật* đó lại có quan hệ với *đôi tượng có tính chất người* đối với bản thân mình và đối với con người¹⁾ và ngược lại. Do đó nhu cầu và sự hưởng thụ vật phẩm mất bản tính *ích kỷ* của nó, còn tự nhiên thì mất *tính có ích* trắng trợn của nó, vì *sự ích lợi* trở thành *sự ích lợi* của *con người*.

Cảm giác và sự hưởng thụ của những người khác cũng trở thành sở hữu của *bản thân* tôi. Cho nên, ngoài những *khí quan* trực tiếp ấy hình thành những *khí quan xã hội*, dưới *hình thức* xã hội. Chẳng hạn như hoạt động trong sự giao tế trực tiếp với những người khác v. v. đã trở thành *khí quan biểu hiện sinh hoạt* của tôi và một trong những phương thức chiếm hữu sinh hoạt của *con người*.

Rõ ràng là con mắt người tri giác và hưởng thụ một cách khác với con mắt thô lỗ không phải con mắt người, *lỗi tai* con người tri giác

¹⁾ Trong thực tiễn tôi chỉ có thể có quan hệ với *sự vật* một cách có tính chất người khi *sự vật* có quan hệ với người một cách có tính chất người.

và hưởng thụ một cách khác với lỗ tai thô lỗ không phát triển v. v..

Chúng ta đã thấy rằng con người không để mất đi bản thân mình trong đối tượng của mình, chỉ trong trường hợp đối tượng ấy trở thành đối tượng của *con người* đối với con người, hoặc trở thành con người đã được đối tượng hóa. Điều đó chỉ có thể có được khi đối tượng ấy trở thành đối tượng *xã hội* đối với con người, bản thân con người trở thành thực thể xã hội đối với mình, còn xã hội thì trở thành bản chất đối với mình trong đối tượng đó.

Cho nên, đối với con người một mặt, tính hiện thực khi đã đối tượng hóa khắp nơi trong xã hội càng trở thành tính hiện thực của những lực lượng bản chất của con người, càng trở thành tính hiện thực của con người và, do đó, càng trở thành tính hiện thực của những lực lượng bản chất của *bản thân* con người, thì mọi *đối tượng* càng trở thành sự *đối tượng hóa* của bản thân con người đối với con người, trở thành sự khẳng định và sự thực hiện cá tính của con người, trở thành những đối tượng của con người, và như thế nó có nghĩa là đối tượng đó đã trở thành *bản thân* con người. Chúng trở thành đối tượng của *con người* đối với con người *như thế nào*, điều đó tùy thuộc vào *bản tính* của *đối tượng*

và tùy thuộc vào bản tính của *lực lượng bản chất* phù hợp với bản tính của đối tượng, vì chính tính qui định của quan hệ đó sáng tạo ra phương thức khẳng định đặc thù, *hiện thực*. Con mắt tri giác có đối tượng một cách khác với lỗ tai, và đối tượng của con mắt khác với đối tượng của lỗ tai. Tính độc đáo của mỗi lực lượng bản chất chính là *bản chất độc đáo* của nó, do đó là phương thức đối tượng hóa độc đáo của nó, là phương thức *tồn tại đối tượng hóa có tính chất hiện thực*, sinh động của nó. Cho nên con người tự khẳng định mình trong thế giới đối tượng không phải chỉ trong tư duy mà cả bằng *tất cả* các cảm giác.

Mặt khác, xét về mặt chủ quan, chỉ có âm nhạc thức tỉnh cảm giác âm nhạc của con người; đối với lỗ tai không thính âm nhạc thì âm nhạc hay nhất cũng *không có ý nghĩa* gì cả, đối với nó, âm nhạc không phải là đối tượng, bởi vì đối tượng của tôi chỉ có thể là sự khẳng định một trong những lực lượng bản chất của tôi, nghĩa là nó chỉ có thể tồn tại đối với tôi giống như lực lượng bản chất của tôi tồn tại đối với tôi với tính cách là năng lực chủ quan, vì cảm giác của tôi đạt tới trình độ nào thì ý nghĩa của một đối tượng nào đó đối với tôi (nó chỉ có ý nghĩa đối với cảm giác phù hợp với nó) cũng đạt tới đúng trình độ ấy. Đó là lẽ tại sao *cảm giác* của con người xã hội là những cảm giác

khác với những cảm giác của con người phi xã hội. Chỉ có thông qua sự phong phú, đã được phát triển về mặt vật chất, của bản thân con người, thì sự phong phú của tính cảm giác chủ quan của *con người* mới phát triển và một phần thậm chí lần đầu tiên mới được sản sinh ra: lỗ tai thính âm nhạc, con mắt cảm thấy cái đẹp của hình thức,—nói tóm lại là những *cảm giác* có khả năng về những sự hưởng thụ có tính chất người và tự khẳng định mình như những lực lượng bản chất của *con người*. Vì không những năm giác quan bên ngoài mà cả những cảm giác gọi là tinh thần, những cảm giác thực tiễn (ý chí, tình yêu và v. v.),—nói tóm lại, cảm giác của *con người*, tính nhân loại của *cảm giác*,—chỉ nảy sinh nhờ có sự tồn tại của đối tượng *tương ứng*, thông qua bản tính đã *nhân loại hóa*. Sự hình thành năm giác quan là công việc của toàn bộ lịch sử toàn thế giới đã diễn ra từ trước tới nay. *Cảm giác* bị nhu cầu thực tiễn thô lỗ cầm tù chỉ có một ý nghĩa *hạn chế*. Đối với con người sắp chết đói thì không có hình thức người của thực phẩm, mà chỉ có sự tồn tại trừu tượng của nó với tính cách là thực phẩm: thực phẩm có thể có một hình thức thô lỗ nhất và không thể nói việc ăn uống như thế khác với việc *động vật* ăn uống ở chỗ nào. Con người cùng khổ bị những nỗi lo

lắng dày vò không có cảm giác ngay cả đối với một vở kịch tuyệt tác; người buôn bán khoáng vật chỉ nhìn thấy giá trị thương nghiệp, chứ không nhìn thấy vẻ đẹp và bản tính độc đáo của khoáng vật; anh ta không có cảm giác khoáng vật học. Như vậy, sự đối tượng hóa bản chất con người là tất yếu — xét về phương diện lý luận cũng như về phương diện thực tiễn — để một mặt *nhân loại hóa cảm giác* của con người, và mặt khác sáng tạo *cảm giác con người* tương ứng với toàn bộ sự phong phú của bản chất nhân loại và tự nhiên.

Thông qua sự vận động của *chế độ tư hữu*, của sự phong phú và sự nghèo nàn của nó — sự phong phú về vật chất và tinh thần và sự nghèo nàn về vật chất và tinh thần — xã hội đang nảy sinh, tìm thấy trước mặt mình toàn bộ tài liệu cho *quá trình hình thành* đó, cũng giống như vậy, xã hội đã xuất hiện, sản sinh ra, với tính cách là tính hiện thực thường xuyên của mình, con người với tất cả sự phong phú ấy của bản chất của nó, sản sinh ra con người *phong phú và toàn diện*, *sâu sắc trong tất cả các cảm giác và tri giác của nó*.

...Con người sống dựa vào tự nhiên. Như thể nghĩa là tự nhiên là *thân thể* của con người; để khỏi chết, con người phải ở trong quá trình giao dịch thường xuyên với thân thể đó. Sinh

hoạt vật chất và tinh thần của con người liên hệ khăng khít với tự nhiên, điều đó chẳng qua chỉ có nghĩa là tự nhiên liên hệ khăng khít với bản thân tự nhiên, vì con người là một bộ phận của tự nhiên.

C. Mác viết vào tháng
Tư, tháng Tám 1844

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 42,
tr. 118, 120-123

LUẬN CƯƠNG VỀ PHƠ-BÁCH⁸

III

Thứ học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó, con người đã được biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một sự giáo dục đã biến đổi,—thứ học thuyết đó quên rằng hoàn cảnh được biến đổi chính bởi con người và bản thân nhà giáo dục cũng phải được giáo dục. Bởi thế, học thuyết ấy không tránh khỏi dẫn tới chỗ phân chia xã hội thành hai bộ phận mà một trong hai bộ phận đó đứng lên trên xã hội (chẳng hạn như trong học thuyết của Rô-be Ô-oen).

Sự phù hợp giữa sự biến đổi của hoàn cảnh và hoạt động con người chỉ có thể xét và hiểu một cách hợp lý, đó là *thực tiễn cách mạng*.

VI

Phơ-bách qui bản chất tôn giáo về bản chất con người. Song bản chất con người không phải là cái trừu tượng vốn có của một cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa của tất cả những quan hệ xã hội.

Vì không phê phán cái bản chất hiện thực đó, nên Phơ-bách buộc phải:

1. Gạt bỏ tiền trình lịch sử, và xét tình cảm tôn giáo (*Gemut*) một cách cô lập, giả định ra cá nhân con người trừu tượng, *cô lập*.

2. Do đó, ở ông bản chất con người chỉ có thể được coi như là «loại», là một tính cộng đồng nội tại và câm, kết hợp đông đảo những cá nhân lại chỉ bằng những liên hệ tự nhiên.

VII

Vì thế Phơ-bách không thấy rằng cả bản thân «*tình cảm tôn giáo*» cũng là *sản phẩm xã hội* và cá nhân trừu tượng mà ông phân tích trên thực tế là thuộc về một hình thái xã hội nhất định.

VIII

Đời sống xã hội về bản chất có tính chất *thực tiễn*. Tất cả những sự thần bí đang đẩy lý luận vào con đường chủ nghĩa thần bí, đều được giải quyết một cách hợp lý trong thực tiễn của con người và trong sự hiểu biết về thực tiễn đó.

IX

Cái tôi đa mà chủ nghĩa duy vật *trực quan*, — tức là chủ nghĩa duy vật coi cảm tính không phải là sự hoạt động thực tiễn — đạt được là sự trực quan của nó về những cá nhân riêng biệt trong «xã hội công dân».

X

Chỗ đứng nhìn của chủ nghĩa duy vật cũ là xã hội «*công dân*», chỗ đứng nhìn của chủ nghĩa duy vật mới là *xã hội loài người* hay là nhân loại xã hội hóa.

XI

Các nhà triết học trước kia chỉ *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là ở chỗ *cải tạo* thế giới.

C. Mác viết vào mùa
xuân 1845

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 3, tr. 2, 3 - 4

SỰ KHÔN CÙNG CỦA TRIẾT HỌC

(*Trả lời cuốn*
«Triết học của sự khôn cùng»
của ông Pru-đông)

...Cùng với Pru-đông, chúng ta hãy cho rằng lịch sử hiện thực, lịch sử theo thứ tự thời gian, là thứ lịch sử mà theo đó những ý niệm, những phạm trù, những nguyên lý đã biểu hiện ra.

Mỗi nguyên lý đã từng có thể kỷ của nó, để nó biểu hiện ra trong thế kỷ ấy: chẳng hạn, thích ứng với nguyên lý quyền uy là thế kỷ XI, cũng như thích ứng với nguyên lý chủ nghĩa cá nhân là thế kỷ XVIII. Suy từ kết quả này sang kết quả khác, chúng ta phải nói rằng chính là thế kỷ thuộc về nguyên lý, chứ không phải nguyên lý thuộc về thế kỷ. Nói cách khác, chính là nguyên lý đã sáng tạo ra lịch sử, chứ không phải lịch sử đã sáng tạo ra nguyên lý. Sau đó, để cứu vãn những nguyên lý, cũng như để cứu vãn lịch sử, người ta tự hỏi vì sao một nguyên lý nào đó lại biểu hiện ra trong thế kỷ XI hay trong thế kỷ XVIII, chứ không phải trong một thế kỷ nào khác, bây giờ tất nhiên người ta bắt buộc phải xét một cách tỉ mỉ xem những người của thế kỷ XI là như thế nào, những người của thế kỷ XVIII là như thế nào, những nhu cầu của họ trong mỗi thế

kỷ này, những lực lượng sản xuất của họ, phương thức sản xuất của họ, những nguyên liệu dùng trong sản xuất của họ là như thế nào, cuối cùng những quan hệ giữa người và người do tất cả những điều kiện sinh tồn này sản sinh ra là như thế nào. Nghiên cứu sâu vào tất cả những vấn đề này, há không phải là theo dõi lịch sử hiện thực, trần tục của người ta trong mỗi thế kỷ đó sao? Há không phải là hình dung *người ta vừa là những tác giả vừa là những diễn viên của vở kịch của bản thân mình đó sao?* Thế nhưng nếu anh hình dung người ta như là những diễn viên và những tác giả của lịch sử của bản thân họ, thì, qua một bước đường vòng, anh đi đến điểm xuất phát thật sự, bởi vì anh đã bỏ những nguyên lý vĩnh viễn mà anh đã xuất phát lúc đầu.

...

Cũng như những nhà *kinh tế học* là những người đại biểu khoa học của giai cấp tư sản, những *người xã hội* và những *người cộng sản* là những nhà lý luận của giai cấp vô sản. Chừng nào mà giai cấp vô sản chưa được phát triển đầy đủ để cấu thành giai cấp và do đó, bản thân sự đấu tranh của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản chưa có một tính chất chính trị, và những lực lượng sản xuất chưa được phát triển đầy đủ trong lòng bản thân giai cấp tư sản để người ta có thể thấy được những

điều kiện vật chất cần thiết cho sự giải phóng giai cấp vô sản và sự thành lập một xã hội mới, thì những nhà lý luận ấy chỉ là những nhà không tưởng, để thỏa mãn những nhu cầu của các giai cấp bị áp bức, họ liền nghĩ ra các học thuyết và ra sức đi tìm một khoa học có tác dụng tái tạo. Nhưng lịch sử càng tiến tới và cùng với lịch sử đấu tranh của giai cấp vô sản cũng biểu hiện ra một cách rõ rệt hơn thì họ không cần phải đi tìm khoa học ở trong trí óc của họ nữa mà họ chỉ cần chú ý đến sự việc diễn ra trước mắt họ và diễn đạt những sự việc ấy ra mà thôi. Chừng nào mà họ còn đi tìm khoa học và chỉ làm ra những học thuyết, chừng nào mà họ còn ở giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh, thì họ thấy sự khôn cùng chỉ là sự khôn cùng, mà không thấy *trong sự khôn cùng có mặt cách mạng, mặt lật đổ, nó sẽ đánh đổ xã hội cũ*. Ngay từ lúc đó, khoa học do vận động lịch sử sản sinh ra và tham dự vào vận động lịch sử ấy một cách hoàn toàn tự giác, không còn có tính chất lý thuyết suông nữa, khoa học đã trở thành khoa học cách mạng.

...

Đại công nghiệp tụ tập vào cùng một nơi duy nhất một đám đông những người chưa từng quen biết nhau. Sự cạnh tranh chia rẽ họ về mặt quyền lợi. Nhưng việc giữ vững tiền công—đó là quyền lợi chung của họ chống

lại tên chủ của họ — đoàn kết họ lại trong cùng một tư tưởng phản kháng — *tổ chức đồng minh*. Như vậy, tổ chức đồng minh luôn luôn có hai mục đích, tức chấm dứt sự cạnh tranh giữa họ với nhau để có thể tiến hành một cuộc cạnh tranh chung chống lại nhà tư bản. Mục đích phản kháng lúc đầu chỉ là việc giữ vững tiền công, nhưng đến lượt chúng, bọn tư bản ngày càng đoàn kết nhất trí với nhau trong cùng một tư tưởng đàn áp, cho nên các tổ chức đồng minh, lúc đầu còn lẻ tẻ, cũng tập hợp nhau lại thành tập đoàn. Và đứng trước tư bản luôn luôn thống nhất, việc giữ vững hội liên hiệp đối với họ trở thành cần thiết hơn là việc giữ vững tiền công. Sự thật đúng là như thế, đến nỗi các nhà kinh tế học Anh rất đỗi ngạc nhiên khi thấy công nhân hy sinh một phần khá lớn tiền công cho những hội liên hiệp mà — theo các nhà kinh tế học ấy, thì những hội liên hiệp này được tổ chức ra chỉ vì tiền công mà thôi. Trong cuộc đấu tranh ấy — đó là một cuộc nội chiến thật sự — tất cả những yếu tố cần thiết cho một cuộc chiến đấu tương lai đang được tập hợp lại và phát triển. Khi đã đạt đến trình độ ấy rồi thì hội liên hiệp có một tính chất chính trị.

Lúc đầu những điều kiện kinh tế đã biến quần chúng nhân dân của một nước thành

những người lao động. Sự thông trị của tư bản đã tạo ra cho quần chúng ấy một cảnh ngộ chung, những lợi ích chung. Như vậy, quần chúng ấy đã là một giai cấp đối lập với tư bản, nhưng chưa phải là một giai cấp vì bản thân nó. Trong cuộc đấu tranh—mà chúng ta chỉ nêu lên vài giai đoạn—quần chúng ấy tập hợp nhau lại, cấu thành giai cấp vì bản thân nó. Những lợi ích mà nó bảo vệ trở thành những lợi ích giai cấp. Nhưng cuộc đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp là một cuộc đấu tranh chính trị.

Trong lịch sử của giai cấp tư sản, chúng ta phải phân biệt hai giai đoạn: giai đoạn trong đó nó cấu thành giai cấp dưới chế độ phong kiến và quân chủ chuyên chế, và giai đoạn trong đó, sau khi đã tổ chức thành giai cấp rồi, nó lật đổ chế độ phong kiến và nền quân chủ, để biến xã hội thành một xã hội tư sản. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn dài nhất và đòi hỏi những cố gắng lớn nhất. Nó cũng bắt đầu bằng những tổ chức đồng minh có tính chất bộ phận chống lại bọn chúa phong kiến.

Người ta đã tiến hành rất nhiều cuộc nghiên cứu để vạch lại những giai đoạn lịch sử khác nhau mà giai cấp tư sản đã trải qua kể từ công xã tự trị thành thị cho đến khi giai cấp tư sản đã cấu thành giai cấp.

Thế nhưng, khi phải đánh giá một cách chính xác những cuộc bãi công, những tổ chức đồng minh và những hình thức khác mà những người vô sản đang dùng để tự tổ chức một giai cấp, thế là kẻ thì sợ sệt thật sự, người thì biểu lộ một thái độ khinh khỉnh, làm cao.

Một giai cấp bị áp bức là điều kiện sinh tồn của mọi xã hội dựa trên sự đối kháng giai cấp. Vậy sự *giải phóng giai cấp bị áp bức tất nhiên bao hàm việc sáng lập ra một xã hội mới*. Muốn cho giai cấp bị áp bức có thể tự giải phóng được thì phải có điều kiện là những lực lượng sản xuất đã có và những quan hệ xã hội hiện hành không thể nào cùng tồn tại với nhau được nữa. Trong tất cả những lực lượng sản xuất, lực lượng sản xuất lớn nhất chính là bản thân giai cấp cách mạng. Việc những phần tử cách mạng tổ chức lại thành giai cấp giả định là phải có tất cả những lực lượng sản xuất có thể sản sinh ra trong lòng xã hội cũ.

Phải chăng như vậy có nghĩa là, sau khi xã hội cũ bị đánh đổ, sẽ có một sự thống trị giai cấp mới, tập trung biểu hiện trong một chính quyền mới? Không phải.

Điều kiện giải phóng giai cấp cần lao, đó là sự xóa bỏ mọi giai cấp, cũng giống như điều kiện giải phóng đẳng cấp thứ ba, tầng lớp

tư sản, là sự xóa bỏ tất cả các đẳng cấp và tất cả các tầng lớp.

Trong quá trình phát triển của nó, giai cấp cần lao sẽ thay thế xã hội công dân cũ bằng một tổ chức liên hiệp, tổ chức liên hiệp ấy sẽ loại bỏ các giai cấp và sự đối kháng giai cấp, và không còn có chính quyền thật sự nữa, bởi vì chính quyền là biểu hiện tập trung chính thức của sự đối kháng trong xã hội công dân.

Trong khi chờ đợi, sự đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là một cuộc đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp, cuộc đấu tranh ấy, khi đạt đến trình độ cao nhất của nó, là một cuộc cách mạng toàn diện. Và chẳng, có gì là lạ khi một xã hội dựa trên sự đối lập của các sự vật, cuối cùng dẫn đến mâu thuẫn tàn bạo, dẫn đến một cuộc vật lộn nhau coi như là màn kịch cuối cùng giải quyết?

Đừng nói rằng vận động xã hội loại trừ vận động chính trị. Không bao giờ có một cuộc vận động chính trị nào mà đồng thời không phải là vận động xã hội.

Chỉ có ở trong một trật tự không còn giai cấp và đối kháng giai cấp nữa, nhưng sự *tiến hóa xã hội* mới không còn là những *cuộc cách mạng chính trị* mà thôi. Cho đến lúc bấy giờ, vào đêm trước của mỗi cuộc đổi thay toàn diện của xã hội, kết luận của khoa học xã hội luôn luôn sẽ là:

Chiên dầu hay là chết; dầu tranh đổ máu hay là hư vô. Vấn đề được đặt ra một cách không tránh khỏi như vậy đó (Gioóc-giơ-xăng).

C. Mác viết năm 1846

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 137-138, 146, 183-185

LAO ĐỘNG LÀM THUÊ VÀ TƯ BẢN⁹

... Sự *phân công* càng tăng, thì lao động cũng càng *giản đơn hóa*. Sự *khéo léo đặc biệt* của người công nhân mất giá trị đi. Người công nhân sẽ biến thành một sức sản xuất đơn giản, đơn điệu, không cần phải vận dụng thể lực cũng như trí óc chút nào cả. Lao động của anh ta ai cũng làm được. Chính vì vậy mà những kẻ cạnh tranh dồn ép người công nhân từ phía, và chúng ta hãy nhớ thêm rằng, lao động càng đơn giản và dễ học bao nhiêu, thì người ta càng cần ít chi phí sản xuất để học bấy nhiêu, và tiền công càng hạ xuống bấy nhiêu, vì lao động, cũng như giá cả của bất cứ hàng hóa nào khác, đều do chi phí sản xuất của nó quyết định.

...

Việc dùng máy móc cũng sản sinh ra những

kết quả như thế trên một qui mô còn lớn hơn nhiều nữa, vì nó loại bỏ những công nhân khéo léo và thay thế họ bằng những công nhân vụng, thay đàn ông bằng đàn bà, thay người lớn bằng trẻ con, vì ở nơi nào mà có máy móc vừa mới được đem dùng thì nó ném hàng đông công nhân thủ công ra vĩa hè, và ở chỗ nào mà máy móc phát triển hơn, cái tiền hơn và được thay bằng những máy móc có năng suất cao hơn thì nó thải công nhân từng tốp riêng lẻ. Trên kia chúng ta đã phác họa qua, thật nhanh, cuộc chiến tranh công nghiệp giữa bốn tư bản với nhau; *cuộc chiến tranh đó có điểm này là đặc biệt: những trận đánh sở dĩ thắng lợi được thì phần lớn là do giảm đạo quân công nhân hơn là do tuyển mộ đạo quân công nhân. Bốn tư bản soái, tức là bốn tư bản thi đua với nhau xem ai giảm được nhiều lính công nghiệp hơn.*

Thật ra thì những nhà kinh tế học có nói với chúng ta rằng những người công nhân mà máy móc đã làm cho hóa ra thừa, sẽ tìm được công ăn việc làm trong những ngành mới.

Họ không dám quả quyết thẳng ngay rằng chính những người công nhân bị thải đó sẽ tìm được việc làm trong những ngành lao động mới. Sự thật đã lớn tiếng thét lên bác lại lời nói dối trá đó. Nói cho đúng ra thì họ chỉ quả quyết rằng đối với *những bộ phận*

khác của giai cấp công nhân, chẳng hạn như đối với bộ phận những thể hệ công nhân trẻ tuổi sắp vào làm trong ngành công nghiệp đã suy vi, thì còn có cơ hội tìm được công ăn việc làm mới. Dĩ nhiên, đó là một sự an ủi lớn đối với những công nhân bị ném ra ngoài đường. Các ngài tư bản sẽ không thiếu gì thịt tươi để bóc lột, người ta sẽ để cho những kẻ đã chết chôn những xác chết của họ. Điều đó chính là cái mà bọn tư bản dùng để tự an ủi mình hơn là để an ủi công nhân. Nếu toàn bộ giai cấp những người làm thuê mà bị việc dùng máy móc tiêu diệt đi, thì thật là một điều đáng sợ đối với tư bản, vì tư bản mà không có lao động làm thuê thì không còn là tư bản nữa!

Nhưng giả sử những công nhân bị việc dùng máy móc loại ra một cách trực tiếp và toàn thể bộ phận thuộc thể hệ công nhân mới đang lăm le thay chân những công nhân đó, *đều tìm được công ăn việc làm mới. Có chắc rằng việc làm mới này cũng được trả công đắt như việc làm đã mất không? Nếu thế thì sẽ mâu thuẫn với tất cả mọi qui luật kinh tế.* Chúng ta đã thấy rằng công nghiệp hiện đại luôn luôn có xu hướng muốn thay thế một công việc phức tạp, cao, bằng một công việc giản đơn hơn, thấp hơn như thế nào rồi.

Thử hỏi một khối công nhân bị việc dùng

máy móc loại khỏi một ngành công nghiệp, làm thế nào mà có thể tìm chỗ trong một ngành khác, nếu *không phải chịu trả công tồi hơn, chịu nhận một giá thấp hơn?*

Người ta đã kể ra trường hợp những công nhân lao động trong ngành chế tạo ra chính ngay máy móc, coi đó là một trường hợp ngoại lệ. Người ta đã nói rằng ngay khi công nghiệp đòi hỏi và tiêu dùng nhiều máy móc hơn, thì con số máy móc tất nhiên phải tăng lên, do đó việc chế tạo ra máy móc cũng phải tăng lên, vậy thì con số những công nhân làm việc chế tạo máy móc cũng phải tăng lên, và những công nhân làm việc trong ngành công nghiệp đó sẽ trở thành những công nhân khéo, thậm chí thành công nhân lành nghề nữa.

Trước kia quả quyết như thế thì cũng chỉ đúng có một nửa; từ năm 1840 trở đi lời quả quyết đó không còn cái giá trị bề ngoài của nó nữa, vì trong công nghiệp chế tạo máy móc cũng hoàn toàn giống như trong công nghiệp sản xuất sợi, người ta dùng máy móc ngày càng phổ biến hơn, và vì đứng trước những máy móc đã hết sức cái tiền thì những công nhân làm trong những xưởng chế tạo máy móc chỉ còn có thể có tác dụng như một cái máy hoàn toàn thô sơ mà thôi.

Nhưng thay cho người đàn ông bị máy móc loại ra, thì công xưởng có lẽ dùng được

ba trẻ em và *một* phụ nữ! Song, tiền công của một người đàn ông trước kia há không phải đủ để nuôi cả *ba* đứa con và người vợ sao? Tiền công tôi thiếu há không phải đủ để duy trì và tăng thêm nòi giống sao? Cái lỗi nói mà bọn tư sản thích dùng đó, chứng minh cái gì? Chẳng chứng minh cái gì ngoài điều này: bây giờ muốn nuôi một gia đình công nhân thì phải tiêu hao *gấp bốn lần* đời sống công nhân so với trước kia.

C. Mác viết cuối tháng
Chạp 1847

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 6, tr. 456-458

ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP TỪ 1848 ĐẾN 1850¹⁰

... Khi mà một giai cấp tập trung ở bản thân nó những lợi ích cách mạng của xã hội đã nổi dậy, thì nó tìm thấy ngay lập tức trong địa vị của chính nó, cái nội dung và tư liệu của sự hoạt động cách mạng của nó: tiêu diệt kẻ thù, dùng những biện pháp thích hợp với nhu cầu của cuộc đấu tranh, và chính những hiệu quả của hành động của bản thân nó đẩy nó tiến xa hơn nữa. Nó không tiến hành một

cuộc nghiên cứu lý luận nào về nhiệm vụ của bản thân nó cả. Giai cấp công nhân Pháp chưa ở trong tình trạng đó, nó chưa có khả năng thực hiện cuộc cách mạng của chính nó.

Điều kiện chung của sự phát triển của giai cấp vô sản công nghiệp là sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp. Chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản công nghiệp mới có được địa vị tồn tại mở rộng trên qui mô toàn quốc, khiến nó có thể nâng cuộc cách mạng của mình lên thành một cuộc cách mạng toàn quốc; chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp tư sản công nghiệp, giai cấp vô sản công nghiệp mới có thể tự nó sáng tạo ra được những tư liệu sản xuất hiện đại, những tư liệu này cũng đồng thời trở thành những phương tiện để thực hiện công cuộc giải phóng có tính chất cách mạng của nó. Chỉ có sự thống trị của giai cấp tư sản công nghiệp là có thể triệt được gốc rễ vật chất của xã hội phong kiến và san bằng được miếng đất mà chỉ có trên đó một cuộc cách mạng vô sản mới có thể thực hiện được.

...

Người ta biết rằng công nhân không có lãnh tụ, không có kế hoạch hành động chung, không có phương tiện và hầu hết là không có vũ khí, thế mà với lòng dũng cảm và với tài trí vô song, đã kháng cự được trong suốt

năm ngày với quân đội, với đội biệt động, với đội vệ binh ở Pa-ri cũng như với đội vệ quốc ở các tỉnh đồ về. Người ta biết rằng giai cấp tư sản đã báo thù lại những cơn khiếp sợ chí chết của nó bằng một sự tàn bạo chưa từng thấy và đã giết hại hơn 3.000 tù binh.

...

Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu không có những người như thế, thì, như Hen-Vê-Xi-u-xơ đã nói, thời đại sáng tạo ra con người như thế.

Do C. Mác viết trong
tháng Giêng, tháng
Mười một 1850

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 7, tr. 16,
29, 62

NGÀY 18 THÁNG SƯƠNG MÙ CỦA LU-I BÔ-NA-PÁC-TƠ

... Con người làm ra lịch sử của mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là làm theo những điều kiện nhất định trực tiếp sẵn có, do quá khứ để lại. Truyền thống của tất cả các thế hệ đã qua đè nặng lên đầu óc những người đang sống. Và ngay khi con người có vẻ như là đang ra sức tự cải tạo mình

và cải tạo sự vật ra sức sáng tạo ra một cái gì hoàn toàn mới mẻ, thì chính trong những thời kỳ khủng hoảng cách mạng đó, họ lại sợ hãi mà cầu viện đến các vong linh thời trước, họ lại mượn tên tuổi, khẩu hiệu, y phục của những vong linh đó, để rồi đội cái lột đáng kính ấy của người xưa, và dùng những lời lẽ vay mượn đó, mà hiện ra trên sân khấu mới của lịch sử. Như Lu-te đã đội lột thánh Pôn, cuộc Cách mạng từ 1789 đến 1814 đã lần lượt khoác bộ y phục của Cộng hòa La-mã, rồi sau đó, khoác y phục của Đế chế La-mã, còn cuộc cách mạng 1848 thì chẳng biết làm gì hơn là khi thì học đòi theo cuộc Cách mạng 1789, khi thì học đòi theo truyền thống cách mạng từ 1793 đến 1795. Cũng như một người mới bắt đầu học một thứ ngôn ngữ mới, bao giờ cũng dịch nó trong đầu óc sang tiếng mẹ đẻ của mình, nhưng chỉ khi nào người đó đã dùng được ngữ ngôn đó mà không nhớ đến và thậm chí còn quên hẳn được tiếng mẹ đẻ của mình, thì người đó mới nắm chắc được tinh thần của ngôn ngữ mới đó, và mới nói được một cách trôi chảy.

...

Cách mạng xã hội thế kỷ XIX không thể lấy được thi hứng của mình ở quá khứ, mà chỉ có thể lấy được ở tương lai thôi. Cách mạng xã hội không thể bắt đầu thực hiện nhiệm vụ

của bản thân nó được, chừng nào nó chưa hoàn toàn tẩy trừ được hết mọi mê tín đối với quá khứ. Cuộc cách mạng trước kia cần có những sự hồi tưởng lại quá khứ lịch sử để tự che giấu nội dung của chính mình. Cách mạng của thế kỷ XIX phải trao cho những kẻ đã chết chôn cất lấy những người chết của họ, để làm sáng tỏ cho mình chính ngay cái nội dung của bản thân. Trước kia, lời nói vượt ra ngoài nội dung, bây giờ thì chính nội dung vượt ra ngoài lời nói.

C. Mác viết từ tháng
Chạp 1851 đến tháng
Ba 1852

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 8, tr. 119 -
120, 122

NHỮNG BẢN THẢO KINH TẾ CÁC NĂM 1857 - 1859¹¹

... Đối với cá nhân riêng lẻ, cũng như đối với xã hội, tính chất toàn diện của sự phát triển, của nhu cầu và của hoạt động của nó phụ thuộc vào việc tiết kiệm thời gian. Mọi sự tiết kiệm rút cục lại là tiết kiệm thời gian. Cũng đúng như xã hội phải phân phối thời gian của mình một cách hợp lý để đạt được mức sản xuất đáp ứng được những nhu cầu chung của xã hội, mỗi cá nhân cũng như vậy,

phải phân phối cho đúng thời gian của mình để trao đổi kiến thức trên những mặt cần thiết hoặc để thỏa mãn những đòi hỏi khác nhau cần cho hoạt động của mình. Bởi vậy, tiết kiệm thời gian, cũng như việc phân phối có kế hoạch thời gian lao động trong các ngành sản xuất khác nhau, vẫn là qui luật kinh tế thứ nhất trên cơ sở sản xuất tập thể.

...

Tiết kiệm thời gian lao động có nghĩa là tăng thêm thời gian tự do, tức là thời gian cho sự phát triển đầy đủ của cá nhân, chính sự phát triển này, như là lực lượng sản xuất lớn nhất, về phía nó lại tác động trở lại đối với năng suất lao động. Về phương diện quá trình trực tiếp của sản xuất có thể xem tiết kiệm thời gian lao động như là sản xuất ra *tư bản cơ bản*, với ý nghĩa đó chính con người cũng lại là tư bản cơ bản đó.

... Thời gian tự do—coi như nhàn rỗi, cũng là thời gian để tiến hành những hoạt động cao quý hơn—chắc chắn sẽ biến người nào có thời gian đó thành một chủ thể khác, và với tư cách là chủ thể khác đó người ấy lại tham gia vào quá trình trực tiếp của sản xuất đồng thời là trường học của kỷ luật, còn đối với con người đã trưởng thành, đầu óc được trang bị bằng những tri thức do xã hội đã tích lũy thì quá trình đó là áp dụng (tri

thức), khoa học thực nghiệm, khoa học sáng tạo vật chất và thể hiện thành các vật dụng. Đối với con người đang rèn luyện và đối với con người đã trưởng thành, quá trình sản xuất đồng thời là sự luyện tập thân thể, vì rằng lao động đòi hỏi phải sử dụng thực tiễn đến chân tay và sự vận động thoải mái, giống như trong nông nghiệp.

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 46, tr. 117, 221

LỜI TỰA CUỐN «PHÊ PHÁN CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC»

... Tác phẩm thứ nhất mà tôi đã viết để giải quyết những thắc mắc đã ám ảnh tôi, là nhằm xét lại một cách có phê phán *Triết học pháp quyền* của Hê-ghen; lời nói đầu của tác phẩm này đã được đăng trên tờ Đức-Pháp biên niên, xuất bản tại Pa-ri năm 1844. Kết quả của những việc tìm tòi của tôi là: không thể lấy bản thân những quan hệ pháp quyền và những hình thái nhà nước, hay lấy cái gọi là sự phát triển chung của tinh thần con người, để giải thích những quan hệ và hình thái đó, mà trái lại, phải thấy rằng những quan hệ

và hình thái đó bắt nguồn từ trong những điều kiện sinh hoạt vật chất, những điều kiện mà Hê-ghen, theo cách nói của người Anh và Pháp hồi thế kỷ thứ XVIII, gọi gộp chung lại là «xã hội công dân», và việc giải phẫu xã hội công dân này thì lại phải tìm ở trong khoa kinh tế chính trị. Tôi đã bắt đầu nghiên cứu khoa này khi ở Pa-ri và sau lại tiếp tục nghiên cứu ở Bơ-rúc-xen, nơi mà tôi đã di cư đến theo lệnh của ông Ghi-dô trục xuất tôi khỏi Pa-ri. Kết quả chung mà tôi đã đạt được và đã trở thành kim chỉ nam cho mọi sự nghiên cứu sau này của tôi, có thể trình bày vắn tắt như sau. Trong sự sản xuất xã hội về đời sống của mình, con người có những quan hệ với nhau, những quan hệ nhất định, tất yếu, độc lập đối với ý muốn của họ, tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ sản xuất này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cơ sở thực tại, trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị, và tương ứng với cơ sở thực tại đó thì có những hình thái ý thức xã hội nhất định. Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định sự tồn

tại của họ, trái lại, chính sự tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ. Tới một giai đoạn phát triển nào đó, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội sẽ mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay — đây chỉ là đứng về mặt biểu hiện pháp luật của những quan hệ sản xuất đó mà nói, — mâu thuẫn với những quan hệ sở hữu, mà trong đó từ trước đến nay, các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại của một cuộc cách mạng xã hội. Cơ sở kinh tế thay đổi thì tất cả cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng. Khi nghiên cứu những cuộc đảo lộn ấy, bao giờ người ta cũng cần phân biệt cuộc đảo lộn vật chất — mà người ta có thể lấy sự chính xác của khoa học tự nhiên ra để xét nghiệm — trong những điều kiện kinh tế của sản xuất, với những hình thái pháp lý, chính trị, tôn giáo, nghệ thuật hay triết học, tóm lại, với những hình thái tư tưởng mà người ta dùng để quan niệm cuộc xung đột ấy và đấu tranh để giải quyết cuộc xung đột ấy. Nếu ta không thể phán đoán một người mà chỉ căn cứ vào ý kiến của chính người đó đối với bản thân, thì ta cũng không thể phán đoán một thời đại đảo lộn như thế mà chỉ căn cứ vào ý thức của

thời đại ấy. Trái lại, phải giải thích ý thức ấy bằng những mâu thuẫn của đời sống vật chất, bằng sự xung đột hiện có giữa các lực lượng sản xuất của xã hội với những quan hệ sản xuất. Một hình thái xã hội không bao giờ mất đi trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn cho sự phát triển lại chưa được phát triển và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ. Cho nên nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra cho mình những nhiệm vụ mà mình có thể giải quyết được, vì khi xét kỹ hơn, bao giờ người ta cũng thấy rằng bản thân nhiệm vụ ấy chỉ nảy ra khi những điều kiện vật chất để giải quyết nó đã có rồi hay ít ra cũng đang hình thành. Về đại thể có thể coi các phương thức sản xuất Á châu, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiên triển dần dần của hình thái kinh tế xã hội. Quan hệ sản xuất tư sản là hình thức đối kháng cuối cùng của quá trình sản xuất xã hội, đối kháng đây không có nghĩa là đối kháng cá nhân, mà có nghĩa là đối kháng nảy sinh ra từ trong những điều kiện sinh hoạt xã hội của cá nhân; nhưng những lực lượng sản xuất phát triển trong lòng xã hội tư sản đồng thời cũng tạo ra những điều

kiện vật chất để giải quyết đối kháng ấy. Vì vậy, cùng với hình thái xã hội đó, thời kỳ tiền sử của xã hội loài người cũng đang kết thúc.

C. Mác viết tháng Giêng
1859

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 13, tr. 6-8

TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

THÀNH LẬP NGÀY 28 THÁNG CHÍN 1864 TRONG
MỘT CUỘC HỘI NGHỊ CÔNG KHAI Ở LUÂN-ĐÔN,
PHỐ LÔNG Ê-CƠ-RƠ PHÒNG XANH MÁC-TIN

... Nếu chúng ta muốn biết giai cấp công nhân đã và đang tạo ra «sự phát triển về mặt giàu có và hùng mạnh, làm cho người ta say sưa như thế và hoàn toàn bó hẹp trong phạm vi các giai cấp có của ấy» trong những điều kiện như thế nào mà làm cho bản thân mình mất sức khỏe, bại hoại đạo đức và mòn mỏi trí tuệ, thì hãy nhìn vào đoạn miêu tả nhà in và những xưởng may áo đàn ông và đàn bà, trong bản báo cáo chính thức về vệ sinh vừa rồi. Hãy so sánh lời khẳng định nêu ra ở trên với «Báo cáo của tiểu ban về lao động của trẻ em» công bố năm 1863; chẳng hạn trong bản báo cáo đó nói rằng «những người thợ làm

đồ gồm, đàn ông cũng như đàn bà, về mặt thể xác và trí tuệ là nhóm người bị mòn mỏi nhiều nhất», «trẻ con mà ốm yếu thì sau này cũng thành những người bỏ mẹ ốm yếu», «nòi giống nhất định càng ngày càng sút kém», «sự mòn mỏi của dân cư Stáp-pho-sai-rơ sẽ còn trầm trọng hơn nữa, nếu như không thường xuyên có dân ở các địa phương bên cạnh đến trú ngụ, và nếu như không có những sự hôn phối với những nhóm người khỏe hơn». Hãy nhìn vào cuốn sách xanh với bản báo cáo của Tơ-ri-men-hia về những lời khiêu nại của công nhân làm bánh! Và thử hỏi ai mà không rùng mình trước lời tuyên bố ngược đời của những viên thanh tra công xưởng, đã được sở thông kê về sinh chính thức tự xác nhận, nói rằng các Công nhân Lan-cai-sai-rơ, khi họ tạm thời ngừng việc ở các xưởng dệt vải và phải ăn đói, vì thiếu bông sản xuất, thì trên thực tế họ lại khỏe mạnh, rằng tỉ lệ trẻ em chết trong thời kỳ này đã giảm bớt, bởi vì rút cục những bà mẹ đã có thể nuôi con bằng vú sữa, chứ không phải bằng liều thuốc phiện!

...

Nhưng dù sao, thời kỳ từ những cuộc cách mạng 1848 đến nay, cũng đã có những mặt tốt. Ở đây chúng ta chỉ đưa ra hai sự việc lớn:

Sau cuộc đấu tranh 30 năm mà giai cấp công

nhân Anh tiên hành với một tinh thần bền bỉ, đáng kính ngạc, giai cấp công nhân Anh đã lợi dụng sự chia rẽ tạm thời giữa giai cấp quý tộc tiền tệ, để giành được đạo luật về ngày làm 10 giờ. Nhưng kết quả hết sức tốt về mặt thể lực, đạo đức và trí lực, mà đạo luật đó đem lại cho các công nhân công xưởng, cứ nửa năm một, lại được nêu lên trong bản báo cáo của các viên thanh tra công xưởng, ngày nay đã được mọi người thừa nhận. Phần lớn các chính phủ châu Âu đã phải tiếp nhận đạo luật công xưởng của Anh, với ít nhiều những sửa đổi về hình thức, và bản thân nghị viện Anh hàng năm cũng bắt buộc phải mở rộng phạm vi tác dụng của đạo luật đó. Nhưng trong biện pháp thi hành đối với công nhân, ngoài ý nghĩa thực tiễn của nó, còn có một cái gì khác nữa đã giúp nó có được thành công một cách đáng ngạc nhiên. Thông qua những nhà bác học nổi tiếng nhất của mình, như bác sĩ U-rơ, giáo sư Sê-Ni-o và những nhà thông thái khác cùng cỡ, giai cấp tư sản đã đoán trước và đã nhai đi nhai lại không ngớt rằng bất cứ một sự hạn chế thời gian lao động nào về mặt pháp luật, cũng đều là tiếng kèn đám ma đối với công nghiệp Anh; giống như con quỷ hút máu, hơn nữa là hút máu trẻ em. Hồi xưa, việc giết trẻ em là một lễ nghi huyền bí của đạo Mơ-lôc, nhưng việc giết hại đó chỉ

thực hiện trong một số trường hợp rất long trọng, có lẽ mỗi năm không quá một lần; hơn nữa thần Mơ-lôc cũng không tỏ ra đặc biệt thích hút máu những con em của người nghèo. Cuộc đấu tranh xung quanh việc hạn chế thời gian lao động về mặt pháp luật, đã được tiến hành mãnh liệt hơn, bởi vì ngoài sự hoảng sợ của giai cấp tư sản tham lam vô độ, vấn đề ở đây là sự tranh luận lớn giữa một bên là sự thông trị mù quáng của qui luật cung cầu, qui luật này cấu thành thực chất của chính trị kinh tế học của giai cấp tư sản và một bên là nền sản xuất xã hội, do dự kiến của xã hội chỉ đạo, cấu thành thực chất của chính trị kinh tế học của giai cấp công nhân. Vì vậy, đạo luật về ngày làm 10 giờ không những là một thành công thực tế quan trọng, mà còn là thắng lợi của nguyên tắc; lần đầu tiên, chính trị kinh tế học của giai cấp tư sản đã công khai đầu hàng trước chính trị kinh tế học của giai cấp công nhân.

Chính trị kinh tế học của lao động còn thắng lợi to lớn hơn nữa đối với chính trị kinh tế học của chế độ tư hữu. Chúng ta nói đến phong trào hợp tác, nhất là đến những công xưởng hợp tác do một số ít «bàn tay» (hands)¹⁾ dùng cảm đã tự lực lập nên. Không thể nào đánh

¹⁾ Hands là bàn tay, cũng dùng để chỉ công nhân.

giá hết được ý nghĩa của những sự thí nghiệm xã hội vĩ đại ấy. Không phải bằng lời nói mà bằng việc làm, người công nhân đã chứng minh rằng nền sản xuất với qui mô lớn—hơn nữa lại được tiến hành theo những yêu cầu của khoa học hiện đại—là nền sản xuất có thể thực hiện được mà không cần đến giai cấp những người chủ sử dụng lao động của giai cấp công nhân làm thuê; họ đã chứng minh rằng muốn sản xuất thuận lợi thì công cụ lao động hoàn toàn không thể bị lũng đoạn để dùng làm công cụ thống trị và cướp bóc công nhân, rằng giống như lao động của nô lệ, của nông nô, lao động làm thuê chỉ là một hình thức tạm thời và thấp, cần phải nhường chỗ cho lao động liên hợp tiến hành một cách tự nguyện, phân khởi và vui vẻ.

...

Việc giành chính quyền trở thành một nghĩa vụ vĩ đại của giai cấp công nhân. Xem chừng các công nhân đã hiểu điều đó, bởi vì ở Anh, Đức, Ý và Pháp phong trào đã đồng thời bắt đầu sôi nổi và đồng thời đã có những bước cải tổ đảng công nhân về mặt chính trị.

Công nhân đã có sẵn một trong những yếu tố của thành công là số lượng; nhưng số lượng

chỉ giải quyết được vấn đề khi mà quần chúng được tổ chức lại và được tri thức chỉ đạo. Kinh nghiệm của quá khứ chứng tỏ rằng thái độ coi thường sự liên minh anh em cần phải có giữa công nhân các nước khác nhau, coi thường sự liên minh anh em phải thúc đẩy họ kề vai sát cánh trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, sẽ làm cho những cố gắng phân tán của họ phải chịu sự thất bại chung. Nhận thức đó đã thúc đẩy công nhân các nước khác nhau họp ngày 28 tháng chín 1864 thành lập Hội Liên hiệp lao động quốc tế trong một phiên họp công khai ở phòng Xanh Mác-tin.

Lại còn một lòng tin nữa đã cổ vũ những người tham gia hội nghị đó.

Nếu việc giải phóng giai cấp công nhân không đòi hỏi phải có sự đoàn kết anh em và sự hợp tác của công nhân, thì làm sao mà họ có thể hoàn thành được nhiệm vụ vĩ đại đó trong khi đang có một chính sách đối ngoại theo đuổi những mục đích tội ác, lợi dụng những thành kiến dân tộc, và phung phí xương máu và của cải của nhân dân trong những cuộc chiến tranh ăn cướp? Cái mà đã cứu vớt Tây Âu khỏi sự phiêu lưu của một cuộc chiến tranh thập tự quân có tính chất nhục nhã, nhằm mục đích duy trì mãi và truyền bá sự nô lệ được đẩy sang bên kia Đại tây dương,

không phải là sự khôn ngoan của các giai cấp thống trị, mà là sự phản kháng anh dũng của giai cấp công nhân Anh về những hành động điên cuồng đầy tội lỗi của chúng. Sự tán thành một cách nhục nhã, sự đồng tình vô liêm sỉ, sự đồng tình giả vờ hay sự hững hờ ngu ngốc của các giai cấp bên trên của châu Âu đứng nhìn nước Nga xâm chiếm những đồn ải miền núi Cáp-ca-dơ và cắt xén đất đai của nước Ba-lan anh dũng; những cuộc xâm lược to lớn và không hề bị phản kháng của cường quốc dã man ấy, một nước mà đầu não thì ở Xanh Pê-téc-bua, còn nanh vuốt thì ở khắp các chính phủ châu Âu; tất cả những cái đó đã chỉ cho giai cấp công nhân thấy rõ nghĩa vụ của mình là tự mình phải nắm lấy những bí mật của chính trị quốc tế, phải theo dõi hoạt động ngoại giao của chính phủ nước mình và trong trường hợp cần thiết, phải dùng mọi phương tiện sẵn có trong tay để chống lại sự hoạt động ngoại giao đó; còn trong trường hợp không thể ngăn ngừa được hoạt động đó, thì đoàn kết lại để đồng thời vạch trần nó ra và tìm cách làm cho những qui tắc giản đơn của đạo đức và công lý dùng làm kim chỉ nam trong quan hệ lẫn nhau của các cá nhân, cũng trở thành những qui tắc tối cao trong quan hệ giữa các dân tộc.

Cuộc đấu tranh cho một chính sách ngoại giao như vậy là một bộ phận của cuộc đấu tranh chung để giải phóng giai cấp công nhân.

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

C. Mác viết ngày 21 - 27
tháng Mười 1864

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 16, tr. 5 - 6,
8 - 9, 10 - 11

ĐIỀU LỆ CHUNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Xét vì:

Sự giải phóng của giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân; cuộc đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân không phải là một cuộc đấu tranh để giành những đặc quyền và những độc quyền giai cấp, mà là để giành lấy những quyền lợi và nghĩa vụ bình đẳng và để xóa bỏ mọi sự thống trị giai cấp;

Tình trạng người lao động bị bọn nắm độc quyền tư liệu lao động, tức là những nguồn sống, chi phối về mặt kinh tế là cơ sở của sự nô dịch,

dưới tất cả mọi hình thức, là cơ sở của mọi cảnh cùng khổ trong xã hội, của tình trạng khốn khổ về mặt tinh thần và lệ thuộc về mặt chính trị;

Do đó, cuộc giải phóng giai cấp công nhân về mặt kinh tế là mục tiêu vĩ đại mà bất cứ phong trào chính trị nào cũng cần phải phục tùng, như một thủ đoạn;

Tất cả mọi cố gắng nhằm đạt tới mục tiêu vĩ đại đó, cho tới nay, đều không đem lại kết quả gì cả, vì không có sự đoàn kết giữa người công nhân thuộc các ngành lao động khác nhau trong mỗi nước và vì không có sự liên hiệp thân thiết giữa những người công nhân ở các nước khác nhau;

Giải phóng lao động không phải là một vấn đề địa phương hay dân tộc, mà là một vấn đề xã hội, bao quát tất cả các nước trong đó xã hội hiện đại đang tồn tại và việc giải quyết vấn đề này phụ thuộc vào sự cộng tác, về mặt thực tiễn và về mặt lý luận của các nước tiên tiến nhất;

Cao trào mới hiện nay của giai cấp công nhân các nước công nghiệp tiên tiến nhất ở châu Âu trong khi gợi lên những hy vọng mới, thì đồng thời cũng cảnh cáo một cách trịnh trọng là không được tái phạm những sai lầm cũ và đòi hỏi phải liên hiệp lại ngay lập tức tất cả những phong trào đang còn rời rạc;

Vì những lý do ấy mà Hội liên hiệp lao động quốc tế đã được thành lập.

Hội liên hiệp tuyên bố rằng: tất cả các đoàn thể và hết thảy mọi cá nhân gia nhập Hội liên hiệp đều thừa nhận chân lý, chính nghĩa và đạo đức là cơ sở cho hành vi của họ đối với nhau và đối với tất cả mọi người không phân biệt màu da, tín ngưỡng hoặc dân tộc.

Hội liên hiệp công nhận rằng *không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi.*

Chính theo tinh thần của những nguyên tắc ấy, mà định ra điều lệ như sau:

1. Hội liên hiệp được thành lập là để làm một trung tâm liên lạc và hợp tác giữa các đoàn thể công nhân các nước, theo đuổi cùng một mục đích, tức là bảo vệ, phát triển và hoàn toàn giải phóng giai cấp công nhân.

2. Tên Hội là *Hội liên hiệp lao động quốc tế.*

3. Mỗi năm sẽ có một kỳ đại hội công nhân gồm những đại biểu của các chi hội. Đại hội này sẽ tuyên bố những nguyện vọng chung của giai cấp công nhân, sẽ đề ra những biện pháp cần thiết để làm cho hoạt động của Hội liên hiệp lao động quốc tế đi đến thắng lợi và sẽ cử ra Ban chấp hành trung ương của Hội.

4. Mỗi kỳ Đại hội sẽ ấn định ngày và nơi họp cho kỳ đại hội sau. Các đại biểu sẽ căn cứ hoàn

toàn theo như ngày giờ và địa điểm đã qui định mà đến họp, không cần phải có một thông tri triệu tập đặc biệt. Trong trường hợp cần thiết, Ban chấp hành trung ương có quyền thay đổi nơi họp đại hội, nhưng không có quyền hoãn ngày họp. Mỗi năm đại hội họp sẽ định trụ sở của Ban chấp hành trung ương và cử ra các ủy viên chấp hành trung ương. Ban chấp hành trung ương được bầu ra như vậy sẽ có quyền cử thêm các ủy viên mới.

Trong những kỳ họp hàng năm, đại hội sẽ nghe Ban chấp hành trung ương báo cáo công khai công tác của mình trong năm. Trong trường hợp cần thiết cấp bách, Ban chấp hành trung ương có thể triệu tập đại hội họp trước thời gian đã qui định.

5. Ban chấp hành trung ương gồm có những công nhân của các nước tham gia Hội liên hiệp lao động quốc tế. Ban chấp hành trung ương sẽ lựa chọn trong nội bộ của mình các ủy viên phụ trách cần thiết để điều khiển các công việc như: thủ quỹ, Tổng bí thư, những bí thư riêng cho các nước v.v..

6. Ban chấp hành trung ương sẽ hoạt động với tư cách là cơ quan đại diện quốc tế của các đoàn thể toàn quốc và các đoàn thể địa phương, để sao cho công nhân mỗi nước đều có thể thường xuyên hiểu rõ các phong trào của giai cấp công nhân trong các nước khác; để sao cho

công tác điều tra về tình trạng xã hội trong các nước khác nhau ở châu Âu có thể được tiến hành đồng thời và dưới một sự chỉ đạo chung; để sao cho những vấn đề do một đoàn thể đề ra nhưng có một ý nghĩa chung đều được tất cả các đoàn thể khác thảo luận; để khi cần đòi hỏi phải có hành động tức khắc, như trong trường hợp xảy ra những vụ xung đột quốc tế chẳng hạn, thì những đoàn thể tham gia Hội liên hiệp đều có thể hành động đồng thời và nhất trí được. Trong tất cả những trường hợp thích đáng, Ban chấp hành trung ương phải chủ động đề ra những kiến nghị với các đoàn thể toàn quốc và các đoàn thể địa phương. Để liên lạc được thuận tiện, Ban chấp hành trung ương sẽ xuất bản một tờ nội san định kỳ.

7. Vì sự thành công của phong trào công nhân trong mỗi nước chỉ có thể được bảo đảm bằng sức mạnh của sự thống nhất về sự tổ chức và mặt khác; vì sự hoạt động của Ban chấp hành trung ương sẽ có hiệu lực hơn, nếu nó có thể liên hệ được với vài trung tâm có tính chất toàn quốc của các đoàn thể công nhân, chứ không phải liên hệ với rất nhiều đoàn thể nhỏ ở các địa phương và không có liên hệ với nhau, — vì những lý do đó, nên các hội viên của Hội liên hiệp lao động quốc tế sẽ phải đem hết mọi cố gắng của mình ra để thống nhất các

đoàn thể công nhân đang còn rời rạc của nước họ lại thành những tổ chức có tính chất toàn quốc do các cơ quan trung ương toàn quốc làm đại biểu. Dĩ nhiên việc vận dụng điều khoản này còn tùy thuộc vào những luật pháp riêng biệt ở mỗi nước, và trừ những chướng ngại về mặt luật pháp ra không kể, mỗi đoàn thể địa phương độc lập sẽ có quyền liên hệ thẳng với Ban chấp hành trung ương.

8. Mỗi chi hội đều có quyền cử ra các bí thư thông tin của mình để liên lạc với Ban chấp hành trung ương.

9. Ai thừa nhận và bảo vệ các nguyên tắc của Hội liên hiệp lao động quốc tế đều có thể được nhận làm hội viên. Mỗi chi hội đều phải chịu trách nhiệm về sự thuần khiết về phẩm chất của các hội viên của mình.

10. Mỗi hội viên của Hội liên hiệp lao động quốc tế, khi đi từ một nước này đến một nước khác, đều sẽ được sự giúp đỡ anh em của các hội viên của Hội.

11. Tất cả các đoàn thể công nhân gia nhập Hội liên hiệp lao động quốc tế, tuy liên hiệp với nhau bằng một mối liên hệ anh em đoàn kết và hợp tác với nhau, nhưng vẫn giữ nguyên tổ chức riêng của mình.

12. Bản điều lệ này có thể sửa đổi lại trong mỗi kỳ Đại hội nêu hai phần ba số đại biểu có mặt yêu cầu.

13. Tất cả những điểm không được qui định trong bản điều lệ này, đều sẽ được bổ sung bằng những qui tắc riêng mà mỗi kỳ đại hội có thể sửa đổi lại.

C. Mác sơ thảo bản điều lệ này trong thời gian từ ngày 21 đến ngày 27 tháng Mười 1864

C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t.17, tr. 445 - 448

TIỀN LƯƠNG, GIÁ CẢ VÀ LỢI NHUẬN

... Trong khi bán sức lao động của mình — và dưới chế độ hiện nay người công nhân buộc phải làm như vậy, — thì người công nhân nhường cho người tư bản việc sử dụng sức lao động ấy trong những giới hạn hợp lý nào đó. Không nói đến sự hao mòn tự nhiên của sức lao động, thì anh ta bán sức lao động để duy trì nó, chứ không phải để phá hủy nó. Ngay chính việc bán sức lao động của mình theo giá trị hàng ngày hay hàng tuần cũng hàm ý rằng không thể bắt sức lao động ấy trong một ngày hay trong một tuần phải hao mòn như trong hai ngày hay

- trong hai tuần. Hãy lấy thí dụ một cái máy trị giá 1.000 li-vơ-rơ. Nếu nó dùng được trong 10 năm thì nó sẽ thêm vào giá trị những hàng hóa mà nó dự phần chế tạo, 100 li-vơ-rơ một năm. Nếu nó dùng được trong 5 năm thì nó thêm vào giá trị đó 200 li-vơ-rơ mỗi năm, nghĩa là giá trị của sự hao mòn hàng năm của nó hoàn toàn tỉ lệ nghịch với sự nhanh chóng của sự hao mòn đó. Nhưng người công nhân khác cái máy ở chỗ là cái máy hao mòn không hoàn toàn theo tỉ lệ với việc người ta sử dụng nó, còn người công nhân thì lại suy nhược theo một mức độ lớn hơn là người ta có thể thấy trên con tính cộng đơn giản số lao động của người đó.
-

...

Thời gian là trường học phát triển của con người. Một người không có thì giờ rỗi nào, một người mà suốt đời, ngoài những lúc nghỉ đơn thuần về thể xác để ngủ, ăn, v.v., còn thì toàn bận phải lao động cho người tư bản, người đó còn kém một con vật để thờ. Đó chỉ là một cái máy thường để sản xuất ra của cải cho kẻ khác, một cái máy mà thể chất thì bị hủy hoại và tinh thần thì hóa ra điên độn. Thế mà toàn bộ lịch sử công nghiệp hiện đại chỉ ra rằng nếu người ta không ngăn cản thì tư bản sẽ ra sức tìm cách hạ thấp toàn bộ

giai cấp công nhân xuống cái mức thoái hóa cực độ ấy, mà không kiên nhẫn, không thương xót gì cả.

Báo cáo của C. Mác đọc
tại Hội nghị toàn Ban chấp
hành trung ương Hội Liên
hiệp Lao động quốc tế,
ngày 20 và 27 tháng Sáu
1865

C. Mác và Ph. Ăng-
ghen, Toàn tập, tiếng
Nga, xuất bản lần thứ
2, t. 16, tr. 146, 147

CHỈ THỊ VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ GỬI CÁC ĐẠI BIỂU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LÂM THỜI¹²

A—LAO ĐỘNG CỦA NHI ĐỒNG VÀ THIẾU NIÊN (CẢ HAI GIỚI)

... Chúng tôi cho rằng xu thế của công nghiệp hiện đại thu hút nam nữ nhi đồng và thiếu niên tham gia vào sự nghiệp vĩ đại của nền sản xuất xã hội là một xu thế tiên bộ, lành mạnh và chính đáng, dù rằng dưới sự thống trị của tư bản cái xu thế đó được thực hiện theo một phương thức kinh tởm. Trong một chế độ xã hội hợp lý, *mỗi trẻ em* từ 9 tuổi trở lên đều phải trở thành người lao động sản xuất, cũng giống như không một người lớn nào có khả năng lao động, lại có

thể thoát khỏi qui luật chung của tự nhiên, cụ thể là để có ăn thì phải lao động, và không chỉ lao động bằng đầu óc mà còn phải lao động bằng hai bàn tay. Song hiện nay nhiệm vụ của chúng ta chỉ là chăm sóc nhi đồng và thiếu niên trong giai cấp công nhân.

Căn cứ vào thể lực, chúng tôi cho rằng phải phân chia nam nữ nhi đồng và thiếu niên thành ba nhóm, những nhóm này cần phải được đối xử có phân biệt. Nhóm thứ nhất gồm trẻ em từ 9 tuổi đến 12 tuổi, nhóm thứ hai — từ 13 đến 15 tuổi, nhóm thứ ba — 16 và 17 tuổi. Chúng tôi đề nghị pháp luật phải giới hạn thời gian lao động trong bất cứ xưởng thợ nào hay trong gia đình, đối với nhóm thứ nhất là *hai* giờ, đối với nhóm thứ hai là *bốn* giờ và đối với nhóm thứ ba là *sáu* giờ. Đối với nhóm thứ ba phải có một lần nghỉ ít nhất là một giờ để ăn hoặc nghỉ ngơi.

Có lẽ nên tiến hành giáo dục tiểu học từ lứa tuổi trước 9 tuổi, nhưng ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới chất tiêu độc cần thiết để chống lại những xu hướng của một chế độ xã hội đang hạ thấp công nhân xuống mức một công cụ đơn thuần của tích lũy tư bản và thông qua sự nghèo túng của họ mà biến những người cha mẹ thành những chủ nô, thành những người đem bán cả chính con cái của mình. *Quyền* của nhi đồng và thiếu niên phải được bảo hộ. Các em

không có khả năng tự mình bảo vệ lấy mình. Vì vậy nghĩa vụ của xã hội là phải bảo vệ các em.

Nếu giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc coi thường nghĩa vụ của họ đối với con cái của chính họ, thì đó là công việc của họ. Đứa trẻ được hưởng những đặc quyền của các giai cấp đó, cũng buộc phải đau khổ vì chính những thiên kiến của các giai cấp đó.

Đối với giai cấp công nhân thì tình hình khác hẳn. Công nhân không được tự do trong những hành động của mình. Trong quá nhiều trường hợp họ thậm chí dốt nát đến mức là không hiểu được những lợi ích chân chính của con em mình hoặc những điều kiện phát triển bình thường của con người. Nhưng dù sao thì bộ phận giác ngộ nhất trong giai cấp công nhân cũng nhận thức rất rõ rằng tương lai của giai cấp họ và do đó tương lai của cả loài người, hoàn toàn phụ thuộc vào việc giáo dục thế hệ công nhân đang lớn lên. Họ biết rằng trước hết cần phải bảo vệ nhi đồng và thiếu niên công nhân khỏi những hậu quả tai hại của chế độ hiện tại. Chỉ có thể đạt tới điều đó bằng con đường biến ý thức xã hội thành lực lượng xã hội, và trong điều kiện hiện nay thì điều đó chỉ có thể xuất hiện thông qua những đạo luật chung do chính quyền nhà nước ban hành. Với việc thực hiện những đạo luật đó, giai cấp công nhân không hề làm tăng quyền lực của chính phủ. Ngược lại, họ biến cái

chính quyền mà hiện nay người ta đang dùng để chống lại họ, thành công cụ của họ. Bằng một hành vi lập pháp chung họ đạt được những điều mà họ hoài công đòi hỏi thông qua những cố gắng của những cá nhân riêng lẻ.

Xuất phát từ quan điểm đó, chúng tôi tuyên bố rằng các bậc cha mẹ và các nhà kinh doanh bất luận trong trường hợp nào cũng không được phép sử dụng lao động của nhi đồng và thiếu niên nếu lao động đó không được kết hợp với giáo dục.

Chúng tôi hiểu giáo dục là gồm ba việc sau đây:

Một là: *trí dục*.

Hai là: *thể dục* giống như những điều người ta dạy ở các trường thể dục và trong luyện tập quân sự.

Ba là: *dạy kỹ thuật bách khoa*, việc dạy kỹ thuật bách khoa này làm cho các em biết những nguyên tắc cơ bản của tất cả mọi quá trình sản xuất, đồng thời làm cho trẻ em và thiếu niên có được những kỹ năng sử dụng những công cụ đơn giản nhất của tất cả các ngành sản xuất.

Các bài khóa ngày càng phức tạp dần về trí dục, thể dục và kỹ thuật bách khoa phải thích ứng với việc phân loại trẻ em công nhân theo các nhóm tuổi. Những chi phí cho các trường

bách khoa kỹ thuật phải được bù đắp lại một phần bằng việc bán các sản phẩm của các trường đó.

Việc kết hợp giữa lao động sản xuất được trả công với trí dục, thể dục và huấn luyện kỹ thuật bách khoa sẽ nâng giai cấp công nhân lên trình độ cao hơn nhiều so với trình độ của giai cấp quý tộc và giai cấp tư sản.

Đương nhiên là pháp luật cần phải nghiêm cấm việc sử dụng tất cả trẻ em từ 9 đến 17 tuổi (hết tuổi 17) làm ban đêm và trong tất cả các ngành sản xuất có hại đến sức khỏe.

C. Mác viết năm 1866

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 16, tr. 197-199

TƯ BẢN¹³

PHÊ PHÁN KHOA
KINH TẾ CHÍNH TRỊ

(Quyển thứ nhất)

... Ta phải hiểu danh từ đó (sức lao động — BT.) là toàn bộ các thể lực và trí lực ở trong thân thể một con người, trong nhân cách sinh động của con người, thể lực và trí lực mà con

người phải làm cho hoạt động để sản xuất ra những vật có ích.

... Sức lao động, do sự biểu hiện ra ngoài của nó mà được thực hiện. Nó xác định và thể hiện ra bằng lao động, còn lao động thì lại đòi hỏi phải có một sự hao phí nào đó về bắp thịt, gân nảo của con người, sự hao phí đó phải được bù lại. Hao mòn càng nhiều thì phí tổn sửa chữa càng lớn¹⁾. Nếu người sở hữu sức lao động đã lao động ngày hôm nay, thì anh ta phải có thể lại bắt đầu lao động ngày mai trong những điều kiện cường tráng và sức khỏe như cũ. Vậy tổng số những tư liệu sinh hoạt phải đủ để giữ anh ta ở trong trạng thái sinh hoạt bình thường.

Những nhu cầu tự nhiên, như thức ăn, quần áo, sưởi ấm, nhà ở v.v., thì khác nhau, tùy theo khí hậu và những đặc điểm tự nhiên của mỗi nước. Mặt khác, ngay cái số những nhu cầu mà người ta gọi là nhu cầu tự nhiên, cũng như phương thức thỏa mãn nhu cầu ấy, là một sản vật lịch sử, và do đó, một phần lớn là tùy theo trình độ văn minh đã đạt được. Nguồn gốc của giai cấp làm công trong mỗi nước, hoàn

¹⁾ Ở cổ La-mã, *villicus*, tức là người quản trị đứng đầu đám nô lệ nông nghiệp chỉ được một suất ăn ít hơn những người nô lệ, vì lao động của anh ta ít mệt nhọc hơn.

cảnh lịch sử trong đó giai cấp ấy hình thành, trong thời gian lâu dài, phải có ảnh hưởng lớn nhất đối với những thói quen, những yêu cầu, và do đó lại ảnh hưởng đến những nhu cầu mà giai cấp đó mang lại trong đời sống. Vậy sức lao động bao hàm, về phương diện giá trị, một yếu tố tinh thần và lịch sử đó là chỗ phân biệt nó với những hàng hóa khác.

...Muốn sửa đổi bản tính con người, sao cho nó có được khả năng, sự tinh xảo và sự nhanh nhẹn trong một loại lao động nhất định, nghĩa là muốn làm cho nó thành một sức lao động phát triển theo một hướng đặc biệt, thì phải có một sự giáo dục nào đó, mà chính ngay sự giáo dục này lại tốn một số nhiều hay ít vật ngang giá là hàng hóa. Số ấy thay đổi tùy theo tính chất phức tạp ít hay nhiều của sức lao động. Những phí tổn về giáo dục, thật ra thì rất ít đối với sức lao động giản đơn, đều gồm trong tổng số những hàng hóa cần thiết để sản xuất ra sức lao động.

... Ngày lao động là cái gì? Thời gian trong đó tư bản có quyền tiêu dùng sức lao động mà nó mua giá trị trong một ngày, thì dài bao nhiêu? Có thể kéo dài ngày lao động ra quá mức lao động tất yếu để tái sản xuất ra sức lao động đến điểm nào? Như ta đã thấy, đối với những câu hỏi đó, tư bản trả lời: ngày lao động gồm đầy

đủ 24 giờ, trừ vài giờ nghỉ mà nếu không có những giờ này thì sức lao động sẽ tuyệt đối không phục vụ được nữa. Rõ ràng rằng: suốt đời mình, bản thân người lao động không phải là cái gì khác mà chỉ là sức lao động thôi, nên do đó, tất cả thời gian sẵn có của nó, đứng về mặt pháp luật và tự nhiên mà nói, đều là thời gian lao động thuộc về tư bản và dùng để biến thành tư bản. Thời gian để học tập, để phát triển trí tuệ, để làm công tác xã hội, để giao thiệp với bà con và bạn bè, để cho thân thể và tinh thần được thoải mái, thậm chí để đi lễ ngày chủ nhật, và việc này, ở trong nước của những người thuộc phái nghỉ ngày chủ nhật, thật là điều hoàn toàn ngớ ngẩn! Nhưng trong cơn khát vọng mù quáng và vô độ của nó, trong tính háu ăn lao động thặng dư, tư bản không những vượt quá giới hạn tinh thần, mà còn vượt quá cả giới hạn sinh lý tốt cùng của ngày lao động nữa. Nó lấn chiếm cả thời gian cần thiết cho sự trưởng thành, sự phát triển và sự duy trì cơ thể cho được lành mạnh. Nó ăn cắp thời gian đáng lẽ người ta dùng để thở không khí tự do và hưởng thụ ánh mặt trời. Nó bớt xén thời gian ăn cơm, và trong những trường hợp có thể, thì nó sáp nhập thời gian đó vào chính ngay quá trình sản xuất, đến nỗi người lao động bị hạ thấp xuống hàng công cụ đơn giản, càng thấy mình được cho ăn uống như

người ta cho than vào lò súp-de, cho dầu mỡ vào máy móc. Nó rút ngắn thời gian ngủ dùng để đổi mới và làm tỉnh táo lại sức sống thành số giờ tối thiểu của những giấc ngủ mê man mệt nhọc, mà nếu không có số giờ tối thiểu đó thì cơ thể kiệt quệ sẽ không thể hoạt động được nữa. Qui tắc để giới hạn ngày lao động hoàn toàn không phải là sự duy trì sức lao động một cách bình thường, qui tắc quyết định thời gian nghỉ ngơi cho công nhân lại là khả năng tiêu dùng tối đa sức lao động trong mỗi ngày, dù sự tiêu dùng đó có kịch liệt và nặng nề đến mấy đi nữa. Tư bản không hề quan tâm xem sức lao động dùng được lâu hay chóng. Nó chỉ quan tâm đến cái mức tối đa sức lao động có thể tiêu dùng được trong một ngày và nó đạt được mục đích của nó bằng cách rút ngắn cuộc đời của người lao động, giống như một người làm ruộng tham lam thu hoạch được nhiều hơn bằng cách vắt kiệt màu mỡ đất đai của mình.

Sản xuất tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là sản xuất ra giá trị thặng dư, là thu hút lao động thặng dư, cho nên sản xuất đó, trong khi kéo dài ngày lao động, không những chỉ sản sinh ra sự hủy hoại sức lao động con người bằng cách tước đoạt những điều kiện hoạt động và phát triển thông thường của sức nó, hoặc về mặt thể chất hoặc về mặt tinh thần — mà còn sản sinh ra sự kiệt

lực và chết non của sức lực ấy. Nó kéo dài thời kỳ đó bằng cách rút ngắn cuộc đời của người đó lại.

...

Chúng ta đã chứng minh rằng điểm xuất phát của nền công nghiệp lớn là tư liệu lao động, tư liệu lao động này một khi được biến đổi, liền mang một hình thái phát triển nhất trong hệ thống máy móc của công xưởng. Trước khi nghiên cứu xem nhân lực đã bị nhập bằng cách nào vào hệ thống máy móc ấy, ta hãy nghiên cứu những ảnh hưởng trực tiếp nhất của sự biến đổi đó đối với người công nhân.

Khi làm cho sức bắp thịt trở thành thừa, thì máy móc khiến cho có thể dùng được những công nhân không có sức bắp thịt mạnh, nhưng chân tay của họ càng kém nở nang thì lại càng mềm mại hơn. Cho nên khi tư bản sử dụng máy móc thì khẩu hiệu của nó là: phải có lao động của phụ nữ và lao động của trẻ con! Cái phương tiện mạnh mẽ ấy để giảm bớt lao động nặng nhọc của con người, lập tức biến thành phương tiện tăng thêm số người làm thuê; nó bắt tất cả mọi người trong gia đình, không phân biệt già trẻ, trai gái, phải cúi mình chịu sự chi phối của tư bản. Lao động cưỡng bức vì lợi ích của tư bản đã chiếm chỗ của những cuộc chơi đùa của trẻ con, và chiếm chỗ của lao động tự do để nuôi dưỡng gia đình; thế mà chỗ dựa kinh tế

của gia đình lại chính là thứ lao động gia đình ấy¹⁾.

Giá trị sức lao động là do số tiền chi phí để nuôi sống bản thân người công nhân và gia đình anh ta, quyết định. Ném gia đình người công nhân ra thị trường, và do đó phân phối giá trị của một sức lao động cho nhiều sức lao động, là máy móc đã hạ thấp giá trị của sức lao động xuống. Có thể nói rằng bán sức lao động, chẳng hạn, mà bây giờ một gia đình công nhân bán ra thì được nhiều tiền hơn so với trước kia chỉ bán có một sức lao động của người chủ gia

¹⁾ Bác sĩ E-đu-a Smít, trong cuộc khủng hoảng bùng sau nội chiến ở Mỹ, được chính phủ Anh phái đi Lan-ke-se, Chét-sai-rơ v. v. để điều tra về tình hình sức khỏe của công nhân. Báo cáo điều tra có đoạn viết: «Về phương diện vệ sinh, và ngoài việc giải thoát công nhân khỏi không khí của nhà máy, thì cuộc khủng hoảng còn đem lại nhiều điều lợi. Vợ công nhân giờ đây đã có nhiều thời giờ để có thể cho con bú chứ không phải đầu độc chúng bằng rượu có thuốc phiện Gôt-phơ-rây nữa. Họ cũng có được thời giờ tập làm bếp». Tiếc thay là họ lại học được cái tài bếp núc đó vào lúc mà họ chẳng có cái gì ăn, nhưng người ta có thể thấy rằng tư bản muốn làm cho mình thêm phát triển, nên đã chiêm đoạt như thế nào lao động cần thiết cho sự tiêu dùng của gia đình. Một vài trường học còn lợi dụng cuộc khủng hoảng để dạy may vá cho nữ công nhân. Như vậy là đã cần phải có một cuộc cách mạng ở Mỹ và một cuộc khủng hoảng thế giới để cho nữ công nhân dệt vải cho cả thế giới học vá may.

đình; nhưng cũng do đó mà hiện nay bốn ngày lao động đã giảm đi theo tỉ lệ với sự chênh lệch giữa lao động thặng dư của bốn ngày lao động và lao động thặng dư của một ngày lao động. Bây giờ, để duy trì đời sống của một gia đình thì bốn người không những chỉ cung cấp lao động không thôi mà còn phải cung cấp lao động thặng dư cho tư bản. Như vậy là máy móc, trong khi tăng thêm nhân lực có thể bóc lột được, thì đồng thời cũng nâng cao mức độ bóc lột lên¹⁾.

¹⁾ «Do ngày càng tăng việc thay thế đàn ông bằng đàn bà, nhất là thay thế người lớn bằng trẻ con, nên con số người lao động tăng thêm rất nhiều. Một người đứng tuổi, tiền công hàng tuần từ 18 đến 45 si-linh, bây giờ được thay thế bằng ba em gái 13 tuổi, công từ 6 đến 8 si-linh». (Th. Đơ Quin-xây: *The Logic of Politic Econ.* London 1884). Vì một vài nhiệm vụ trong gia đình không thể hoàn toàn bỏ được, như trông nom trẻ và cho trẻ bú, nên các bà mẹ bị tư bản thu dụng thì nhiều ít đều bắt buộc phải thuê người thay thế mình. Lao động gia đình như vá, may, v. v. đều phải thay thế bằng hàng làm sẵn. Lao động gia đình càng giảm bớt, thì tiền phải bỏ ra để chi tiêu lại càng tăng thêm. Chi tiêu của gia đình người lao động do đó càng tăng, và như thế là số tăng thêm của thu nhập bù vào đó là vừa. Thêm vào đó là người ta không thể nào chuẩn bị và tiêu dùng tư liệu sinh hoạt một cách tằn tiện và có tính toán được. Những sự thực đó mà khoa kinh tế chính trị của nhà cầm quyền không hề nói tới, người ta thấy vô số dẫn chứng trong các báo cáo của các thanh tra công xưởng, Ghildren's Employment Commission, cũng như trong những Reports on Public Health.

Việc sử dụng máy móc theo kiểu tư bản chủ nghĩa đã thật sự biến chất cái khế ước mà điều kiện đầu tiên là nhà tư bản và người công nhân đều phải đứng đối diện với nhau với tư cách là những con người tự do, cả hai đều là người buôn bán, một đảng có tiền hay tư liệu sản xuất, một đảng có sức lao động. Nhưng khi mà bọn tư bản mua cả những người vị thành niên thì tất cả những điều nói trên đều bị đảo lộn. Trước kia công nhân bán sức lao động của bản thân mình, sức lao động mà anh ta có quyền tự do định đoạt, ngày nay anh ta phải bán vợ đợ con; anh ta trở thành lái buôn nô lệ¹⁾. Và trên thực tế yêu cầu về lao động trẻ em, ngay cả về hình thức nữa, cũng thường giống với yêu cầu về nô lệ da đen, như người ta thường thấy đăng trên các báo chí Mỹ. Một viên thanh tra công

¹⁾ Trái với cái sự kiện lớn này là chính công nhân đàn ông đã bắt buộc tư bản phải giảm bớt lao động cho phụ nữ và trẻ con trong các công xưởng ở Anh, thì trong những báo cáo mới nhất của *Children's Employment Commission* có kể ra những điểm thật đáng căm giận về một số bố mẹ buôn bán con cái họ một cách ghê tởm như kiểu buôn nô lệ. Nhưng qua các báo cáo đó, ta có thể thấy rằng tên tư bản giả nhân giả nghĩa đã tự tô cáo cái thủ đoạn dã man mà nó tạo ra, duy trì, lợi dụng và gọi là quyền tự do lao động. «Lao động của các trẻ em đã được dùng đến... để mua thức ăn hàng ngày; không có đủ sức để chịu đựng một lao động quá sức, không có học thức để định hướng đời chúng trong tương lai, chúng đã bị ném

xưởng ở Anh nói: «Một lời rao vặt như sau ở một tờ báo địa phương của một trong những thành phố công nghiệp quan trọng nhất trong khu vực tôi ở, làm tôi phải chú ý:

Cần từ 12 đến 20 con trai, ít nhất là phải vào trạc 13 tuổi. Công: 4 si-linh một tuần. Hỏi tại...v.v.

Đoạn nhân mạnh «*vào trạc 13 tuổi*» phù hợp với một điều khoản trong *luật công xưởng* qui định rằng các trẻ em dưới 13 tuổi chỉ phải làm việc có 6 giờ. Một viên thầy thuốc chuyên môn (*certifying surgeon*) phụ trách việc kiểm tra tuổi. Như vậy là các chủ xưởng cần trẻ em vào trạc 13 tuổi. Thống kê của Anh hai mươi năm vừa rồi đôi khi cũng chứng thực là có một sự giảm sút đột ngột về số lượng các trẻ em dưới tuổi đó làm trong các công xưởng. Theo những lời dẫn

vào một hoàn cảnh dơ bẩn cả về thể xác lẫn tinh thần. Nhà sử học Do-thái, nhân việc Ti-tút tàn phá Giê-ru-da-lem, đã cho rằng việc Giê-ru-da-lem bị tàn phá khủng khiếp như thế không làm cho mình ngạc nhiên vì có một người mẹ vô nhân đạo đã hy sinh chính con mình để cho khỏi bị cơn đói đang giày vò mình». (Public Economy concentrated. Các-li-sơ, 1883, tr. 66). Trong tập *Kỷ yếu của Công ty công nghiệp ở Mun-hao-dơ* (31 tháng Năm 1887), bác sĩ Pe-nô trong báo cáo của Tiểu ban phụ trách nghiên cứu vấn đề sử dụng trẻ em trong các nhà máy kéo sợi có nói: «Đôi khi, sự khốn cùng đã gieo vào tâm hồn những người cha trong gia đình cái ý thức ghê tởm là đầu cơ con cái họ, và những người chủ xưởng thường được người ta van xin để thu nhận những trẻ em dưới cả cái tuổi thường được thu nhận».

chứng của các thanh tra, thì sở dĩ giảm đi như vậy, phần lớn là do sự buôn bán ghê tởm của bố mẹ trẻ em, được các thầy thuốc kiểm tra bao che cho, bằng cách tăng tuổi các trẻ em lên để thỏa mãn sự bóc lột tham lam của bọn tư bản. Trong khu Bét-nan Gơ-rin, khu xấu xa có tiếng ở Luân-đôn, sáng thứ hai, thứ ba nào cũng có một phiên chợ công khai, ở đó trẻ em nam nữ, từ 9 tuổi trở lên, đến tự bán mình cho bọn chủ xưởng tơ lụa.

Những điều kiện thông thường là từ 1 si-linh 8 pen-xơ một tuần (bố mẹ hưởng) cộng với 2 pen-xơ dành cho tôi và nước chè để uống, đó là lời khai của một em nhỏ. Giao kèo chỉ có giá trị trong một tuần. Trong suốt phiên chợ, người ta phải nhìn những cảnh tượng mặc cả gai mắt và nghe những lời nói đến chướng tai. Ở Anh, còn có những mụ xoay xở đến «dây trẻ em trong những nhà tể bắn (workhouses) và đem bán cho bất cứ người nào muốn thuê chúng, với giá 2 si-linh 6 pen-xơ một tuần». Mặc dù pháp luật đã cấm đoán, con số trẻ em bị chính cha mẹ chúng bán đi để thay máy móc thông lò sưởi (tuy hiện đã có những cái máy để thay các em) đã lên tới ít ra là 2.000.

Máy móc đã làm đảo lộn mối quan hệ pháp lý giữa kẻ mua và người bán sức lao động, đến nỗi toàn bộ sự giao dịch giữa họ mất cả cái bộ mặt là một giao kèo giữa những người tự do. Sau

này, chính điều đó làm cho Nghị viện có lý do pháp lý để cho Nhà nước can thiệp vào chế độ của các công xưởng. Nhưng mỗi khi luật pháp hạn chế lao động của trẻ em là 6 giờ một ngày trong những ngành công nghiệp chưa phải theo luật công xưởng, thì người ta lại nghe thấy bọn chủ xưởng kêu ca ầm lên. Chúng nói rằng nhiều cha mẹ rút con cái họ ra khỏi những ngành công nghiệp, một khi những ngành này phải theo luật công xưởng, để bán chúng cho các ngành còn thực hành «quyền tự do lao động», nghĩa là bán cho các ngành mà các trẻ em dưới 13 tuổi bị bắt buộc phải lao động như người lớn và bán mình được đắt hơn. Nhưng bản chất của tư bản là bình quân chủ nghĩa, nên tư bản nhân danh cái Quyền bẩm sinh của nó, mà đòi hỏi là trong mọi lĩnh vực sản xuất, các điều kiện bóc lột lao động đều phải như nhau đối với mọi người. Như vậy là sự hạn chế của pháp luật về lao động của trẻ em trong một ngành công nghiệp này là nguyên nhân của sự hạn chế về lao động trong một ngành khác.

Chúng tôi đã nêu lên sự phá hoại về thể chất của trẻ em và của thiếu niên, cũng như của những vợ công nhân mà máy móc trước hết đã trực tiếp đem đặt dưới sự bóc lột của tư bản trong các công xưởng có cơ sở là máy móc, và sau đó thì gián tiếp đặt dưới sự bóc lột của tư bản trong tất cả các ngành công nghiệp khác.

Ở đây, chúng tôi chỉ nhấn mạnh độc một điểm thôi: tỉ lệ tử vong rất lớn của con cái những người lao động trong những năm tháng ấy. Ở Anh, người ta thấy có: 16 khu hộ tịch trong đó trên số 100.000 trẻ em đang sống, thì trung bình mỗi năm chỉ có 9.000 em chết (có một khu chỉ có 7.047 em chết); 24 khu có từ 10 đến 11.000 em chết; 39 khu, từ 11 đến 12.000; 18 khu từ 12 đến 13.000; 22 khu, trên 20.000; 25 khu trên 21.000; 17 khu, trên 22.000; 11 khu trên 23.000; những khu Hu, Vôn-te-ham-ton, A-sơ-ton — trên — Lai-nơ và Pơ-re-ston, trên 24.000; trong những khu Nô-tinh-ham, Stốc-po và Bơ-rát-pho, trên 25.000; trong khu Vít-bít-sơ, 26.000 và Man-se-stơ, 26.125¹⁾. Một cuộc điều tra y tế

¹⁾*Sixth Report on Public Health*, Luân-đôn, 1864, tr. 34. Trong những thành phố công nhân ở Pháp, tỉ lệ tử vong của con cái công nhân dưới một tuổi là từ 20 đến 22 phần trăm (con số của Ru-be). Ở Mun-hao-dơ, tỉ lệ đó lên tới 33 phần trăm năm 1863. Ở đó, tỉ lệ ấy luôn luôn ở trên 30 phần trăm.

Trong một luận án trình bày trước Viện Hàn lâm y học, ông Đơ-vi-li-ê đã xác lập rằng tỉ lệ tử vong của con cái các gia đình khá giả là 10 phần trăm, của con cái các gia đình công nhân dột thì tối thiểu cũng là 35 phần trăm (Diễn văn của ông Bu-đê trước Viện Hàn lâm y học, phiên họp ngày 27 tháng Mười một 1866, tr. 268). Trong tờ *Kỷ yếu* số 28 của Công nghiệp hiệp hội ở Mun-hao-dơ, hội này đã nhận thấy rằng «giai cấp công nhân tiêu vong một cách đáng sợ» (tr. 350).

của nhà cầm quyền năm 1861, đã chứng minh rằng ngoài những điều kiện địa phương ra không kể, thì những tỉ lệ tử vong cao nhất, chủ yếu là vì những người mẹ bị bắt buộc phải làm việc ngoài gia đình. Thật vậy, chính vì thế mà con cái không được trông nom, bị hành hạ, ăn uống thiếu thốn hay không tốt, đôi khi phải ăn những chất có thuốc phiện, bị mẹ ruồng bỏ, những người mẹ này đã đi đến chỗ trái với tự nhiên là họ ghê sợ con cái. Thường thường chúng bị đói hay ăn phải chất độc¹⁾. Trong những khu nông nghiệp mà *số phụ nữ làm việc như vậy càng ít, thì tỉ lệ tử vong lại càng thấp*²⁾.

Nhưng tiểu ban điều tra năm 1861 lại cung cấp cái kết quả bất ngờ này là trong một vài khu thuần túy nông nghiệp ở vùng Bắc Hải, tỉ lệ tử vong của trẻ em dưới một tuổi lại cũng gần bằng tỉ lệ tử vong ở các khu công nghiệp nổi

¹⁾ «Nó (cuộc điều tra năm 1861...) đã chứng minh rằng một mặt thì trong những điều kiện mà chúng tôi vừa mô tả, trẻ em chết là do không được chăm nom chu đáo và có qui củ vì mẹ chúng bận, và mặt khác là do mẹ chúng ngày càng mất bản chất người mẹ, đến mức là khi con họ chết, họ thản nhiên như không, và thậm chí đôi khi còn... trực tiếp tìm các biện pháp để làm cho con chóng chết nữa». (Sách đã dẫn)

²⁾ Sách đã dẫn trang 454.

tiếng là xấu. Bác sĩ Giuy-li-an Hơn-tơ được ủy nhiệm nghiên cứu hiện tượng đó tại chỗ. Những kết luận của ông được ghi vào *Báo cáo số 6 về vệ sinh công cộng*.

... Ph. Ăng-ghen, trong cuốn *Tình cảnh giai cấp công nhân ở nước Anh* của ông, và nhiều nhà văn khác đã mô tả quá đầy đủ sự bại hoại tinh thần gây ra do sự bóc lột của tư bản đối với lao động phụ nữ và trẻ em, nên ở đây chỉ cần nêu lên như thế là đủ. Nhưng việc biên những người vị thành niên đang ở trong thời kỳ lớn lên thành những cái máy đơn thuần dùng để tạo ra giá trị thặng dư, đã gây ra một cách nhân tạo một trạng thái trống rỗng về trí lực, mà chúng ta rất cần phải phân biệt với trạng thái ngu dốt tự nhiên tức là trạng thái để cho trí óc ở nguyên tình trạng hoang vu, không động đến khả năng phát triển, đến màu mỡ tự nhiên của trí óc đó, — trạng thái trống rỗng tai hại đó, Nghị viện Anh thấy buộc phải cứu chữa bằng cách qui định rằng tất cả các công xưởng nào đặt dưới chế độ luật công xưởng mà muốn dùng vào sản xuất, những trẻ em dưới mười bốn tuổi thì phải tuân theo một điều kiện pháp lý là những trẻ em đó phải có một trình độ học thức sơ đẳng. Tinh thần của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa biểu lộ rõ trong việc thảo ra một cách nhẹ nhàng những điều khoản của các đạo luật về cái gọi là trình độ học thức ấy, biểu lộ

rõ trong tình trạng không có một sự kiểm tra hành chính nào nên phần lớn giáo dục cưỡng bức trở thành hữu danh vô thực, biểu lộ rõ trong sự phản đối của bọn chủ xưởng chống lại đạo luật đó, và trong những mưu mô và sự quay quắt mà chúng dùng để lẩn tránh đạo luật đó, trong thực tế.

Chỉ có cơ quan lập pháp là đáng trách thôi, vì nó đã ban hành một đạo luật dối trá, đạo luật này, dưới cái bề ngoài tưởng như là chăm sóc đến việc giáo dục trẻ em, nhưng thực ra lại chẳng có lấy một điều khoản nào khả dĩ có thể bảo đảm được việc thực hiện cái mà người ta coi là mục đích đó. Nó chẳng qui định gì cả, ngoài việc qui định rằng cần phải nhốt trẻ em, mỗi ngày một số giờ nào đó (3 giờ), vào trong 4 bức tường của một căn nhà gọi là trường học, rằng những ai mà thuê những trẻ em đó thì mỗi tuần sẽ được một tờ giấy do một người lấy cương vị là ông hay bà giáo ký chứng nhận¹⁾.

Trước khi ban hành đạo luật tu chính năm 1844 về công xưởng thì hàng đông những chứng chỉ mà trường ấy đều ký bằng một chữ thập, điều đó chứng tỏ rằng các bà giáo đều không biết viết.

¹⁾ Lê-ô-na Hoóc-nơ, trong *Report of Insp. of Fact.*, ngày 30 tháng Sáu 1857, tr. 17.

Khi tôi đi thăm một nhà trường tương tự như thế, tôi rất bức mình về sự dốt nát của ông giáo đến nỗi tôi phải hỏi ông ta: «Xin lỗi ông, nhưng ông có biết đọc không đã?» — «Aye, summat»¹⁾, ông ta trả lời tôi như vậy đó; rồi để tự bào chữa, ông ta lại nói thêm: «Nhưng dù sao, tôi cũng biết hơn học trò của tôi».

Trong thời gian chế định đạo luật 1844, các thanh tra công xưởng đã tố cáo tình trạng thảm hại của những cái gọi là nhà trường ấy, tức là những nhà trường đã cấp những giấy chứng nhận mà các ông phải coi là không thể chê trách được về mặt pháp lý. Tất cả những kết quả họ đạt được chung qui chỉ là: bắt đầu từ 1844, thì những con số ghi trên giấy chứng nhận, cũng như tên họ các giáo viên, phải do tự tay các giáo viên ghi vào. Ông Giôn Kinh-cai-đơ, thanh tra công xưởng ở E-cô-xơ, cũng đã chứng dẫn rất nhiều trường hợp thuộc loại đó.

Trường học đầu tiên mà chúng tôi đến thăm, là do một cô giáo tên là An Ki-lin phụ trách. Tôi yêu cầu cô ta đánh vần tên cô, thì trước hết cô ta đã đánh vần sai, bắt đầu bằng chữ C; nhưng cô ta lại sửa lại ngay và nói rằng tên cô ta bắt đầu bằng chữ K. Khi xem xét chữ ký của cô ta trong các cuốn sổ chứng nhận, tôi thấy rằng cô ta viết tên cô bằng nhiều cách, và xem chữ cô ta

¹⁾ Cũng có! Có biết một chút.

thì rất chắc chắn là cô ta không có khả năng. Chính cô ta cũng thú nhận là cô ta không biết giữ sổ của nhà trường.... Thăm trường học thứ hai, tôi thấy một căn buồng dài 15 pi-ê và rộng 10 pi-ê¹⁾ trong đó tôi đếm được đến 75 học sinh, chúng nói một thứ tiếng không sao hiểu nổi được nữa²⁾.

Và không phải chỉ trong những căn nhà đồ nát đáng thương đó mới có tình trạng các trẻ em nhận được những giấy chứng nhận chứ không phải nhận được học văn; còn có rất nhiều trường học có thầy giáo giỏi nữa, nhưng những sự cố gắng của họ hầu như hoàn toàn không có kết quả gì đối với cái đám rối tung xoe những trẻ con đủ các lứa trên ba tuổi.

... Cái chuyên môn của người công nhân suốt đời dùng một dụng cụ bộ phận trở thành cái chuyên môn suốt đời phục vụ một cái máy bộ phận. Người ta lạm dụng máy móc để biến người công nhân, ngay từ khi còn trẻ thơ, thành một bộ phận của một cái máy.

... Công việc làm bằng máy kích thích đến cao độ hệ thần kinh, đồng thời lại ngăn cản việc vận dụng các bắp thịt về nhiều mặt và nén mọi sự hoạt động tự do của thân thể và tinh thần. Ngay cả lao động dễ dàng cũng là một

¹⁾ Pi-ê (tiếng Pháp) bằng 0,3048 mét.

²⁾ Giôn Kinh-cai-đơ, trong *Report of Insp. of Fact.*, ngày 31 tháng Mười, 1858, tr. 31, 32.

khổ hình, vì máy móc không giải thoát công nhân khỏi lao động mà lại làm cho lao động mất hết hứng thú của nó. Mọi nền sản xuất tư bản chủ nghĩa không những chỉ tạo ra những vật có ích mà lại còn sản sinh ra giá trị thặng dư nữa, vì thế nên những điều kiện của lao động đã không phục tùng người công nhân mà lại thống trị anh ta, nhưng chính việc dùng máy móc là cái thứ nhất đã làm cho sự đảo lộn đó có một hiện thực kỹ thuật. Tư liệu lao động chuyển thành cái máy tự động đối lập với người công nhân, ngay cả trong quá trình lao động nữa, dưới hình thức là *tư bản*, là lao động chết thống trị và thu hút sức lao động sống của công nhân.

Như chúng tôi đã chỉ rõ, công nghiệp máy móc lớn, sau rốt, đã hoàn thành việc tách rời lao động chân tay ra khỏi các năng lực tinh thần của sản xuất là nền công nghiệp lớn đó đã đem biến thành quyền lực của tư bản đối với lao động. Đứng trước khoa học thần diệu, những lực lượng tự nhiên to lớn, sự lớn lao của lao động xã hội thể hiện trong hệ thống máy móc, tức là những cái hợp thành thể lực của *ông chủ*, thì tài khéo léo của người công nhân không có nghĩa lý gì cả. Trong đầu óc của ông chủ đó, sự độc quyền của ông ta về máy móc và sự tồn tại của máy móc là một. Khi nào xảy ra xung đột giữa ông và các công nhân làm cho ông, thì ông nói vào mặt họ những lời khinh bỉ:

Những công nhân công xưởng cần nhớ rất kỹ rằng lao động của mình là thuộc loại thấp kém nhất, lao động đó dễ học hơn cả, và với chất lượng như thế mà được trả công như thế là hậu hĩ lắm rồi, vì chỉ cần một thời gian rất ngắn để học việc qua loa là có được mọi sự khéo léo cần thiết rồi. Trong sản xuất, những máy móc của chủ thực ra có một vai trò còn quan trọng hơn nhiều so với lao động và tài khéo léo của người công nhân, vì lao động và tài khéo léo đó chỉ cần sáu tháng học tập là có được, và một người dân cày thường cũng có thể học được¹⁾.

Việc người công nhân bị phụ thuộc về mặt kỹ thuật vào sự vận động đều đều của tư liệu lao động, và thành phần đặc biệt của cái tập thể lao động gồm nam nữ đủ các lứa tuổi, đều tạo ra một kỷ luật giống như ở trại lính, một kỷ luật được hoàn toàn xây dựng lên trong chế độ công xưởng. Ở đó, cái gọi là công việc trông coi và sự phân chia công nhân thành lính thường và hạ sĩ công nghiệp đã được phát triển đến tột bậc.

... Công nghiệp lớn mà càng phát triển và gây ra trong nông nghiệp một cuộc biến thiên tương

¹⁾ Theo *Master Spinners' and Manufacturers' Defence Fund, Report of the Committee*, Man-se-stơ, 1843, tr. 17. Sau này ta sẽ thấy khi bị nguy cơ có thể mất những máy tự động «sông» thì «ông chủ» sẽ phải đổi giọng.

đương, thì chẳng những qui mô của sản xuất trong tất cả các ngành công nghiệp khác được mở rộng ra, mà tính chất của các ngành đó cũng biến đổi. Nguyên tắc của chế độ dùng máy móc là phân tích quá trình sản xuất thành từng giai đoạn cấu thành của nó và giải quyết các vấn đề do nó đề ra, bằng cách áp dụng cơ giới học, hóa học v.v., tóm lại bằng các khoa học tự nhiên; nguyên tắc đó đã trở thành nguyên tắc quyết định ở khắp mọi nơi. Vậy là máy móc khi thì chiếm lấy quá trình này, khi thì chiếm lấy quá trình khác trong các công trường thủ công cũ; và sự xâm nhập của máy móc gây ra những sự biến đổi liên tiếp và làm cho cái tổ chức đã được kết tinh vững chắc của công trường thủ công, dựa trên cơ sở phân công cũ, bị tan rã. Thành phần của người lao động tập thể hay là của số nhân viên lao động kết hợp cũng bị đảo lộn từ trên xuống dưới. Trái ngược với thời kỳ công trường thủ công, kế hoạch phân công từ nay là dựa trên việc dùng lao động của đàn bà, trẻ em đủ mọi lứa tuổi, thợ không lành nghề, tóm lại là dùng Cheap labour tức là lao động rẻ tiền, như người Anh thường gọi. Và điều này không những chỉ áp dụng cho sản xuất kết hợp trên qui mô lớn, dù cho sản xuất đó có dùng hay không dùng máy móc cũng thế, mà còn áp dụng cả cho cái gọi là công nghiệp gia công, làm ở nhà riêng của công nhân hay trong các xưởng nhỏ.

Cái gọi là công nghiệp gia công đó chỉ có cái tên là giống với công nghiệp gia công cũ thôi, vì công nghiệp gia công cũ tồn tại là phải có nghề thủ công độc lập ở thành thị, nghề làm ruộng độc lập ở nông thôn và trước hết, phải có nhà ở cho người lao động và gia đình anh ta. Cái công nghiệp gia công đó hiện nay biến thành bộ phận bên ngoài của công xưởng, của công trường thủ công hay của kho hàng hóa. Ngoài những công nhân công xưởng, công nhân công trường thủ công và thợ thủ công mà tư bản tập trung rất đông trong các xưởng rộng lớn, và trực tiếp chỉ huy, thì tư bản còn có một đạo quân công nghiệp khác nữa ở rải rác trong các thành thị lớn và nông thôn, mà nó chỉ huy bằng những sợi dây vô hình; chẳng hạn: công xưởng làm sơ-mi của công ty Ti-li ở Lơn-đơn-đe-ri, tại Ai-rơ-len, dùng 1.000 công nhân công xưởng chính công và 9.000 công nhân gia công ở rải rác trong nông thôn.

Sự bóc lột những người lao động chưa thành thực hay rẻ công trong công trường thủ công hiện đại, lại được tiến hành một cách tàn nhẫn hơn là trong các công xưởng chính công vì công trường thủ công hiện đại, phần lớn là thiếu cơ sở kỹ thuật của công xưởng, tức là thiếu sự thay thế sức người bằng máy móc. Cần nói thêm rằng ở các công trường thủ công, cơ thể của đàn bà và trẻ em bị người ta đem ra

làm mỗi cho ảnh hưởng tai hại của các chất độc v.v. một cách vô nhân đạo. Trong công nghiệp gia công, sự bóc lột đó lại càng vô liêm sỉ hơn là trong công trường thủ công, vì những người lao động sống rải rác lẻ tẻ, nên khả năng chống cự của họ kém đi; vì giữa chủ thầu và công nhân lại còn có một bầy tham lam ăn bám nữa. Chưa phải là hết: ở bất cứ chỗ nào lao động gia công cũng phải đấu tranh trong ngành công nghiệp của mình, với máy móc hay ít ra là với công trường thủ công; người công nhân quá đói nghèo túng nên không thể nào tạo cho mình có những điều kiện cần thiết nhất để lao động, như chỗ làm, không khí, ánh sáng.v.v. và cuối cùng, chính trong cái nơi nung nấu cuối cùng đó của những nạn nhân của công nghiệp lớn và nông nghiệp lớn mà sự cạnh tranh giữa những người lao động nhất định phải lên đến cực độ.

... Bây giờ chúng ta sẽ dùng một vài thí dụ để soi sáng những nguyên lý đã đề ra trên kia, mà bạn đọc và lại cũng đã thấy nhiều chứng cứ trong chương bàn về ngày lao động.

Các công trường thủ công luyện kim ở Biamin-ham và các vùng lân cận, đã dùng vào một công việc hầu như luôn luôn rất nặng, 30.000 trẻ em và thanh niên, với chừng 10.000 đàn bà. Số nhân công đó đều làm trong những lò đúc đồng, công trường thủ công làm cúc áo, các

xưởng sơn, tráng men và những xưởng khác nữa, đều là những nơi có hại cho sức khỏe cả¹⁾. Lao động thái quá của những người lớn và thanh niên trong một vài nhà in ở Luân-đôn in sách báo đã khiến người ta phải tặng cho những nơi đó cái danh hiệu vẻ vang là *lò sát sinh*. Trong các xưởng đóng sách, người ta cũng thấy lao động thái quá và những nạn nhân như thế, nhất là trong số thiếu nữ và trẻ em. Trong các xưởng làm thừng, thanh niên cũng phải làm công việc nặng nhọc như thế; các nơi làm muối và công trường thủ công làm nện và làm các sản phẩm hóa học khác bắt phải làm đêm; và công việc dệt lụa không dùng máy móc là một công việc tàn khốc đối với các thanh niên phải dùng sức để đập khung cửi²⁾. Một trong những công việc bẩn thỉu nhất, bỉ ổi nhất và ít tiền công nhất mà người ta chuyên bắt phụ nữ và thiếu nữ làm là chọn lọc những giẻ rách. Ai này đều biết rằng nước Anh, ngoài cái đồng quần áo rách nhiều vô kể ở trong nước ra, thì còn là cái kho chứa để buôn bán những quần áo rách của toàn thế giới. Số

²⁾ Ở Sép-phin, người ta dùng cả trẻ em vào việc mài các giũa.

¹⁾ Child, Empl. Comm. Báo cáo thứ V, 1866, tr. 114, 115, số 6-7. Viên thanh tra nhận xét rất đúng rằng nếu ở chỗ khác, máy thay người thì ở đây thanh niên thay cho máy.

quần áo rách đó từ Nhật, từ những nước xa xôi nhất ở Nam Mỹ và Ca-na-ri gửi tới. Nhưng những nguồn cung cấp chính là Đức, Pháp, Nga, Ý, Ai-cập, Thổ-nhĩ-kỳ, Bỉ và Hà-lan. Quần áo rách đó dùng làm phân, dùng để nhồi đệm và làm nguyên liệu chế tạo giấy. Những nữ công nhân lọc giẻ rách là những môi giới truyền bệnh đậu mùa và các bệnh dịch truyền nhiễm khác mà chính bản thân họ mắc phải trước tiên¹⁾.

Bên cạnh việc khai thác hầm mỏ và than đá, nước Anh còn là một thí dụ điển hình khác về lao động thái quá, nặng nhọc và luôn luôn kèm theo những sự đối xử tàn bạo đối với công nhân vào làm ở đó ngay từ tuổi còn thơ ấu. Đó là công việc làm gạch, ngói, trong đó người ta không hề dùng máy móc mới sáng chế ra. Từ tháng năm đến tháng chín, công việc kéo dài từ 5 giờ sáng đến 8 giờ tối, và khi phải đem phơi gạch, ngói ngoài chỗ trống thì phải làm từ 4 giờ sáng đến 9 giờ tối. Ngày nào mà làm việc từ 5 giờ sáng đến 7 giờ tối thì đã được coi là ngày «được giảm nhẹ» và «vừa phải» rồi. Người ta lấy những trẻ em, cả trai lẫn gái, vào làm từ 6 tuổi và thậm chí cả từ 4 tuổi. Các em đó phải làm đủ số giờ như người lớn, và nhiều

¹⁾ Xem báo cáo về việc buôn bán giẻ rách và nhiều tài liệu khác về vấn đề đó: *Public Health, VII Report*, London, 1866. Appendix, tr. 196 - 208.

khi còn làm nhiều giờ hơn nữa. Công việc đã nặng nhọc, nắng nôi lại làm cho họ thêm kiệt sức. Ở Mo-sly, chẳng hạn, trong một lò ngói, một cô gái 24 tuổi phải làm 2.000 viên ngói một ngày, và chỉ được 2 em gái khác phụ giúp (hai em gái này vừa mới thoát tuổi thiếu nhi) để chuyển đất thó và xếp gạch. Những em gái đó phải chuyển mỗi ngày 10 tấn trên miệng cái hồ trơn lầy, sâu 30 pi-ê, cách xa chỗ làm 210 pi-ê.

Những trẻ con mà phải trải qua cái ngục luyện tội đó, thì không thể nào lại không trụy lạc tinh thần... Cách ăn nói bỉ ổi mà chúng phải nghe từ tuổi còn non nớt, những thói ghê tởm, tục tĩu và vô sỉ của hoàn cảnh trong đó chúng lớn lên và mù mẫm đi mà không biết, đã làm cho một đời chúng trở thành vô hạnh, hèn hạ, phóng túng... Cái nguồn ghê gớm làm cho đời bại tinh thần, chính là ở cái cách ăn ở. Mỗi moulder (tức là người thợ lành nghề đứng đầu một nhóm thợ gạch) giao cho nhóm của anh ta gồm 7 người, một chỗ ở và một cái bàn trong cái nhà nhỏ của họ. Dù thuộc gia đình anh ta hay không thì tất cả đàn ông, con trai, con gái đều ngủ trong cái nhà đó, gồm thường thường là 2 phòng hay nhiều lắm là 3 phòng, ở sát ngay mặt đất và rất ít thoáng khí. Thân thể bị suy nhược quá, do hàng ngày đổ mồ hôi nhiều, nên họ hoàn toàn không săn sóc gì đến sức khỏe được, cũng không săn sóc đến vệ sinh và ăn ở

cho tử tế được. Số lớn những nhà đó đều là điển hình cho sự mất trật tự và bẩn thỉu. Cái tệ nhất của lối sinh hoạt đó là những con gái làm những công việc như thế thì ngay từ tấm bé và suốt cả đời là bị buộc chặt vào cái đám đều cang ti tiện nhất. Họ trở thành những đứa trẻ ranh thô lỗ và ác khẩu (rough, foulmouthed boys), trước khi tạo hóa dạy cho họ biết họ là đàn bà. Quần áo ăn mặc thì rách rưới, bẩn thỉu, chân trần trụi đến tận bên trên đầu gối, mặt mày, tóc tai đầy những bùn, nên họ đi đến chỗ là khinh thường, không kể gì đến nết na, then thùng cả. Trong bữa ăn, họ nằm dài trên đất hay nhìn những đứa con trai tắm ở cái kênh bên cạnh. Công việc nặng nề trong ngày làm xong, họ ăn mặc sạch sẽ hơn đôi chút rồi cùng với bọn đàn ông đi vào các quán.

Rõ ràng là trong cái đám này, ngay từ tuổi ấu thơ đã rượu chè một cách kinh khủng.

... Bây giờ chúng ta hãy xem xét đến cái gọi là lao động gia công. Muốn có một ý niệm về cái lĩnh vực bóc lột tư bản chủ nghĩa vốn là cái hậu bị của công nghiệp lớn đó, thì chỉ cần nhìn qua cái loại lao động có vẻ như là quê mùa, tức là công việc làm đinh hiện nay vẫn được tiến hành trong một vài làng hẻo lánh ở Anh¹⁾. Những

¹⁾ Đây là những cái đinh làm bằng búa chứ không phải làm bằng máy.

thí dụ mà chúng tôi sẽ nêu ra đều lấy ở các ngành làm đăng-ten và bện rơm là những ngành chưa dùng máy móc, hay đang cạnh tranh với công xưởng dùng máy móc và công trường thủ công.

Trong số 150.000 người ở Anh được dùng vào việc sản xuất đăng-ten, thì ước độ 10.000 người là chịu luật công xưởng năm 1861 chi phối. Còn tối đại đa số, tức là 140.000 người còn lại thì gồm đàn bà, thanh niên, và trẻ em cả nam lẫn nữ, nhưng nam lại rất ít. Tình hình sức khỏe của số nhân công rẻ tiền ấy đã được vạch rõ trong cái bảng sau đây của bác sĩ Tơ-ru-man thầy thuốc ở Viện Dưỡng lao phổ thông tại Nô-tinh-ham. Trong số 886 nữ công nhân làm đăng-ten phần lớn là tuổi từ 17 đến 24, số bị ho lao kể ra như sau:

1852	cứ 45 người thì 1 người bị
1853	cứ 28 người thì 1 người bị
1854	cứ 17 người thì 1 người bị
1855	cứ 18 người thì 1 người bị
1856	cứ 15 người thì 1 người bị
1857	cứ 13 người thì 1 người bị
1858	cứ 15 người thì 1 người bị
1859	cứ 9 người thì 1 người bị
1860	cứ 8 người thì 1 người bị
1861	cứ 8 người thì 1 người bị

Bệnh lao tiến nhanh như thê thì những phần tử thuộc phái tiên bộ lạc quan nhất và chàng mại bản gian dối nhất của chế độ trao đổi tự do ắt là phải vừa lòng.

Luật công xưởng năm 1861 chế định việc làm đăng-ten, vì việc này được tiến hành bằng máy. Những ngành của công nghiệp này mà chúng ta sẽ xem xét sơ qua và chỉ xem xét so với những người gọi là công nhân gia công thô, thì đều có hai bộ phận. Một bộ phận gồm có công việc gọi là *lace finishing* (nghĩa là hoàn chỉnh lần cuối cùng những đăng-ten làm ở máy ra, việc này bản thân nó cũng còn chia nhỏ ra nhiều hơn nữa); bộ phận kia là đan đăng-ten.

Lace finishing thì tiến hành theo lối lao động gia công hoặc là trong những nhà gọi là *mitresses houses* (nhà các bà chủ) hoặc là do những phụ nữ làm một mình hay có con cái giúp sức ngay ở nhà của họ. Những phụ nữ trông coi những *mitresses houses* đều nghèo cả. Chỗ làm việc là một bộ phận của nhà ở của họ. Họ nhận công việc của bọn chủ xưởng, chủ cửa hàng, v.v. đặt làm và dùng những đàn bà, trẻ em, con gái, nhiều hay ít là tùy theo nhà của họ rộng hay hẹp và tùy theo sự lên xuống của yêu cầu trong doanh nghiệp. Số nữ công nhân dùng trong một vài xưởng như thế có từ 20 đến 40, và trong các xưởng khác thì có từ 10 đến 20. Trẻ em bắt đầu làm thì trung bình là 6 tuổi, cũng có một vài em dưới 5 tuổi. Thời gian lao động bình thường là từ 8 giờ sáng đến 10 giờ tối, có 1 giờ rưỡi nghỉ để ăn uống, và bữa ăn thì thất thường và nhiều khi ăn ngay trong cái nhà bẩn thỉu trong

xưởng. Khi công việc chạy, thì lao động thường kéo dài từ 8 giờ sáng, đôi khi từ 6 giờ sáng cho đến 10, 11 giờ hoặc 12 giờ đêm.

Trong các trại lính ở Anh, chỗ ở qui định cho mỗi người lính là từ 500 đến 600 pi-ê khối; trong các bệnh viện nhà binh thì qui định là 1.200 pi-ê khối. Trong những nhà lợp xúp gớm ghiếc ấy, thì mỗi người chỉ được từ 67 đến 100 pi-ê khối thôi. Thế mà dưỡng khí ở đó lại còn bị hơi đốt làm tiêu hết. Muốn giữ đẳng-ten cho sạch, mặc dù sàn nhà lát bằng gạch hay đá, nhưng trẻ em thường phải cởi giày ra, ngay cả trong mùa rét cũng thế.

Ở Nô-tinh-ham, không phải là hiếm gì mà không thấy cái cảnh 15 hay 20 em chồng chất như cá hộp trong một gian phòng rộng không đầy 12 pi-ê vuông, trong một ngày 24 giờ phải làm 15 giờ một công việc đều đều chán ngắt với tất cả những điều kiện nguy hại cho sức khỏe... Ngay cả những trẻ em bé nhất trong số đó cũng phải làm việc rất chăm chú bền bỉ và nhanh chóng lạ thường, chúng không bao giờ dám để cho ngón tay nghỉ ngơi hoặc chậm lại đôi chút. Nếu ai có hỏi han chúng, chúng không bao giờ dám ngược mắt lên vì sợ mất cả từng giây từng phút.

Các chủ không từ chối việc dùng đến cả những cái «roi dài» để đốc thúc công việc, những khi thời gian lao động kéo dài ra ít nhiều.

Các trẻ em mệt dần dần, và sau khi bị bó một thời gian lâu vào một công việc luôn luôn không thay đổi làm cho mỏi mắt và thân thể kiệt sức vì phải giữ y nguyên mãi một tư thế, thì tâm thân các em trở thành luôn luôn bất an. Công việc của các em thực là công việc của người nô lệ (Their work wis like slavery).

Nếu những người đàn bà và con cái họ làm việc ở nhà họ, nghĩa là tại một phòng ở thuê, thường thường là một gác ở sát mái nhà, thì tình hình lại còn tệ hơn nữa. Cái lối làm việc như thế vẫn thấy tiến hành ở một chu vi 80 dặm (1 dặm bằng 1.609 mét) chung quanh Nô-tinh-ham. Khi em bé làm trong một kho hàng đến 9 hoặc 10 giờ tối mới được về, thì thường thường người ta giao cho em một bó đăng-ten đem về nhà làm nốt. Tên đầy tớ làm thuê đại diện cho nhà tư bản giả đạo đức, khi giao món đồ như thế thường thường dùng một câu chiêu lệ: «Đây là phần của mẹ em nhé!»; nhưng nó thừa biết rằng về nhà rồi em bé đáng thương kia cũng lại phải thức và nai lưng ra làm phần việc đó.

Việc đan đăng-ten thì chủ yếu là làm ở hai khu nông nghiệp, khi Hô-ni-ton nằm dài trên từ 20 đến 30 dặm dọc theo bờ phía nam của quận Đơ-von-sai-rơ kể cả một vài địa phương ở bắc Đơ-von, và ở một khu khác bao gồm một phần

lớn các quận Bóc-kinh-ham, Bét-pho, Noóc-ham-ton và những phần lân cận của Ôc-phoóc-se và của Hun-tinh-đôn-se. Công việc đó thường làm trong các căn nhà nhỏ của những công nhân nông nghiệp công nhật. Một vài chủ công trường thủ công dùng hơn 3.000 người trong số công nhân làm gia công đó, hầu hết các công nhân đó đều là trẻ em và thanh niên, toàn là nữ cả. Tình trạng ở đây cũng giống như tình trạng tả trên kia khi nói về công việc *lace finishing*, duy chỉ khác một điều là những nhà mụ chủ thì ở đây được thay thế bằng những cái gọi là «trường đăng-ten» (*lace schools*), do những người đàn bà nghèo khổ trông coi trong các túp lều của họ. Trong các trường đó, trẻ em bắt đầu làm việc từ 5 tuổi, đôi khi còn nhỏ hơn nữa, cho đến 12 hay 15 tuổi; trong năm đầu, các em bé nhất làm từ 4 đến 8 giờ, rồi sau, từ 6 giờ sáng đến tận 8 và 10 giờ tối.

Các phòng nói chung đều giống như những phòng ta thường thấy trong các căn *nhà nhỏ bé*: ống khói lò sưởi thì bít lại để tránh luồng gió, còn những người ở trong các phòng đó thì thường thường và ngay cả mùa đông nữa, họ cũng chỉ lấy sức nóng trong mình ra mà sưởi thôi. Trong những trường hợp khác, thì những cái gọi là trường học ấy lại giống như những kho hàng không có lò sưởi gì cả... Số người chật ních trong những cái ổ đó làm cho không

khí ngột ngạt. Đã thế, mùi công rãnh, rác rưởi mục thối và các thứ bẩn thỉu khác thường thấy ở chung quanh các túp lều nhỏ càng làm cho không khí thêm độc hại.

Còn về diện tích chỗ làm, thì một viên thanh tra đã nói: tại một trong những trường ấy, tôi đã được thấy 18 thiếu nữ với bà giáo, mỗi người chỉ được 35 pi-ê khô; tại một chỗ khác, mùi hôi thối nồng nặc không chịu nổi, có 18 người tập trung tại đó. Mỗi người được 24,5 pi-ê. Trong nghề đó, người ta dùng cả em bé từ 2 tuổi và 2 tuổi rưỡi.

Trong các quận Bóc-kinh-ham và Bét-pho, chỗ nào không đan đăng-ten, thì làm công việc bện rơm. Nghề này tiến hành trên một bộ phận lớn của Héc-phoóc-se và các bộ phận Tây và Bắc của Et-xéc. Năm 1861, với việc làm mũ rơm, nghề đan rơm đó dùng 48.043 người. Trong số này, có 3.815 nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, còn lại toàn là nữ, gồm 14.913 thiếu nữ dưới 20 tuổi, trong số này có 7.000 trẻ em. Ở đây, không phải là những trường đăng-ten mà là những *straw plait schools* hay trường dạy bện rơm. Trẻ em bắt đầu học nghề từ 4 tuổi hay đôi khi còn sớm hơn nữa. Dĩ nhiên là các em không được học hành gì cả. Các em gọi các trường sơ cấp là *natural schools* (trường tự nhiên) để phân biệt với các nơi hút máu kia

trong đó các em đã bị giam giữ hoàn toàn chỉ để làm việc, thường thường là phải làm 2.782 mét mỗi ngày, do mẹ các em cũng gần chết đói giao cho các em làm. Những bà mẹ đó thường thường còn bắt các em làm ở nhà cho đến mãi 10 giờ và 11 giờ đêm, thậm chí đến cả nửa đêm nữa. Rơm làm đứt ngón tay và môi vì các em phải luôn luôn thấm nước dãi vào rơm cho ướt. Theo ý kiến chung của các y sĩ ở Luân-đôn được hỏi về vấn đề này, ý kiến được bác sĩ Ba-la tóm tắt lại thì ít ra mỗi người phải có được 300 pi-ê khối trong phòng ngủ hay phòng làm việc. Trong các trường bện rơm này, chỗ làm việc lại còn nhỏ hơn là ở các trường đăng-ten: mỗi người chỉ được 12, 2/3, 17, 18,5 là cùng, ít khi được đến 22 pi-ê khối. Ủy viên lao động Oai-tơ nói:

Những con số nhỏ nhất trong các số đó tiêu biểu cho một khoảng không gian còn nhỏ hơn là một nửa khoảng không gian của một em bé nằm trong một cái hộp mỗi chiều 3 pi-ê.

Tình cảnh về đời sống của các em cho đến 12 hay 14 tuổi là như thế. Cha mẹ các em, vì đói khổ và bị cảnh cùng khôn làm cho mù mẫm đi, nên chỉ nghĩ đến chuyện bóp nặn các em. Cho nên, khi lớn lên, các em coi rẻ cha mẹ và đã bỏ nhà mà đi.

Không lấy gì làm lạ rằng một dân số được giáo dục theo một tinh thần như thế thì đầy dẫy

những kẻ ngu dốt và trụy lạc... Đạo đức của họ hết sức thấp... Một số lớn đàn bà đã đề hoang và đôi khi có con quá sớm đến nỗi nhà chuyên làm thông kê về tội phạm cũng phải lầy lăm khủng khiếp.

Vậy mà tổ quốc của những gia đình kiểu mẫu đó lại là nước Anh, nước thiên chúa giáo, mẫu mực của châu Âu, như lời bá tước Đơ Mông-ta-lăm-be, một người có uy tín lớn trong vấn đề đó đã nói. Tiền công, nói chung là đáng thương hại trong các ngành công nghiệp đó (vì tiền công của các trẻ em bện rơm thì nhiều nhất và đặc biệt lắm mới được 3 si-linh một tuần lễ), lại còn bị hạ thấp đi nhiều so với số tiền công danh nghĩa, bởi một chế độ phổ biến nhất là trong những khu làm đặng-ten, tức là chế độ đổi chác hay là trả công bằng hàng hóa.

... Việc giảm giá sức lao động gây ra bởi việc dùng một cách quá đáng lực lượng phụ nữ và trẻ em, bởi việc bóc lột tàn nhẫn những điều kiện bình thường của sinh hoạt và lao động, bởi kết quả đơn thuần của lao động thái quá và lao động ban đêm, rốt cuộc đã đụng phải những trở ngại về sinh lý không thể nào vượt qua được. Do đó, việc giảm giá hàng bằng những biện pháp như thế và sự bóc lột tư bản chủ nghĩa dựa trên những biện pháp đó cũng đụng phải những trở ngại đó. Phải trải qua hàng bao nhiêu năm trường mới có tình trạng

đó; như thế là đã đến lúc phải dùng máy móc và phải cải biến nhanh chóng chế độ lao động gia công và công trường thủ công thành công xưởng.

Việc sản xuất đồ may mặc (*wearing Apparel*) là một thí dụ kỳ lạ nhất về việc cải biến đó. Cứ theo sự phân loại của Ủy ban điều tra về lao động của phụ nữ và trẻ em, thì công nghiệp đó gồm những người làm mũ rơm, mũ đàn bà, những thợ mũ bồ đài, sơ-mi, những thợ may, những người làm trang phục đàn bà, những thợ đàn bà khâu tay, những người làm bao tay, những người làm coóc-xê, những thợ giày và nhiều ngành phụ như làm cơ-ra-vát, cổ áo giả, v. v.. Số phụ nữ dùng trong công nghiệp đó ở Anh và xứ Gan-lơ năm 1861 có tới 586.298 người, trong số đó ít ra có 115.242 người dưới 20 tuổi và 16.560 người dưới 15 tuổi. Cũng trong năm đó, tổng số nữ công nhân loại ấy trong toàn vương quốc liên hợp Anh có đến 750.334 người. Số công nhân nam dùng ở xứ Gan-lơ và ở Anh để làm mũ, bao tay, giày và may quần áo, là 437.969 người, trong đó có 14.964 người dưới 15 tuổi, 89.285 người từ 15 đến 20 tuổi và 333.117 người trên 20 tuổi. Nhiều ngành công nghiệp nhỏ cùng loại không được kể trong các con số đó. Nhưng, cứ lấy những con số y nguyên như thế, chiếu theo thống kê năm 1861, chỉ riêng nước Anh và xứ

Gan-lor đã có tất cả 1.024.267 người, nghĩa là ước chừng gần bằng số người trong nông nghiệp và chăn nuôi. Đến đây, người ta mới bắt đầu hiểu rằng những khối sản phẩm đồ sộ do ma thuật của máy móc tạo ra và những con số khổng lồ những người lao động bị máy móc thải ra, rồi đây sẽ dùng để làm gì.

... Thật vậy, chính là mồ hôi và máu rẻ tiền của con người biến thành hàng hóa đã làm cho thị trường được mở rộng và mỗi ngày lại còn làm cho nó mở rộng thêm ra nữa. Chính thứ hàng hóa giá rẻ đó, nhất là đối với nước Anh, đã giúp cho việc mở rộng được thị trường thuộc địa, nơi mà những tập tục và thị hiếu của người Anh chiếm ưu thế. Cuối cùng rồi cũng đến cái lúc tai hại không thể tránh được: cơ sở căn bản của phương thức cũ, tức là sự bóc lột tàn bạo nhân lực, kèm theo một sự phân công ít nhiều phát triển, không thể nào đối phó được lâu hơn nữa với quy mô rộng lớn của thị trường và với sự cạnh tranh của bọn tư bản ngày càng tăng lên nhanh chóng hơn. Đã đến lúc phải dùng máy móc, và cái máy cách mạng đồng thời đã tấn công vào rất nhiều ngành của lĩnh vực sản xuất ấy, như ngành làm mũ, làm giày, may vá v.v., chính là cái máy khâu.

Ảnh hưởng trực tiếp của máy khâu đó đối với công nhân thì cũng gần giống như ảnh hưởng của mọi thứ máy móc đã xâm nhập vào những

ngành mới, trong thời kỳ đại công nghiệp. Những trẻ em ít tuổi nhất đều bị gạt ra. Tiền công của những người lao động làm việc bằng máy được nâng lên tương đối cao hơn so với tiền công của những công nhân gia công mà phần đông là thuộc vào hạng «nghèo nhất trong số người nghèo» (*the poorest of the poor*). Những thợ thủ công làm việc trong những điều kiện tốt nhất, nay bị máy cạnh tranh nên tiền công cũng bị tụt xuống. Những người làm việc bằng máy đều toàn là thiếu nữ và thiếu phụ. Nhờ có sức máy, họ thủ tiêu được độc quyền của những công nhân đàn ông trong những công việc khó, và loại một số đông phụ nữ già và trẻ em ra khỏi những công việc dễ nhất. Còn những lao động kém nhất thì đều bị sự cạnh tranh đè bẹp. Song song với sự phát triển của việc may bằng máy, số người chết đói (*death from starvation*) ở Luân-đôn trong 16 năm vừa qua đã tăng lên¹⁾. Tùy theo máy khâu nặng hay nhẹ, to hay nhỏ và chuyên về may gì, mà những người mới được tuyển vào làm phải sử dụng bằng chân và tay hay chỉ bằng tay thôi, phải ngồi hay đứng, nên họ phải tiêu phí mất nhiều hay ít sức lực. Vì

¹⁾ Trong tuần lễ kết thúc vào ngày 26 tháng hai 1864, Báo cáo chính thức hàng tuần về số tử vong đã kể ra năm trường hợp chết đói ở Luân-đôn. Cũng trong ngày đó, báo *Times* đăng thêm một trường hợp chết đói như thế nữa.

thời gian làm việc của họ kéo dài, nên có hại cho sức khỏe của họ, tuy so với chế độ cũ, thì thường thường không dài bằng. Khi máy khâu được đem dùng trong các xưởng hẹp và chật ních những người, như vẫn thấy trong việc làm mũ, coóc-xê, giấy v.v., thì điều kiện thiếu vệ sinh dĩ nhiên là tăng lên.

... Tiến trình của cuộc cách mạng công nghiệp đó đã được xúc tiến do việc áp dụng các luật công xưởng vào tất cả các sản nghiệp phụ nữ, thanh niên và trẻ em. Việc quy định ngày lao động đúng theo pháp luật, chế độ luân phiên cho các trẻ em, việc cấm dùng trẻ em dưới một độ tuổi nào đó, v.v. buộc chủ xưởng phải tăng thêm số máy móc¹⁾ và thay thế sức người bằng hơi nước để làm động lực²⁾. Mặt khác, để lấy không gian bù vào chỗ thiệt về thời gian, người ta buộc phải mở rộng những tư liệu sản xuất

¹⁾ Như trong nghề đồ gốm chẳng hạn, công ty Cóc-ran của *Britain Pottery* ở Gơ-la-sgô, đã nói: «Để giữ vững số lượng sản phẩm, chúng tôi phải dùng nhiều máy móc khiến những công nhân lành nghề cũng thành thừa, nên mỗi ngày chúng tôi đều thấy rằng làm như thế chúng tôi có thể sản xuất được nhiều hơn là phương pháp cũ». (*Reports of Insp. of Fact.*, ngày 31 tháng Mười 1865, tr. 13) «Luật công xưởng có tác dụng thúc đẩy việc dùng máy móc» (S. Đ. D. tr. 13, 14).

²⁾ Chẳng hạn, sau khi áp dụng luật công xưởng trong các lò gốm, thì các máy tiện quay tay phần lớn đều được thay thế bằng máy tiện chạy bằng động cơ.

tập thể như lò nấu, vật kiến trúc v.v. sao cho sự tập trung ngày càng lớn hơn những tư liệu sản xuất nhất định phải là kết quả của việc tập trung ngày càng lớn số công nhân. Thực ra mỗi khi công trường thủ công bị luật công xưởng đe dọa, thì người ta bạnh cổ ra để chứng minh rằng muốn tiếp tục việc kinh doanh được như quy mô cũ, thì cần phải bỏ ra nhiều tư bản hơn nữa. Còn như lao động gia công và các hình thức trung gian giữa lao động gia công và công trường thủ công thì cái vũ khí duy nhất của chúng, vừa để tiến công vừa để phòng thủ trong cuộc cạnh tranh, là sự bóc lột vô độ sức lao động rẻ tiền. Đến khi ngày lao động bị hạn chế và lao động trẻ em bị thu hẹp, thì các lỗi kinh doanh đó như vậy là bị dồn vào chỗ chết.

... Những điều khoản của đạo luật công xưởng, nói chung trong toàn bộ, đối với việc giáo dục, tuy có vẻ ít ỏi thật, nhưng cũng đã tuyên bố được rằng trẻ em bắt buộc phải có trình độ sơ học mới được đi làm¹⁾. Thành công

¹⁾ Theo luật công xưởng thì cha mẹ không thể cho con cái dưới 14 tuổi đến làm việc ở các công xưởng «có kiểm soát», nên đồng thời không cho con cái họ được học tiểu học. Chủ xưởng là người có trách nhiệm thi hành luật đó, «Việc giáo dục ở công xưởng là việc bắt buộc, nó là một điều kiện của lao động». (*Rep. of Insp. of Fact.*, ngày 31 tháng Mười, 1865, tr. 111).

của những điều khoản đó đã chứng tỏ một cách thực tiễn cho người ta thấy rằng lần đầu tiên có thể kết hợp giáo dục và thể dục với lao động chân tay và ngược lại, lao động chân tay với giáo dục và thể dục¹⁾. Do hỏi ý kiến của thầy giáo nên các viên thanh tra công xưởng đều thừa nhận ngay rằng trẻ em công xưởng chỉ học ở trường có nửa ngày thôi mà vẫn học bằng những học sinh học đều đặn cả hai buổi, và thậm chí thường thường lại học khá hơn nữa.

Và lý do của việc đó thì giản đơn thôi. Những trẻ em nào chỉ học ở nhà trường mỗi ngày một buổi, thì thường thường được rảnh óc, khoan khoái và có khả năng và thích thú nhiều hơn để tiếp thu bài học được kết quả. Trong chế độ nửa ngày lao động và nửa ngày học ở trường, thì mỗi công việc ở hai nơi đó đều do việc nọ và việc kia được nghỉ ngơi và giải lao, và trẻ em thấy dễ chịu hơn là nếu cứ cặm cụi mãi trong

¹⁾ Về vấn đề kết quả có lợi của việc kết hợp thể dục (và việc tập quân sự của con trai) với giáo dục cưỡng bức của trẻ em làm ở công xưởng và học sinh nghèo, xin xem thêm bài diễn văn của V. N. Xơ-ni-o ở Đại hội hàng năm lần thứ bảy của *National Association for the Promotion of Social science* trong: *Report of Proceedings*, v. v. (Luân-đôn, 1863, tr. 63, 64); cũng nên xem cả báo cáo của các thanh tra công xưởng ngày 31 tháng Mười 1865, tr. 118-119-120, 126 và tiếp.

một việc. Một đứa trẻ ngồi ở ghế nhà trường từ sáng sớm và nhất là lúc nóng nực, thì không thể nào sánh được với một đứa trẻ thật là sáng khoái và nhẹ nhàng, sau khi lao động ra¹⁾.

Về vấn đề này, người ta thấy trong bài diễn văn của Xơ-ni-o tại đại hội xã hội học ở E-đin-bua năm 1863, có nhiều tài liệu phong phú nhất. Trong bài đó, ông chứng minh rằng ngày học nhiều giờ, đều đều tẻ ngắt và vô bổ của trẻ em ở các lớp trên, đã làm tăng thêm công việc của thầy giáo một cách vô ích biết bao, đồng thời lại vừa làm cho trẻ con mất thì giờ, mất sức khỏe và nghị lực của chúng, không những không có kết quả gì mà lại còn hoàn toàn làm hại các em nữa²⁾.

¹⁾ *Report of Insp. of Fact.* (S. Đ. D., tr. 118) Một chủ công xưởng dệt lụa đã tuyên bố một cách ngây thơ với các Ủy viên điều tra của Ban Child. Empl. Comm, như sau: «Tôi tin rằng cái bí quyết chính để tạo ra công nhân khéo léo là phải tiên hành đồng thời, ngay từ tuổi thơ ấu, cả lao động lẫn học tập. Dĩ nhiên là công việc lao động không được đòi hỏi quá nhiều cố gắng và cũng không thể là công việc quá gòm ghiếc hay mất vệ sinh. Tôi hy vọng rằng con cái của tôi cũng có thể vừa lao động vừa học tập». (S. Đ. D. tr. 83, số 36).

²⁾ Chỉ cần đem so sánh bài diễn văn của V. N. Xơ-ni-o hồi 1863 với bài của ông công kích luật công xưởng năm 1833, hoặc đem đối chiếu những ý kiến của đại hội mà chúng tôi vừa dẫn ra, với cái sự kiện là ở một vài bộ phận

Chỉ cần xem những sách của Rô-be Ô-oen, cũng đủ thấy rằng chế độ công xưởng là nơi đầu tiên làm nảy nở mầm mống của nền giáo dục của tương lai, nền giáo dục sẽ kết hợp lao động sản xuất với giáo dục và thể dục, đối với hết thảy các trẻ em trên một tuổi nhất định nào đó, và làm như vậy không những chỉ là phương pháp tăng thêm sản xuất xã hội, mà còn là phương pháp độc nhất và duy nhất để đào tạo ra những con người hoàn thiện.

Chúng ta đã thấy rằng về mặt kỹ thuật, đại công nghiệp xóa bỏ sự phân công lao động theo lối công trường thủ công là sự phân công đã trói buộc một người suốt đời vào một công việc bộ phận, trong lúc đó hình thức tư bản chủ nghĩa của đại công nghiệp đồng thời cũng tái sản xuất

nào đó của nước Anh, các cha mẹ nghèo túng, vì sợ đói khổ không thể cho con cái của mình ăn học, thì cũng đủ xét đoán được rằng nền công nghiệp lớn, phát triển đến một mức nhất định nào đó, — do sự cải biến nó gây ra trong phương thức sản xuất vật chất và trong các quan hệ xã hội về sản xuất, — cũng có thể cải biến cả đầu óc của con người. Ở Xo-mơ-sét-sai-rơ chẳng hạn, như lời ông Snen kể lại, thì thường thường người nào đã đến xin nhà cứu tế, đều phải bắt con cái ở nhà, không được đi học. O. Vôn-la-stơn, mục sư ở Phen-tham, dẫn ra trường hợp một số gia đình bị từ chối cứu tế «bởi vì các gia đình đó đã cho con cái đi học!»

ra sự phân công lao động ấy dưới một dạng còn quái gở hơn nữa: trong công xưởng chính công thì bằng cách biến người công nhân thành vật phụ thuộc có ý thức của một cái máy bộ phận, còn ở tất cả các nơi khác thì một phần bằng cách sử dụng lẻ tẻ máy móc và lao động cơ giới¹⁾, một phần bằng cách sử dụng lao động của phụ nữ, của trẻ em và lao động không lành nghề với tư cách là một cơ sở mới của sự phân công lao động. Mâu thuẫn giữa sự phân công lao động theo lối công trường thủ công với thực chất

¹⁾ Ở nơi nào mà máy móc thủ công, do sức người đẩy, trực tiếp hoặc gián tiếp cạnh tranh với những máy móc phát triển hơn, tức là những máy móc giả định phải có động lực cơ giới, thì ở đó xảy ra một sự thay đổi lớn đối với người lao động, làm cho máy chuyển động. Lúc ban đầu thì máy hơi nước thay thế người công nhân đó, bây giờ thì chính người công nhân đó lại phải thay thế máy hơi nước. Do đó, sự nỗ lực và chi phí sức lao động của anh ta đạt đến những quy mô quái gở, nhất là đối với những thiếu niên phải lâm vào cảnh khổ hình như thế! Ủy viên của Ủy ban điều tra Long đã thấy rằng ở Cô-ven-tơ-ri và các vùng lân cận, người ta dùng những trẻ em 10-11 tuổi để quay những máy dệt ruy-băng, đó là chưa kể những trẻ em ít tuổi hơn được dùng để quay những máy dệt cỡ nhỏ hơn. «Đó là một lao động cực kỳ nặng nhọc. Trẻ em chỉ là kẻ thay thế cho sức hơi nước». (Child. Empl. Comm. 5 th Report, 1866, tr. 174, số 6). Về những hậu quả giết người của «chế độ nô lệ» ấy, như báo cáo chính thức đã gọi như vậy, xin xem cũng tài liệu ấy, ở những trang tiếp theo.

nền đại công nghiệp đã biểu hiện ra một cách dữ dội. Ví dụ, nó biểu hiện ra trong một sự thật kinh khủng là một số lớn trẻ em làm việc trong các công xưởng và các công trường thủ công hiện đại, ngay từ lúc còn thơ ấu nhất, đã bị bóc lột trong suốt nhiều năm, mà không học được một công việc nào sau này có thể cho phép người ta sử dụng chúng, dù là sử dụng ngay trong những công trường thủ công hoặc công xưởng ấy. Trong các nhà in ở Anh chẳng hạn, theo chế độ công trường thủ công và nghề thủ công cũ thì trước kia là thường có việc thợ học nghề chuyển từ những công việc dễ sang những công việc có nội dung hơn. Họ trải qua một quá trình học việc trước khi trở thành người thợ in thực thụ. Biết đọc biết viết là một đòi hỏi của nghề thủ công đối với tất cả mọi người. Tất cả những điều đó đều đã thay đổi sau khi máy in ra đời. Máy in cần hai loại công nhân: công nhân lớn tuổi trông coi máy và những em bé, phần lớn từ 11 đến 17 tuổi, mà công việc chỉ là trải tờ giấy cho vào máy hoặc kéo tờ giấy ra khi đã in xong. Họ làm công việc mệt nhọc đó, nhất là ở Luân-đôn, mỗi ngày làm 14, 15, 16 giờ liền không nghỉ, và lắm khi làm 36 giờ liền mà chỉ có 2 giờ nghỉ để ăn và ngủ! Phần đông trong số họ không biết đọc và thông thường thì họ là những con người hoàn toàn bị đần độn, không bình thường.

«Để khiến cho họ có thể làm được công việc của họ thì hoàn toàn không cần có một trí dục nào cả; họ ít có cơ hội để dùng đến tài khéo léo và lại càng có ít cơ hội hơn để dùng đến trí phán đoán; tiền công của họ mặc dù tương đối cao so với trẻ em, nhưng không tăng lên theo tỷ lệ với sự trưởng thành của họ, và tuyệt đại đa số trong bọn họ không có một triển vọng nào để có cái địa vị được trả công cao hơn và có trách nhiệm hơn của người trông coi máy, bởi vì mỗi máy chỉ cần có một người đứng máy và 4 em giúp việc».

Khi họ đã quá lớn để làm cái công việc trẻ con của họ, tức là khi họ đã đến 17 tuổi, thì người ta đuổi họ ra khỏi nhà in. Thế là họ trở thành những kẻ bổ sung cho hàng ngũ những người phạm tội. Một số mưu toan định kiếm việc làm cho họ ở một nơi nào khác đã bị thất bại vì vấp phải sự ngu dốt, tính thô lỗ, sự suy sụp về thể chất và tinh thần của họ.

Tất cả những gì đúng với sự phân công lao động theo lối công trường thủ công trong xưởng thợ thì cũng đều đúng đối với sự phân công lao động trong xã hội. Chừng nào mà nghề thủ công và công trường thủ công còn là cơ sở phổ biến của nền sản xuất xã hội, thì chừng đó tình trạng người sản xuất bị phụ thuộc vào một ngành sản xuất và sự hủy hoại tính chất đa dạng lúc ban

đầu của công việc của họ¹⁾ là một nhân tố tất yếu của sự phát triển.

Trên cơ sở đó, mỗi ngành sản xuất đặc thù đều dựa vào kinh nghiệm mà tìm ra cái hình thái kỹ thuật tương ứng với nó, hoàn thiện nó một cách chậm chạp và nhanh chóng kết tinh nó lại sau khi đã đạt đến một trình độ chín muồi nào đó. Cái thính thoảng gây ra những sự thay đổi, thì đó là — trừ những vật liệu lao động mới do thương nghiệp cung cấp — sự thay đổi dần dần của công cụ lao động. Một khi nhờ kinh nghiệm mà đã tìm ra được hình thức thích hợp thì công cụ cũng cố định lại, như việc nó đã được truyền lại từ thế hệ này qua thế hệ khác, có khi mất đến hàng nghìn năm, điều đó đã được chứng minh. Một nét đặc trưng là cho đến tận thế kỷ XVIII, các nghề thủ công đều được gọi

¹⁾ Theo bản Statistical Account (Báo cáo thống kê), thì ở một số vùng Thượng Xcôt-lan... nhiều người chăn cừu và những cotters (bần nông) cùng với vợ con đều đi giày da do họ tự thuộc lấy, mặc những áo quần mà ngoài bàn tay của họ ra thì không một ai đụng đến, tức là được làm bằng lông cừu do tự họ xén lấy và bằng sợi cây lanh do tự tay họ trồng ra. Trong việc may quần áo, hầu như họ không phải mua một thứ gì ở ngoài, chỉ trừ cái dùi, cái kim, cái đê và rất ít dụng cụ khác bằng sắt dùng để dệt mà thôi. Chắt nhuộm cũng do phụ nữ tự làm lấy từ cây cỏ v. v. («Dugald Stewart, «Works», ed, Hamilton, tập VIII, tr. 327 - 328).

là những mysteries «mystères» (bí quyết) mà chỉ những người am hiểu kinh nghiệm và nghề nghiệp mới có thể đi sâu nắm vững được¹⁾. Đại công nghiệp đã xé toang cái tấm màn che đây không cho con người ta thấy được các quá trình sản xuất xã hội của chính họ, cái tấm màn làm cho những ngành sản xuất khác nhau, đã được tách riêng ra một cách tự phát, trở thành những điều bí ẩn đối với nhau và thậm chí đối với cả những người am hiểu trong mỗi ngành nữa. Nguyên lý của đại công nghiệp là phân giải quá trình sản xuất, xét ngay trong bản thân nó và trước hết là không liên quan gì đến bàn tay của con người, thành những yếu tố cấu thành của nó, — nguyên lý đó đã tạo ra một khoa học hoàn toàn hiện đại là kỹ thuật học. Những hình thái hỗn tạp, bề ngoài hình như không liên hệ với nhau và đã cố định lại của quá trình sản xuất xã hội, được phân giải thành những lĩnh vực áp dụng khoa học tự nhiên một cách tự giác theo

¹⁾ Trong cuốn «*Livres des métiers*» nổi tiếng của Ê-chiê-n Boa-lô có nói rằng khi gia nhập phường hội, người thợ bạn phải tuyên thệ «yêu thương các bạn đồng nghiệp của mình như anh em, giúp đỡ họ trong phạm vi nghề nghiệp của mình, không tự ý tiết lộ bí mật nhà nghề, và thậm chí vì lợi ích của cả phường hội không được nói cho người mua biết những khuyết điểm của hàng hóa của người cùng phường làm để họ mua hàng hóa của phường hội mình».

kế hoạch, được tách riêng ra một cách có hệ thống tùy theo hiệu quả hữu ích mong muốn. Kỹ thuật học cũng phát hiện ra một số ít hình thức vận động cơ bản lớn lao mà bất kỳ một hoạt động sản xuất nào của thân thể con người cũng đều nhất thiết phải tiến hành, mặc dù tất cả tính chất nhiều vẻ của những công cụ được sử dụng, hoàn toàn cũng giống như lực học, mặc dù tính chất hết sức phức tạp của máy móc, vẫn không bị đánh lừa bởi sự không ngừng lặp đi lặp lại của những sức cơ giới đơn giản. Công nghiệp hiện đại không bao giờ xét và coi hình thức hiện có của quá trình sản xuất là một hình thức dứt khoát. Vì vậy, cơ sở kỹ thuật của nó là có tính chất cách mạng, còn cơ sở của tất cả các phương thức sản xuất trước kia về căn bản là bảo thủ¹⁾. Nhờ dùng máy móc, nhờ các

¹⁾ Giai cấp tư sản không thể tồn tại được nếu không liên tục cách mạng hóa công cụ sản xuất và do đó, cách mạng hóa các quan hệ sản xuất và toàn bộ những quan hệ xã hội. Trái lại, đối với tất cả các giai cấp công nghiệp trước kia thì việc giữ không thay đổi phương thức sản xuất cũ là điều kiện đầu tiên cho sự tồn tại của họ. Những sự đảo lộn liên tục ấy trong sản xuất, sự rung chuyển không ngừng ấy của tất cả các địa vị xã hội, trạng thái không chắc chắn và sự vận động vĩnh viễn ấy là điểm phân biệt thời đại tư sản với tất cả các thời đại trước. Tất cả những quan hệ cố định và hoen gỉ, cùng với cái chuỗi những biểu tượng và quan niệm cổ xưa đang tiêu tan; những quan

quá trình hóa học và các phương pháp khác, nền công nghiệp cận đại không ngừng đảo lộn, những cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất, và cùng với chúng là những chức năng của công nhân và những sự kết hợp xã hội của quá trình lao động cũng biến đổi theo. Do đó, nền công nghiệp hiện đại không ngừng cách mạng hóa sự phân công lao động trong xã hội và không ngừng vứt những khối lượng tư bản và khối lượng công nhân từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác. Vì vậy, bản chất của đại công nghiệp đòi hỏi phải có sự thay đổi lao động, sự chuyển chức năng và tính chất cơ động toàn diện của người công nhân. Mặt khác, dưới hình thức tư bản chủ nghĩa của nó, nó tái sản xuất ra sự phân công lao động cũ với những đặc điểm cố định của nó. Chúng ta đã thấy cái mâu thuẫn tuyệt đối đó xóa bỏ như thế nào mọi sự yên tĩnh, sự ổn định, sự bảo đảm đối với tình cảnh sinh sống của công nhân, nó luôn luôn đe dọa tước mất tư liệu lao động của công nhân và

hệ mới được hình thành chưa kịp ngưng kết thì đã bị già cỗi. Tất cả những gì vững chắc và cố định đều tiêu tan, tất cả những gì thiêng liêng đều bị ô uế và rút cục mọi người đều buộc phải nhìn vị trí của họ trong cuộc sống và quan hệ giữa họ với nhau bằng một con mắt tỉnh táo (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n «*Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*», Luân-đôn, 1848, tr. 5).

cùng với chúng là tư liệu sinh hoạt của họ¹⁾, và đe dọa làm cho bản thân họ, cùng với chức năng bộ phận của họ, trở nên thừa; chúng ta cũng đã thấy mâu thuẫn đó nổ ra dữ dội như thế nào trong sự hy sinh không ngừng giai cấp công nhân, trong sự hoang phí vô hạn sức lao động và trong những sự tàn phá của tình trạng vô chính phủ trong xã hội. Đó là mặt tiêu cực. Nhưng nếu sự thay đổi của lao động bây giờ chỉ được thực hiện như là một quy luật tự nhiên không thể nào khắc phục được và với sức phá hoại mù quáng của một quy luật tự nhiên đâu đâu cũng vấp phải những trở ngại²⁾, thì mặt khác, thông qua chính ngay những tai biến của

¹⁾ «Trước mắt phương tiện sinh sống, anh đã trước mắt đời sống của tôi» (Sêch-xpia).

²⁾ Khi ở Xan Phran-xi-xcô về, một công nhân Pháp đã viết: «Tôi không bao giờ nghĩ rằng tôi sẽ có thể làm được tất cả các nghề thủ công mà thực sự tôi đã làm ở Ca-li-phoóc-ni-a. Trước kia tôi tin chắc rằng, ngoài nghề in ra, tôi chẳng còn làm được việc gì hết... Một khi đã rơi vào giữa cái thế giới của những kẻ phiêu lưu đổi nghề dễ hơn trở bàn tay ấy thì quả thật tôi cũng làm được như những người khác. Vì nghề thợ mỏ kiếm không đủ sống, tôi đã bỏ nghề đó và ra thành thị lần lượt làm nghề thợ sắp chữ, thợ lợp nhà, thợ đúc chì, v. v.. Do kinh nghiệm chỉ cho tôi thấy rằng tôi có thể làm được bất cứ việc gì, tôi tự cảm thấy mình ít khờ dại hơn và thành người hơn nhiều» (A. Corbon, «De l'enseignement professionnel» tr. 50).

nó, đại công nghiệp lại đặt vấn đề thừa nhận sự thay đổi của lao động là một vấn đề sinh tử, và do đó, thừa nhận tính chất càng nhiều vé càng tốt của công nhân là một quy luật phổ biến của sản xuất xã hội và phải làm cho các quan hệ phù hợp với sự thực hiện bình thường của quy luật đó. Thay thế tính chất to lớn của một nhân khẩu lao động khôn khổ ở rồi được duy trì làm dự trữ cho nhu cầu bóc lột đang thay đổi của tư bản, bằng tính chất tuyệt đối sẵn sàng dùng được của con người đối với những nhu cầu đang thay đổi của lao động, thay thế con người bộ phận, kẻ chỉ giản đơn mang một chức năng xã hội bộ phận, bằng một con người phát triển toàn diện mà những chức năng xã hội khác nhau chỉ là những phương thức hoạt động thay thế nhau mà thôi, đó là những vấn đề sinh tử mà đại công nghiệp đã đặt ra. Một yếu tố của quá trình cách mạng đó, phát triển một cách tự phát trên cơ sở đại công nghiệp, là những trường học kỹ thuật bách khoa và nông nghiệp, và một yếu tố khác là các *écoles d'enseignement professionnel* (trường dạy nghề) trong đó con cái của công nhân chỉ được học chút ít về kỹ thuật và cách sử dụng thực tế các công cụ sản xuất khác nhau. Nếu như pháp chế công xưởng, với tư cách là sự nhượng bộ nghèo nàn đầu tiên giành được từ trong tay tư bản, đã gắn nền giáo dục sơ cấp với lao động công xưởng, thì không

còn nghi ngờ gì nữa, việc giai cấp công nhân giành được quyền lực chính trị—một điều không thể tránh được—cũng sẽ giành được một vị trí xứng đáng cho việc giáo dục kỹ thuật trong các trường công nhân, về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn. Cũng không còn nghi ngờ gì nữa rằng, hình thức tư bản chủ nghĩa của sản xuất và các quan hệ kinh tế của công nhân phù hợp với hình thức đó, sẽ mâu thuẫn trực tiếp với tính cách mạng và với mục đích của cách mạng là thủ tiêu lối phân công lao động cũ. Tuy vậy, sự phát triển của những mâu thuẫn của một hình thức sản xuất lịch sử nhất định là con đường lịch sử duy nhất để làm cho nó tan rã và hình thành một hình thức mới. «*Ne sutor ultra crepidam!*» (Anh thợ giày, anh hãy cứ biết lấy công việc của anh đi đã!) Cái tuyệt đỉnh đó của sự khôn ngoan thủ công nghiệp đã biến thành một sự ngu ngốc kinh khủng từ khi anh thợ đồng hồ Oát phát minh ra máy hơi nước, anh thợ cạo Ác-crai-tơ phát minh ra máy kéo sợi và anh thợ kim hoàn Phun-ton phát minh ra tàu thủy¹⁾.

¹⁾ Giôn Ben-léc-xơ, một hiện tượng kỳ lạ trong lịch sử khoa kinh tế chính trị, ngay từ cuối thế kỷ XVII đã hoàn toàn hiểu rõ sự cần thiết phải thủ tiêu chế độ giáo dục và phân công lao động hiện nay, một chế độ đã sinh ra bệnh phát phì và bệnh gầy còm ở hai cực của xã hội, mặc dù theo hướng đối lập nhau. Ông ta đã nói rất hay

Khi pháp chế công xưởng điều tiết lao động tại các công xưởng, công trường thủ công v.v., thì lúc đầu, điều đó chỉ thể hiện ra như là sự can thiệp vào quyền bóc lột của tư bản. Trái lại, mọi sự điều tiết cái gọi là lao động tại nhà¹⁾, đều thể hiện ra ngay lập tức là sự xâm lấn trực tiếp vào patria potestas theo cách nói hiện đại là vào quyền lực của cha mẹ, một bước mà Nghị viện Anh tê nhị trong một thời gian dài làm ra vẻ run sợ không dám thực hiện. Nhưng sức mạnh của các sự kiện đã buộc người ta cuối cùng phải

rằng: «Việc lười học tập cũng chỉ hơn học tập sự lười biếng một chút mà thôi... Lao động chân tay là chế độ đầu tiên do Chúa đặt ra... Lao động là cần thiết cho sức khỏe của thân thể cũng giống như thức ăn cần cho đời sống của thân thể, bởi vì những sự đau đớn mà một người tránh cho mình bằng cách lười biếng, thì họ lại tìm thấy chúng trong bệnh hoạn... Lao động đổ thêm dầu vào ngọn đèn của đời sống, còn tư tưởng thì đốt ngọn đèn đó lên... Một lao động dần dần của trẻ em» (đó là lời cảnh cáo tiên tri đối với những Ba-dơ-đô và những người hiện nay đang phụ họa với họ) «sẽ làm cho trí tuệ của trẻ em trở nên dần dần» («Proposals for raising a Colledge of Industry of all useful Trades and Husbandry», London, p. 12, 14, 16, 18).

¹⁾ Vả lại, loại lao động này phần lớn cũng diễn ra ở trong các xưởng nhỏ, như chúng ta đã thấy trong các công trường thủ công làm đăng-ten và bện rơm, và như chúng ta sẽ có thể chỉ ra một cách chi tiết hơn, cụ thể là qua các thí dụ về các công trường thủ công kim khí ở Sép-phin Bóc-min-hêm, v. v.

thừa nhận rằng, cùng với những cơ sở kinh tế của gia đình cũ và của lao động gia đình phù hợp với nó, thì đại công nghiệp cũng phá hủy chính ngay những quan hệ gia đình cũ. Người ta cần phải công bố quyền của trẻ em.

«Bất hạnh thay»,—bản báo cáo cuối cùng của «Child. Empl. Comm.» năm 1866 nói,—«qua tất cả những lời khai của nhân chứng, người ta thấy rõ ràng các trẻ em trai gái đều cần có sự bảo hộ để chống lại cha mẹ mình nhiều hơn là chống lại bất cứ một người nào khác». Chế độ bóc lột vô hạn độ lao động của trẻ em nói chung và lao động tại nhà nói riêng «được duy trì do chỗ các cha mẹ có một quyền lực độc đoán và tai hại đối với con cái còn non nớt và bé dại của họ mà không hề bị kiểm chế hay kiểm soát... Cha mẹ không được có cái quyền tuyệt đối biến con cái họ thành những cái máy thuần túy để kiếm chác một số tiền công hàng tuần nào đó... Trẻ em và thiếu niên có quyền được pháp chế bảo vệ chống lại sự lạm dụng quyền lực của cha mẹ, quyền lực đó sớm hủy hoại thể lực của chúng và làm cho chúng rơi xuống trình độ rất thấp về mặt đạo đức và trí tuệ.»

Nhưng không phải là việc lạm dụng quyền lực của cha mẹ đã tạo ra việc tư bản bóc lột trực tiếp hoặc gián tiếp sức lao động chưa trưởng

thành, mà trái lại, chính phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa đã biến quyền lực của bố mẹ thành một sự lạm dụng, bằng cách thủ tiêu cái cơ sở kinh tế phù hợp với quyền lực đó. Dẫu cho sự tan rã của gia đình cũ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa có tỏ ra kinh khủng và ghê tởm đến mấy chăng nữa thì trong khi đem lại cho phụ nữ, thiếu niên và trẻ em trai gái một vai trò quyết định trong quá trình sản xuất xã hội có tổ chức ngoài phạm vi gia đình, đại công nghiệp cũng vẫn tạo ra một cơ sở kinh tế mới cho hình thức cao hơn của gia đình và của mối quan hệ giữa nam và nữ. Tất nhiên, nếu coi hình thức gia đình đạo Cơ-đốc Giéc-manh là tuyệt đối thì điều đó cũng phi lý như coi hình thức gia đình cổ La-mã hoặc cổ Hy-lạp, hoặc phương Đông là tuyệt đối, vì thật ra những hình thức này đã cùng nhau hình thành nên một chuỗi phát triển lịch sử thống nhất. Cũng rõ ràng rằng, thành phần của những người lao động kết hợp gồm những người thuộc cả hai giới nam nữ và thuộc những lứa tuổi khác nhau nhất, mặc dầu dưới hình thức thô bạo có tính tự phát của nó, tức là dưới hình thức tư bản chủ nghĩa, trong đó người lao động tồn tại vì quá trình sản xuất chứ không phải quá trình sản xuất tồn tại vì người lao động, là cái nguồn gốc ôn dịch của sự diệt vong và của sự nô lệ, nhưng trong những điều kiện thích hợp thì

trái lại nó sẽ phải biến thành cái nguồn gốc của một sự phát triển nhân đạo¹⁾.

... Một trong những cuốn Sách Xanh cuối cùng về các hầm mỏ: *Report from the select committee on Mines, v.v. together with... Evidence*, ngày 13 tháng bảy 1866, là công trình của một Ủy ban nghị viện chọn trong số nghị sĩ Hạ nghị viện, có đủ quyền để đề cử và hỏi nhân chứng. Đây là một tập sách dày, trong đó báo cáo của Ủy ban chỉ có 5 dòng, vắn vắn 5 dòng vì người ta không có gì để báo cáo cả và cần phải có nhiều tài liệu đầy đủ hơn nữa! Ngoài ra chỉ toàn là những khẩu cung của nhân chứng.

Cách hỏi giống như *cross examinations* (lỗi chất vấn), đối với nhân chứng trước các tòa án ở Anh, nghĩa là trạng sư dùng những câu hỏi vô si, bất thành linh, mập mờ nước đôi, rắc rối, hỏi không đâu vào đâu, để tìm cách dọa nạt nhân chứng, làm cho nhân chứng bất ngờ, luống cuống và để bẻ queo những câu mà luật sư đã ép nhân chứng phải trả lời. Ở đây, trạng sư chính là các ngài ở Nghị viện, có trách nhiệm đi điều tra và trong số đó có cả những chủ mỏ và những nhà khai mỏ; còn nhân chứng chính là các công nhân mỏ. Tân hài kịch này quá ư đặc sắc nên chúng tôi trích dẫn ra đây vài

¹⁾ Lao động công xưởng cũng có thể thuần khiết và tốt lành... như lao động gia đình vậy, và có lẽ còn hơn nữa. (Report of Insp. of Fact. for 31 st October 1865, p. 129).

đoạn trong báo cáo đó. Để cho gọn, chúng tôi xếp các đoạn đó theo từng loại. Dĩ nhiên là câu hỏi và lời đáp đều có đánh số trong các Sách Xanh của Anh.

I—*Việc dùng trẻ em từ 10 tuổi trở lên trong các hầm mỏ.* Ở hầm mỏ, thời gian lao động, tính cả lúc đi và về, thường kéo dài từ 14 đến 15 tiếng đồng hồ, đôi khi còn làm từ 3, 4, 5 giờ sáng đến 4, 5 giờ chiều (số 6,452,83). Người lớn làm việc hai ca, mỗi ca 8 giờ, những đôi với trẻ em thì không có luân phiên, đó là vấn đề tiết kiệm (số 80, 203, 204). Những trẻ em bé nhất thì chủ yếu dùng vào việc mở và đóng các ngăn hầm mỏ; các em lớn tuổi hơn thì làm công việc khó nhọc hơn, công việc chuyên chở than, v.v. (số 122, 739, 740). Các em làm nhiều giờ như thế ở dưới hầm, mãi cho đến năm 18 hoặc 20 tuổi mới thôi; lúc đó mới bắt đầu công việc làm hầm mỏ thật sự (số 161). Ngày nay, các trẻ em và thanh niên đều bị đối đãi thậm tệ và bị bóc lột nhiều hơn so với bất cứ một thời kỳ nào trước đó (số 1.663, 1.667). Hầu hết công nhân mỏ đều đồng tình yêu cầu Nghị viện ra một đạo luật cấm không được dùng trẻ em chưa đến 14 tuổi làm thứ lao động này. Và dưới đây là câu hỏi của Vi-vi-an Hút-xây (một người khai mỏ):

—Ý nguyện đó có căn cứ vào hoàn cảnh nghèo túng của cha mẹ không? Cha chết hay

bị tàn tật, v.v. mà rút mất nguồn sống đó của gia đình, há không phải là ác hay sao? Tuy nhiên cũng cần phải có một quy chế chung về vấn đề đó. Các anh có muốn cấm trẻ em chưa đến 14 tuổi lao động ở *dưới hầm* trong mọi trường hợp không?

Trả lời:—Cấm trong tất cả mọi trường hợp (số 107, 110). Hút-xây hỏi:—Nếu cấm không cho trẻ em dưới 14 tuổi lao động ở hầm mỏ, thì liệu các cha mẹ sẽ có đưa con cái họ đến công xưởng làm không?—Theo lệ thì không (số 174). Có một công nhân nói:—Việc mở cửa và khép cửa tường như là việc dễ làm. Nhưng thực ra đó là một trong những công việc mệt nhọc nhất. Không kể đến tình trạng thường xuyên có luồng gió, các trẻ em thực sự là những kẻ bị tù, giam trong một xà-lim không có ánh sáng. Nhà tư sản Hút-xây hỏi:—Nếu có ánh sáng thì trẻ em có thể vừa đọc sách vừa gác cửa được không?—Trước hết nó cần phải mua nến, nhưng người ta lại không cho phép nó làm như thế. Nó ở đó là để làm công việc của nó, nó có phận sự phải làm; tôi chưa bao giờ nhìn thấy một đứa nào đọc sách ở hầm mỏ cả (số 139, 141, 143, 158, 160).

II—*Giáo dục*: Công nhân mỏ muốn có những đạo luật quy định chế độ giáo dục cưỡng bách cho trẻ em ở mỏ, cũng như ở công xưởng. Họ nói rằng các điều khoản của đạo luật 1860 đòi hỏi trẻ em từ 10 đến 12 tuổi phải có chứng chỉ

học tập mới được vào làm, đều là những điều khoản hoàn toàn hảo huyền. Nhưng đến đây thì thấy việc lấy khẩu cung của các viên thẩm phán tư bản chủ nghĩa thật là đáng tức cười.

— Luật đó cần thiết để chống lại ai hơn cả? Chống lại chủ xí nghiệp hay chống lại cha mẹ? — Chống lại cả hai (số 115). — Chống lại ai nhiều hơn? — Thật khó mà trả lời (số 116). — Các chủ xí nghiệp có tỏ ra là muốn tổ chức thời gian lao động sao cho việc theo học được thuận tiện không? — Không khi nào (số 137). — Công nhân mở sau khi làm có cải thiện được học vấn của họ không? — Thường thường là họ sa đọa và nhiễm những thói xấu; họ đâm ra cờ bạc, rượu chè và hoàn toàn hư hỏng (số 211). — Tại sao lại không có trẻ em đi học trường buổi tối? — Phần lớn các khu mỏ đều không có lấy một trường nào như thế cả; nhưng cái chính là vì chúng đã nhược cả người vì lao động quá sức rất lâu khiến mắt chúng mỗi một chút lại (số 454). — Nhà tư sản kết luận: Như vậy là các anh phản đối giáo dục à? — Không đời nào, v.v. (số 443). Những người khai mỏ, v.v. há không bị đạo luật 1860 bắt buộc phải đòi hỏi các trẻ em vào khoảng 10 và 12 tuổi phải có giấy chứng chỉ học lực hay sao? — Đúng là luật có đề ra; nhưng họ không theo. — Vậy theo các anh thì điều khoản đó của đạo luật, nói chung, không được chấp hành à? — Hoàn toàn không được

chấp hành (số 443, 444). — Công nhân mỏ có tha thiết nhiều đến vấn đề giáo dục đó không? — Tôi đại đa số đều tha thiết (số 717). — Họ có thật hăng hái muốn cho đạo luật đó bắt buộc phải được chấp hành không? — Hầu hết đều muốn (số 718). — Vậy vì sao họ không hết sức đấu tranh để cho đạo luật đó được chấp hành? — Có nhiều công nhân có lẽ muốn phản đối việc dùng trẻ em không có giấy chứng chỉ học lực, nhưng họ sẽ *bị người ta chú ý (a market man)* (số 720). — Bị ai chú ý? — Bị chủ họ (số 721). — Vậy các anh có tin rằng bọn chủ sẽ ngược đãi một người nào đó vì người này đã tuân theo pháp luật không? — Tôi tin rằng bọn chủ sẽ làm như thế (số 722). — Tại sao công nhân không cự tuyệt việc dùng trẻ em như thế? — Người ta có để cho họ lựa chọn đâu (số 123). — Chắc các anh muốn Nghị viện can thiệp phải không? — Muốn làm điều gì thiết thực cho việc giáo dục con cái công nhân mỏ thì nhất định Nghị viện phải ra luật pháp và phải dùng lời cưỡng bách mới được (số 1.634). — Cái đó có hợp với con cái của tất cả mọi người lao động ở Anh không, hay chỉ hợp với con cái công nhân mỏ thôi? — Ở đây tôi chỉ nói với tư cách công nhân mỏ thôi (số 1.636). — Tại sao lại phân biệt giữa con cái công nhân mỏ với con cái công nhân khác? — Bởi vì chúng là một trường hợp ngoại lệ (số 1.638). — Về phương diện nào? — Về phương

diện thể chất (số 1.639). — Vì sao đối với những trẻ đó, giáo dục lại có giá trị hơn là đối với các trẻ thuộc các giai cấp khác? — Tôi không có ý nói như thế, nhưng vì phải lao động quá nhiều ở hầm mỏ, nên các em đó không có cơ hội để có thể đến các trường học hàng ngày, và trường học chủ nhật được (số 1.640). — Có phải là không thể bàn về các vấn đề đó một cách tuyệt đối hay sao? (số 1.644). — Ở các khu không có đủ trường học ư? — Không đủ (số 1.646). — Nếu Nhà nước quy định các trẻ em đều phải được đi học cả thì sẽ tìm đâu ra đủ trường cho tất cả các trẻ em học? — Tôi tin rằng, khi tình hình đòi hỏi phải như thế, thì các trường sẽ tự mọc lên (số 1.647). Tuyệt đại bộ phận, không những là trẻ em, mà cả công nhân đứng tuổi nữa, ở hầm mỏ, cũng đều không biết đọc biết viết (số 705, 726) ...

... trong chế độ tư bản chủ nghĩa, tất cả những phương pháp nhằm tăng thêm năng lực sản xuất của lao động tập thể đều được thực hiện bằng cách hy sinh lợi ích của người lao động cá biệt; tất cả những thủ đoạn nhằm phát triển sản xuất đều biến thành những thủ đoạn thống trị và bóc lột người sản xuất: những thủ đoạn đó biến người sản xuất thành một người què cụt, chỉ còn là một mảnh của con người, hay thành vật phụ thuộc của một chiếc máy; đem bao nhiêu những sức mạnh khoa học của sản

xuất đối lập với người sản xuất, như bấy nhiêu quyền lực thù địch; thay thế lao động hấp dẫn bằng lao động cưỡng bức; làm cho những điều kiện lao động ngày càng trở nên bất bình thường và đặt công nhân, trong quá trình làm việc của họ, dưới một ách chuyên chế vừa vô hạn độ vừa nhỏ nhen; biến toàn bộ cuộc đời của người công nhân thành thời gian lao động và ném vợ con công nhân xuống dưới bánh chiếc xe Gia-giéc-nốt tư bản chủ nghĩa.

Nhưng tất cả những phương pháp giúp vào việc sản xuất ra giá trị thặng dư, cũng đều tạo điều kiện thuận lợi cho tích lũy và mọi sự mở rộng của tích lũy, đến lượt nó, đều lại làm cho những phương pháp nói trên phát triển lên. Kết quả là, mặc dầu định ngạch tiền công cao hay thấp như thế nào, nhưng tư bản càng tích lũy lại thì tình cảnh của người lao động nhất định càng tồi tệ hơn trước.

Cuối cùng, cái quy tắc luôn luôn làm cho sự tăng lên của tích lũy cân đối với sự tăng lên của số nhân khẩu thừa tương đối, đã cột người lao động vào tư bản chặt hơn là những mũi đinh của Vuyn-canh đã đóng Prô-mê-tê vào núi đá. Chính cái quy tắc ấy là quy tắc dựng lên một môi trường quan không thể tránh khỏi giữa tích lũy tư bản và tích lũy sự nghèo khổ thành thứ tích lũy của cái ở một cực này có nghĩa là tích lũy sự nghèo nàn, đau khổ, dốt nát, đần độn,

truy lạc về tinh thần, nô lệ, ở cực đôi lập, tức là ở ngay phía giai cấp sản xuất ra tư bản.

... mặc dầu có tình trạng nhân khẩu thừa tương đối này, nhưng đồng thời nông thôn vẫn không được đông dân. Điều này lộ rõ, không những chỉ có tính cách địa phương, ở những nơi mà nhân khẩu bị lôi cuốn một cách nhanh chóng vào các thành thị, hầm mỏ, đường sắt v.v. mà còn lộ rõ một cách phổ biến, vào mùa thu, mùa xuân và mùa hạ là những lúc bận rộn, khi nền nông nghiệp Anh, một nền nông nghiệp tiên hành canh tác một cách rất kỹ lưỡng và thâm canh, đòi hỏi có thêm nhân công. Bao giờ cũng có quá nhiều công nhân đối với những nhu cầu trung bình, và bao giờ cũng có quá ít công nhân đối với những nhu cầu đặc biệt và nhất thời của nông nghiệp¹⁾. Vì vậy, trong những tài liệu chính

¹⁾ Ở Pháp, trong vòng một chục năm lại đây, cũng xảy ra một tình hình tương tự, đi đôi với tình hình nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng xâm nhập vào nông nghiệp và xua đẩy nhân khẩu «quá thừa» của nông thôn vào các thành thị. Ở đây cũng vậy, điều kiện nhà ở cũng trở nên tồi tệ hơn và đời sống cũng khó khăn hơn. Về vấn đề «giai cấp vô sản nông thôn» đúng với tên gọi của nó, do chế độ ruộng đất manh mún đẻ ra, nên tham khảo quyển sách đã dẫn của Cô-lin-xơ và tác phẩm của Các Mác *Der Achtzehnte Brumaire des Louis Bonaparte*, Nữ U'ớc, 1852 tr. 56 và tiếp. Năm 1846, ở Pháp nhân khẩu thành thị chiếm 24,42 phần trăm, nhân khẩu nông thôn chiếm 75,58 phần trăm; năm 1861, nhân khẩu thành thị tăng lên tới

thức, người ta thấy đây đây những lời than
phiền mâu thuẫn lẫn nhau, ở trong cùng một
khu vực mà vừa kêu thiếu nhân công lại vừa
kêu thừa nhân công. Tình trạng thiếu nhân công
có tính chất tạm thời và cục bộ, tuyệt nhiên
không dẫn đến kết quả làm nâng cao tiền công,
mà lại chính là dẫn tới kết quả đẩy đàn bà và
trẻ con vào công việc đồng áng và làm cho họ bị
bóc lột ở một lứa tuổi ngày càng non hơn. Ngay
khi mà sự bóc lột đàn bà và trẻ con như vậy
được thực hiện trên một quy mô lớn nhất thì,
đến lượt nó, nó lại trở thành một thủ đoạn mới
để làm cho người lao động nam giới trở thành
không cần thiết và để duy trì tiền công của anh
ta ở mức thấp nhất. Ở miền Đông nước Anh,
chúng ta có thể thấy được một kết quả hay ho
của cái vòng luẩn quẩn này, đó là *chê độ những
toán đi làm rong* (Gangsystem).

... Mỗi toán có từ 10 đến 40 hoặc 50 người,
gồm đàn bà, thiếu niên nam nữ, mặc dầu phần
lớn các em trai cứ đến 13 tuổi là bị loại ra khỏi
toán, và cuối cùng là trẻ em nam nữ từ 6 đến

28,86 phần trăm, nhân khẩu nông thôn chỉ còn 71,14
phần trăm. Trong những năm gần đây, nhân khẩu nông
thôn còn giảm bớt hơn nữa. Ngay từ năm 1848, trong tập
Chant des ouvriers của Pi-e Đuy-pông đã có bài hát như sau:

*Mặc rách rưới, ở trong hang lỗ,
Dưới mái lều, trong những túp nhà đổ nát
Chúng tôi sống cùng với cú vọ,
Và kẻ cắp, là những bạn của bóng tối.*

13 tuổi. Trưởng toán của họ gọi là *gangmaster* là một công nhân nông nghiệp thông thường, hầu như bao giờ cũng là một gã mà người ta gọi là đồ không ra gì, ma-cà-bông, ăn chơi phóng dăng, rượu chè, nhưng xốc vác và tháo vát. Chính hắn ta tuyển mộ người trong toán, những người này làm việc dưới quyền hắn chứ không phải dưới quyền của người *fermier*, công việc thì hắn nhận khoán, vì vậy thu nhập của hắn (tính bình quân không vượt quá thu nhập của người công nhân thông thường là bao nhiêu¹⁾ như hoàn toàn tùy thuộc ở tài khéo léo của hắn làm thế nào để cho toán của hắn, trong khoảng thời gian ngắn nhất, cung cấp được một số lượng lao động nhiều nhất. Nhưng người *fermier*, do kinh nghiệm mà biết được rằng những người đàn bà chỉ khi nào ở dưới quyền chỉ huy của đàn ông thì mới làm tận lực, và những cô con gái và các trẻ em, khi đã bắt tay vào việc, thì hao phí sức lực của họ một cách rất hăng say không biết tiếc sức, như Phu-ri-ê đã nhận xét, còn người thợ đàn ông đã đứng tuổi thì tìm cách tiết kiệm sức lực của họ một cách khôn khéo thật sự. Người trưởng toán đi từ trại ấp này sang trại ấp khác, có thể kiêm việc cho toán của mình một năm làm tới 6

¹⁾ Tuy nhiên, cũng có một vài trưởng toán đã trở thành *fermier* có 500 a-cơ-rơ, hoặc trở thành chủ những dãy nhà.

tháng hoặc 8 tháng. Vậy, đôi với các gia đình công nhân, đó là một cách tốt hơn cái cách đi làm cho người fermier riêng lẻ là kẻ chỉ thỉnh thoảng mới mượn trẻ em. Tình hình này làm cho thể lực của hấn được củng cố đến nỗi, trong nhiều làng bỏ ngõ, nếu không qua tay hấn làm trung gian thì không thể thuê mượn được trẻ em. Hấn cũng cho những fermier mượn riêng từng trẻ em, nhưng đây là trường hợp ngoại lệ không nằm trong «chế độ các toán đi làm rong».

Tại hại của chế độ này là trẻ em và thanh niên ít tuổi phải lao động quá sức, phải hàng ngày cuộc bộ những chặng đường dài kinh người để tới những trại ấp cách xa hàng 5, 6 và đôi khi tới 7 dặm, rồi lại từ đó trở về; cuối cùng là tình trạng truy lạc của toán đi làm rong. Mặc dầu trưởng toán, mà ở một vài nơi người ta gọi là driver (người dẫn đường, người chỉ đạo), có mang một cái gậy dài, nhưng chỉ họa hoằn hấn mới dùng đến, và những lời kêu ca về cách đối xử tàn bạo chỉ là ngoại lệ. Giống như anh chàng bắt chuột trong truyện cổ tích, hấn là một kẻ dụ dỗ ngọt ngào, một vị hoàng đế dân chủ. Hấn cần phải được bộ hạ của hấn quý hấn, và hấn gắn chặt những bộ hạ đó vào với mình bằng những sự hấp dẫn của một cuộc sống giang hồ, — cuộc sống nay đây mai đó, không bị một cái gì câu thúc, nô giỡn âm ỉ, phóng túng, tục tằn. Thông

thường, thì hẳn thanh toán công sá tiên hành ở các hàng quán, sau những bữa rượu chè hả hê. Sau đó, cả bọn lên đường trở về nhà. Trưởng toán oai vệ dẫn đầu, chân nam đá chân chiêu, ngả bên trái nghiêng bên phải, dựa vào cánh tay mập mập của một cô gái lực lưỡng tướng mạo đàn ông nào đó, trong khi ấy thì ở đoạn đuôi, toán trai trẻ nô giỡn và hát những bài nhạo báng hay tục tằn. Những lúc đi về như thế thường là dịp đặc thắng cho tình trạng động vật phô bày sinh thực khí như lời Phu-ri-ê đã nói. Con gái 13 hay 14 tuổi có chửa với con trai cùng tuổi ở trong bọn, những chuyện đó không hiếm. Các làng bỏ ngõ, nguồn gốc và nơi chứa các toán thợ này, đều trở thành những Xô-đôm và Gô-mo-rơ¹⁾ ở đây con hoang đạt tới mức tối đa. Chúng ta chẳng lạ gì đạo đức của những người phụ nữ có chồng đã trải qua sự giáo dục của một thứ trường học như vậy. Bao nhiêu con cái của họ là bấy nhiêu lớp tân binh đã dành trước cho các toán này, nếu chúng không bị thuộc phận sớm kết liễu cuộc đời của chúng.

¹⁾ «Một nửa số con gái ở Lan-đơ-pho bị hư hỏng vì đi theo toán thợ rong». (Child. Empl. Comm., Báo cáo thứ VI, Phụ lục tr. 6, số 32).

Theo truyền thuyết thì Xô-đôm và Gô-mo-rơ là hai thành phố cũ của Pa-le-xtin, vì trụy lạc nên bị lửa trời phá hủy (BT.)

...

Cái quyết định sự giàu có thật sự của xã hội và khả năng không ngừng mở rộng quá trình tái sản xuất ra sự giàu có đó, không phải là độ dài của lao động thặng dư, mà là năng suất của lao động thặng dư về các điều kiện ít nhiều phong phú của sản xuất trong đó nó được tiến hành. Trên thực tế, kỷ nguyên của tự do chỉ bắt đầu khi nào mà người ta không còn phải lao động vì sự cần thiết và vì những lý do bên ngoài quy định; cho nên, do bản chất của sự vật, lĩnh vực của tự do là ở bên kia lĩnh vực sản xuất vật chất, hiểu theo đúng nghĩa của danh từ này. Cũng như người nguyên thủy phải đấu tranh với tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu của họ, để bảo tồn và tái sản xuất ra đời sống của họ, người văn minh cũng bắt buộc phải làm như vậy trong tất cả các hình thái xã hội và dưới bất cứ phương thức sản xuất nào. Với sự phát triển của con người, phạm vi của sự tất yếu tự nhiên cũng mở rộng, vì các nhu cầu của con người tăng lên; nhưng đồng thời những lực lượng sản xuất dùng để thỏa mãn những nhu cầu đó cũng được mở rộng. Trong phạm vi đó, sự tự do duy nhất có thể có là: con người xã hội hóa, những người sản xuất cộng đồng kết hợp, điều tiết một cách hợp lý những sự trao đổi của họ với giới tự nhiên, họ cùng nhau quản lý giới tự nhiên, chứ không để cho sức mạnh mù quáng của giới tự nhiên thống trị họ, và họ tiến hành những

sự trao đổi ấy một cách hao tổn ít sức lực nhất và trong những điều kiện xứng đáng nhất hợp với bản chất của con người nhất. Nhưng sự hoạt động ấy cũng vẫn thuộc về lĩnh vực của tất yếu. Chính ở bên kia lĩnh vực ấy mới bắt đầu sự phát triển của lực lượng con người coi như mục đích tự nó, mới bắt đầu lĩnh vực chân chính của tự do, lĩnh vực này cũng chỉ có thể nảy nở phần vinh trên lĩnh vực tất yếu, như là trên cơ sở của chính nó. Điều kiện căn bản của sự phần vinh ấy là sự rút ngắn ngày lao động.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 23, tr. 178, 181-182, 183, 274-276, 406-410, 411-412, 433, 434-435, 471-473, 473-475, 476-480, 481, 482-483, 486, 494-501, 506-508, 660, 705-706, 706-708; t. 25, ph. II, tr. 386-387

NỘI CHIẾN Ở PHÁP¹⁴

TUYÊN NGÔN CỦA ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
HỘI LIÊN HIỆP LAO ĐỘNG QUỐC TẾ VỀ
CUỘC NỘI CHIẾN Ở PHÁP 1871

... Giai cấp công nhân không cần phải thực hiện một lý tưởng nào khác, mà chỉ cần giải phóng những nhân tố của xã hội mới, mà xã hội

tư sản cũ đang tan rã đã mang sẵn trong mình nó. Hoàn toàn nhận rõ sứ mệnh lịch sử của mình và quyết tâm hành động một cách anh dũng để xứng đáng với sứ mệnh đó, giai cấp công nhân có thể lấy nụ cười khinh bỉ để đáp lại những lời chửi rủa thô tục của bọn bồi bút báo chí và những lời giảng thuyết uyên bác của các nhà học giả tư sản nói suông có thiện ý, bọn này cứ lên giọng sấm truyền về tính tuyệt nhiên không sai lầm, tuôn ra những lời nhảm nhí ngu xuẩn, và đưa ra những phương thuốc mà họ phải lao tâm khổ tứ mới tìm ra được.

Khi công xã nắm quyền lãnh đạo cách mạng trong tay mình, khi những công nhân bình thường lần đầu tiên dám mó đến đặc quyền quản lý Nhà nước của những kẻ «bề trên tự nhiên» của mình, tức là bọn hữu sản và, trong những hoàn cảnh khó khăn chưa từng thấy, đã thực hiện sự nghiệp của mình một cách khiêm tốn, tận tâm và có hiệu quả (và đã thực hiện sự nghiệp đó với số tiền lương mà mức cao nhất chưa đạt tới một phần năm số lương tối thiểu của một viên thư ký trong một hội đồng quốc dân giáo dục nào đó ở Luân-đôn, như một nhân vật có uy tín trong giới khoa học là giáo sư Hơc-slây phát biểu), thì thế giới cũ điên cuồng lồng lộn lên khi thấy ngọn cờ đỏ, tượng trưng của nền Cộng hòa của

nhân dân lao động, phấp phới bay trên tòa Thị chính.

... Thay vào bọn chúng, người ta thấy xuất hiện lại những phụ nữ chân chính của Pa-ri, những phụ nữ dũng cảm, cao quý và tận tâm, như những phụ nữ thời thượng cổ. Một Pa-ri nỗ lực lao động, để tâm suy nghĩ, chiến đấu gian khổ, đổ máu hy sinh, mãi lo khai sinh ra một xã hội mới, mà hầu như quên mất bọn ăn thịt người đang rình mò ở cửa ngõ mình, — tinh thần đầy phần chân về sáng tạo lịch sử của mình!

...

Văn minh và chính nghĩa của chế độ tư sản lộ rõ mặt hung tàn của nó ra một khi những nô lệ của chế độ đó nổi dậy chống lại những người chủ của họ. Lúc bấy giờ, văn minh và chính nghĩa đó tự lột mặt nạ thành sự dã man không có mặt nạ che đậy và sự báo thù không có pháp luật nào hạn chế cả. Mỗi một cuộc khủng hoảng mới trong đấu tranh giai cấp giữa người chiếm hữu của cải và người sản xuất của cải càng làm nổi bật sự thực đó ra một cách rõ rệt hơn. Ngay những sự tàn ác của bọn tư sản năm 1848 cũng bị lu mờ trước hành động khả ố, khôn tả xiết năm 1871. Tinh thần hy sinh chiến đấu của nhân dân Pa-ri: đàn ông, đàn bà và trẻ em — suốt trong tám ngày sau khi quân Véc-xay vào thành Pa-ri phản ánh sự vĩ đại của sự nghiệp

của họ, cũng như những hành động dã man hung bạo của quân lính Véc-xay, phản ánh tinh thần cố hữu của thứ văn minh mà chúng phục vụ với tư cách là kẻ đánh thuê và là người bảo vệ. Dĩ nhiên đó là một thứ văn minh vinh quang mà vấn đề lớn được đặt ra là làm sao, sau khi cuộc chiến đấu chấm dứt, chôn cất hết những núi tử thi mà nó đã xây đắp nên.

...
Trong tất cả những thắng lợi đầm máu của nó đối với những chiến sĩ đầy lòng hy sinh phấn đấu cho một xã hội mới và tốt đẹp hơn, thì nền văn minh hung ác đó, thiết lập trên sự nô dịch lao động, bóp nghẹt những tiếng rên rỉ đau thương của những nạn nhân của nó trong những tiếng hô hoán vu không, mà tiếng vang đang dội khắp toàn thế giới. Pa-ri tinh khiết của công nhân, Pa-ri của Công xã bỗng chốc đã bị bọn chó má của nền «trật tự» biến thành thủ đô của địa ngục. Và sự biến hóa kinh tởm đó chứng tỏ cái gì đối với ý thức tư sản trong tất cả các nước! Chứng tỏ rằng Công xã đã nổi loạn chống lại văn minh! Nhân dân Pa-ri đã hăng hái hy sinh tính mạng vì Công xã. Xưa nay trong lịch sử chưa hề có một chiến trận nào đã giết chết một số người nhiều đến thế. Điều đó chứng tỏ cái gì! Chứng tỏ rằng Công xã, không phải là chính phủ của nhân dân, mà chẳng qua đó chỉ là sự tiếm đoạt quyền vị do một nhóm tội phạm

tiền hành thôi! Phụ nữ Pa-ri vui vẻ hy sinh tính mệnh trên các lũy chướng ngại và tại pháp trường. Điều đó chứng tỏ cái gì? Chứng tỏ rằng loài ma quỷ Công xã đã biến họ thành những Mê-gie¹⁾ và Hê-cát²⁾ mất rồi! Thái độ ôn hòa của Công xã suốt trong hai tháng nắm quyền thống trị hoàn toàn chỉ có thể sánh kịp với tinh thần dũng cảm đấu tranh để tự bảo vệ của nó mà thôi. Điều đó chứng tỏ cái gì? Chẳng qua chỉ chứng tỏ rằng trong hàng tháng trời, Công xã đã giấu giếm cẩn thận, sự khát máu của bản năng ma quỷ của mình, dưới một bộ mặt nạ ôn hòa và nhân đạo, đó là những bản năng đến lúc sắp chết tất phải được thả lỏng ra!

Pa-ri công nhân, trong khi dũng cảm tự hy sinh mình, thì đồng thời cũng tiêu hủy cả những nhà cửa và lâu đài lịch sử. Lúc mà chúng đã bám vằm thành từng mảnh cái sinh mệnh của giai cấp vô sản, thì bọn chủ của nó đừng có hòng trở lại ca khúc khải hoàn trong kiên trúc còn nguyên vẹn của những biệt thự lâu đài của chúng nữa. Chính phủ Véc-xay la ó: quân đốt nhà! Và truyền nhỏ với tất cả những tay chân của nó cho đến tận hang cùng ngõ hẻm cái khẩu

¹⁾ Mê-gie (Mégères): Theo người xưa, Mê-gia là nữ thần ở âm cung giữ trách nhiệm trừng phạt tội lỗi của người đời.

²⁾ Hê-cát (Hécates): tên của nữ thần Đi-an khi nữ thần trị vì ở âm cung.

lệnh: truy nã khắp nơi những kẻ thù của nó và coi họ là những tay chuyên môn đốt nhà. Giai cấp tư sản toàn thế giới ngắm nhìn một cách rất khoái trá cảnh tàn sát cả khối người như thể sau cuộc chiến đấu, nhưng chúng lại rất lầy lăm phần nộ trước cảnh vôi vữa, gạch ngói bị xâm phạm!

...

Hội liên hiệp của chúng ta không có gì khác hơn là mối liên hệ quốc tế đoàn kết công nhân tiên tiến nhất của các nước trên thế giới. Vô luận đấu tranh giai cấp được biểu hiện ra ở chỗ nào, vô luận đấu tranh đó diễn ra dưới hình thức nào và trong điều kiện nào đi nữa thì đương nhiên là các hội viên của Hội liên hiệp chúng ta cũng đều đứng hàng đầu. Đám đất mà nó mọc lên trên đó chính là bản thân xã hội hiện đại. Nó không thể bị trừ diệt khỏi xã hội ấy được, dù có gây ra một trận đổ máu ghê gớm. Muốn trừ diệt nó, thì các chính phủ trước tiên ắt phải trừ diệt sự thống trị độc ác của Tư bản đối với Lao động, tức là tiêu diệt điều kiện của sự tồn tại ăn bám của các chính phủ ấy.

Pa-ri công nhân, với Công xã của nó, sẽ mãi được người đời ngưỡng mộ coi như bậc tiên thân quang vinh của một xã hội mới. Lòng tưởng nhớ đến những bậc tiên liệt tuần tiết đã khắc sâu vào trái tim vĩ đại của giai cấp công

nhân. Những hung thủ giết hại nó đã bị lịch sử muôn đời nguyên rủa và tất cả những lời kinh cầu nguyện của bọn giáo sĩ của chúng sẽ không bao giờ chuộc tội nổi cho chúng được.

Luân-đôn, ngày 30
tháng Năm 1871

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 17, tr. 343,
347, 353, 360, 361 - 362, 366

PHÊ PHÁN CƯƠNG LĨNH GÔ-TA¹⁵

Trong một xã hội tổ chức theo nguyên tắc tập thể, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, những người sản xuất không trao đổi sản phẩm của mình; ở đây, lao động dùng vào việc tạo ra sản phẩm cũng vậy, nó càng không biểu hiện ra *thành giá trị của những sản phẩm ấy*, thành một thuộc tính vật chất của những sản phẩm ấy, bởi vì từ nay trái với tình trạng vẫn thấy trong xã hội tư bản, lao động của cá nhân trực tiếp trở thành bộ phận khăng khít của lao động của tập thể,—chứ không phải bằng một con đường vòng như trước nữa. Như vậy, từ ngữ «sản phẩm lao động»,—ngay

hiện nay từ ngữ này cũng đáng vứt đi rồi, vì nó mơ hồ,—lúc đó sẽ không còn có nghĩa gì nữa.

Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây, không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa *đã phát triển* trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại, là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa *thoát thai* từ xã hội tư bản chủ nghĩa; do đó là một xã hội về mọi phương diện—kinh tế, đạo đức, tinh thần—còn mang những dấu vết của cái xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra. Vậy một khi đã khấu trừ các khoản đi rồi, người sản xuất còn được nhận cho cá nhân mình một phần vừa bằng với cái mà anh ta đã công hiến cho xã hội. Cái mà anh ta đã công hiến cho xã hội, là lượng lao động cá nhân của anh ta. Ví dụ, ngày lao động xã hội là tổng số những giờ lao động cá nhân, thời gian lao động cá nhân của mỗi người sản xuất là cái phần ngày lao động xã hội mà người đó đã cung cấp, cái phần mà anh ta đã tham gia trong đó. Anh ta nhận của xã hội một cái phiếu chứng nhận rằng anh đã cung cấp được một số lượng lao động nào đó (sau khi đã khấu trừ số lao động đã được tiến hành cho quỹ chung) và với cái phiếu ấy, anh ta lấy ở kho của xã hội ra một số lượng vật phẩm tiêu dùng được làm ra bằng cùng một số lượng lao động như thế. Cùng một lượng lao động mà anh ta đã cung cấp cho xã hội dưới hình thức này, thì anh

ta lại nhận được của xã hội dưới hình thức khác¹⁾.

Dĩ nhiên ở đây cũng vẫn là cái nguyên tắc như nguyên tắc điều tiết việc trao đổi hàng hóa trong chừng mực mà sự trao đổi đó là một sự trao đổi những giá trị ngang nhau. Nhưng nội dung và hình thức có khác đi, bởi vì, do những điều kiện đã khác đi nên không một ai có thể cung cấp cái gì khác ngoài lao động của mình, và mặt khác, vì ngoài những vật phẩm tiêu dùng cá nhân ra thì không còn cái gì khác có thể trở thành sở hữu cá nhân được. Nhưng đối với việc phân phối những vật phẩm ấy giữa những người sản xuất lấy riêng từng người mà nói, thì nguyên tắc chủ đạo vẫn là cái nguyên tắc của việc trao đổi hàng hóa ngang giá: cùng một số lượng lao động dưới hình thức này thì đòi lấy cùng một số lượng lao động như thế dưới hình thức khác.

Vậy cái *quyền bình đẳng* ở đây, về nguyên tắc,

¹⁾ Mác đã có lần phác ra cho chúng ta một xã hội cộng sản, trong đó «thời gian lao động giữ hai vai trò»: «Một mặt sự phân phối một cách có kế hoạch thời gian lao động trong xã quy định tỷ lệ đúng giữa các chức năng lao động và các nhu cầu, mặt khác, nó dùng để đánh giá cái phần cá nhân của mỗi người sản xuất bỏ vào lao động chung, đồng thời nó đánh giá cái phần người đó được hưởng trong bộ phận chung dành cho việc tiêu dùng cá nhân». (Tư bản, q. I).

cũng vẫn là *pháp quyền tư sản* tuy rằng ở đây nguyên lý và thực tiễn không còn mâu thuẫn với nhau nữa, còn như ngày nay đối với hàng hóa, thì chỉ có việc trao đổi những giá trị ngang nhau khi ta *tính bình quân thôi*, chứ không phải là trong những trường hợp riêng biệt.

Mặc dầu có sự tiến bộ đó, *quyền bình đẳng* về một phương diện vẫn nằm trong khuôn khổ tư sản. Quyền lợi của người sản xuất là *tỷ lệ* với lao động mà người ấy đã cung cấp: sự bình đẳng, ở đây, là ở chỗ lấy lao động làm đơn vị đo lường chung.

Nhưng một cá nhân này, về thể chất và tinh thần, lại hơn một cá nhân khác, và do đó trong cùng một thời gian như thế, người ấy lao động được nhiều hơn, hoặc người ấy có thể lao động được lâu hơn; và muốn dùng lao động làm thước đo, thì phải xác định rõ thời gian và cường độ của nó, nếu không thì nó không còn là đơn vị đo lường nữa. Quyền bình đẳng ấy là một quyền không bình đẳng đối với một lao động không bình đẳng. Nó không thừa nhận một sự phân biệt giai cấp nào cả, vì bất cứ người nào cũng chỉ là một người lao động như người khác, nhưng nó lại mặc nhiên thừa nhận sự bất bình đẳng về những năng khiếu cá nhân và do đó, về những năng lực sản xuất, coi đó là những thú tính tự nhiên. *Vậy theo nội dung của nó, đó là một*

thứ quyền dựa trên sự bất bình đẳng, cũng như bất cứ quyền nào. Do bản chất của nó quyền lợi chỉ có thể là ở chỗ dùng cùng một đơn vị đo lường; song những cá nhân không ngang nhau (và nếu họ không phải là những người không ngang nhau, thì hóa ra họ lại không phải là những cá nhân riêng biệt) chỉ có thể đo theo một đơn vị chung được trong chừng mực người ta xét họ về cùng một mặt, trong chừng mực người ta chỉ xét họ về một phương diện *nhất định*; chẳng hạn, trong trường hợp này, người ta chỉ xét họ về mặt là *những người lao động*, chỉ thế thôi, và không xét đến cái gì khác nữa. Mặt khác, người công nhân này lập gia đình rồi, người kia chưa; người này có nhiều con hơn người kia v. v. và v. v.. Tuy cũng làm việc ngang nhau, và do đó cũng dự phần ngang nhau vào quỹ tiêu dùng của xã hội, nhưng thật ra thì người này lĩnh nhiều hơn người kia, người này giàu hơn người kia v. v.. Muốn tránh tất cả những điều khó khăn ấy, thì quyền lợi không nên bình đẳng, mà phải là không bình đẳng.

Nhưng đó là những khó khăn không tránh khỏi trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản, lúc đó vừa mới từ xã hội tư bản ra, sau một thời kỳ sinh đẻ lâu dài và đau đớn. Quyết không bao giờ có thể ở một mức cao hơn trạng thái kinh tế của xã hội và cao hơn trình độ văn

minh của xã hội tương ứng với trạng thái kinh tế đó.

Trong một giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản, khi mà cá nhân không còn bị phụ thuộc một cách nô lệ vào sự phân công nữa, và sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay cũng theo đó mà không còn nữa, khi mà lao động sẽ trở thành không những là một phương tiện để sinh sống, mà thậm chí còn là một nhu cầu bậc nhất của sự sống, khi, cùng với sự phát triển về mọi mặt của các cá nhân, sức sản xuất cứ ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải công cộng đều tuôn ra dồi dào, — thì chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi cái giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản, và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: «Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu!»

...

B—*Để làm cơ sở tinh thần và đạo đức cho Nhà nước, Đảng công nhân Đức đòi hỏi:*

1.—*Nên giáo dục quốc dân phổ biến, bình đẳng đối với mọi người, do Nhà nước đảm nhiệm. Mọi người đều buộc phải đi học. Học được miễn học phí.*

Nên giáo dục nhân dân bình đẳng đối với mọi người ư? Người ta hiểu những danh từ đó như thế nào nhỉ? Có phải người ta tin rằng trong xã hội hiện nay (và người ta chỉ cần quan tâm đến xã hội hiện nay thôi), việc giáo dục có

thể *bình đẳng* đối với tất cả các giai cấp không? Hay là người ta muốn dùng vũ lực để buộc những giai cấp bên trên cũng chỉ được theo nền giáo dục thấp ấy của trường tiểu học, nền giáo dục chỉ thích hợp với hoàn cảnh kinh tế không những của công nhân làm thuê mà cả của nông dân nữa?

«Mọi người đều buộc phải đi học. Học được miễn học phí». Yêu cầu thứ nhất thì ngay ở Đức cũng đã được thực hiện rồi. Yêu cầu thứ hai thì đã thực hiện ở Thụy Sĩ và ở Mỹ đối với các trường tiểu học. Nếu, trong một số tiểu bang ở Mỹ, tại các trường cao đẳng mà cũng «miễn học phí» thì điều đó chỉ có nghĩa là trên thực tế, những tiểu bang ấy bắt ngân sách chung phải gánh những chi phí về giáo dục cho các giai cấp bên trên mà thôi. Ở đây cũng nói qua rằng «thủ tục xét xử không mất tiền» yêu cầu ở điều 5 thì cũng như thế thôi. Đâu đâu, việc xét xử về hình sự cũng đều không mất tiền; xét xử về dân sự thì hầu như chỉ là xoay quanh những vụ tranh chấp về tài sản và do đó hầu như chỉ liên quan đến những giai cấp có của. Vậy, những giai cấp này sẽ bắt công quỹ phải chịu phí tổn về các vụ kiện cáo của họ hay sao?

Đáng lẽ trong điều nói về nhà trường, ít ra phải đòi gắn liền các trường kỹ thuật (lý thuyết và thực hành) vào với trường tiểu học.

«*Nền giáo dục quốc dân do Nhà nước đảm nhiệm*», đó là điều hoàn toàn đáng vứt bỏ. Dùng một đạo luật chung để quy định những kinh phí cho các trường tiểu học, quy định những tư cách cần có của nhân viên giáo dục, quy định những môn giảng dạy, v.v., và như ở Mỹ, dùng các viên thanh tra Nhà nước để giám thị việc thi hành những quy định ấy của luật pháp, đó là điều hoàn toàn khác với việc biến Nhà nước thành người giáo dục nhân dân! Hơn nữa, phải gạt bỏ mọi ảnh hưởng của chính phủ cũng như của giáo hội, trong nhà trường. Cô nhiên, trong Đế quốc Phổ — Đức (và xin người ta chớ có dùng đến cái lối thoát gian dối là nói đến một «*Nhà nước tương lai*» nào đó; chúng tôi đã thấy cái đó là cái gì rồi), thì trái lại, chính Nhà nước lại cần được nhân dân giáo dục một cách nghiêm khắc.

Vả lại, toàn bộ cương lĩnh, mặc dầu tất cả những lời lẽ dân chủ rất kêu của nó, nhưng từ đầu chí cuối đã nhiễm phải bệnh của phái Lát-xan là tin một cách nô lệ vào Nhà nước, hoặc là tin vào phép mầu của dân chủ, và như thế thì cũng chẳng tốt hơn; hay nói cho đúng hơn, đó là một sự thỏa hiệp giữa hai loại tín ngưỡng vào phép mầu, cả hai loại đều xa rời chủ nghĩa xã hội như nhau.

«*Tự do của khoa học*», điều này trong Hiến pháp Phổ có nói đến. Vậy tại sao lại đưa vào đây?

«*Tự do tín ngưỡng!*» Nếu giờ đây, trong thời kỳ Kulturkampf¹⁾ người ta muốn nhắc lại cho phái tự do những khẩu hiệu trước kia của họ, thì người ta chỉ có thể nhắc dưới hình thức này: «Mỗi người phải có thể thỏa mãn những nhu cầu của mình về tôn giáo và về xác thịt, mà không bị cảnh sát can thiệp đến». Nhưng ở đây, Đảng công nhân lại được dịp biểu lộ lòng tin của mình rằng «tự do tín ngưỡng» tư sản chỉ là sự dung thứ đủ loại *tự do tín ngưỡng tôn giáo*, còn Đảng thì cố sức giải thoát ý thức của con người khỏi ảo tưởng tôn giáo. Duy có điều là người ta cố ý không muốn vượt quá trình độ «tư sản».

Thế là tôi đã bàn đến phần cuối bản cương lĩnh, vì bản phụ lục kèm theo cương lĩnh không

¹⁾ Kulturkampf (tức là «cuộc đấu tranh cho văn hóa») là cuộc đấu tranh do Bi-smác tiến hành sau năm 1870 chống Đảng Thiên chúa Đức, Đảng «Trung ương», bằng cách dùng cảnh sát để đàn áp đạo Thiên chúa. Đấu tranh như thế, Bi-smác chỉ làm cho chủ nghĩa tăng lữ chiến đấu của những người theo đạo Thiên chúa càng thêm cứng cổ; hấn chí làm hại sự nghiệp của nền văn hóa chân chính bằng cách đưa những sự chia rẽ về tôn giáo, chứ không phải những sự chia rẽ về chính trị, lên hàng đầu, hấn đã làm cho một số những tầng lớp của giai cấp công nhân và phái dân chủ không chú ý đến những nhiệm vụ chủ yếu do đấu tranh giai cấp cách mạng đã đề ra, mà lại hướng về phái chủ nghĩa tăng lữ nông cạn nhất và dối trá nhất, theo kiểu tư sản.

phải là một phần đặc trưng. Cho nên dưới đây tôi sẽ nói rất vắn tắt.

2. Ngày lao động bình thường.

Không ở một nước nào khác, Đảng công nhân lại đưa ra một yêu sách không chính xác đến như thế, trái lại, khi nào nó cũng định cho ngày lao động một thời gian mà nó cho là bình thường, căn cứ vào những hoàn cảnh nhất định.

3. Hạn chế lao động của phụ nữ và cấm lao động của trẻ em.

Việc quy định ngày lao động tất đã bao hàm việc hạn chế lao động của phụ nữ, nhất là về phương diện thời gian, giờ tạm nghỉ, v v., trong ngày lao động; nếu không thì điều đó chỉ có nghĩa là trục xuất phụ nữ ra khỏi những ngành công nghiệp đặc biệt có hại cho sức khỏe thể chất của họ hoặc có hại cho đạo đức về mặt nữ tính. Nếu quả đó là điều mà người ta đã chú ý đến thì cũng nên nói ra.

«*Cấm lao động của trẻ em!*» Điều tuyệt đối không thể thiếu được là phải chỉ rõ giới hạn tuổi.

Việc *hoàn toàn cấm* lao động của trẻ em là trái ngay với sự tồn tại của đại công nghiệp và do đó là một ý muốn ngây thơ và vô nghĩa. Việc thực hiện biện pháp ấy — nếu làm được — thì sẽ là phản động, vì khi một sự quy định chặt chẽ về thời gian lao động tùy theo tuổi, cũng như những biện pháp khác để bảo vệ trẻ em, đã được đảm bảo, thì việc sớm kết hợp lao

động sản xuất với giáo dục là một trong những biện pháp mạnh mẽ nhất để cải biến xã hội hiện nay.

C. Mác viết vào đầu tháng Tư, đầu tháng Năm 1875

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 19, tr. 18 - 20, 29 - 31

THƯ GỬI CHO CHA

Béc-lin, ngày 10 tháng Mười một 1873

Ba yêu quý!

Trong đời có những phút dường như làm thành đường ranh giới của cái thời gian đã trôi qua, mà đồng thời còn vạch ra rất rõ nét cái phương hướng mới của cuộc sống.

Trong những giờ phút quá độ như vậy người ta cảm thấy mình buộc lòng phải dùng con mắt đại bàng của tư duy để điểm lại quá khứ và hiện tại để nhận thức cho được cái tình trạng thực tế của mình. Vả chăng, lịch sử thế giới cũng thường ưa ngoái nhìn về dĩ vãng, nó nhìn lại bản thân nó, và điều đó thường làm cho nó hiểu được sự vận động và sự ngưng đọng của nó; trong lúc đó lịch sử dường như là ngã người trên ghê bành, chỉ độc có trầm tư mặc tưởng mà thôi vì nó đang muốn hiểu bản thân nó, để

dùng tinh thần đi sâu vào hoạt động của mình — hoạt động của tinh thần.

Trong những giờ phút như vậy, cá nhân thường có tâm trạng trữ tình, bởi vì mỗi sự biến hóa, vừa có phần là một khúc hát thiên nga¹⁾, vừa có phần là một khúc nhạc mở đầu cho một thiên trường ca mới đang cố gắng đem đến những hình thái vững chắc cho cái kho tàng rực rỡ những màu sắc hazy còn mơ hồ. Ấy thế nhưng ta vẫn muốn xây đài kỷ niệm cho những gì đã từng sống qua một lần, để cho nó lại có được trong tình cảm của ta cái vị trí mà nó đã mất trong khi diễn ra thành hành động. Nhưng đối với những việc đã sống qua ấy, hỏi còn có nơi bảo tồn nào thiêng liêng hơn cõi lòng của cha mẹ: nó là người quan tòa khoan dung nhất, là người bạn hiểu mình nhất, nó là vầng thái dương của tình yêu thương, ngọn lửa của nó sưởi ấm tận những ước vọng sâu kín nhất của lòng mình!

Giờ đây, sau gần một năm sống ở đây, khi con ngoái nhìn lại dĩ vãng, nhìn lại cả những sự việc đã diễn ra để trả lời bức thư ba viết cho con từ Em-xơ, bức thư vô cùng quý giá đối với con, xin ba cho phép con điểm lại các công việc của con theo như cách con vẫn nhìn nhận cuộc

¹⁾ Con thiên nga trước khi chết thường kêu lên những tiếng rất du dương, gọi là «khúc hát thiên nga», vì vậy «khúc hát thiên nga» là khúc hát trước khi chết.

sống nói chung, cụ thể là theo như cách thể hiện của hoạt động tinh thần là cái biểu hiện ở khắp mọi nơi—trong khoa học, trong nghệ thuật, trong cuộc sống riêng tư.

Khi con rời nhà ra đi, trước mắt con đã mở ra một thế giới mới, thế giới của tình yêu, đã thế lúc ban đầu đó lại là một tình yêu say đắm và tuyệt vọng. Ngay cả chuyến đi Béc-lin, một cuộc hành trình mà trong những hoàn cảnh khác lẽ ra phải khiến cho con hân hoan vô cùng, phải thúc đẩy con chiêm ngưỡng thiên nhiên, phải nung nấu lòng khát khao đối với cuộc sống, chuyến đi ấy vẫn khiến con đứng đưng lạnh nhạt.

... Đến Béc-lin, con đã cắt đứt tất cả những nơi quen thuộc, cũ, miễn cưỡng đến thăm một vài người, còn thì cố vùi đầu vào khoa học và nghệ thuật.

Đối với tâm trạng con lúc bấy giờ, thơ trữ tình phải là đề tài chủ yếu—hoặc ít nhất cũng là đề tài dễ chịu nhất và gần gũi nhất. Song nó lại có tính chất thuần túy lý tưởng; sở dĩ như vậy là do trạng thái của con lúc này và do cả quá trình phát triển trước kia của con nữa. Bầu trời của con, nghệ thuật của con đều đã trở thành một cái gì cũng xa xôi huyền vi như tình yêu của con vậy. Tất cả những gì thực tại đều đã bị nhòa đi, và mọi cái gì bị nhòa đi đều thành mờ mờ mịt mịt.

Những lời công kích thời đại, những tình cảm mơ hồ thấp thoáng cái tình trạng thiếu tự nhiên, độc xây dựng bằng những ý nghĩ trong đầu óc, tình trạng trái ngược hoàn toàn giữa cái đang tồn tại với cái lẽ ra phải tồn tại, lối suy luận từ chương thay cho những ý nghĩ nên thơ, nhưng có lẽ cũng có một chút nồng say về tình cảm và cái nỗi khát khao thêm bay bổng táo bạo—đó là những nét tiêu biểu trong tất cả các bài thơ trong ba cuốn vở con gửi cho Gien-ni. Tất cả nỗi ước vọng bao la, không biết gì đến biên giới, ở đây đã tan vỡ thành những hình thức khác nhau, và thơ của con đã bỏ mất cái sự súc tích cần thiết mà biến thành một cái gì mơ hồ.

Nhưng thơ ca có thể là một công việc phụ và nó phải chỉ là thế: con phải nghiên cứu pháp lý và trước hết con thấy muốn thử sức mình trong triết học...

... Ở đây ta cần phải nhìn thật kỹ vào bản thân đối tượng ở trong sự phát triển của nó mà không được đưa vào đây bất cứ một sự phân chia vô đoán nào.

... con tưởng đâu vật chất và hình thức có thể và phải phát triển riêng mỗi cái một đảng, và do đó, con không có được cái hình thức thật, mà chỉ có được một cái gì như thể một cái bản viết có ngăn kéo, có thể rút ngăn kéo ra, rồi bỏ cái nội dung vào đó.

... Nhưng mặt khác, con đã yêu thích đối tượng và có được cái khả năng nhìn nó một cách bao quát, ít ra cũng trên một góc độ nhất định... Và còn lại thấy rõ rằng nếu không có triết học con sẽ không thể tiến lên được. Như vậy con có thể yên tâm lại lao mình vào đôi tay của nó...

Trong khi làm những việc rất khác nhau như vậy, trong học kỳ đầu, con đã trải qua nhiều đêm không ngủ, con đã sống qua nhiều cuộc đấu tranh tư tưởng, con đã cảm thấy nhiều điều kích thích con ở bên trong cũng như ở bên ngoài. Song tất cả những điều đó không làm cho con phong phú thêm được bao nhiêu, hơn nữa con lại xa lánh thiên nhiên, nghệ thuật, cả thế giới, còn bạn bè thì con làm cho họ xa lánh con. Dường như cơ thể con cũng cảm thấy điều đó. Một ông thầy thuốc có khuyên con nên về thôn quê, và lần đầu tiên, sau khi đi xe qua một thành phố, con đã đến cửa ngõ của Béc-lin nhìn thẳng ra con đường đi Stơ-ra-lốp. Con tin chắc rằng ở đây con mới mạnh khỏe và yêu ớt chứ ở đây con lại sẽ lành bệnh và sẽ khỏe mạnh hẳn lên về thể xác.

... từ chủ nghĩa duy tâm... con đã chuyển sang chỗ tìm ý niệm ngay trong thực tại. Trước kia con cũng đã đọc từng mảng triết học Hê-ghen, và con không thích cái âm điệu kỳ dị, hoang dã của nó. Hồi đó, con đã muôn một lần nữa ngụp

mình xuống biển... Và rồi con, người đi đường không biết mới, đã bắt tay vào việc...

Buồn phiền vì bệnh tình của Giên-ni và vì công việc lao động trí óc của mình phí công vô ích, lại bức mình day dứt vì phải đưa một quan niệm, mà con vốn căm ghét, lên làm thần tượng, con đã phát ốm ba ạ — việc này con cũng đã có lần viết để ba rõ...

Trong thời gian lâm bệnh, con đã làm quen với Hê-ghen từ đầu đến cuối, đồng thời cũng làm quen với các công trình của phần đông các môn đệ của ông. Nhờ những cuộc gặp gỡ khá thường xuyên với các bạn ở Stơ-ra-lốp, con đã có dịp đến một câu lạc bộ tiên sĩ; trong số những người lui tới ở đây có một số giảng viên đại học và một người thân nhất trong các bạn bè của con ở Béc-lin là tiên sĩ Ru-ten-béc. Trong những cuộc tranh luận ở câu lạc bộ đã bộc lộ những quan điểm khác nhau, trái ngược nhau và ngày càng thắt chặt thêm những mối dây liên hệ gắn bó với triết học thế giới hiện đại mà con đã từng tưởng có thể tránh được ảnh hưởng.

... Nếu sau này nhận được bằng tiên sĩ, con sẽ có nhiều khả năng nhận chức giáo sư hơn.

... Nhưng ba yêu quý của con ạ! Chả nhẽ không có cách nào gặp ba để nói chuyện riêng về những việc này sao? Tình trạng của E-đu-a,

bệnh tình của mẹ, tình hình sức khỏe của ba (tuy con cũng hy vọng rằng nó không đến nỗi trầm trọng), tất cả những điều đó khiến cho con ước ao, và hơn nữa còn thấy cần thiết phải về nhà chong chóng. Lẽ ra con đã về đến nhà rồi, nếu con được biết chắc rằng ba sẵn lòng cho phép con về.

Ba yêu quý ạ, xin ba tin cho con rằng không phải vì những động cơ vị kỷ mà con mong về (tuy được gặp lại Gien-ni con cũng rất sung sướng). Ở đây có một động cơ khác, một ý nghĩ mà con không có quyền nói ra. Thậm chí về một phương diện nào đó đối với con, đây còn là một bước khó khăn nữa, nhưng như Gien-ni yêu dấu duy nhất của con có viết, tất cả những lý do đó đều phải lùi về phía sau để nhường bước cho việc hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng.

Con xin ba thân yêu của con, dù ba có quyết định ra sao chẳng nữa, ba cũng đừng đưa bức thư này, hay ít nhất cũng là trang này, cho bà mẹ thiên thần của chúng con xem. Có lẽ việc con về đột ngột sẽ làm cho con người cao thượng, quý hóa nhất đỡ bệnh.

... Con hy vọng rằng dần dần các đám mây đen đã kéo dày đặc trên gia đình ta sẽ tan đi, và con sẽ được cùng buồn khổ và than khóc với cả nhà và, vì được ở cạnh ba mẹ, có lẽ con sẽ có dịp chứng tỏ bằng hành động, mỗi đồng

cắm sâu xa chân thành, và tình thương yêu không bờ bến mà con thường bày tỏ một cách quá vụng về; con hy vọng rằng ba yêu quý ngàn đời của con sau khi cân nhắc những biểu hiện của cái tâm hồn bông bột của con, cũng sẽ tha thứ cho con, bởi vì nhiều khi ở trường hợp tưởng như trái tim lầm lạc thì thật ra nó đang bị lý trí chống lại bóp nghẹt; con hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa ba sẽ bình phục hẳn, cho con được ôm chặt ba vào lòng và thổ lộ hết những ý nghĩ của con.

Xin ba chuyển hộ lời chào của con đến Gien-ni yêu dấu, Gien-ni kỳ diệu của con. Con đã mười hai lần đọc lại thư Gien-ni và mỗi lần đọc lại tìm thấy trong thư một nét đáng yêu mới. Về đủ mọi phương diện—về cả văn phong—đây là một bức thư tuyệt diệu nhất mà một bàn tay phụ nữ có thể viết được.

Đứa con trai suốt đời vẫn yêu quý ba Các.

Lần đầu tiên đăng vào
năm 1897

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 40, tr. 8-9, 9-10, 13, 14, 15, 16, 17, 18

THƯ GỬI

J. VAI-ĐÊ-MAI-Ơ

*Luân-đôn,
ngày 5 tháng Ba 1852*

... Và bây giờ về phần tôi, tôi không hề có công phát hiện ra sự tồn tại của giai cấp trong xã hội hiện đại và sự đấu tranh giữa những giai cấp đó. Trước tôi từ lâu, những nhà sử học tư sản đã trình bày sự phát triển lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó và những nhà kinh tế tư sản đã làm cuộc giải phẫu kinh tế về những giai cấp đó. Điều mới mẻ mà tôi đã làm là đã chứng minh rằng: 1. *sự tồn tại của giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn lịch sử nhất định của sự phát triển của sản xuất*; 2. *đấu tranh giai cấp tất nhiên đưa đến chuyên chính vô sản*; 3. *bản thân sự chuyên chính này chỉ là bước quá độ tiến lên xóa bỏ mọi giai cấp và tiến lên một xã hội không có giai cấp...*

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 28, tr. 424-427

THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN

*Luân-dôn,
ngày 14 tháng Bảy 1857*

«... Dù cho chúng tôi phải chịu đựng những tai nạn như thế nào, anh có thể tin rằng tôi cũng như vợ tôi (nhân tiện cũng nói thêm là vợ tôi đã khỏe lại rồi) đều không lo lắng cho tình hình của chính chúng tôi bằng những tin gần đây nhất về tình hình sức khỏe của anh. Tôi hết sức sung sướng thấy anh bắt đầu khỏe hơn, nhưng thật quá tôi kinh sợ nghĩ đến việc anh có ý định lại đến bàn giấy, nhất là ngay tuần này. Vì theo toàn bộ quá trình diễn biến của căn bệnh của anh, anh phải tin tưởng đầy đủ rằng cơ thể của anh cần được củng cố và nhất thời cần được giải phóng khỏi mọi thứ bụi bặm của văn phòng. Anh phải cấp tốc ra biển. Nếu trong giờ phút quyết định này anh có hành động trẻ con (anh thứ lỗi cho tôi về từ ngữ này) và tự nhốt mình trong văn phòng thì bệnh lại tái phát và sức chống đỡ của cơ thể anh đối với bệnh này sẽ ngày càng giảm đi. Với những lần phát lại như thế, cuối cùng bệnh có thể nhiễm vào phổi—khi đó thì mọi cố gắng nhằm chữa khỏi bệnh

đều hoài công vô ích. Anh đâu muốn vì danh vọng mà tự hy sinh trên bàn thờ của hăng Éc-men Ăng-ghen? Một người không phải là anh mà bị bắt buộc phải bám lấy công việc chứ không lo lấy sức khỏe thì chỉ đáng thương. Còn anh lại có đầy đủ nghị lực để quyết định thực hiện tất cả mọi điều mà y học đã bắt phải làm. Anh hãy nghĩ đến chuyện bệnh của anh đã kéo dài như thế nào, đã có bao nhiêu lần tái phát rồi, như vậy anh sẽ đi tới kết luận cần phải để ông Éc-men¹⁾ tự lo thân trong ít lâu, còn anh thì lo lấy lại sức khỏe của mình nhờ không khí ngoài biển và nhờ ngôi không một phần. Mong anh nhìn vấn đề cho nghiêm túc và bỏ cái chế độ sai lầm chỉ chuyển từ thuốc sang phòng giầy và ngược lại...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 121-122

¹⁾ Một trong số những người có cổ phần của hăng Éc-men — Ăng-ghen ở Man-tre-stơ.

THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN

Luân-đôn,
ngày 25 tháng Chín 1857

... Lịch sử quân đội chứng minh rõ ràng hơn bất cứ một cái gì khác, quan niệm đúng đắn của chúng ta về sự liên hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội. Nói chung, quân đội là quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Thí dụ như trong thời cổ, chính trong quân đội là nơi mà lần đầu tiên có một chế độ tiền lương phát triển đầy đủ. Trong dân La-mã cũng vậy, cái *peculium castrense*¹⁾ là hình thức pháp luật đầu tiên công nhận quyền sở hữu về động sản của những người không phải là chủ gia đình. Chế độ phường hội cũng phát sinh đúng như thế trong phường hội của thợ *fabri*²⁾. Ở đây cũng là nơi mà lần đầu tiên máy móc được áp dụng với một quy mô rộng lớn. Ngay như giá trị đặc biệt của kim khí và việc sử dụng kim khí làm tiền tệ hình như lúc đầu—từ khi thời đại đồ đá của Gơ-rim đã qua—cũng là căn cứ vào ý nghĩa quân sự của nó. Sự phân công

¹⁾ Tài sản người lính ở trong doanh trại.

²⁾ Những thợ thủ công phụ thuộc vào quân đội.

trong nội bộ một ngành công nghiệp cũng được tiến hành lần đầu tiên trong quân đội. Sau đó, ở đây là toàn bộ lịch sử của các xã hội tư sản dưới hình thức tóm tắt hết sức nổi bật...

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 154

THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN

*Luân-đôn,
ngày 14 tháng Hai 1858*

«... Xin chúc mừng anh về những kỳ công của anh trong môn cưỡi ngựa. Nhưng chỉ cần anh đừng cho ngựa nhảy những động tác quá nguy hiểm, vì không bao lâu nữa sẽ có dịp quan trọng hơn để anh liều lĩnh. Xem ra anh rất mê môn cưỡi ngựa thi này. Nhưng dù sao tôi cũng không nghĩ rằng kỵ binh lại chính là ngành chuyên môn của anh, một ngành trong đó anh là người cần thiết nhất ở nước Đức. Tôi cũng tự cho phép nói lên cả ý hoài nghi: tôi không cho rằng mọi hoạt động quá sức đều có lợi cho sức khỏe của anh. Ít nhất các bác sĩ cũng đã nói

chắc chắn với tôi rằng anh còn phải giữ cái aurea mediocritas¹⁾ một thời gian trong tất cả các mặt dùng sức...)»²⁾

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 229

THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN

Luân-đôn, ngày 31 tháng Năm 1858

«... Tuần đầu tôi phải làm quen lại với hoàn cảnh sống vì việc bỗng nhiên ngừng cưỡi ngựa, đầu tiên có ảnh hưởng xấu³⁾. Vì thế tôi đã cố gắng chịu đựng cho đến hôm nay và cuối cùng lại cảm thấy trong người khỏe khoắn như ngày lên đường rời Man-tre-stơ. Hiện nay tôi đã có khả năng lao động và đang bắt tay vào việc sửa bản thảo để đưa in⁴⁾...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 268 - 269

¹⁾ Tiếng la-tinh: «mức trung bình vàng ngọc».

²⁾ Đây là lời C. Mác trả lời bức thư ngày 11 tháng Hai 1858 của Ph. Ăng-ghe-n.

³⁾ Từ ngày 6 đến khoảng 24 tháng Năm 1858 Mác đến ở với Ăng-ghe-n. Để lấy lại sức khỏe, Mác tập thể thao, cưỡi ngựa, đồng thời viết 1 chương của cuốn «Tự bản»

⁴⁾ Cuốn «Phê phán kinh tế chính trị học»

THƯ GỬI L. CU-GHEN-MAN

*Luân-đôn,
ngày 9 tháng Mười 1866*

... Tôi đã lo lắng rất nhiều về Đại hội lần thứ nhất ở Gio-ne-vơ. Tuy vậy, nói chung Đại hội được kết thúc tốt đẹp hơn là tôi chờ đợi¹⁾. Ảnh hưởng của nó ở Pháp, Anh và Mỹ thật là quá mọi sự mong ước. Tôi đã không có thể và cũng không muốn đến Đại hội, nhưng tôi đã viết cương lĩnh cho Đoàn đại biểu Luân-đôn. Tôi chủ tâm hạn chế cương lĩnh vào mấy điểm ấy, những điểm có thể khiến cho công nhân đồng ý ngay và thống nhất hành động, và cung cấp tài liệu trực tiếp cho những nhu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp và của sự tổ chức công nhân thành giai cấp và thúc đẩy những nhu cầu đó. Đầu óc các ngài ở Pa-ri đầy dẫy những câu rỗng tuếch của phái Pru-đông. Họ nói huyền thuyên về khoa học, nhưng lại chẳng biết gì cả. Họ khinh miệt mọi hành động *cách mạng*, nghĩa là mọi hành động sinh ra từ bản thân cuộc đấu tranh giai cấp, khinh miệt

¹⁾ Đại hội của Quốc tế I ở Gio-ne-vơ (3-8 tháng Chín 1866) kết thúc bằng sự thất bại có tính chất quyết định của phái Pru-đông. Đại hội thông qua điều lệ của Quốc tế do Mác viết, và chỉ thị của Mác trở thành cơ sở cho những nghị quyết của Đại hội.

mọi cuộc vận động xã hội tập trung, và do đó khinh miệt cả những phong trào có thể tiên hành bằng biện pháp *chính trị* (thí dụ như việc dùng *luật pháp* để rút ngắn ngày lao động). Dưới *chiêu bài tự do* và chiêu bài chủ nghĩa chống chính phủ hay chủ nghĩa cá nhân đối địch với mọi thứ quyền uy, các ngài đó — những người đã từng yên phận chịu đựng trong mười sáu năm cái chế độ chuyên chế ô nhục nhất và vẫn còn chịu đựng chế độ đó — thực tế đang tuyên truyền cho nền kinh tế tư sản bình thường, chỉ có điều là đã được lý tưởng hóa theo kiểu Pru-đông! Pru-đông đã gây một tai hại to lớn. Việc ông ta giả như chỉ trích và chống đối những người không tưởng (bản thân ông ta cũng chỉ là một người không tưởng tiểu tư sản, còn trong những không tưởng của những người như Phu-ri-ê, Ô-oen, v.v. thì lại có những sự ca tụng và những hình ảnh tưởng tượng về một thế giới mới) đã mê hoặc và làm hư hỏng trước hết là lớp «jeunesse brillante»¹⁾, những sinh viên, rồi đến những người lao động, đặc biệt là những người lao động ở Pa-ri, những người này là những công nhân trong ngành sản xuất xa xỉ phẩm, còn bị buộc chặt vào những cái cũ rích mà không

¹⁾ Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là «lớp thanh niên ưu tú».

biết. Là những người dốt nát, huênh hoang, tự phụ, ba hoa, kiêu căng, các ngài đó suýt làm hỏng tất cả, vì con số họ đến dự Đại hội hoàn toàn không tương xứng với số hội viên của họ. Trong bản báo cáo tôi cũng đã đá kích họ một cách gián tiếp.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 31, tr. 443 - 444.

THƯ GỬI L. CU-GHEN-MAN

Luân-đôn,

ngày 12 tháng Tư 1871

... Nếu đồng chí coi lại chương cuối cùng trong quyển *Ngày 18 tháng Sương mù* của tôi, đồng chí sẽ thấy tôi nói rằng mục tiêu sắp tới của Cách mạng Pháp sẽ không còn là chuyển giao bộ máy quan lại—quân sự từ tay này sang tay khác như trước nữa, mà là đập tan bộ máy ấy, và đó là điều kiện tiên quyết cho mọi cuộc cách mạng nhân dân thật sự ở lục địa. Đó cũng là điều mà các đồng chí của Đảng anh dũng chúng ta ở Pa-ri đang cố gắng làm. Nhân dân Pa-ri có sự mềm dẻo, tính sáng tạo lịch

sử và khả năng hy sinh biết chừng nào! Sau 6 tháng bị đói và bị tàn phá do chính ngay sự phản bội bên trong hơn là do kẻ thù bên ngoài gây ra, họ vùng dậy ngay dưới lưỡi lê quân Phổ, như thể chưa hề có chiến tranh Pháp—Đức, và quân thù không còn ở cửa ngõ Pa-ri nữa! Lịch sử không có một cái gương anh dũng nào lớn lao như vậy! Nếu họ bị đánh bại thì chỉ là do «lòng đại lượng» của họ. Đáng lẽ họ còn phải tiến quân ngay tức khắc về Véc-xay ngay sau khi chính Vi-noay, rồi đến bộ phận phản động trong Vệ quốc quân vừa mới rút lui khỏi Pa-ri. Họ đã bỏ lỡ cơ hội vì quá trọng lương tâm. Họ không muốn gây ra một cuộc nội chiến, làm như thể là con quái vật tàn ác Chi-e, khi nó mưu đồ tước vũ khí của Pa-ri, chưa phải là gây ra nội chiến! Sai lầm thứ hai là Ban chấp hành trung ương đã từ bỏ quyền hành quá sớm để giao lại cho Công xã. Đó cũng lại là do sự quá thận trọng về «danh dự»! Tuy vậy, mặc dù thế nào, cuộc nổi dậy hiện nay ở Pa-ri, ngay như nó có bị bọn sai lang, bọn khôn nặn, bọn chó má của xã hội cũ dập tắt, thì cũng vẫn là hành động quang vinh nhất của Đảng chúng ta từ cuộc khởi nghĩa tháng sáu ở Pa-ri. Hãy so sánh nhân dân Pa-ri xông lên chọc trời, với những kẻ làm nô lệ cho cái Đế quốc La-mã thần thánh Đức—Phổ được che đậy dưới

những trò hề cổ lỗ, sắc mùi trại lính, Nhà chung, quân phiệt gioongke và đặc biệt là Phi-li-stanh...

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 33, tr. 172 - 173

THƯ GỬI PH. BÔN-TE

*Luân-đôn,
ngày 23 tháng Mười một 1871*

... Quốc tế đã được thành lập để thay thế các biệt phái xã hội chủ nghĩa hay nửa xã hội chủ nghĩa bằng một tổ chức thật sự của giai cấp công nhân để tiến hành đấu tranh. Bản điều lệ đầu tiên và bản Tuyên ngôn thành lập đều lập tức nêu rõ điểm đó. Mặc khác, Quốc tế sẽ không thể đứng vững được, nếu tiến trình lịch sử đã không đập tan chủ nghĩa biệt phái. Những biệt phái xã hội chủ nghĩa và phong trào thật sự của giai cấp công nhân luôn luôn phát triển theo tỷ lệ nghịch với nhau. Các biệt phái còn có lý do tồn tại (về mặt lịch sử) khi giai cấp công nhân còn chưa chín muồi để thành lập một phong trào lịch sử độc lập. Một khi giai cấp công nhân đã trưởng thành,

thì tất cả các biệt phái, về căn bản, đều trở thành phản động. Tuy vậy, cái mà lịch sử đã phơi bày ra ở khắp mọi nơi, lại được tái diễn trong lịch sử của Quốc tế. Cái lỗi thời cố gắng khôi phục bản thân nó và duy trì địa vị của nó trong khuôn khổ của những hình thái tái sinh mới.

Và lịch sử của Quốc tế cũng là một cuộc đấu tranh liên tục của Ban chấp hành trung ương chống các biệt phái và những thí nghiệm tài tử đang tìm cách duy trì địa vị của chúng trong Quốc tế, chống lại phong trào thật sự của giai cấp công nhân. Cuộc đấu tranh này được tiến hành tại các Đại hội, và trên một trình độ lớn hơn trong những cuộc trao đổi riêng giữa Ban chấp hành trung ương với từng biệt phái một.

...

Dĩ nhiên là cuộc vận động chính trị của giai cấp công nhân có mục tiêu cuối cùng là giành quyền chính trị cho mình và muôn thế thì trước đó, dĩ nhiên phải có một tổ chức của giai cấp công nhân, phát triển đến một mức độ nào đó và lớn lên trong các cuộc đấu tranh kinh tế.

Tuy nhiên về mặt khác, mọi phong trào mà trong đó giai cấp công nhân xuất hiện với tư cách là một giai cấp chống lại các giai cấp

thông trị, và tìm cách dùng «áp lực từ bên ngoài» để chiến thắng các giai cấp thông trị đó, đều là phong trào chính trị. Do đó mà chẳng hạn như dùng bãi công v.v. làm áp lực bắt những nhà tư bản cá biệt nào đó hạn chế thời gian làm việc trong một xưởng cá biệt hay trong một ngành cá biệt thì như thế là một phong trào kinh tế thuần túy. Trái lại phong trào nhằm mục đích đòi ban hành luật làm tám giờ v.v. là một phong trào chính trị. Và như thế, từ các phong trào kinh tế rời rạc của công nhân, là một phong trào chính trị lớn lên ở khắp nơi, nghĩa là một phong trào giai cấp, nhằm thực hiện lợi ích giai cấp dưới một hình thái chung, một hình thái có tính chất cưỡng bức đối với toàn thể xã hội. Nếu các phong trào đó lấy một sự tổ chức có trước nào đó để làm tiền đề, thì mặt khác các phong trào ấy, cũng trong mức độ ấy, lại là một phương tiện để phát triển tổ chức đó...

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 33, tr. 278 - 279, 282 - 283

THƯ GỬI MÔ-RI-XƠ LA-SA-TƠ-RO

Ngày 18 tháng Ba 1872

... Đối với khoa học, không có con đường nào bằng phẳng thênh thang cả, chỉ có những người không sợ chồn chân mới gỏi để trèo lên những con đường nhỏ bé gập ghềnh của khoa học mới có hy vọng đạt tới những đỉnh cao xán lạn của khoa học...

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 33, tr. 364

PH. ǺNG-GHEN

ĐẠI CƯƠNG PHÊ PHÁN VỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC¹⁶

... Sau khi khoa kinh tế chính trị học của phái tự do đã làm mọi việc mà nó có thể làm được, để bằng con đường thủ tiêu các dân tộc, làm cho sự thù địch trở thành phổ biến, biến nhân loại thành một bầy thú dữ (bởi vì những kẻ cạnh tranh còn là cái gì khác nữa?) cắn xé lẫn nhau *chính vì* mỗi người có một lợi ích giống như người khác, — sau khi làm xong việc sơ bộ này, trên đường tiến tới mục đích, khoa kinh tế chính trị học của phái tự do chỉ còn phải làm có một bước nữa thôi: làm cho gia đình tan rã. Để đạt tới điều đó, sự phát minh thân yêu của chính nó, tức chế độ công xưởng, đã đến hỗ trợ cho nó. Những tàn dư cuối cùng của những lợi ích chung, tức chế độ cộng đồng tài sản của gia đình, cũng bị chế độ công xưởng phá vỡ và ít ra, ở đây, tại nước Anh, những tàn dư đó đang nằm trong quá trình tan rã. Một hiện tượng đã trở thành

rất thông thường là, trẻ con vừa mới có thể lao động được, tức là lên chín tuổi, đã sống bằng tiền công của mình, coi căn nhà của bố mẹ chỉ là cái quán trọ phải trả tiền và trao cho bố mẹ của mình một khoản nhất định để trả tiền ăn và ở. Nhưng liệu có thể khác thế được không? Có thể nảy sinh ra cái gì khác từ sự biệt lập của những lợi ích, cơ sở của thuyết tự do thương mại? Một khi một nguyên tắc nào đó được vận dụng thì bản thân nguyên tắc đó sẽ xuyên qua tất cả mọi hậu quả của nó, mặc dù cho các nhà kinh tế học có thích thú điều đó hay không...

Do Ph. Ăng-ghen viết
vào cuối năm 1843 -
tháng Giêng 1844

C. Mác và Ph. Ăng-ghen,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 1, tr. 550

TÌNH CẢNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN Ở ANH¹⁷

... Nếu giai cấp tư bản có quan tâm tới đời sống của công nhân thì chỉ vì điều đó cần thiết cho nó, cho nên không lấy làm lạ rằng, nếu như nó chỉ cho công nhân một trình độ học vấn trong hạn mức học đó đáp ứng những lợi ích của nó. Và mức độ đó thì chẳng có gì là lớn lắm. Các cơ quan giáo dục ở nước Anh rất

ít ỏi không tương xứng với dân số nước đó. Chỉ có một số ít trường ban ngày là giai cấp công nhân có thể vào học và cũng chỉ có một số ít người có thể theo học, mà những trường này thì lại tồi, giáo viên là những công nhân đã mất khả năng lao động hoặc là những người nào đó không làm được việc gì cả, họ trở thành giáo viên chỉ vì đồng lương, phần lớn bản thân họ không có cả những tri thức sơ đẳng cần thiết, thiếu cả những phẩm chất đạo đức cần thiết đối với người thầy giáo và hoàn toàn không chịu sự kiểm tra của công chúng.

...

Không có nơi nào thực hiện chế độ học tập bắt buộc; ở các công xưởng, chế độ đó, như ta thấy, cũng chỉ có trên danh nghĩa mà thôi, và khi trong kỳ họp (nghị viện) năm 1843 chính phủ dự định biến sự bắt buộc hư ảo đó thành hiện thực thì giai cấp tư sản công nghiệp đã mang toàn lực ra phản đối, mặc dù công nhân đã phát biểu nhiệt liệt *tán thành* việc bắt buộc đi học ở nhà trường. Ngoài ra, số lớn trẻ em phải làm việc cả tuần lễ ở công xưởng và ở nhà, cho nên cũng không thể đi học được. Còn *trường học buổi tối* dành cho những người làm việc ban ngày thì hầu như không có ai theo học và cũng chẳng mang lại lợi ích gì. Đòi hỏi những công nhân trẻ đã kiệt sức vì lao động liên mười hai giờ lại phải đến

trường học ngồi từ tám giờ đến mười giờ đêm thì thật là quá đáng. Những ai đi học phần lớn là ngủ gật trong giờ học, như đã nhận thấy qua hàng trăm dẫn chứng trong «Báo cáo của Ủy ban thanh tra về lao động của trẻ em». Đúng là cũng có thành lập các trường học ngày chủ nhật, nhưng những trường này thiếu giáo viên và nếu như có thể mang lại một lợi ích nào đó thì cũng chỉ là cho những người nào đã học được một tí gì đó ở trường ban ngày. Khoảng thời gian từ chủ nhật này đến chủ nhật sau quá dài khiến đứa trẻ hoàn toàn không phát triển, không nhớ được cho đến bài học sau điều nó đã học trong bài trước, một tuần lễ trước đó. Về điểm này «Báo cáo của Ủy ban thanh tra về lao động của trẻ em» đã đưa ra hàng nghìn dẫn chứng, và chính Ủy ban cũng kiên quyết ủng hộ ý kiến cho rằng không trường ban ngày, không trường chủ nhật nào đáp ứng được nhu cầu của quốc gia, dù là đáp ứng ở một trình độ thấp nhất. Trong báo cáo đó đưa ra những ví dụ về tình trạng dốt nát trong giai cấp công nhân Anh, tình trạng dốt nát như thế cũng khó thấy ngay ở cả các nước như Tây-ban-nha hoặc Ý. Nhưng có thể khác được không? Việc học tập của công nhân ít hứa hẹn điều gì tốt đẹp cho giai cấp tư sản, trái lại có thể gây cho nó những điều lo sợ nghiêm trọng. Trong ngân sách

đồ sộ 55 triệu đồng bảng Anh, chính phủ chi cho giáo dục quốc dân một số tiền thảm hại là 40 nghìn đồng. Và nếu như không có sự cuồng tín của các giáo phái—sự cuồng tín này ít ra cũng gây nên cái hại không nhỏ hơn là cái lợi nó có thể mang lại ở chỗ này chỗ khác—thì chi phí cho giáo dục sẽ còn ít hơn nhiều nữa. Nhưng giáo hội nước Anh đã lập những National Schools ¹⁾ của mình, mỗi giáo phái đều lập trường học riêng, nhằm mục đích chỉ để giữ trong giáo phái mình con cái những tín đồ của họ và khi có thể còn chiếm của giáo phái khác những tâm hồn trẻ thơ bất hạnh nào đó. Kết quả là tôn giáo, và chính cái lĩnh vực vô bổ nhất của nó—bài bác ý nghĩa tôn giáo của những tín đồ đạo khác—trở thành môn giảng dạy quan trọng nhất, và đầu óc trẻ em bị nhồi nhét những tín điều không sao hiểu nổi và những điều huyền bí khác nhau về thần học, đầu óc thù ghét giáo phái khác và sự sùng đạo mù quáng được phát triển từ tuổi nhỏ, còn sự phát triển trí óc, tinh thần và đạo đức thì bị bỏ rơi một cách nhục nhã. Công nhân đã nhiều lần đòi hỏi ở nghị viện một hệ thống giáo dục quốc dân hoàn toàn tách khỏi tôn giáo, còn việc giáo dục tôn giáo thì để

¹⁾ Tiếng Anh trong nguyên bản có nghĩa là *trường học quốc gia*.

cho các mục sư mỗi giáo phái lo lắng, nhưng cho tới nay không có một bộ nào đồng ý với biện pháp đó cả. Thật hoàn toàn dễ hiểu vì bộ trưởng là tên tay sai ngoan ngoãn của giai cấp tư sản, mà giai cấp tư sản thì chia ra làm vô số những giáo phái; mỗi giáo phái chỉ trong trường hợp nêu đồng thời với học vấn nó có thể đem lại cho công nhân một chất giải độc dưới hình thức những giáo điều riêng biệt của nó, thì mới đồng ý cung cấp cho công nhân học vấn vì học vấn là quá ư nguy hiểm cho nó trên các phương diện khác. Và bởi vì các giáo phái đó cho đến nay vẫn đang đấu tranh với nhau để giành ưu thế, nên giai cấp công nhân vẫn chưa được học tập.

...

... Những nhóm công nhân khác nhau, khi thì hợp lại trong một dòng, khi thì riêng rẽ, đoàn viên công đoàn, những người theo chủ nghĩa hiến chương ¹⁾ và những người xã hội

¹⁾ Những người theo chủ nghĩa hiến chương (cũng gọi là những người hiến chương chủ nghĩa) là những người tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Anh, bắt đầu phát triển từ cuối những năm 30 của thế kỷ 19, đòi có một bản hiến chương công nhận và bảo đảm quyền tự do tuyển cử của người lao động. Phong trào hiến chương cũng nêu cả những yêu sách về kinh tế, và xã hội. Trong nội bộ công nhân những người hiến chương chủ nghĩa có nhiều hoạt động tuyên truyền và cổ động.

chủ nghĩa, bằng phương tiện của mình đã xây dựng nên nhiều trường học và phòng đọc sách để nâng cao trình độ tri thức của công nhân. Những cơ quan như thế đều có ở mỗi tổ chức xã hội chủ nghĩa, hầu như ở mỗi tổ chức hiện chương chủ nghĩa, và cũng có ở nhiều tổ chức công đoàn riêng biệt. Ở đây, trẻ em được hưởng một sự giáo dục thuần túy vô sản, không có bất cứ ảnh hưởng nào của giai cấp tư sản, còn ở các phòng đọc sách thì chỉ có hoặc hầu như chỉ có sách báo vô sản. Những cơ quan đó rất nguy hiểm cho giai cấp tư sản; nó đã tìm cách đạt được ở một vài cơ quan, như ở các «Mechanics' Institutions»¹⁾, việc xóa bỏ ảnh hưởng vô sản và biến các cơ quan đó thành các cơ quan truyền bá trong công nhân những tri thức có lợi cho giai cấp tư sản. Ở đây người ta giảng dạy các khoa học tự nhiên, việc nghiên cứu những môn đó làm công nhân lãng quên cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản và có thể kêu gọi người nào đó trong công nhân có những phát minh làm tăng thêm thu nhập của giai cấp tư sản. Trong khi đó đối với bản thân công nhân, việc nghiên cứu giới tự nhiên *hiện giờ* là hoàn toàn không có lợi gì, vì rằng ở thành phố lớn, nơi anh ta sinh sống, và trong điều kiện

¹⁾ Tiếng Anh trong nguyên bản, có nghĩa là «trường cơ khí», thường dạy một số kiến thức chung và kiến thức kỹ thuật.

ngày lao động quá dài anh ta không bao giờ nhìn thấy thiên nhiên cả. Ở đây còn giảng dạy kinh tế chính trị học mà vật được sùng bái là tự do cạnh tranh; từ khoa học đó công nhân chỉ có thể rút ra kết luận duy nhất, kết luận hợp lý nhất đối với anh ta, là âm thầm cam phận chịu chết đói. Ở đây mọi điều đều dạy phải cam phận, cúi đầu và thích ứng với nền chính trị đang thống trị và với tôn giáo, vì vậy công nhân chỉ nghe thấy toàn những thuyết lý về sự vâng lời, về tính thụ động và lòng cam chịu số phận của mình. Thật tự nhiên là quần chúng công nhân không muốn biết tới những trường đó; họ đi đến các phòng đọc sách vô sản, thảo luận các vấn đề trực tiếp liên quan tới lợi ích của bản thân họ. Và bây giờ giai cấp tư sản tự mãn thốt ra cái câu *Dixi et salvavi*¹⁾ của nó và với thái độ khinh bỉ quay đi lánh xa cái giai cấp «ưa thích những lời kêu gào giận dữ của những kẻ mị dân độc ác hơn là một nền học vấn nghiêm túc». Tuy thế, công nhân cũng quý trọng «nền học vấn nghiêm túc» khi nền học vấn mà người ta cung cấp cho họ không bị pha trộn những sự khôn khéo tư lợi của giai cấp tư sản; điều đó được chứng minh bằng rất nhiều bài giảng về các chủ đề khoa học tự

¹⁾ Tiếng la-tinh, có nghĩa là «Ta đã nói và ta đã cứu vớt linh hồn ta».

nhiên nghệ thuật và kinh tế - chính trị, những bài đó thường xuyên được giảng dạy trong tất cả các cơ quan vô sản, đặc biệt là trong các cơ quan xã hội chủ nghĩa, và công nhân đến nghe rất đông. Tôi thường có dịp gặp những công nhân mặc áo vải thô đã cũ nát lại có những kiến thức về địa chất học, thiên văn học và các môn khác hơn là một nhà tư sản nào khác có học thức ở nước Đức. Sự kiện các tác phẩm xuất sắc nhất của triết học mới nhất, của văn học chính trị và thơ ca hầu như chỉ có công nhân đọc thôi đã đặc biệt chứng tỏ giai cấp vô sản Anh đã đạt được những thành tích như thế nào trong sự nghiệp giành lấy một nền học văn tự lập. Nhà tư sản là nô lệ của chế độ xã hội hiện tại và các thành kiến gắn liền với chế độ ấy; hấn sợ hãi, xa lánh và tìm mọi cách gạt bỏ tất cả cái gì thực sự tiêu biểu cho tiên bộ, còn người vô sản thì nhìn thẳng vào tất cả các cái đó, nghiên cứu một cách hứng thú và có kết quả. Về mặt này những người xã hội chủ nghĩa đã làm được rất nhiều để giáo dục giai cấp vô sản...

Ph. Ăng-ghe-ni viết tháng
Chín 1844 - tháng Ba
1845

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-ni,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 2, tr. 343,
344 - 345, 461 - 462

MÔ TẢ NHỮNG CÔNG XÃ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA VỪA MỚI XUẤT HIỆN VÀ HIỆN NAY CÒN TỒN TẠI

... Chúng tôi xin mô tả thêm một vài lời về tổ chức bên trong các công xã ấy¹⁾. Các thành viên của công xã sống chung với nhau trong một ngôi nhà lớn, thêm vào đó mỗi người có phòng ngủ riêng của mình, tiện nghi rất đầy đủ; chỉ có một số phụ nữ phụ trách công việc nội trợ chung, nhờ vậy mà tiết kiệm được nhiều tiền bạc, thời gian lao động thường hay tốn vào việc quản lý nhiều hộ nhỏ và có được những thuận lợi mà các hộ nhỏ hoàn toàn không thể hưởng được. Chẳng hạn như lửa ở bếp đồng thời còn phục vụ cho việc sưởi ấm không khí của tất cả các phòng trong nhà; phòng nào cũng có ống dẫn nước lạnh và nước nóng đến, và nói chung là ở đây có rất nhiều ưu điểm và thuận lợi mà chỉ có trong một hộ chung mới có. Trẻ em được cho đến trường thuộc xí nghiệp và được giáo dục ở đây theo chi phí của xã hội. Bố mẹ muốn đến thăm các em lúc nào cũng được và việc giáo dục có chú ý đến sự phát triển về thể lực về tinh thần và sinh hoạt xã hội. Trẻ con không bị giày vò bằng

¹⁾ Ý nói về công xã Hác-mô-ni-hôn do R. Ô-oen thành lập ở Anh năm 1839.

những chi tiết vụn vặt của lối học kinh viện tôn giáo, bằng tiếng la-tinh và tiếng Hy-lạp, nhưng các em được tập trung nghiên cứu nhiều hơn về thiên nhiên, thân thể của mình và những năng lực tinh thần của mình và nghĩ ngơi ngoài trời, và nhất là các em không phải ngồi lâu ở bàn; vấn đề là vì việc dạy học thường tiến hành ở ngoài trời cũng như trong các phòng trong nhà, và làm việc này là một bộ phận của giáo dục. Việc giáo dục đạo đức quy vào việc vận dụng một quy tắc: điều gì mình không muốn người khác làm cho mình thì bản thân mình đừng làm điều ấy đối với họ, thể nghĩa là việc giáo dục nhằm vào việc thực hiện sự bình đẳng hoàn toàn và tình yêu bè bạn...

Ph. Ăng-ghe-ni viết năm
1841

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-ni,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 42, tr. 223 -
224

DIỄN VĂN Ở EN-BÉC-PHEN

... Bây giờ tôi chỉ nói đến một trong nhiều biện pháp có thể thực hiện được về vấn đề đó, mà trong thời gian gần đây người ta đã nói đến rất nhiều, đó chính là tiến hành ba biện pháp, ba biện pháp này nhất định phải dẫn tới chỗ thực hiện chủ nghĩa cộng sản.

Biện pháp thứ nhất—đó là *giáo dục phổ thông* do nhà nước đài thọ cho tất cả trẻ em không trừ một em nào; việc giáo dục đó đối với bất cứ ai cũng đều như nhau, cho đến lứa tuổi mà con người có thể trở thành một thành viên độc lập của xã hội. Đối với những người anh em cùng khổ của chúng ta mà nói, biện pháp đó chỉ là một hành động chính nghĩa, vì mỗi người đương nhiên đều có quyền được phát triển đầy đủ những tài năng của mình, và nếu xã hội làm cho nạn ngu dốt trở thành cái kết quả tất nhiên của cảnh bần cùng, thì xã hội sẽ hai lần phạm tội đối với con người. Người có học thức sẽ cống hiến cho xã hội nhiều hơn là những thành viên dốt nát, không có văn hóa của xã hội đó, đó là một điều hiển nhiên. Và nếu giai cấp vô sản sau khi đã có một nền học vấn, đó là điều mong muốn—sẽ không cam chịu sống trong tình trạng bị áp bức như giai cấp vô sản chúng ta hiện nay, thì về mặt khác, chỉ có thể trông đợi ở giai cấp công nhân có học thức tính bình tĩnh và sự minh mẫn, cần thiết cho việc cải tạo xã hội một cách hòa bình. Nhưng ngay cả giai cấp vô sản không có học thức cũng không muốn ở mãi trong tình cảnh hiện nay của họ; ngay ở nước Đức chúng ta cũng có thể chứng minh được điều đó, như những cuộc náo động ở Xi-lê-di và ở Bô-hem-mơ chẳng hạn, còn về

những nước khác thì bắt tất phải nói nữa.

... Để làm việc đó, nó không cần có quân đội thường trực, bởi vì có thể dễ dàng dạy cho mỗi thành viên của xã hội có khả năng chiến đấu, song song với các việc khác, biết dùng vũ khí tới mức cần thiết để bảo vệ đất nước, chứ không phải để diễn binh. Và ở đây xin chú ý rằng một thành viên của một xã hội như thế trong trường hợp có chiến tranh — đương nhiên chiến tranh có thể xảy ra *chỉ nhằm chống* các dân tộc *cộng sản chủ nghĩa* — phải bảo vệ tổ quốc thật sự, quê hương thực sự, rằng do đó anh ta sẽ chiến đấu với tinh thần phấn khởi, kiên nghị, dũng cảm; trước những đức tính đó, lỗi huấn luyện máy móc của quân đội hiện đại sẽ phải tan biến đi như những cộng rơm. Xin hãy nhớ lại tinh thần phấn chấn của những quân đội cách mạng từ năm 1792 đến năm 1799 đã làm nên những điều kỳ diệu như thế nào — những quân đội đã chiến đấu mới chỉ vì một *ảo tưởng*, vì một *tổ quốc hư ảo*, và các ngài sẽ hiểu sức mạnh sẽ như thế nào ở một quân đội chiến đấu không phải vì một ảo tưởng, mà vì một cái gì hiện thực và có thể sờ mó được...

Diễn văn đọc ngày 8
tháng Hai 1845

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 2, tr. 539,
543 - 544

NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN¹⁸

...

Câu hỏi thứ 13: Từ những cuộc khủng hoảng thương nghiệp tái diễn đều đặn đó, có thể rút ra kết luận gì?

Trả lời:

... Thứ hai là đại công nghiệp và khả năng mở rộng sản xuất một cách vô hạn do nó tạo ra, sẽ cho phép xây dựng một chế độ xã hội, trong đó tất cả mọi vật phẩm cần cho đời sống sẽ được sản xuất ra nhiều đến nỗi mỗi một thành viên trong xã hội đều có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi lực lượng và năng lực của mình. Cho nên cái tính chất của đại công nghiệp trong xã hội hiện thời, là đẻ ra mọi sự nghèo đói và mọi cuộc khủng hoảng thương nghiệp, thì đến một chế độ xã hội khác, chính tính chất ấy lại trở thành tính chất thủ tiêu sự nghèo khổ đó và những sự biến động đem lại tai họa đó.

Như vậy là ta có thể chứng minh một cách hoàn toàn rõ ràng rằng:

1. hiện nay, tất cả mọi tai họa đó đều chỉ do cái chế độ xã hội không còn phù hợp với điều kiện của thời đại nữa, gây ra.

2. người ta đã có phương tiện để thủ tiêu triệt để những tai họa đó bằng cách xây dựng một chế độ xã hội mới.

Câu hỏi thứ 14: Chế độ xã hội mới đó phải như thế nào?

Trả lời: Trước hết, việc quản lý công nghiệp và tất cả các ngành sản xuất nói chung sẽ không còn nằm trong tay của cá nhân riêng lẻ cạnh tranh với nhau nữa. Trái lại, tất cả các ngành sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý, tức là sẽ được tiến hành vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung và với sự tham gia của tất cả mọi thành viên trong xã hội. Như vậy, chế độ xã hội mới đó sẽ tiêu diệt cạnh tranh và thay cạnh tranh bằng hợp tác. Vì việc từng cá nhân riêng lẻ kinh doanh công nghiệp đem lại hậu quả tất yếu là chế độ tư hữu, và vì cạnh tranh không phải là một cái gì khác mà là một phương thức kinh doanh công nghiệp khi công nghiệp do những người tư hữu riêng lẻ quản lý, cho nên chế độ tư hữu không thể tách rời việc cá nhân kinh doanh công nghiệp và tách rời cạnh tranh được. Do đó, chế độ tư hữu cũng phải được thủ tiêu, và phải được thay bằng việc sử dụng chung tất cả mọi công cụ sản xuất và việc phân phối sản phẩm theo sự thỏa thuận chung, tức là bằng cái mà người ta gọi là sự cộng đồng về tài sản. Thủ tiêu chế độ tư hữu là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất

về việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội; việc cải tạo này là kết quả tất yếu của sự phát triển của công nghiệp. Cho nên những người cộng sản hoàn toàn đúng khi đề ra việc thủ tiêu chế độ tư hữu thành yêu cầu chủ yếu của mình.

...

Câu hỏi thứ 18: Cuộc cách mạng đó sẽ diễn biến như thế nào?

Trả lời: Trước hết, nó tạo ra một *chế độ dân chủ* và nhờ đó mà trực tiếp hay gián tiếp tạo ra quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản. Trực tiếp như ở Anh là nơi mà hiện nay vô sản đã chiếm đã số trong nhân dân; gián tiếp như ở Pháp và Đức là nơi mà đa số nhân dân không những gồm có vô sản mà còn gồm cả tiểu nông và tiểu tư sản. Thành thị là những người chỉ mới ở trong giai đoạn đang chuyển thành giai cấp vô sản, và trong việc thực hiện mọi quyền lợi chính trị của mình đang ngày càng phụ thuộc vào giai cấp vô sản, do đó chẳng bao lâu, sẽ phải đồng ý với các yêu cầu của giai cấp vô sản. Muốn thế có lẽ cần phải có một cuộc đấu tranh mới nữa, song cuộc đấu tranh mới đó nhất định sẽ kết thúc bằng thắng lợi của giai cấp vô sản.

Đối với giai cấp vô sản, chế độ dân chủ sẽ trở nên hoàn toàn vô ích nếu nó không được dùng ngay lập tức làm phương tiện để thi hành

những biện pháp rộng rãi trực tiếp đánh vào chế độ tư hữu và bảo đảm sự sinh sống của giai cấp vô sản. Những biện pháp chủ yếu nhất (tất yếu phải xuất phát từ những điều kiện hiện nay) là như sau:

...

4. Tổ chức lao động hay giao công việc cho những người vô sản ở trong các nông trường, nhà máy và công xưởng của quốc gia. Làm như vậy sẽ thủ tiêu được sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau, và bọn chủ xưởng, nếu còn tồn tại, sẽ buộc phải trả công cao như Nhà nước.

5. Tất cả mọi người trong xã hội đều có nghĩa vụ lao động như nhau cho đến khi tiêu diệt hoàn toàn chế độ tư hữu. Tổ chức những đội quân công nghiệp, nhất là đối với nông nghiệp.

...

8. Đối với tất cả các trẻ em khi không cần đến sự chăm sóc của người mẹ nữa, thì đưa vào giáo dục trong các cơ quan Nhà nước bằng sự đài thọ của Nhà nước. Kết hợp việc giáo dục với lao động trong công xưởng.

9. Xây dựng các nhà lớn trên đất đai quốc dân để làm chỗ ở chung cho các công xã của những công dân làm công nghiệp, nông nghiệp; kết hợp các mặt tốt của lối sống

thành thị và lối sống nông thôn, mà tránh tình trạng một chiều và thiếu sót của hai lối sống đó.

10. Phá bỏ tất cả những nhà ở và khu nhà ở không hợp vệ sinh và xây dựng kém ở thành thị.

...

Cô nhiên không thể thi hành tất cả các biện pháp đó ngay trong một đợt, nhưng biện pháp này sẽ dẫn đến biện pháp khác. Chỉ cần tiến hành một cuộc tấn công triệt để đầu tiên vào chế độ tư hữu, là giai cấp vô sản sẽ ngày càng phải đi xa hơn nữa, ngày càng tập trung trong tay Nhà nước toàn bộ tư bản, toàn bộ nông nghiệp, toàn bộ công nghiệp, toàn bộ việc vận tải và toàn bộ sự trao đổi. Tất cả các biện pháp kể trên sẽ dẫn đến chỗ đó. Mức độ thực hiện các biện pháp đó cũng như mức độ tập trung do các biện pháp đó đưa lại sẽ được nâng lên cũng đúng như mức độ các lực lượng sản xuất trong nước sẽ tăng lên do lao động của các giai cấp vô sản. Cuối cùng, khi toàn bộ tư bản, toàn bộ sản xuất, toàn bộ việc trao đổi đã tập trung vào trong tay Nhà nước thì chế độ tư hữu sẽ tự nó tiêu vong, tiền tệ sẽ trở thành thừa, sản xuất sẽ tăng lên với mức độ như thế và con người sẽ thay đổi đến mức có thể vứt bỏ hết thấy những hình thức cuối cùng của quan hệ xã hội cũ.

...

Câu hỏi thứ 20: Xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu thì sẽ đưa lại những kết quả gì?

Trả lời: Sẽ đưa lại những kết quả như sau: xã hội sẽ tước khỏi tay bọn tư bản tư nhân, việc sử dụng tất cả mọi lực lượng sản xuất và mọi công cụ giao dịch, cũng như việc trao đổi và phân phối sản phẩm; xã hội sẽ quản lý tất cả những việc đó phù hợp với kế hoạch đặt ra căn cứ vào các nguồn lực lượng hiện có và vào nhu cầu của toàn xã hội; do đó mà tất cả những hậu quả tai hại gắn liền với chế độ quản lý đại công nghiệp hiện nay sẽ bị thủ tiêu trước hết. Khủng hoảng sẽ chấm dứt; nền sản xuất mở rộng, gây nên sản xuất thừa trong chế độ xã hội hiện nay, và là nguyên nhân to lớn của nạn nghèo đói, thì khi đó sẽ tỏ ra hoàn toàn không đủ nữa và cần phải có quy mô rộng lớn hơn rất nhiều. Số sản xuất thừa, hiện nay vượt quá những nhu cầu cấp thiết nhất của xã hội, sau này sẽ không còn gây ra cảnh nghèo đói mà sẽ đảm bảo thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội, sẽ gây nên những nhu cầu mới, đồng thời sẽ tạo nên những phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu mới đó. Nó sẽ là điều kiện và động cơ kích thích sự tiến bộ hơn nữa và nó sẽ thực hiện được sự tiến bộ đó mà không làm cho toàn bộ chế độ xã hội bị rối loạn từng thời kỳ một như trước kia

nữa. Đại công nghiệp, thoát khỏi xiềng xích của chế độ tư hữu thì sẽ phát triển với những quỹ mô khiến cho đại công nghiệp hiện nay, đem so sánh với đại công nghiệp ấy, thì thật là nhỏ bé không đáng kể, giống như công trường thủ công so với đại công nghiệp của thời đại chúng ta vậy. Sự phát triển đó của công nghiệp sẽ làm cho xã hội có đủ sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội. Nông nghiệp cũng vậy,—trong nông nghiệp, do xiềng xích của chế độ tư hữu, do tình trạng phân tán của ruộng đất, nên rất khó áp dụng những sự cải tiến và những thành tựu của khoa học hiện có,—rồi đây cũng sẽ bước vào giai đoạn hoàn toàn mới, giai đoạn phồn vinh và sẽ cung cấp hoàn toàn đầy đủ sản phẩm cho xã hội. Như vậy là xã hội sẽ sản xuất ra đầy đủ sản phẩm để tổ chức việc phân phối nhằm thỏa mãn nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội. Do đó, tình trạng xã hội phân chia thành các giai cấp khác nhau, đối địch với nhau, sẽ trở nên thừa. Nhưng tình trạng đó không những trở nên thừa, mà thậm chí còn không thể tương dung được với chế độ xã hội mới nữa. Các giai cấp sẽ dĩ tồn tại là do có phân công lao động, nhưng hình thức phân công lao động hiện nay sẽ hoàn toàn mất hẳn, vì muốn nâng sản xuất công nghiệp và nông nghiệp lên đến mức độ cao nói trên, mà chỉ có phương tiện

cơ giới và hóa học phù trợ thì không đủ. Còn cần phải phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó nữa. Giống như trong thế kỷ trước, người nông dân và công nhân công trường thủ công, sau khi được thu hút vào đại công nghiệp đã thay đổi toàn bộ lối sống của họ và bản thân họ đã trở thành những con người hoàn toàn khác hẳn; hiện nay cũng vậy, việc tiến hành sản xuất tập thể bằng lực lượng của toàn xã hội và sự phát triển mới của nền sản xuất do việc đó mang lại sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới và sẽ tạo nên những con người mới đó. Những con người như hiện nay thì không thể tiến hành sản xuất một cách công cộng được, vì mỗi người đều bị phụ thuộc vào một ngành sản xuất nào đây, bị cột chặt vào ngành sản xuất đó, bị ngành đó bóc lột, chỉ phát huy được một mặt của năng lực, còn các mặt khác thì không phát huy được, và chỉ biết có *một* ngành hay một bộ phận của ngành nào đây trong toàn bộ nền sản xuất. Ngay nền công nghiệp hiện nay cũng ngày càng tỏ ra không thể sử dụng những con người như thế. Vậy thì nền công nghiệp do toàn xã hội kinh doanh một cách tập thể và có kế hoạch lại càng cần có những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất. Do đó, sự phân công lao động, hiện

nay đã bị máy móc phá hoại, hiện nay đang biến người này thành nông dân, người kia thành thợ đóng giày, người thứ ba thành công nhân công xưởng, người thứ tư thành tên đầu cơ ở thị trường chứng khoán, thì sau này sẽ hoàn toàn không còn nữa. Công tác giáo dục sẽ làm cho những người trẻ tuổi có khả năng nắm vững nhanh chóng toàn bộ hệ thống sản xuất trong thực tiễn, làm cho họ có thể lần lượt chuyển từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất nọ tùy theo nhu cầu của xã hội hoặc tùy theo sở thích của bản thân họ. Do đó, công tác giáo dục sẽ làm cho họ thoát khỏi tình trạng một chiều mà sự phân công lao động hiện nay đang buộc mỗi một người phải theo. Như vậy là một xã hội tổ chức theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa, sẽ làm cho những thành viên trong xã hội đó có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình. Đồng thời các giai cấp khác nhau, nhất định cũng sẽ không còn nữa. Do đó, một mặt xã hội tổ chức theo nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa sẽ không thể tương dung được với sự tiếp tục tồn tại của các giai cấp, mặt khác, bản thân sự xây dựng xã hội đó sẽ tạo nên phương tiện để thủ tiêu những sự khác nhau về giai cấp.

Vì vậy, sự đối lập giữa thành thị và nông thôn cũng sẽ không còn. Cũng những con người ấy sẽ làm cả lao động nông nghiệp lẫn lao động

công nghiệp, chứ không cần phải giao hai công việc đó cho hai giai cấp khác nhau. Đó là điều kiện tất yếu của sự liên hợp cộng sản chủ nghĩa, sự liên hợp ấy là do những nguyên nhân hoàn toàn vật chất đưa đến. Tình trạng phân tán của dân cư làm nghề nông ở nông thôn, bên cạnh sự tập trung dân cư làm công nghiệp ở các thành thị lớn, chỉ thích hợp với trình độ phát triển còn thấp của nông nghiệp và công nghiệp, tình trạng đó cản trở mọi sự phát triển hơn nữa; điều này hiện nay người ta đã cảm thấy rõ.

Sự liên hợp chung của tất cả mọi thành viên trong xã hội nhằm mục đích cùng nhau khai thác lực lượng sản xuất một cách có kế hoạch; sự phát triển của sản xuất tới mức có thể thỏa mãn nhu cầu của mọi người; sự xóa bỏ tình trạng nhu cầu của số người này được thỏa mãn bằng cách hy sinh nhu cầu của số người khác; sự tiêu diệt hoàn toàn các giai cấp và những sự đối lập giữa các giai cấp đó; sự phát triển toàn diện năng lực của tất cả mọi thành viên trong xã hội bằng cách xóa bỏ lối phân công cũ, tiến hành giáo dục về sản xuất, thay đổi các hình thức hoạt động, làm cho mọi người sản xuất ra và cuối cùng bằng cách hòa hợp thành thị với nông thôn—đó là những kết quả chủ yếu nhất của việc thủ tiêu chế độ tư hữu.

Câu hỏi thứ 21: Chế độ xã hội cộng sản sẽ có ảnh hưởng như thế nào đến gia đình?

Trả lời: Quan hệ nam nữ sẽ trở thành một công việc hoàn toàn của cá nhân, chỉ thuộc về những người hữu quan và xã hội không cần phải can thiệp vào. Điều đó có thể có được, nhờ việc thủ tiêu chế độ tư hữu và nhờ công tác giáo dục của xã hội đối với thanh niên, kết quả là sẽ tiêu diệt được hai cơ sở của hôn nhân hiện tại gắn liền với chế độ tư hữu: vợ phụ thuộc vào chồng, con phụ thuộc vào cha mẹ. Đây cũng là một sự trả lời lại tiếng kêu la om sòm của những tên tiểu tư sản lên mặt đạo đức nói đến sự cộng thể của chủ nghĩa cộng sản. Cộng thể là một hiện tượng hoàn toàn thuộc về xã hội tư sản và hiện nay đang biểu hiện rất đầy đủ dưới hình thức mãi dâm. Nhưng mãi dâm là xây dựng trên chế độ tư hữu và sẽ mất đi cùng với chế độ tư hữu. Do đó, tổ chức cộng sản chủ nghĩa không những không đưa lại sự cộng thể mà trái lại còn tiêu diệt sự cộng thể.

Ph. Ăng-ghe-nơ viết cuối
tháng Mười - tháng
Mười một 1847

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 4, tr. 329-
330, 332, 333, 334-337

LỜI NÓI ĐẦU
TÁC PHẨM CỦA C. MÁC
«ĐẤU TRANH
GIAI CẤP Ở PHÁP
TỪ 1848
ĐẾN 1850»¹⁹

... Nhưng dù tình hình trong các nước khác có xảy ra như thế nào đi nữa, thì Đảng xã hội — dân chủ Đức cũng có một hoàn cảnh đặc biệt, và do đó, ít ra là trong một tương lai trước mắt, nó cũng có một nhiệm vụ đặc biệt. Con số hai triệu cử tri mà nó đưa ra để tham dự cuộc bỏ phiếu, cùng với những thanh niên và phụ nữ không phải là cử tri, đứng sau lưng họ và hợp thành một khối đông đảo nhất, trù mật nhất, nghĩa là hợp thành «đội xung kích» có tính chất quyết định, của đạo quân vô sản quốc tế. Ngay hiện nay, khối người đó cũng đã chiếm trên một phần tư tổng số phiếu, và đang không ngừng tăng lên, như đã được chứng minh trong các cuộc bầu cử bổ sung vào Quốc hội, trong các cuộc bầu cử vào hội đồng dân biểu các bang và hội đồng tự trị địa phương, cũng như trong các cuộc bầu cử tòa án phùng hội. Khối người đó tăng lên một cách tự phát, thường xuyên, không thể nào

cưỡng lại được và đồng thời nó cũng tăng lên một cách yên lặng như một quá trình tự nhiên vậy.

Đăng (rút ngắn) trong
tạp chí «Die Neue Zeit»
số 27-28, năm 1894-
1895

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 22, tr. 545

VẤN ĐỀ QUÂN SỰ Ở PHỒ VÀ ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC²⁰

... Cái bù lại tương đương cho thời hạn quân dịch rút ngắn, cái bù lại căn bản nhất cho thời hạn rút ngắn, chính là sự giáo dục thân thể tốt hơn cho tuổi trẻ. Cần quan tâm một điều là làm sao cho thực sự có một cái gì đây được tiến hành theo hướng đó. Đúng là ở tất cả các trường học nông thôn đều có những xà kép và xà đơn, nhưng các thầy giáo khôn khéo của chúng ta lại chơi xà rất tồi. Hãy bỏ dụng ở mỗi vùng dù chỉ là một hạ sĩ quan về hưu có khả năng công tác làm giáo viên thể dục, và giao cho người đó lãnh đạo việc dạy thể dục; hãy quan tâm đến việc làm sao cho thanh niên học sinh dần dần học được cách đi trong hàng ngũ, hiểu được các cách vận động của trung đội và đại đội và nắm chắc các khẩu lệnh thích

hợp. Trong thời gian từ 6 đến 8 năm điều đó (việc rút ngắn thời hạn quân dịch — B. T.) sẽ được bù lại gấp trăm lần, sẽ có nhiều tân binh hơn và họ sẽ khỏe mạnh hơn...

Ph. Ăng-ghe-ni viết cuối
tháng Giêng - 11 tháng
Hai 1865

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-ni,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 16, tr. 53

BỘ «TƯ BẢN» CỦA MÁC

... Mác nhấn mạnh những mặt tiêu cực của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa một cách gay gắt như thế nào, thì ông cũng chứng minh một cách rõ ràng như thế rằng hình thái xã hội đó là cần thiết để phát triển các lực lượng sản xuất của xã hội tới một trình độ cao đến mức là nó sẽ làm cho tất cả mọi thành viên trong xã hội đều có thể đạt tới một sự phát triển ngang nhau, một sự phát triển xứng đáng với con người. Tất cả các hình thái xã hội trước kia đều quá nghèo nàn để đạt được mục đích ấy. Chỉ có nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là đã tạo ra những của cải và những lực lượng sản xuất cần thiết cho mục đích ấy. Nhưng đồng thời ở quần chúng công nhân bị áp bức, nó cũng tạo ra cái giai cấp xã hội ngày càng đứng

trước sự cần thiết phải nắm lấy những của cải ấy và những sức sản xuất ấy vào trong tay mình, để sử dụng chúng cho lợi ích của toàn thể xã hội, không phải cho một giai cấp độc quyền như trong trường hợp hiện nay.

Ph. Ăng-ghe-n viết từ 1
đền 13 tháng Ba 1886

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 16, tr. 248

BỔ SUNG LỜI TỰA CUỐN «CHIẾN TRANH NÔNG DÂN Ở ĐỨC»

... Một mặt, do hoàn cảnh thuận lợi của công nhân Đức, mặt khác, do phong trào công nhân Anh có những đặc điểm của hoàn cảnh ở trên đảo, và do phong trào công nhân Pháp bị đàn áp khốc liệt, nên hiện nay công nhân Đức đang đi tiên phong trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Thời cuộc sẽ cho phép họ giữ địa vị quang vinh ấy trong bao nhiêu lâu nữa, điều đó không thể nói trước được. Nhưng chừng nào họ còn giữ được địa vị quang vinh ấy, thì họ sẽ—cần phải hy vọng như thế—làm tròn nghĩa vụ của họ một cách thích đáng. Muốn

thế, họ phải cố gắng gấp bội trong tất cả các lĩnh vực đấu tranh và cổ động. Đặc biệt, trách nhiệm của những người lãnh đạo là phải học tập ngày càng nhiều hơn khỏi ảnh hưởng của những câu cổ truyền của thế giới quan cũ, và không bao giờ được quên rằng chủ nghĩa xã hội, từ khi đã trở thành một khoa học, đòi hỏi phải được đối xử như là một khoa học, nghĩa là phải nghiên cứu nó... Cho nên cần phải phổ biến trong quần chúng công nhân, với một nhiệt tâm ngày càng tăng, cái ý thức ngày càng rõ ràng đã đạt được như thế, và ngày càng củng cố hơn nữa tổ chức của Đảng và tổ chức của công đoàn.

...

Cho nên không thể buông lơ cuộc chiến đấu được, ngược lại, cần phải lần lượt giành lấy trong tay kẻ thù hết thành phố này đến thành phố khác, hết khu vực tuyển cử này đến khu vực tuyển cử khác; nhưng trước hết cần phải giữ vững tinh thần quốc tế chân chính, tinh thần quốc tế này không hề thừa nhận bất cứ một thứ chủ nghĩa sô-vanh nào cả và vui vẻ hoan nghênh mọi tiên bộ mới của phong trào vô sản, không kể đó là của dân tộc nào. Nếu công nhân Đức tiếp tục tiến bước như vậy, tôi không nói là họ sẽ đi đầu phong trào — lợi ích của phong trào không phải là ở chỗ công nhân một nước duy nhất nào đó đi đầu phong trào — nhưng

nói rằng họ sẽ giữ một địa vị vẻ vang trên mặt trận chiến đấu; và họ sẽ được võ trang và sẽ sẵn sàng, khi mà những thử thách gay go bất ngờ hay những biến cố lớn đòi hỏi họ phải dũng cảm nhiều hơn nữa, quyết tâm nhiều hơn nữa và có nghị lực nhiều hơn nữa.

Luân-đôn, ngày 1 tháng
Bảy 1874

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 18, tr. 499,
500

LỜI NÓI ĐẦU QUYỀN «BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN»

... Sự chuyên môn hóa của bàn tay có nghĩa là *công cụ* đã xuất hiện, và công cụ đó nghĩa là sự hoạt động riêng của loài người, là tác động của con người để biến đổi tự nhiên, để sản xuất. Cũng có những con vật, theo nghĩa hẹp: con kiến, con ong, con hải ly, có những công cụ, nhưng những công cụ đó chỉ là những bộ phận của cơ thể của chúng; cũng có những con vật sản xuất, nhưng tác động sản xuất của chúng vào tự nhiên chung quanh hầu như

không có gì đáng kể so với tự nhiên. Chỉ có con người là mới đạt được đến chỗ in cái dấu vết của mình vào tự nhiên, không những bằng cách di chuyển thể giới cây cỏ và thú vật từ chỗ này sang chỗ khác mà còn thay đổi cả diện mạo, khí hậu của nơi họ ở, thay đổi cả các thú vật và cây cỏ tới một mức độ mà kết quả của hoạt động của họ chỉ có thể biến mất khi nào toàn bộ trái đất tàn tạ mất. Nếu con người đạt được kết quả đó thì trước hết và chủ yếu là nhờ ở *bàn tay*. Phân tích cho đến cùng, ngay cái máy hơi nước, cho tới ngày nay vẫn là cái công cụ mạnh mẽ nhất dùng để cải tạo tự nhiên, cũng phải phụ thuộc vào bàn tay bởi vì nó là một công cụ.

Nhưng đầu óc cũng phát triển theo sát từng bước sự phát triển của bàn tay; trước hết người ta bắt đầu nhận thức được những điều kiện cần thiết để đạt được mỗi một kết quả thực tiễn có ích và về sau, trên cơ sở đó, thì các dân tộc có những điều kiện thuận lợi hơn hiểu biết được cái quy luật tự nhiên chi phối các kết quả có ích đó. Và đi đôi với sự hiểu biết ngày càng mở rộng một cách mau chóng về các quy luật tự nhiên, thì những phương tiện dùng để tác động vào tự nhiên cũng ngày càng tăng; chỉ có bàn tay không thôi thì chắc chắn không bao giờ hoàn thành cái máy hơi nước, nếu bộ óc con người không

song song phát triển cùng với bàn tay, bên cạnh cái bàn tay và một phần nhờ có bàn tay.

...

Vật chất vận động theo một chu trình bất diệt: chu trình ấy chỉ hoàn thành trong những khoảng thời gian mà, một năm của trái đất không phải là tiêu chuẩn thích hợp có thể dùng làm đơn vị đo lường, đó là một chu trình mà trong đó thời gian của sự phát triển cao nhất, thời gian của đời sống hữu cơ, và hơn nữa là thời gian tồn tại của những sinh vật nhận thức được bản thân và tự nhiên, và cũng cực kỳ hạn chế chẳng khác gì khoảng không gian mà trong đó sự sống và sự tự nhận thức của sinh vật đó tồn tại; đó là một chu trình trong đó mọi hình thức tồn tại hữu hạn của vật chất, — dù hình thức tồn tại đó là mặt trời hay là tinh vân, là một con vật riêng lẻ hay là cả một loài súc vật, là sự hòa hợp hoặc sự phân hóa hóa học, — cũng chỉ có tính chất tạm thời và trong chu trình đó không có gì là vĩnh viễn, trừ cái vật chất đang vĩnh viễn chuyển hóa, vĩnh viễn vận động theo các quy luật của sự vận động và sự chuyển hóa của nó. Nhưng dù cái chu trình đó diễn đi diễn lại trong thời gian và không gian một cách mau chóng nghiêm khắc như thế nào chẳng nữa; dù số lượng của hàng triệu mặt trời và trái đất sinh ra và tiêu diệt đi nhiều

như thế nào chẳng nữa; dù thời gian cần thiết để những điều kiện của sự sống hữu cơ có thể xuất hiện ra dù chỉ trên một hành tinh duy nhất của hệ thống mặt trời, có lâu thế nào chẳng nữa; dù số lượng những vật hữu cơ—sinh ra và chết đi trước khi có những con vật có bộ óc có khả năng suy nghĩ, trước khi những vật hữu cơ đó có được trong một thời gian ngắn những điều kiện thích hợp để tồn tại rồi sẽ bị diệt vong một cách không thương xót—có to lớn thế nào chẳng nữa, thì chúng ta cũng tin chắc chắn rằng, qua tất cả mọi sự biến đổi ấy, vật chất vĩnh viễn trước sau vẫn thế, và không bao giờ có một thuộc tính nào của nó lại có thể mất đi và vì thế, nếu một ngày kia, do một sự tất yếu của phép nào mà nó sẽ thủ tiêu trên trái đất mọi sự sáng tạo cao nhất của nó, tức là cái tinh thần có tư duy, thì cũng sẽ do một sự tất yếu như thế, vật chất lại phải tái sinh ra tinh thần đó ở một nơi nào khác và trong một lúc nào khác.

Ph. Ăng-ghe-ni viết năm
1875-1876

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-ni,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 20, tr. 357-
358, 362-363.

TÁC DỤNG CỦA LAO ĐỘNG TRONG SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ VƯỜN THÀNH NGƯỜI¹⁾

... Các nhà kinh tế chính trị khẳng định rằng lao động là nguồn gốc của mọi của cải. Lao động đúng là như vậy, khi đi đôi với giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu cho lao động biến thành của cải. Nhưng lao động còn là một cái gì vô cùng lớn lao hơn thế nữa. Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn

¹⁾ Trích trong đoạn thứ hai của một bản luận văn: Thoạt tiên Ăng-ghe-ni viết ra chương này để dùng làm bài mở đầu cho một tác phẩm vĩ đại nhan đề là: «Ba hình thức cơ bản của sự nô lệ». Sau đó, Ăng-ghe-ni đổi tên tác phẩm đó lại là: «Tình trạng bị nô dịch của người lao động». Nhưng dưới hình thức này, tác phẩm nói trên cũng chưa hoàn thành được, và rốt cuộc, Ăng-ghe-ni đã đặt cho chương mở đầu này, chương mà lúc bấy giờ Người đã viết xong, cái tên là «Tác dụng của lao động trong quá trình chuyển biến từ vườn thành người». Nội dung chương này được trình bày trong 8 hoặc 9 trang đầu của bản thảo (4 hoặc 3 trang cuối cùng chuyển sang một sự luận giải sâu rộng về đề mục: tình trạng bị nô dịch của người lao động). Chắc hẳn là Ăng-ghe-ni viết chương này hồi năm 1876. Giả thuyết này có thể đúng, vì ngày 10 tháng Sáu 1876, Liép-nêch viết cho Ăng-ghe-ni một bức thư, trong đó Liép-nêch có nói thêm rằng ông nóng lòng chờ đợi tác phẩm mà Ăng-ghe-ni đã hứa viết cho báo *Nhà nước nhân dân*, và «Ba hình thức cơ bản của sự nô lệ». Chương này đã được đăng năm 1896 trong tạp chí *Thời mới*.

bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người.

...

Như vậy bàn tay không những là khí quan dùng để lao động mà lại còn là sản phẩm của lao động nữa. Chỉ nhờ có lao động, nhờ thích ứng được với những động tác ngày càng mới, nhờ sự di truyền của sự phát triển đặc biệt đã đạt được bằng cách đó của các bắp thịt, của các gân cốt, và sau những khoảng thời gian dài hơn, cả của xương nữa, và cuối cùng, nhờ đem sự tinh luyện thừa hưởng được của các thế hệ trước mà áp dụng nhiều lần và liên tục vào những động tác mới ngày càng phức tạp hơn, — chỉ nhờ có như thế, bàn tay con người mới đạt được trình độ hoàn thiện rất cao đó, khiến nó có thể, như một sức mạnh thần kỳ, sáng tạo ra các bức tranh của Ra-pha-en, các pho tượng của To-van-xen và các điệu nhạc của Pa-ga-ni-ni.

...

Trước hết là lao động; sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ; đó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng đến bộ óc của con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần biến chuyển thành bộ óc của con người. Tuy hai bộ óc có rất nhiều chỗ giống nhau, nhưng bộ óc con người to hơn và hoàn

thiện hơn bộ óc loài vượn rất nhiều. Nhưng khi bộ óc phát triển thì các công cụ trực tiếp của bộ óc, tức là các giác quan, cũng đồng thời phát triển theo. Sự phát triển của bộ óc, nói chung, bao giờ cũng đi đôi với sự phát triển của tất cả các giác quan, cũng như sự phát triển tuần tự của ngôn ngữ nhất thiết phải đi đôi với một sự cải tiến tương ứng của khí quan thính giác, Mắt chim đại bàng nhìn thấy xa hơn mắt người rất nhiều, nhưng mắt người nhận thấy trong sự vật hơn mắt đại bàng rất nhiều. Con chó thính mũi hơn loài người rất nhiều, nhưng nó không mấy may có khả năng phân biệt được các mùi, trái lại mũi người đã giúp cho con người đoán biết được chắc chắn nhiều sự vật khác nhau. Và xúc giác mà con vượn chỉ mới có dưới hình thức thô sơ nhất mà thôi, nhờ lao động mà đã phát triển lên thành sự phát triển của bàn tay loài người.

Bộ óc và các giác quan phụ thuộc bộ óc càng phát triển lên thì ý thức càng sáng suốt hơn, năng lực trừu tượng hóa và năng lực suy lý càng phát triển hơn, tất cả những cái đó lại tác động trở lại lao động và ngôn ngữ, đã thúc đẩy không ngừng cho lao động và ngôn ngữ tiếp tục phát triển thêm nữa.

...

Con người đã tập ăn được tất cả những cái gì có thể ăn được, thì cũng đã tập sống được

trong tất cả những vùng khí hậu khác nhau. Con người sống lan rộng ra đến tất cả những nơi nào có thể ở được. Người là một loài động vật duy nhất đã làm được điều đó một cách độc lập tự chủ. Nhiều loài động vật khác, chẳng hạn như gia súc và sâu mọt, cũng có thể thích ứng với bất cứ một thứ khí hậu nào, nhưng trong trường hợp đó, chúng phải bám theo loài người, chứ không phải tự chúng đã biết làm như thế. Và sự di chuyển từ chỗ ở đầu tiên có một khí hậu thường xuyên ấm áp, đến những vùng lạnh lẽo hơn mà hàng năm có mùa đông và mùa hè đã tạo ra những nhu cầu mới, nhu cầu về nhà ở, về quần áo để che thân những khi giá rét và ẩm thấp, do đó đã mở đường cho những ngành lao động mới ngày càng đưa con người đến chỗ cách xa loài động vật:

Nhờ hoạt động phối hợp của bàn tay, của các khí quan phát âm và của bộ óc, chẳng những ở mỗi cá nhân mà cả trong xã hội nữa, loài người đã có đủ khả năng hoàn thành những công việc ngày càng phức tạp hơn, có đủ khả năng tự đề ra và đạt được những mục đích ngày càng cao hơn. Từ thể hệ này sang thể hệ khác, chính ngay lao động cũng ngày càng nhiều vẻ hơn, hoàn thiện hơn, có nhiều mặt hơn. Ngoài nghề săn bắn và chăn nuôi thì còn có nông nghiệp; và tiếp theo đó, lại có thêm nghề kéo chỉ, dệt vải, nghề làm kim khí, nghề làm đồ

gồm và nghề hàng hải. Cuối cùng, nghệ thuật và khoa học ra đời bên cạnh thương nghiệp và công nghiệp, các bộ lạc biến thành những dân tộc và quốc gia, pháp luật và chính trị phát triển, và đồng thời với những cái đó, tôn giáo—sự phản ánh một cách hư ảo tồn tại của con người vào trong đầu óc con người—cũng phát triển theo. Đứng trước tất cả những cái hình thành ra đó, biểu hiện trước hết như là những sản phẩm của bộ óc và có vẻ như là đã thống trị các xã hội loài người, thì những sản phẩm tầm thường hơn, do lao động của bàn tay làm ra, đã rơi vào hàng thứ yếu, nhất là khi trí óc con người biết đặt ra kế hoạch lao động, lại có khả năng, ngay trong giai đoạn phát triển rất sớm của xã hội (ví dụ như trong thị tộc nguyên thủy), làm cho những bàn tay khác, chứ không phải chính tay mình, phải thực hiện công việc mà mình đã ấn định ra. Người ta quy cho trí óc, cho sự mở mang và hoạt động của bộ óc, tất cả công lao làm cho xã hội phát triển được nhanh chóng; và đáng lẽ người ta phải giải thích rằng hoạt động của mình là do nhu cầu của mình quyết định (mà những nhu cầu đó, quả thật đã phản ánh vào đầu óc của người ta và đã làm cho họ có ý thức đối với những nhu cầu đó,) thì người ta lại quen giải thích rằng hoạt động của mình là do tư duy của mình quyết

định, và chính vì thế mà dần dần phát sinh ra một thế giới quan duy tâm nó thống trị đầu óc con người, nhất là từ khi thời cổ đại suy tàn. Cho đến ngày nay, thế giới quan duy tâm đó vẫn còn thống trị đầu óc con người, đến nỗi, ngay cả những nhà bác học duy vật trong môn phái Đắc-uyn cũng còn chưa có thể có một ý niệm rõ rệt về nguồn gốc của loài người, bởi vì, do ảnh hưởng của cái thế giới quan ấy, họ không nhận thấy tác dụng của lao động trong sự biến hóa đó.

...

Tóm lại, loài động vật chỉ *lợi dụng* tự nhiên bên ngoài và chỉ đơn thuần vì sự có mặt của mình mà gây ra những biến đổi trong tự nhiên; còn con người thì do đã tạo ra những biến đổi đó, mà bắt tự nhiên phải phục vụ cho những mục đích của mình, mà *thống trị* tự nhiên. Và chính đó là chỗ khác nhau chủ yếu và cuối cùng giữa con người và các loài động vật khác, và một lần nữa, chính cũng lại nhờ lao động mà con người mới có được sự khác nhau đó.

...

... Chúng ta nằm trong lòng tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với tự nhiên biểu hiện ở chỗ là chúng ta có ưu thế hơn tất cả các sinh vật khác, nghĩa là chúng ta hiểu biết được quy luật của tự nhiên và có thể lợi

dụng được những quy luật đó một cách chính xác.

Và trên thực tế, chúng ta học hỏi để ngày càng hiểu được một cách chính xác hơn, những quy luật đó, và biết được những hậu quả ít nhiều xa xôi của những sự tác động của chúng ta vào trong tiến trình bình thường của các sự vật trong tự nhiên. Nhất là từ khi khoa học tự nhiên đã thu được những tiên bộ vĩ đại trong thế kỷ hiện thời, thì chúng ta lại ngày càng đi đến chỗ hiểu biết được cả những hành động thông thường nhất của chúng ta trong lĩnh vực sản xuất, và do đó, có thể chi phối được những hậu quả đó. Nhưng điều đó càng trở thành sự thật, thì con người không những càng cảm thấy được, mà lại càng hiểu biết thêm rằng mình với tự nhiên chỉ là một, thì cái quan niệm phi lý và trái tự nhiên về sự đối lập giữa tinh thần và vật chất, giữa con người và tự nhiên, giữa linh hồn và thể xác càng không thể nào tồn tại được, đó là một quan niệm đã thịnh hành ở châu Âu từ khi nền văn hóa cổ điển bị suy đồi, và cùng với đạo Thiên chúa, đã đạt được một sự phát triển cao nhất...

Ph. Ăng-ghe-n viết năm
1876

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 20, tr. 486,
488, 490, 493 - 494, 495, 496

CÁC MÁC

Các Mác, người đầu tiên đã đặt một cơ sở khoa học cho chủ nghĩa xã hội và do đó cho toàn bộ phong trào công nhân hiện đại, sinh ở Tơ-re-vơ năm 1818. Đầu tiên Mác học Luật ở Bon và Béc-lin, nhưng chẳng bao lâu Mác chuyên hẳn vào việc nghiên cứu lịch sử và triết học và đến năm 1842, khi Mác đang sắp sửa làm giáo sư phụ trách giảng dạy triết học thì phong trào chính trị, phát sinh từ sau khi vua Phơ-rê-đê-rích Vin-hem III chết, đã khiến Mác chuyển theo một hướng khác.

...

Trong số rất nhiều những phát hiện quan trọng đã ghi tên Mác vào lịch sử khoa học, ở đây chúng tôi chỉ có thể nhấn mạnh hai điều.

Điều thứ nhất là Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử thế giới. Trước kia toàn bộ quan niệm về lịch sử đã dựa trên quan điểm cho rằng, xét đến cùng thì nguyên nhân của các biến đổi lịch sử là do ở tư tưởng đang luôn luôn thay đổi của con người, và cho rằng tất cả những cuộc chuyển biến lịch sử quan trọng nhất, những chuyển biến chi phối toàn bộ lịch sử, đều là những chuyển biến chính trị.

Nhưng người ta lại không tìm xem tư tưởng của con người là do đâu mà ra và những nguyên

nhân quyết định những chuyển biến chính trị là những nguyên nhân nào. Chỉ có học phái mới trong các nhà sử học Pháp và một số trong những nhà sử học Anh, là đã tiến đến chỗ tin rằng, ít ra từ thời trung cổ, động lực thúc đẩy trong lịch sử châu Âu là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản đang lên chống chế độ phong kiến để giành quyền thống trị xã hội và chính trị. Nhưng Mác đã chứng minh rằng, cho đến ngày nay, toàn bộ lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp, rằng trong toàn bộ cuộc đấu tranh chính trị muôn hình muôn vẻ và phức tạp, thì vấn đề bao giờ cũng chính chỉ là quyền thống trị xã hội và chính trị của những giai cấp xã hội này hay những giai cấp xã hội khác, chỉ là việc giữ lấy quyền thống trị cho những giai cấp cũ và việc giành quyền thống trị cho những giai cấp mới. Nhưng các giai cấp ấy sinh ra và tồn tại được là nhờ cái gì? Bao giờ cũng là nhờ những điều kiện vật chất, thực tại, tức là những điều kiện mà nhờ đó, trong từng thời kỳ nhất định, xã hội sản xuất ra và trao đổi những tư liệu cần thiết cho sự tồn tại của nó.

...

Cả những quan niệm và tư tưởng của mỗi thời đại lịch sử cũng vậy, đều giải thích được một cách dễ dàng bằng những điều kiện sinh hoạt kinh tế của thời đại ấy và bằng những

quan hệ xã hội và chính trị bắt nguồn từ những điều kiện ấy. Lần đầu tiên, lịch sử đã được giải thích một cách chính xác nhất. Cái sự thật hiển nhiên mà cho mãi đến lúc đó người ta vẫn bỏ quên mất, là trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải *lao động* trước khi có thể đấu tranh để giành chính quyền, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học, v. v., cái sự thật hiển nhiên ấy rốt cuộc đã giành được vị trí thích đáng của nó trong lịch sử.

Đối với tư tưởng xã hội chủ nghĩa, quan điểm mới về lịch sử ấy có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó chứng minh rằng toàn bộ lịch sử từ xưa đến nay đã phát triển trong những sự đối kháng và những cuộc đấu tranh giai cấp, rằng bao giờ cũng có giai cấp thống trị và bị thống trị, bóc lột và bị bóc lột, rằng đại bộ phận loài người luôn luôn phải lao động cực nhọc và sống cùng khổ. Vì sao như vậy? Chỉ vì trong tất cả các giai đoạn phát triển trước kia của loài người, nền sản xuất đều còn thấp kém đến nỗi sự phát triển lịch sử chỉ có thể diễn ra dưới cái hình thức đối kháng ấy; đến nỗi sự tiến triển lịch sử, nói chung và xét trong toàn bộ, được phó thác cho một nhóm thiểu số có đặc quyền, còn đông đảo quần chúng thì vẫn cứ phải dùng lao động của mình để kiếm lấy miếng ăn đủ cầm hơi và để không ngừng

làm tăng thêm của cải cho một nhóm thiểu số đặc quyền đặc lợi. Và quan điểm ấy về lịch sử là quan điểm đã giải thích một cách chính xác và hợp lý sự thống trị giai cấp đang tồn tại mà từ trước đến nay người ta chỉ lấy sự độc ác của con người để giải thích; quan điểm ấy về lịch sử cũng đưa đến sự tin tưởng chắc chắn rằng, do sự phát triển phi thường mà lực lượng sản xuất đã đạt được hiện nay, thì không còn có một lý do gì nữa (ít ra cũng là ở trong những nước tiên bộ nhất) để chia người ta ra thành kẻ thống trị và người bị thống trị, thành kẻ bóc lột và người bị bóc lột; rằng giai cấp đại tư bản đang nắm chính quyền đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó rồi; rằng không những nó không còn đủ sức để lãnh đạo xã hội nữa mà nó đã trở thành một vật chướng ngại cho sự phát triển của sản xuất như những cuộc khủng hoảng thương nghiệp—nhất là cuộc khủng hoảng lớn vừa qua,—và tình trạng đình trệ của công nghiệp trong tất cả các nước đã chứng minh; rằng quyền lãnh đạo lịch sử từ nay đã chuyển sang giai cấp vô sản, là giai cấp do địa vị xã hội của nó, chỉ có thể tự giải phóng mình bằng cách xóa bỏ bất cứ sự thống trị giai cấp nào, bất cứ sự nô dịch và sự bóc lột nào; rằng những lực lượng sản xuất xã hội đã phát triển lên đến mức mà giai cấp tư sản không còn có thể chèn ép được nữa, chỉ còn

đội giai cấp vô sản đoàn kết lại đoạt lấy những lực lượng sản xuất đó và thiết lập nên một chế độ đem lại cho mỗi một thành viên của xã hội khả năng tham gia không những vào việc sản xuất, mà cả vào việc phân phối và quản lý những của cải xã hội và nhờ có tổ chức kế hoạch hóa toàn bộ nền sản xuất, chế độ đó sẽ làm tăng thêm những lực lượng sản xuất xã hội và những sản phẩm do lực lượng sản xuất đó tạo ra đến mức đảm bảo thỏa mãn được những nhu cầu hợp lý ngày càng tăng của mỗi người.

Phát hiện quan trọng thứ hai của Các Mác là sự giải thích một cách triệt để quan hệ giữa tư bản và lao động, nói một cách khác là vạch rõ việc nhà tư bản thực hiện bóc lột công nhân như thế nào trong xã hội hiện nay, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang tồn tại.

Xã hội tư sản hiện nay, cũng giống như tất cả những xã hội trước đó, đã bị lột trần cái chân tướng là một cơ cấu khổng lồ trong đó đại đa số nhân dân bị bóc lột bởi một thiểu số người đang ngày càng thu hẹp lại.

Chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại chính đã được xây dựng trên hai sự thật quan trọng đó.

Ph. Ăng-ghe-n viết tháng
Sáu 1877

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 16, tr. 105,
111, 112, 113, 113-115

CHÔNG ĐUY-RINH²¹

ÔNG Ơ-GIÊ-NI ĐUY-RINH
ĐÀO LỘN KHOA HỌC

... Hê-ghen là người đầu tiên đã trình bày đúng đắn mối quan hệ giữa tự do và tất yếu. Theo Hê-ghen, tự do là nhận thức được tính tất yếu. «Tính tất yếu chỉ là *mù quáng chừng nào người ta chưa hiểu được nó*». Tự do không phải là ở trong sự độc lập tưởng tượng ra đối với những quy luật của tự nhiên, mà là ở trong sự nhận thức những quy luật đó và ở trong cái khả năng—do sự nhận thức nói trên mà có—vận dụng những quy luật đó một cách có kế hoạch vào những mục đích nhất định. Điều đó là đúng đối với những quy luật của tự nhiên bên ngoài cũng như đối với những quy luật chi phối đời sống vật chất và tinh thần của bản thân con người,—hai loại quy luật mà giới lắm thì chúng ta cũng chỉ có thể phân chia ra trong thực tế được như vậy, tự do của ý chí không phải là cái gì khác hơn là cái năng lực quyết định một khi đã hiểu rõ được sự việc. Cho nên, sự phán đoán của một người về một vấn đề nhất định, càng được *tự do* bao nhiêu thì sự *tất yếu* quyết định nội dung sự phán đoán đó càng lớn bấy nhiêu; còn sự trù trừ không dám quyết, do không hiểu biết

mà sinh ra, bề ngoài thì có vẻ như là tha hồ tùy ý lựa chọn một trong nhiều khả năng quyết định khác nhau và trái ngược nhau, song chính ra thì chỉ là biểu hiện của sự không tự do, sự khuất phục trước đối tượng mà lẽ ra nó phải được khắc phục. Vì vậy, tự do là ở chỗ chúng ta có thể chi phối được chính bản thân chúng ta và chi phối được tự nhiên bên ngoài, căn cứ vào sự nhận thức những điều tất yếu của tự nhiên; do đó, tự do là một sản phẩm tất nhiên của sự phát triển lịch sử. Những con người đầu tiên tách khỏi giới động vật, về mọi mặt chủ yếu, đều ít được tự do, chẳng khác gì loài vật; nhưng mỗi bước tiến của văn minh lại là một bước tiến tới tự do. Vào buổi đầu của lịch sử nhân loại, có sự phát hiện về vận động cơ giới chuyển hóa thành nhiệt: tức là do cọ xát mà làm ra lửa; cuối giai đoạn tiên hóa đưa ta đến ngày nay, thì lại có sự phát hiện về nhiệt chuyển hóa thành vận động cơ giới: tức là máy hơi nước, — và mặc dầu máy hơi nước đã thực hiện trong thế giới xã hội một cuộc cách mạng giải phóng vĩ đại, cuộc cách mạng này chưa hoàn thành được một nửa nhưng điều chắc chắn là tác dụng giải phóng loài người (trên ý nghĩa lịch sử thế giới) của việc lấy lửa bằng cọ xát còn vượt xa máy hơi nước. Vì rằng lửa do cọ xát làm ra đã khiến cho con người lần đầu tiên chi phối được một

lực lượng tự nhiên, và do đó đã tách hẳn con người ra khỏi giới động vật. Máy hơi nước sẽ không bao giờ có thể thực hiện được một bước nhảy vọt mạnh mẽ như thế trong sự phát triển của loài người, mặc dầu đối với chúng ta nó tiêu biểu cho tất cả những lực lượng sản xuất hùng mạnh do nó mà sinh ra, mà chỉ nhờ vào những lực lượng sản xuất ấy mới có thể thực hiện được một chế độ xã hội không còn phân biệt giai cấp, không còn phải lo âu về tư liệu sinh sống cá nhân, và trong đó lần đầu tiên, có thể nói tới tự do thật sự của con người, nói tới một đời sống ăn nhịp với những quy luật tự nhiên đã được nhận thức.

...

Rô-be Ô-oen đã thâm nhuần học thuyết các nhà triết học duy vật của thời kỳ khai sáng; theo học thuyết này thì tính chất con người, một mặt là sản phẩm của cơ thể bẩm sinh của người đó, mặt khác là sản phẩm của hoàn cảnh chung quanh người đó trong suốt đời họ, và nhất là trong thời kỳ người đó trưởng thành. Trong cuộc cách mạng công nghiệp, phần đông những người cùng trong tầng lớp xã hội với ông chỉ thấy mơ hồ và hỗn độn, chỉ thấy đó là thời cơ thuận lợi để đục nước béo cò, để phát tài mau chóng. Ông coi đó là cơ hội tốt để thực hiện cái lý tưởng yêu quý của mình, và do đó đem lại trật tự cho tình trạng hỗn độn đó. Khi làm

giám đốc một xưởng 500 công nhân Man-setstor ông đã thử thực hiện lý tưởng ấy và đã thu được kết quả. Từ năm 1800 đến 1829, với tư cách là một người quản lý có cổ phần, ông điều khiển xưởng máy sợi lớn Niu-la-nác ở E-côt-xơ, và ông cũng hành động theo hướng đó, nhờ được tự do hành động nhiều hơn và đã thu được một kết quả lớn khiến ông nổi tiếng ở châu Âu. Số nhân khẩu ở Niu-la-nác dần dần tăng lên 2.500, lúc đầu gồm những phần tử cực kỳ phức tạp và phần lớn hết sức hư hỏng, đã nhờ Ô-oen mà biến thành một khu vực hoàn toàn kiểu mẫu trong đó không còn nạn say rượu, không có cảnh sát, tòa án về hình sự, kiện cáo, tổ chức cứu tế, và không cần đến hội từ thiện nữa. Mà sở dĩ đạt được như thế, cũng chỉ là vì để con người được sống trong những điều kiện xứng đáng với phẩm cách của con người hơn, đặc biệt là vì đã chú trọng giáo dục cẩn thận thế hệ đang lớn lên. Ô-oen là người đã có sáng kiến đề ra những trường mẫu giáo và là người đầu tiên thực hiện việc đó. Những trẻ em từ hai tuổi trở lên đều vào trường, ở đó chúng chơi đùa với nhau đến nỗi cha mẹ chúng khó mà đưa chúng về nhà được. Trong khi những người cạnh tranh với ông bắt công nhân mỗi ngày làm từ 13 đến 14 giờ, thì ở xưởng Niu-la-nác người ta chỉ làm có 10 giờ rưỡi. Trong thời kỳ khủng

hoảng bông, phải nghỉ việc trong bốn tháng, công nhân nghỉ việc vẫn tiếp tục lĩnh nguyên lương. Thế mà xưởng vẫn tăng được hơn gấp đôi số vốn của mình, và cuối cùng vẫn đem lại cho các cổ phần rất nhiều lãi.

Nhưng tất cả những điều đó chưa làm Ô-oen vừa lòng. Điều kiện sinh sống mà ông đã tạo ra cho công nhân của ông, theo con mắt nhận xét của ông, thì còn xa mới xứng đáng với phẩm chất của con người. Ông nói: *Những người này là nô lệ của tôi*; điều kiện tương đối thuận lợi mà Ô-oen đã đem lại cho công nhân còn rất xa mới có thể giúp cho tính khí và trí tuệ của họ được phát triển đầy đủ và hợp lý, và càng không đủ để họ tự do phát triển hoạt động sinh tồn của họ.

...

Một khi xã hội đã nắm quyền sở hữu các tư liệu sản xuất, thì nền sản xuất hàng hóa cũng bị tiêu diệt, và do đó tình trạng sản phẩm chi phối người sản xuất cũng bị tiêu diệt. Tình trạng vô chính phủ trong nội bộ nền sản xuất xã hội được thay thế bằng sự tổ chức có kế hoạch và có ý thức. Cuộc đấu tranh để sống còn của cá nhân chấm dứt. Nói theo một ý nghĩa nào đó, thì như thế là lần đầu tiên con người vĩnh viễn thoát khỏi giới động vật, chuyển từ những điều kiện sinh sống của loài vật lên

những điều kiện thật sự là của loài người. Những điều kiện sinh sống xung quanh người ta, từ trước tới nay vẫn chỉ phôi người ta, giờ đây sẽ do người ta chỉ phôi và kiểm soát; lần đầu tiên con người trở thành những người chủ thật sự và có ý thức đối với tự nhiên bởi vì họ đã trở thành những người chủ cuộc sống của chính mình ở trong xã hội. Những quy luật hành động xã hội của chính họ, từ trước đến giờ, hiện ra trước mắt họ như là những quy luật tự nhiên, xa lạ đối với họ và chỉ phôi họ, thì từ nay sẽ được người ta đem vận dụng với một sự hiểu biết hoàn toàn, và do đó sẽ do người ta chỉ phôi. Cuộc sống của con người ở trong xã hội, từ trước đến nay, đối với người ta, vẫn coi như là do tự nhiên và lịch sử đã ban cho họ, thì bây giờ cuộc sống đó trở thành một hành động riêng và tự do của họ. Những lực lượng xa lạ, khách quan, từ trước đến nay vẫn thống trị lịch sử, giờ đây sẽ do chính con người kiểm soát. Chỉ có từ lúc đó, loài người mới tự mình sáng tạo ra lịch sử của mình một cách hoàn toàn tự giác: chỉ có từ lúc đó những nguyên nhân xã hội mà họ đem vận dụng mới đưa lại được những kết quả như họ đã mong muốn, với một mức độ rất lớn và luôn luôn tăng lên mãi. Đó là bước nhảy vọt của loài người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do.

...
Khi xã hội tự mình nắm lấy toàn bộ các tư liệu sản xuất để đem dùng chung cho toàn thể xã hội theo một kế hoạch, tức là xã hội đã hủy bỏ được cái tình trạng con người trước đây bị nô dịch bởi tư liệu sản xuất của chính họ. Dĩ nhiên là xã hội không thể nào tự giải phóng cho mình được, nếu không giải phóng cho mỗi cá nhân. Cho nên phương thức sản xuất cũ nhất định phải bị lật đổ tận gốc, và nhất là sự phân công cũ phải biến đi. Thay cho nó, phải có một sự tổ chức sản xuất, trong đó, một mặt không một cá nhân nào lại có thể trút sang cho người khác gánh cái phần lao động sản xuất của mình vốn là điều kiện tự nhiên của sự sống còn của loài người; mặt khác, lao động sản xuất không còn là một thủ đoạn để nô dịch nữa, mà trở thành một phương tiện giải phóng cho con người, bằng cách đưa lại cho mỗi người cái khả năng phát triển và vận dụng được toàn bộ các năng khiếu, thể lực và trí lực của mình về mọi phương diện; do đó lao động sản xuất từ chỗ trước đây là một gánh nặng thì nay trở thành một sự vui thú.

Ngày nay, điều đó không còn là một ảo tưởng, một điều mong ước thành tín nữa. Với sự phát triển hiện nay của lực lượng sản xuất, thì hiện tượng sản xuất ngày một tăng

thêm do chính ngay việc xã hội hóa lực lượng sản xuất dẫn đến, việc gạt bỏ những trở ngại và những sự hỗn loạn do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa gây ra, việc gạt bỏ tình trạng lãng phí sản phẩm và tư liệu sản xuất, — chỉ những việc đó cũng đủ để khiến cho trong trường hợp mà toàn thể mọi người đều tham gia lao động, có thể làm giảm được thời gian lao động xuống một mức độ ngắn nhất, theo những quan niệm hiện nay.

Mặt khác, cũng không phải rằng xóa bỏ sự phân công cũ là một yêu sách chỉ có thể thực hiện được bằng cách làm thiệt hại đến năng suất lao động đâu. Trái lại, do nền đại công nghiệp nên việc xóa bỏ sự phân công cũ đã trở thành một điều kiện của bản thân nền sản xuất.

Sự sản xuất bằng máy móc xóa bỏ sự cần thiết phải giữ vững cái lối phân công như trong các công trường thủ công, là cứ vĩnh viễn trói buộc người công nhân vào một công việc cố định. Vì sự vận động trong toàn bộ của công xưởng là do máy móc thực hiện chứ không phải do công nhân thực hiện, cho nên việc luôn luôn thay đổi nhân viên sẽ không gây ra một sự gián đoạn nào trong quá trình lao động cả.

... Sau hết, vì các trẻ em học tập sử dụng máy móc rất mau, nên tình trạng đó cũng xóa

bỏ được sự cần thiết phải đào tạo một lớp người lao động đặc biệt chuyên sử dụng máy móc.

Nhưng trong khi phương thức sử dụng kỹ thuật máy móc tư bản chủ nghĩa vẫn cứ bắt buộc phải duy trì mãi sự phân công cũ với việc chuyên môn hóa cứng đờ của nó, mặc dầu về mặt kỹ thuật sự phân công này đã trở thành một việc thừa rồi,—thì chính ngay nền sản xuất máy móc cũng sẽ nổi lên chống lại sự lỗi thời đó. Cơ sở kỹ thuật của nền đại công nghiệp vốn có tính chất cách mạng.

Nhờ máy móc, nhờ những quá trình hóa học và nhờ những phương pháp khác, nền đại công nghiệp đã luôn luôn gây nên những cuộc đảo lộn trong cơ sở kỹ thuật của sản xuất, đồng thời cả trong chức năng của người công nhân và cả trong những sự kết hợp có tính chất xã hội trong quá trình lao động. Như vậy là nó luôn luôn cách mạng hóa sự phân công ở bên trong xã hội và không ngừng ném hàng loạt tư bản và hàng loạt công nhân từ một ngành sản xuất này sang một ngành sản xuất khác. Vì thế tính chất của nền đại công nghiệp đòi hỏi phải có sự thay đổi trong lao động, sự vận động của các chức năng, sự di động toàn diện của người lao động... Chúng ta đã thấy rằng mâu thuẫn tuyệt đối này... đã biểu hiện

một cách ghê gớm như thế nào trong những sự hủy diệt không ngừng đối với giai cấp công nhân.. trong sự lãng phí không hạn độ sức lao động và trong những sự tàn phá do tình trạng vô chính phủ gây ra trong xã hội. Đó là mặt tiêu cực. Nhưng nếu hiện nay sự thay đổi trong lao động tự vạch đường đi như là một quy luật tự nhiên với sức tàn phá mù quáng của nó, mà bất cứ ở đâu cũng đều gặp phải những trở lực, thì mặt khác, bản thân nền đại công nghiệp do những thảm họa của nó, lại phải thừa nhận sự thay đổi trong lao động như là vấn đề sinh tử, và do đó phải thừa nhận khả năng phát triển về mọi mặt của người công nhân, xem đó là một quy luật phổ biến của nền sản xuất xã hội mà mọi quan hệ đều phải thích ứng với sự thực hiện bình thường của quy luật đó. Là vấn đề sinh tử nên nền đại công nghiệp đề ra nhiệm vụ: thay thế cái quái trạng là số dân cư lao động dự bị đáng thương, — được giữ làm dự trữ để đáp ứng những nhu cầu thay đổi của tư bản trong sự bóc lột, bằng năng lực tuyệt đối của con người, đáp ứng được những nhu cầu nhiều mặt của lao động; thay thế con người công nhân bị phân công theo từng việc nhỏ, kẻ mang theo mình một chức năng xã hội riêng lẻ nhất định, bằng một con người phát triển toàn diện, mà đối với người này thì những chức năng xã hội khác nhau đều

là những phương thức hoạt động sinh tồn luôn luôn thay đổi.

...

Chừng nào mà người ta còn bị những sức mạnh thiên nhiên và sức mạnh xã hội chi phối, thì chừng đó tôn giáo với cái bộ mặt có thể sử dụng được một cách thuận tiện, và có thể thích ứng được với tất cả mọi cái như thế, vẫn còn có thể tiếp tục tồn tại được, thành một hình thức trực tiếp, nghĩa là hình thức tình cảm, của thái độ của người ta đối với các sức mạnh xa lạ, tức là sức mạnh thiên nhiên và sức mạnh xã hội. Thế mà chúng ta đã từng nhiều lần thấy rằng trong xã hội tư sản hiện nay, con người bị chi phối bởi những quan hệ kinh tế do chính họ tạo ra, bởi những tư liệu sản xuất do chính họ làm ra, như là bị chi phối bởi một sức mạnh xa lạ vậy. Cho nên, cơ sở thực tế của tôn giáo coi như quá trình phản ánh tinh thần vẫn tiếp tục tồn tại và cùng với cơ sở đó thì chính ngay sự phản ánh của nó trong tôn giáo cũng tiếp tục tồn tại. Và nếu như kinh tế chính trị học tư sản có giúp cho người ta hiểu được đôi chút về mối quan hệ nhân quả của sự chi phối của những sức mạnh xa lạ ấy, thì sự tuyệt nhiên cũng không vì thế mà có chút nào thay đổi cả. Kinh tế chính trị học tư sản nói chung, không thể ngăn cản được những cuộc khủng hoảng, cũng không thể che chở

cho nhà tư bản cá thể khỏi bị thua lỗ, nợ nần không có gì để bảo đảm để khỏi bị phá sản, hay cũng không che chở được cho người công nhân có thể khỏi bị thất nghiệp và cùng khổ. Câu ngạn ngữ «Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên» vẫn cứ đúng (Thiên đây tức là sự chi phối của những sức mạnh xa lạ, là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa). Chỉ riêng có sự nhận thức, ngay dù sự nhận thức đó có rộng hơn và sâu hơn sự nhận thức của kinh tế chính trị học tư sản đi chăng nữa thì cũng không đủ để bắt các sức mạnh xã hội phải phục tùng sự chi phối của xã hội. Muốn thế, thì trước hết, cần phải có một *hành động* xã hội. Và khi nào hành động đó được thực hiện, khi nào xã hội nhờ nắm được quyền sở hữu toàn bộ các tư liệu sản xuất và sử dụng được những tư liệu ấy một cách có kế hoạch tới mức mà sẽ tự giải phóng cho mình được và sẽ giải phóng cho tất cả mọi thành viên trong xã hội khỏi tình trạng bị nô dịch, trong đó hiện nay họ đang bị giam cầm bởi những tư liệu sản xuất do chính tay họ đã làm ra nhưng lại đối lập với họ như một sức mạnh xa lạ không sao khắc phục nổi; như vậy là khi nào con người không những chấm dứt được cái tình trạng chỉ biết có mưu sự không thôi mà lại còn định đoạt cho thành sự nữa—thì chỉ khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang

phản ánh vào tôn giáo, mới sẽ mất đi, và do đó chính ngay sự phản ánh tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì lẽ giản đơn là sẽ không có gì để phản ánh nữa.

Nhưng ông Duy-rinh không thể chờ đợi cho tôn giáo thế nào rồi cũng phải chết đi theo cái chết tự nhiên đó. Ông ta làm một cách cấp tiến hơn. Ông ta tỏ ra là Bi-xmác hơn cả Bi-xmác¹⁾; ông ta ra những đạo luật tháng Năm còn nghiêm ngặt hơn, không những chỉ chống lại Thiên chúa giáo thôi, mà chống cả mọi tôn giáo nói chung nữa; ông ta tung bọn hiền binh tương lai của ông ta ra truy kích tôn giáo, và do đó, ông ta giúp cho tôn giáo đạt tới chỗ thực hiện tinh thần tử vì đạo và kéo dài thêm sự tồn tại của nó. Chúng ta cứ nhìn tới đâu là cũng thấy rất một thứ chủ nghĩa xã hội đặc biệt kiểu Phổ.

¹⁾ Bi-xmác, O. E. L. (1815-1898) — nhà hoạt động quốc gia và nhà ngoại giao của Phổ và Đức; thủ tướng đầu tiên của đế quốc Đức, được mệnh danh là «thủ tướng sắt thép». Mục đích cơ bản của Bi-xmác là dùng «máu và sắt thép» để thống nhất các quốc gia Đức nhỏ, riêng lẻ và thành lập một đế quốc Đức thống nhất dưới quyền lãnh đạo của nước Phổ Gioong-ke. Từ năm 1871 đến năm 1890 y đã điều khiển toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại của nước Đức nhằm phục vụ cho lợi ích của bọn địa chủ gioong-ke, đồng thời cố sức bảo đảm một sự liên minh giữa tầng lớp gioong-ke với giai cấp đại tư sản.

Khi ông Duy-rinh đã tiêu diệt được tôn giáo một cách may mắn như vậy rồi, thì con người vững tin ở mình và ở tự nhiên, và đã đủ già dặn để nhận thấy rõ những sức mạnh tập thể của họ nên từ nay họ có thể hăng hái bước vào tất cả các con đường mà tiến trình sự vật và bản chất của họ đang mở ra cho họ.

Để đổi món, bây giờ chúng ta hãy xét xem theo những sự chỉ dẫn của ông Duy-rinh, thì con người vững tin ở mình, có thể hăng hái bước theo «tiên trình sự vật nào».

Tiến trình sự vật đầu tiên khiến con người vững tin ở mình là: sinh ra đời. Sau đó, trong thời thơ ấu tự nhiên của họ, con người được giao cho «nhà giáo dục tự nhiên của con trẻ», tức là người mẹ.

Thời gian đó như trong luật La-mã thời cổ đã nói, có thể kéo dài cho mãi đến tuổi thanh xuân, nghĩa là cho đến khoảng chừng 14 tuổi.

Chỉ đến khi nào những đứa con trai đã lớn mà khá mập dầy đến nỗi không tôn kính đúng mức uy quyền của người mẹ, thì khi đó mới cần đến sự giúp đỡ của người cha, và nhất là cần đến những biện pháp giáo dục của xã hội để bổ khuyết chỗ thiếu sót ấy. Đến tuổi thanh xuân, người con mới đặt dưới sự «bảo

đưỡng tự nhiên của người cha» nhưng đó chỉ là khi nào có một người cha thật, với một cái «quyền» thật sự mà không ai chối cãi được; còn nếu không thì công xã cứ ra một người bảo dưỡng.

Như chúng ta đã thấy ở phần trên, Ông Duy-rinh cho rằng hoàn toàn có thể thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng phương thức có tính chất xã hội mà không cần phải cải tạo chính ngay nền sản xuất, thì bây giờ cũng vậy, ông ta cũng tưởng tượng rằng, ở đây người ta có thể dứt được cái gia đình tư sản hiện nay ra khỏi toàn bộ cơ sở kinh tế của nó, mà như thế không cần phải thay đổi về căn bản hình thức của nó. Đối với ông ta, hình thức đó thật là bất di bất dịch đến nỗi ông ta còn xem «luật La-mã thời cổ», tuy là dưới một hình thức «đã lọc lựa lại» là vĩnh viễn cần thiết đối với những quan hệ về gia đình và ông ta chỉ có thể hình dung được một gia đình là một đơn vị «thừa kế di sản», nghĩa là một đơn vị có tài sản mà thôi. Về điểm này, các nhà không tưởng vượt xa ông Duy-rinh nhiều. Đối với các nhà không tưởng, thì cùng với việc thiết lập những mối quan hệ xã hội và việc chuyển công việc trong nhà của tư nhân thành một công việc công cộng, sẽ trực tiếp đưa ngay đến việc xã hội hóa sự giáo dục thanh niên và do đó đưa đến ngay một mối quan hệ qua lại thật

sự tự do giữa các thành viên trong gia đình, và hơn nữa, Mác đã chứng minh (Bộ Tư bản, trang 515 và trang sau) rằng:

trong khi đem lại cho phụ nữ, thiếu niên và trẻ em trai gái một vai trò quyết định trong quá trình sản xuất xã hội có tổ chức ngoài phạm vi gia đình, đại công nghiệp cũng vẫn tạo ra một cơ sở kinh tế mới cho hình thức cao hơn của gia đình và của quan hệ giữa nam và nữ.

Ông Duy-rinh nói rằng:

mỗi người mơ tưởng về cải tạo xã hội, dĩ nhiên đều có sẵn một khoa học sư phạm phù hợp với đời sống xã hội mới mà người đó mơ tưởng.

Căn cứ vào câu này mà xét, người ta thấy Ông Duy-rinh «thật là một quái vật» trong số những người mơ tưởng về cải cách xã hội. Trường học tương lai ít nhất cũng làm ông ta bận tâm ngang như vấn đề quyền tác giả, và nói như thế không phải là nói suông đâu. Ông ta có cả một kế hoạch giảng dạy thật sẵn sàng ở trường tiểu học và đại học, không những cho suốt cả cái «tương lai có thể nhìn thấy trước được» mà còn cho cả thời kỳ quá độ nữa đây. Song, chúng ta hãy chỉ xét xem trong cái xã hội cộng đồng, phân

tích đến cùng thật là một xã hội tận thiện tận mỹ, thì thanh niên nam nữ sẽ phải học những gì.

Nhà trường phổ thông dạy cho học sinh của mình «tất cả những cái gì, tự bản thân chúng và theo nguyên tắc, có thể có một sự hứng thú đối với con người», do đó, nhất là dạy những «cơ sở và những kết quả chủ yếu của tất cả các ngành khoa học có liên quan đến các thể giới quan và nhân sinh quan». Vậy, nhà trường đó trước hết dạy toán học, và như thế bằng cách làm sao cho người ta học được «đầy đủ» suốt cả các khái niệm nguyên tắc và tất cả các phương pháp, từ cách đếm đơn giản là phép cộng cho đến tính vi tích phân. Nhưng như thế không có nghĩa là trong nhà trường đó người ta sẽ thật sự làm tính vi phân và tính tích phân đâu. Hoàn toàn ngược lại kia: Chính ra thì người ta sẽ dạy những nguyên tố thật là mới về toàn bộ môn toán học; và những nguyên tố ấy cũng sẽ chứa đựng cả những mầm mống của môn toán học sơ cấp thông thường lẫn của môn toán học cao cấp. Mặc dầu Ô. Đuy-rinh có quả quyết rằng hiện nay ông ta có ở trước mắt, một cách khái quát và đại cương «nội dung của những sách giáo khoa» để dùng cho nhà trường tương lai ấy, nhưng đáng tiếc là cho đến nay, ông ta cũng vẫn chưa đi đến chỗ phát hiện ra được các «nguyên tố đó của toàn

bộ môn toán học»; và những cái gì mà hiện nay ông ta chưa thể cung cấp được, thì chỉ nên «thực tế trông chờ việc đó ở những lực lượng mới và ngày càng lớn mạnh của chế độ mới của xã hội» mà thôi. Nhưng nếu tạm thời lúc này những quả của toán học tương lai hãy còn xanh quá, thì sau này những môn thiên văn học, cơ học và vật lý học, tương lai sẽ càng bớt khó khăn đi và «sẽ trở thành cái hạt nhân của toàn bộ nền giáo dục ở nhà trường», còn như những môn «thực vật học và động vật học, thì mặc dầu là có đủ tất cả các thứ lý luận, vẫn chủ yếu nặng về tính chất mô tả», nên sẽ đem dùng để «giải trí» thì đúng hơn. Những điều đã in, trong cuốn *Triết học* trang 417, là như thế đó. Cho đến nay, Ô. Duy-rinh chủ yếu cũng chỉ biết có môn vật lý học và môn động vật nặng về tính chất mô tả mà thôi. Toàn bộ môn sinh vật hình thái học hữu cơ, gồm có các khoa giải phẫu học so sánh, thái sinh học và cổ sinh vật học của thế giới hữu cơ ông ta cũng đều không biết, ngay cả đến cái tên gọi. Giữa lúc trong lĩnh vực sinh vật học, có đến gần hàng chục ngành khoa học hoàn toàn mới đang xuất hiện, mà ông ta không hề hay biết chi cả, thì cái tâm hồn ấu trĩ của ông ta vẫn cứ luôn luôn đi tìm những «nguyên tố giáo dục cực kỳ hiện đại của phương thức tư duy của khoa học tự nhiên» trong cuốn

Vạn vật học viết cho nhi đồng của Ráp-phơ, và ông ta cũng đưa luôn cả cái Hiến pháp của thế giới hữu cơ đó vào toàn bộ cái «tương lai có thể nhìn thấy trước được». Theo thói quen của ông ta, ở đây môn hóa học cũng lại bị hoàn toàn bỏ quên. Còn về mặt giáo dục môn mỹ học thì trong lĩnh vực này ông Duy-rinh có ý định sáng tạo lại tất cả. Thơ ca thời trước chẳng có giá trị gì cả. Ở cái nơi mà mọi tôn giáo đều bị cấm thì dĩ nhiên là ở đó «các lời văn trau chuốt có tính chất thần thoại hay nói chung có tính chất tôn giáo», là lời văn mà các nhà thơ thời xưa thường dùng, — đều dĩ nhiên không thể được nhà trường dung thứ. Ngay cả «lời thần bí hóa trong thơ ca, mà Go-te chẳng hạn rất hay làm» cũng phải vứt bỏ đi. Như vậy là ông Duy-rinh tất sẽ phải tự cung cấp cho chúng ta những áng thơ ca kiệt tác «đáp ứng được những đòi hỏi cao cả của một óc tưởng tượng hòa hợp với giác tính» và vạch ra cái lý tưởng chân chính, lý tưởng này «có nghĩa là sự hoàn thiện của thế giới». Miễn là ông ta đừng chậm trễ trong vấn đề này! Công xã kinh tế chỉ có thể chinh phục được thế giới khi nào nó đi theo nhịp bước dồn của thơ mười hai chữ hòa hợp với giác tính.

Còn như môn ngôn ngữ học, thì người thanh niên công dân tương lai có thể bất tất phải bận óc nghĩ làm gì.

Các từ ngữ hoàn toàn bị gạt bỏ... Còn việc học tập các sinh ngữ ngoại quốc... thì sẽ vẫn là một cái gì thứ yếu thôi.

Chỉ ở nơi nào mà, sự giao dịch giữa các dân tộc được thể hiện ra thành những sự qua lại giữa quần chúng nhân dân, thì ở đó theo nhu cầu phải làm thế nào để mỗi người có thể tiếp thu được những sinh ngữ ngoại quốc một cách dễ dàng. «Việc huấn luyện ngôn ngữ học thật sự có tính chất giáo dục» là ở trong một thứ ngữ pháp chung cho toàn thế giới, và nhất là ở trong «bản chất và hình thức của tiếng mẹ đẻ». Đối với Ông Duy-rinh, cái tầm mắt dân tộc hẹp hòi của con người hiện nay vẫn còn là quá ư thế giới chủ nghĩa. Ông ta lại còn muốn thủ tiêu cả hai cái đòn bẩy, ít ra trong chế độ hiện nay cũng là những cái đáng khiến cho người ta có cơ hội để vươn mình lên cao hơn cái quan điểm dân tộc hẹp hòi, tức là: «sự hiểu biết những tiếng nói của thời cổ, ít ra cũng mở một tầm mắt nhìn chung rộng rãi hơn cho những người nào trong tất cả các dân tộc đã có được một nền giáo dục cổ điển. Đồng thời, ông ta cũng muốn thủ tiêu việc hiểu biết những tiếng nói hiện tại, cần thiết cho những người thuộc các dân tộc khác nhau để có thể hiểu được nhau, và để có thể biết được tin tức về những cái gì xảy ra ngoài biên giới chính nước mình. Ngược lại, người ta lại đi

nhồi một cách kỹ lưỡng vào trong đầu óc các bạn ngữ pháp của tiếng mẹ đẻ. Nhưng người ta chỉ có thể hiểu được» «bản chất và hình thức của tiếng mẹ đẻ», nếu người ta đã có theo dõi sự phát sinh và sự phát triển tuần tự của tiếng mẹ đẻ; và việc theo dõi sự phát sinh và sự phát triển đó sẽ không thể nào thực hiện được, nếu người ta không chú trọng đến: 1. chính những hình thức đã chết của thứ tiếng ấy, và 2. những sinh ngữ và từ ngữ cùng một loại với thứ tiếng ấy. Như vậy, chúng ta lại rơi vào cái lĩnh vực đã bị cấm rồi. Tuy nhiên, nếu ông Duy-rinh gạch tuốt cả phần ngữ pháp lịch sử hiện đại ra khỏi bản kê hoạch giảng dạy của ông ta đi như thế thì trong giáo trình ngôn ngữ học của ông ta, sẽ chỉ còn lại vền vền có môn ngữ pháp kỹ thuật, cũ kỹ được rập lại hoàn toàn theo đúng kiểu cách của ngôn ngữ học cổ điển thời xưa với tất cả tính chất vụn vặt và vũ đoán của nó do tình trạng thiếu những cơ sở lịch sử. Do ghét môn ngôn ngữ học thời cổ mà ông ta đi đến chỗ làm cho «trọng tâm của việc huấn luyện ngôn ngữ học thật sự có tính chất giáo dục» trở thành một sản phẩm tồi tệ nhất của ngôn ngữ học ấy. Rõ ràng là chúng ta đang đụng phải một nhà ngôn ngữ học chưa từng bao giờ được nghe nói đến những công cuộc nghiên cứu ngôn ngữ học lịch sử đang phát triển một cách rất mạnh mẽ và đã thu được

rất nhiều thành tích từ sáu mươi năm lại đây cho nên nhà ngôn ngữ học ấy không đi tìm những «nguyên tố giáo dục cực kỳ hiện đại» của việc huấn luyện ngôn ngữ học trong các tác phẩm của Bốp, Gơ-rim, và Đì-e-xơ, mà lại đi tìm trong các tác phẩm của Hây-xơ và Béc-ke đã qua đời từ lâu rồi.

Nhưng sau khi đã học tập tất cả những thứ đó, người thanh niên công dân tương lai cũng vẫn còn xa mới có thể «vững tin ở mình» được. Muốn thế, thì lại còn cần phải có một cơ sở sâu sắc hơn, bằng cách «lĩnh hội được những nền tảng triết học cuối cùng». «Nhưng» từ khi mà ông Duy-rinh đã mở đường cho người ta, thì «một việc nghiên cứu sâu như thế... sẽ chẳng phải là một nhiệm vụ gì to lớn lắm đâu». Thật vậy, nếu người ta lọc bỏ những hoa hòe hoa sói giả dối có tính chất kinh viện ra khỏi mấy khái niệm chính xác mà sự hiểu biết về tồn tại một cách khái quát và chung chung có thể tự hào, và nếu người ta quyết định ở đâu cũng chỉ nêu bật cái thực tế đã được xác nhận, bởi ông Duy-rinh, thì chính môn triết học sơ đẳng cũng liền trở thành ngay hoàn toàn có thể lĩnh hội được đối với thanh niên tương lai.

Người ta hãy cứ nhớ lại những phương pháp cực kỳ đơn giản mà chúng tôi đã dùng để làm cho những khái niệm về vô tận và sự phê phán những khái niệm đó đạt tới một ý nghĩa quan

trọng thời này chưa từng thấy, thì người ta sẽ thấy tuyệt đối không thể vì lý do gì mà những yếu tố của cái quan niệm phổ biến về không gian và thời gian,—vì đã được nghiên cứu sâu và đã được gạn lọc tinh khiết như hiện nay, nên đã có một hình thức đơn giản như thế,—cuối cùng lại sẽ không được xếp vào hàng các kiến thức dự bị... Những tư tưởng căn bản nhất (của ông Duy-rinh) có quyền được đóng một vai trò không phải là thứ yếu trong hệ thống giáo dục phổ thông của xã hội mới.

Ngược hẳn lại, trạng thái bất biến của vật chất và chuỗi số vô tận nhưng lại đếm được, lại có sứ mệnh không những làm cho con người đứng vững được trên hai chân của mình, mà lại còn làm cho họ tự mình biết được rằng, *dưới chân họ* là cái mà người ta gọi là *Tuyệt đối*.

Như bạn đọc thấy rõ, cái trường phổ thông tương lai không phải là cái gì khác, mà chỉ là một thứ trường trung học kiểu Phổ đã «được nâng bậc lên». Ở đó môn dạy tiếng Hy-lạp và la-tinh được thay bằng một chút ít toán học thuần túy và toán học thực dụng, và nhất là bằng những nguyên tố triết học về hiện thực, và trong đó việc giảng dạy tiếng Đức lại quay trở về thời đại của Béc-ke đã quá cố, nói một cách khác, ngang với trình độ trường cấp một. Sự thật là «người ta thấy tuyệt đối không

thế» vì lý do gì mà «kiến thức» của ông Đuy-rinh,—những kiến thức mà giờ đây chúng ta đã vạch rõ tính chất cực kỳ ấu trĩ trong tất cả mọi lĩnh vực mà ông ta đã đụng đến,—hay nói cho đúng hơn, không thể vì lý do gì mà những điều sẽ còn lại qua một cuộc «gạn lọc» trước một cách căn bản như thế, «cuối cùng, tất cả không trừ một cái nào», lại sẽ không được xếp vào «hàng các kiến thức dự bị», nhất là trên thực tế, thì cũng chưa bao giờ các kiến thức ấy lại vượt lên trên trình độ này cả. Chắc là ông Đuy-rinh cũng đã lảng máng nghe thấy nói rằng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, lao động và giáo dục sẽ gắn liền với nhau, và do đó, thế hệ trẻ sẽ bảo đảm được huấn luyện kỹ thuật về nhiều mặt, cũng như có một cơ sở thực tiễn để giáo dục về khoa học; cho nên theo thường lệ, ông cũng đã đưa cả nguyên lý đó vào trong xã hội cộng đồng. Nhưng, như chúng ta đã thấy, vì trong nền sản xuất của xã hội tương lai theo kiểu Đuy-rinh, sự phân công cũ về căn bản vẫn may mắn được giữ lại, cho nên trong việc huấn luyện kỹ thuật ở nhà trường người ta tước bỏ cả không nói gì đến việc áp dụng thực tiễn sau này, và không nói gì đến ý nghĩa đối với chính ngay sự sản xuất; việc huấn luyện kỹ thuật đó đúng là chỉ nhằm một mục đích giảng dạy ở nhà trường mà thôi; nó dùng để thay thế môn

thể dục mà nhà cách mạng cấp tiến của chúng ta không thêm đêm xỉa đến. Cho nên ông ta chỉ có thể góp với chúng ta vài câu rỗng tuếch, chẳng hạn như: «Người trẻ và người già đều làm việc, nói theo ý nghĩa nghiêm chính của tiếng đó». Câu nói dông dài không có cơ sở và không có nội dung đó thật là thảm hại, nếu ta đem so sánh với đoạn văn trong bộ *Tư bản*, trang 508 đến 515, trong đó Mác trình bày luận điểm sau đây:

Người ta có thể đọc thấy một cách chi tiết ở những tác phẩm của Rô-bớt Ô-oen, từ chế độ công xưởng đã nảy nở ra cái mầm mống của nền giáo dục tương lai, nó sẽ kết hợp lao động sản xuất với giáo dục và thể dục đối với tất cả những trẻ em trên một lứa tuổi nào đây, coi đó không phải chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm nền sản xuất xã hội mà còn là một phương pháp duy nhất để sản xuất ra những con người phát triển toàn diện nữa.

Ph. Ăng-ghe-n viết tháng
Chín 1876 - tháng Sáu
1878

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 20, tr. 116-
117, 272-273, 294-295, 305-
307, 329-335

ĐIỀU VĂN TRƯỚC MỘ CÁC MÁC

Chiều ngày 14 tháng Ba, vào lúc 3 giờ kém mười lăm, nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời đại hiện nay đã ngừng suy nghĩ. Chỉ để Mác nằm một mình có gần hai phút, khi trở vào chúng tôi đã thấy Mác nằm trên chiếc ghế bành ngủ yên lành, nhưng là ngủ giấc ngủ nghìn thu. Con người ấy mất đi, thật không sao có thể lường cho hết tổn thất đối với giai cấp vô sản chiến đấu của châu Âu và châu Mỹ, tổn thất đối với khoa học lịch sử. Không bao lâu chúng ta sẽ cảm thấy nỗi trống trải sau cái chết của bậc vĩ nhân ấy.

Cũng như Đác-uyn đã tìm ra qui luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã phát hiện ra qui luật phát triển của lịch sử loài người, nghĩa là tìm ra cái sự thật giản đơn mà trước kia đã bị một đồng tư tưởng che kín mất, là: trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn, giáo, v.v.; cho nên, việc sản xuất các tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và do đó, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế của một dân tộc hay một thời đại, đã tạo nên cái cơ sở, trên đó các chế độ Nhà nước, các quan điểm pháp luật, nghệ thuật và ngay cả tôn giáo, tín ngưỡng của con người

đương thời phát triển; cũng do đó phải xuất phát từ cái cơ sở đó mà giải thích những cái kia, chứ không thể làm ngược lại như từ trước đến nay người ta thường làm.

Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Mác còn tìm ra qui luật riêng biệt của sự vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và của xã hội tư sản do phương thức đó đề ra. Việc phát hiện ra giá trị thặng dư đã bỗng nhiên làm sáng tỏ lĩnh vực này, trong khi tất cả mọi công trình nghiên cứu trước đây của khá nhiều nhà kinh tế học tư sản cũng như các nhà phê phán xã hội chủ nghĩa, vẫn chỉ mò mẫm trong bóng tối.

Hai phát hiện như vậy thật cũng đủ, đối với cả cuộc đời một người. Người nào phát hiện được chỉ một điều như vậy cũng thật đã sung sướng lắm rồi! Thế mà trong mỗi một lĩnh vực nghiên cứu, thậm chí cả trong lĩnh vực toán học, Mác đều đã có những phát hiện độc lập, mà những lĩnh vực ấy lại thật là nhiều, và không một lĩnh vực nào, Mác nghiên cứu một cách sơ sài cả.

Nhà khoa học ấy như thế đó. Nhưng đối với Mác, đó vẫn chưa phải là điều căn bản. Đối với Mác, khoa học là một động lực thúc

đầy lịch sử tiên tri, là một động lực cách mạng. Tuy mỗi khi thấy có một phát hiện gì trong bất cứ một khoa học lý luận nào mà người ta chưa thể dự kiến ngay cả đến việc áp dụng thực tiễn phát hiện ấy, thì Mác cũng đều vui sướng, nhưng điều đó vẫn chưa làm cho Mác vui sướng như khi thấy có một phát hiện có một ảnh hưởng cách mạng trực tiếp đối với công nghiệp hay nói chung đối với sự phát triển của lịch sử. Cho nên Mác rất chú ý theo dõi sự tiến bộ của những phát hiện trong lĩnh vực điện học, và mới đây thôi Mác vẫn còn chú ý tới những phát hiện của Mác-xen Đơ-pơ-rê.

Bởi vì trước hết Mác là một người cách mạng. Sự mạng thật sự của Mác là góp phần bằng cách này hay cách khác vào việc lật đổ xã hội tư bản chủ nghĩa và những chế độ Nhà nước mà xã hội tư bản chủ nghĩa đã tạo nên, là tham gia vào sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản hiện đại mà Mác là người đầu tiên đã làm cho giai cấp đó có ý thức về địa vị và yêu cầu của mình, có ý thức về những điều kiện để tự giải phóng. — Đấu tranh là yếu tố tồn tại của đời Mác. Và Mác đã đấu tranh một cách say sưa, kiên cường và đạt được những thành công hiếm có. Cộng tác với tờ báo Rê-na-ni thứ nhất năm 1842, với Tiên lên ở Pa-ri năm 1844, tờ báo Đức ở Bơ-ru-xen năm 1847 tờ báo

Rê-na-ni mới năm 1848-1849, tờ Diễn đàn Nữu ước hàng ngày từ năm 1852 đến 1861; ngoài ra còn xuất bản vô số tác phẩm chiến đấu, hoạt động trong các tổ chức ở Pa-ri, Bơ-ru-xen và Luân-đôn, về sau thành lập được tổ chức vĩ đại là Hội Liên hiệp lao động quốc tế là một tổ chức biểu hiện thành quả tuyệt đích của toàn bộ sự nghiệp của Mác, — đó là sự nghiệp mà người xây dựng nên có thể lấy làm tự hào, cho dù không làm một việc gì khác nữa cũng vậy.

Cũng chính vì thế mà Mác là người bị thù oán nhất và bị vu không nhiều nhất trong thuở bình sinh. Các Chính phủ, chuyên chế cũng như cộng hòa đều trục xuất Mác. Bọn tư bản—bọn bảo thủ cũng như bọn cực đoan—đều ra sức phỉ báng Mác. Trên con đường đi của mình, Mác đã gạt hết những cái đó ra một bên, coi như những mạng nhện, không thêm chú ý đến, và Mác chỉ trả lời lại khi thấy hết sức cần thiết mà thôi.

Bây giờ Mác chết đi, hàng triệu chiến sĩ cách mạng trên toàn thế giới, khắp châu Âu, và châu Mỹ, từ những hầm mỏ ở Xi-bi-ri cho đến Ca-li-phoóc-ni, người người đều tôn kính Mác, yêu mến Mác và khóc thương Mác. Và tôi có thể nói thẳng ra rằng: Mác có thể có nhiều kẻ

địch, nhưng tuyệt nhiên Mác không có một kẻ thù riêng nào.

Tên tuổi Mác và sự nghiệp Mác sẽ sống mãi nghìn thu!

Điều văn bằng tiếng Anh
do Ph. Ăng-ghe-n đọc tại
nghĩa địa Hai-ghê-t, Luân-
đôn ngày 17 tháng Ba 1883.
Đăng bằng tiếng Đức, trên
báo Người xã hội dân chủ,
22 tháng Ba 1883

C. Mác và Ph. Ăng-
ghen, Toàn tập, tiếng
Nga, xuất bản lần thứ 2,
t. 19, tr. 350 - 352

NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC

... Khi các điều kiện kinh tế càng phát triển dần lên, do đó mà chế độ cộng sản nguyên thủy bị tan rã, và khi mà mật độ dân số đã ngày càng tăng, thì những quan hệ tình giao cổ truyền mất hết tính chất ngây thơ nguyên thủy và nhất định khiến cho đàn bà ngày càng cảm thấy điều đó là nhục nhã và có tính chất áp bức, nên họ càng nhiệt liệt mong muốn được quyền giữ trinh tiết, được quyền kết hôn nhất thời hay lâu dài với một người đàn ông thôi và coi đó là được giải phóng vậy. Bước tiến đó không thể nào lại do đàn ông gây ra cả, chỉ vì cho đến ngày nay, không bao giờ đàn ông lại có ý muốn từ bỏ cái thú của chế độ quần

hôn thực sự cả. Chỉ sau khi phụ nữ đã gây ra bước chuyển sang chế độ hôn nhân đôi ngẫu, thì đàn ông mới có thể thực hành một cách chặt chẽ chế độ một vợ một chồng—nhưng thật ra... chỉ là một vợ một chồng đối với phụ nữ mà thôi.

...

Gia đình một vợ một chồng nảy sinh từ gia đình đôi ngẫu vào lúc giao thời giữa hai giai đoạn giữa và cao của thời đại dã man; thắng lợi cuối cùng của gia đình này là một trong những dấu hiệu của buổi đầu của thời đại văn minh. Gia đình này dựa trên quyền chi phối của đàn ông, với chủ đích là làm cho con cái sinh ra phải có cha để rõ ràng không còn ai tranh cãi được và mối quan hệ cha con đó là cần thiết, vì những đứa con đó sau này sẽ có quyền thừa hưởng tài sản của cha với tư cách là kẻ kế thừa trực tiếp. Gia đình một vợ một chồng khác với gia đình đôi ngẫu ở chỗ là quan hệ chồng vợ chặt chẽ hơn nhiều, hai bên không còn có thể tùy ý bỏ nhau được nữa.

...

Chế độ một vợ một chồng là hình thức gia đình đầu tiên không căn cứ vào các điều kiện tự nhiên, mà căn cứ vào các điều kiện kinh tế, tức là vào sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy và tự phát. Quyền chi phối của người đàn ông trong gia đình, sự sinh đẻ con cái và những con cái

này chỉ có thể là máu của người đàn ông và đẻ ra là để thừa hưởng tài sản của người ấy, — đây là những mục đích đặc biệt của chế độ một vợ một chồng, mục đích mà người Hy-lạp xưa kia đã công khai thừa nhận.

...

Ngày nay, hôn nhân tư sản tiến hành theo hai lối. Trong các nước theo đạo gia-tô, thì vẫn như trước kia, tức là cha mẹ tìm cho đứa con trai tư sản của mình một người vợ thích đáng: và kết quả dĩ nhiên của việc đó là làm cho cái mâu thuẫn chứa trong chế độ một vợ một chồng phát triển thật hết sức đầy đủ nhất: về phía chồng thì tạp hôn bừa bãi, về phía vợ thì ngoại tình lu bù. Nhà thờ gia-tô sở dĩ cấm ly hôn, có lẽ cũng chỉ là vì nó đã công nhận rằng không có cách nào để trị ngoại tình, cũng như không có cách nào để trị cái chết cả. Trái lại, ở các nước theo đạo tin lành, thì thông thường người ta để cho đứa con trai tư sản được ít nhiều tự do chọn vợ trong những người cùng giai cấp; thành thử một mức độ yêu đương nào đó có thể là cơ sở của hôn nhân, và sự yêu đương này thì theo tinh thần đạo đức giả của đạo tin lành và vì thể diện, nên bao giờ người ta cũng giả định là đã có trước rồi. Ở đây, tệ tạp hôn của chồng có phần thừa thớt hơn, và tệ ngoại tình của vợ cũng thường ít thành lệ hơn. Tuy nhiên, cũng như trong tất

cả các loại hôn nhân, con người vẫn không khác gì khi chưa kết hôn, và vì bọn tư sản các nước tin lành phần lớn đều là những kẻ phi-li-stanh, nên cái chế độ một vợ một chồng theo lối tin lành đó, cứ lấy trung bình các trường hợp tốt nhất ra mà xét, thì chẳng qua cũng chỉ đem lại cho cuộc sống chung trong gia đình một thứ phiền lụy nặng nề mà người ta gọi là hạnh phúc gia đình mà thôi. Tâm gương phản ánh rõ nhất hai hình thức kết hôn đó là tiểu thuyết: tiểu thuyết Đức phản ánh hình thức kết hôn kiểu tin lành. Trong mỗi loại tiểu thuyết đó, «người đàn ông đều nhận được phần thích đáng của mình»: trong tiểu thuyết Đức, thì chàng thanh niên sẽ được cô thiếu nữ; trong tiểu thuyết Pháp, thì anh chồng sẽ được cảm sùng. Cũng không dễ gì mà nói trong hai chàng đó, ai thiệt hơn ai. Cho nên cái tẻ ngắt trong tiểu thuyết Đức cũng gây cho chàng tư sản Pháp một sự gớm ghiếc ngang như gớm ghiếc do «tình trạng vô đạo đức» trong tiểu thuyết Pháp gây cho anh chàng phi-li-stanh Đức.

...

Từ ngày đại công nghiệp đã rút được người đàn bà ra khỏi xó nhà, đưa họ vào thị trường lao động và vào công xưởng, và thường thường làm cho họ trở thành cột trụ của gia đình, thì trong gia đình người vô sản, cái tàn tích cuối

cùng của quyền chi phối trong gia đình người vô sản, cái tàn tích cuối cùng của quyền chi phối của người đàn ông đã mất tất cả mọi cơ sở—có lẽ chỉ trừ cái tàn dư của thói thô bạo đối với đàn bà là cái đã thành tập quán khi chế độ một vợ một chồng xuất hiện. Như thế, gia đình người vô sản không còn có tính chất một vợ một chồng theo nghĩa chặt chẽ của danh từ, ngay cả khi cả đôi bên đều cùng có một tình cảm thiết nhất và trung thành tuyệt đối nhất và mặc dầu họ đều có được tất cả mọi lời chúc phúc về mặt tôn giáo và thể tục. Cho nên những bạn đồng hành vĩnh viễn của chế độ một vợ một chồng là: tạp hôn và gian dâm, ở đây, luôn luôn chỉ đóng một vai trò không có gì đáng kể; người đàn bà đã thực sự giành lại được quyền ly hôn và, nếu người ta không chịu đựng được nhau nữa, thì tốt hơn là xa lìa nhau. Tóm lại hôn nhân của người vô sản là hôn nhân một vợ một chồng theo nghĩa ngữ nguyên của danh từ, chứ tuyệt nhiên không phải là theo nghĩa lịch sử.

Các nhà luật học của chúng ta, quả thật, đã nhận thấy rằng bước tiến của pháp chế đã làm cho phụ nữ ngày càng mất hết mọi lý do để khiêu nại. Những chế độ luật pháp văn minh hiện đại ngày càng thừa nhận rằng: một là hôn nhân muốn có giá trị, thì phải là một khế ước do hai bên tự nguyện ký kết với nhau;

và hai là ngay cả trong thời kỳ ăn ở với nhau, thì cả hai bên đối với nhau đều phải có cùng quyền lợi, cùng nghĩa vụ như nhau. Nếu hai điều kiện đó được thực hiện một cách hợp lý, thì phụ nữ sẽ có được đủ mọi cái họ có thể mong muốn.

...

Hiện nay, chúng ta đang tiến tới một cuộc cách mạng xã hội, trong đó chắc chắn là các cơ sở kinh tế hiện thời của chế độ một vợ một chồng cũng như của cái bổ sung cho nó là nạn mãi dâm, đều sẽ bị tiêu diệt. Chế độ một vợ một chồng sinh ra từ sự tập trung các của cải lớn vào tay một người, — vào tay người đàn ông, — và từ cái ý muốn để các của cải ấy lại cho con cái của người đàn ông ấy, chứ không phải của người nào khác. Vì thế cần phải có chế độ một vợ một chồng về phía người đàn bà, chứ không phải về phía người đàn ông, sao cho chế độ một vợ một chồng về phía người đàn bà ấy không hề làm trở ngại chút nào cho chế độ nhiều vợ công khai hay lén lút của người đàn ông. Nhưng cuộc cách mạng xã hội sắp đến đã biến ít ra cũng một phần rất lớn các của cải lâu dài và có thể thừa kế được, tức là tư liệu sản xuất, thành tài sản xã hội, thì cũng sẽ thu hẹp đến mức tối thiểu mọi mối lo nghĩ về việc thừa kế ấy. Chế độ một vợ một chồng, do những nguyên nhân kinh tế sinh ra,

liệu có biến đi khi những nguyên nhân ấy biến đi chăng?

Có thể trả lời như sau mà không phải là không có lý: chế độ đó chẳng những sẽ không biến đi, mà trái lại, chỉ đến lúc bấy giờ, chế độ đó mới được thực hiện toàn vẹn. Thật vậy, với việc biến các tư liệu sản xuất thành tài sản xã hội, thì chế độ lao động làm thuê, giai cấp vô sản cũng sẽ mất đi: và như vậy, tình trạng một số phụ nữ (con số mà thống kê có thể tính ra được) cần phải bán mình vì đồng tiền, cũng theo đó mà mất đi. Tệ mãi dần mất đi thì chế độ một vợ một chồng, đã không bị suy tàn, mà cuối cùng lại còn trở thành hiện thực, — ngay cả đối với đàn ông nữa.

Như vậy là địa vị của đàn ông, dù sao cũng sẽ thay đổi sâu sắc. Mà địa vị của đàn bà, của *tất cả* đàn bà, cũng sẽ có một sự thay đổi quan trọng. Các tư liệu sản xuất, một khi chuyển thành tài sản chung, thì gia đình cá thể không còn là đơn vị kinh tế của xã hội nữa. Nền kinh tế gia-đình riêng tư biến thành một bộ phận của nền công nghiệp xã hội. Việc chăm sóc và giáo dục con cái trở thành việc công, đối với tất cả các trẻ em, xã hội đều chăm sóc như nhau, dù các trẻ em ấy là con hợp pháp hay là con hoang cũng thế. Đồng thời cũng không còn cả mối lo về «hậu quả», hiện nay là nguyên

nhân xã hội chủ yếu—về mặt đạo đức cũng như về mặt kinh tế—khiến một cô gái không dám hoàn toàn hiến thân cho người mình yêu. Và đó há chẳng phải là một lý do đầy đủ để cho quan hệ tình giao giữa nam nữ dần dần được tự do hơn, và đồng thời để hình thành một dư luận công chúng ít khắt khe hơn về tiếng thơm của gái tiết trinh và về tiếng xấu của đàn bà hay sao? Sau hết, chúng ta há chẳng thấy, trong thế giới hiện đại, chế độ một vợ một chồng và tệ mãi dâm là hai cái rõ ràng trái ngược nhau, nhưng là hai cái trái ngược không thể tách rời nhau, là hai cực của cùng một trạng thái xã hội hay sao? Tệ mãi dâm có thể mất đi mà lại không kéo theo cả cái chế độ một vợ một chồng xuống vực thẳm hay sao?

Ở đây, một yếu tố mới lại phát sinh tác dụng, một yếu tố mà trong thời kỳ hình thành của chế độ một vợ một chồng, thì nhiều lắm cũng chỉ mới nẩy mầm, đó là tình yêu cá nhân giữa trai gái.

...

Tình yêu, như chúng ta hiểu ngày nay, khác về căn bản với tình dục đơn thuần, với E-rô-xô¹⁾ của người cổ đại. Một mặt nó đòi hỏi là giữa đôi bên phải có sự thương yêu lẫn nhau; về mặt này, đàn bà bình đẳng với đàn ông;

¹⁾ Eros: thần Ái tình của người Hy-lạp.

còn ở thời E-rô-xơ cổ đại, người ta không bao giờ hỏi ý kiến người đàn bà. Mặt khác, tình yêu có một trình độ mãnh liệt và bền bỉ khiến hai bên thấy việc không lấy được nhau và phải xa nhau là điều đau khổ lớn, nếu không phải là điều đau khổ lớn nhất: để lấy được nhau, hai người phải liều thân, có khi phải hy sinh đến cả tính mạng, tình trạng này, trong thời cổ, chỉ xảy ra trong trường hợp thông dâm mà thôi. Cuối cùng, một tiêu chuẩn đạo đức mới được đề ra để nhận xét các quan hệ tình giao; người ta không phải chỉ hỏi: quan hệ đó là quan hệ vợ chồng hay là quan hệ tư thông? mà còn hỏi: quan hệ đó có dựa trên tình yêu, và trên tình yêu của cả đôi bên không? Dĩ nhiên trong thực tiễn phong kiến và tư sản, tiêu chuẩn ấy cũng như tất cả các tiêu chuẩn đạo đức khác, đều không được tôn trọng,—người ta bất chấp. Nhưng tiêu chuẩn ấy cũng không bị coi thường hơn các tiêu chuẩn khác. Nó cũng được thừa nhận... trên lý luận, trên giấy tờ, như mọi tiêu chuẩn khác. Và đây là tất cả những cái mà lúc này tiêu chuẩn đó có thể đòi hỏi được.

...

Vậy là, quyền hoàn toàn tự do kết hôn chỉ được thực hiện một cách phổ biến, khi nào mà sự xóa bỏ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa và các quan hệ tài sản do nền sản xuất ấy tạo ra,

đã gạt bỏ được tất cả những nguyên nhân kinh tế phát sinh hiện vẫn có ảnh hưởng rất lớn đến việc chọn vợ kén chồng. Chỉ đến lúc ấy, mới không còn động cơ nào khác ngoài tình thương yêu lẫn nhau.

Nhưng vì bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được—mặc dù trong thời đại chúng ta, cái tính chất không chia sẻ được ấy chỉ được thực hiện triệt để về phía đàn bà mà thôi—cho nên hôn nhân dựa trên tình yêu giữa nam nữ, do ngay bản chất của nó, nó là hôn nhân một vợ một chồng.

...

Vậy điều mà ngày nay chúng ta có thể phỏng đoán được về hình thức của các quan hệ tình giao, chỉ mai đây, sau khi nhát chổi sẽ quét sạch nền sản xuất tư bản chủ nghĩa—thì điều chủ yếu là có tính chất phủ định và chỉ giới hạn ở cái sẽ tiêu tan đi thôi. Nhưng có những yêu tố nào mới sẽ thêm vào đó! Điều này sẽ được quyết định, khi đã có một thể hệ mới trưởng thành; một thể hệ đàn ông không bao giờ có thể dùng tiền hoặc dùng một quyền lực xã hội nào khác để mua sự hiến thân của đàn bà; một thể hệ đàn bà không bao giờ phải hiến mình cho đàn ông vì một lý do nào khác ngoài tình yêu chân chính, hoặc phải từ chối không dám hiến mình cho người yêu vì sợ những hậu quả kinh tế của sự hiến thân đó.

Chỉ khi nào những con người như thế ra đời, thì họa may mới biết được họ có quan tâm hay không đến điều mà ngày nay chúng ta nghĩ rằng họ sẽ phải làm; tự họ sẽ tạo ra hành động thực tiễn của họ và sẽ và sẽ gây lây một dư luận công chúng thích hợp để phê phán hành vi của mỗi người. Chỉ có thế thôi.

Ph. Ăng-ghen viết từ
tháng Ba đến tháng Sáu
1884

C. Mác và Ph. Ăng-ghen,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 21, tr. 56,
65, 68, 73, 74-75, 78-79,
79-80, 84-85

LIỆU CHÂU ÂU CÓ THỂ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ ĐƯỢC KHÔNG?²²

Nêu lên làm một điều kiện căn bản để tiến tới một hệ thống mới về huấn luyện thể dục và quân sự cho tất cả thanh niên, tôi xin nhấn mạnh rằng, đối với hệ thống dân binh đề ra ở đây, ta tuyệt nhiên không nên lẫn lộn nó với bất cứ hình thức nào trong số những hình thức dân cảnh hiện hành, như với hình thức dân cảnh của Thụy-sĩ chẳng hạn.

...

Khi tôi lại trở về Rê-na-ni sau mười năm bị trục xuất, tôi đã ngạc nhiên một cách dễ chịu vì

đâu đâu trên sân các trường học nông thôn đều thấy xà kép, xà đơn. Thật là tuyệt diệu, nhưng tiếc rằng ngoài cái đó ra thì chẳng có gì hơn. Theo phong tục tốt lành của Phổ, căn cứ vào chỉ thị, các dụng cụ thể dục đã được mua sắm, gây dựng lên, nhưng tình hình sử dụng chúng chẳng có gì thuận lợi. Về việc sử dụng chúng, người ta nói đến ở giây tờ khác, hoặc phần lớn là chẳng nói ở đâu cả. Lẽ nào khi chúng ta đề nghị nên có thái độ nghiêm túc với việc đó, thì như thế là chúng ta đòi hỏi quá nhiều chẳng? Dạy thể dục tự do và những bài thể dục có dụng cụ cho học sinh tất cả các lớp, chừng nào tứ chi của họ chưa mất hẳn khả năng co giãn và sự mềm dẻo, thì có tốt hơn là quần nhau với những chàng trai hai mươi tuổi, như hiện nay người ta vẫn làm, để hoài công—trong khi mặt họ và mặt mình nhể nhại mồ hôi—trả lại cho xương cốt, bắp thịt và khớp xương của họ đã bị thô kệch đi vì công việc, cái tính cơ động và mềm dẻo trước kia? Bất kỳ thầy thuốc nào cũng sẽ nói với anh rằng: sự phân công làm què quặt bất kỳ người nào đã chịu tác động của nó, bằng cách phát triển cả một loạt bắp thịt này trong khi làm teo những bắp thịt khác, và điều đó thể hiện ở mỗi ngành lao động mỗi khác, thành thử mỗi công việc làm què quặt theo cách riêng của nó. Lúc đầu cho phép làm què quặt con người, rồi sau đó trong thời gian phục vụ quân dịch

cô làm cho họ trở lại thẳng người và hoạt bát, như thế há chẳng phải là điên rồ sao? Phải chăng, phải có một trình độ sáng suốt đặc biệt mà tầm mắt quan phương không với tới được, thì mới hiểu được rằng người lính sẽ tốt gấp ba, nếu như kịp thời thi hành những biện pháp ở trường tiểu học và trường trung học để chống lại sự què quặt đó?

Nhưng đó chỉ mới là bước đầu. Ở trường, học sinh dễ dàng lĩnh hội những qui tắc đội hình quân sự và những qui tắc vận động theo đội hình chặt chẽ. Từ khi cha sinh mẹ đẻ, học sinh đứng ngồi ngay ngắn, đi lại thẳng người, nhất là nếu em đó có tập thể dục; còn tân binh chúng ta đứng trong hàng như thế nào, và huấn luyện cho họ đứng ngay ngắn và đi thẳng người khó như thế nào, bất cứ ai trong số chúng ta khi phục vụ quân dịch đều quan sát thấy cả. Đối với việc đi lại theo trung đội và đại đội thì có thể huấn luyện ở mỗi trường, và lại huấn luyện rất dễ dàng, điều này trong quân đội không có được. Cái gì đối với anh tân binh là đáng ghét, là khó khăn thường không khắc phục được, thì đối với em học sinh lại là trò chơi và giải trí. Trật tự và sự ngay hàng thẳng lối trong hàng quân theo hàng ngang và ở những chỗ ngoặt, là điều khó đòi hỏi đạt được ở những anh tân binh lớn tuổi, thì các em học sinh nắm được như trò chơi, miễn là họ được tập luyện có hệ thống. Nếu một

phần kha khá thời gian mùa hè dùng vào những cuộc hành quân và những công việc học tập, tập tành dã ngoại, thì cái đó sẽ có lợi cho sự phát triển thể chất và tinh thần của các em học sinh, cũng như đối với tài chính của ngành quân sự, bằng cách đó, ngành quân sự sẽ giảm được nhiều thặng dư quân dịch. Những cuộc đi chơi có tính chất quân sự ấy có thể sử dụng một cách tốt đẹp để tập cho các em học sinh giải quyết những nhiệm vụ phục dịch dã ngoại, và những cuộc đi chơi ấy, trên một mức độ rất cao, nâng cao trình độ trí lực của các em học sinh và đem lại cho họ khả năng nắm được sự huấn luyện quân sự chuyên môn trong một thời hạn tương đối ngắn, — điều đó ông bạn tôi là Bây-xtơ, có hồi là một sĩ quan Phổ, đã chứng minh bằng thực tiễn ở trường học tại Duy-rích. Với tính chất phức tạp của ngành quân sự như hiện nay, đừng hòng nghĩ đến chuyện tiến tới một hệ thống dân binh nếu không huấn luyện quân sự cho thanh niên, và chính trong lĩnh vực này, những điều làm thử thành công của Bây-xtơ có một ý nghĩa to lớn.

Ph. Ăng-ghe-ni viết năm
1893

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-ni,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 22, tr. 386,
396 - 397

NHỮNG BỨC THU TỪ VÚP-PÉC-TAN²³

... Tình trạng bản cùng kinh khủng đang ngự trị trong các giai cấp bên dưới, đặc biệt là trong những công nhân công xưởng ở Vúp-péc-tan; bệnh giang mai và bệnh phổi rất phổ biến tới mức thật khó mà tin được; chỉ riêng vùng En-bơ-phen, trong số 2.500 trẻ em đến tuổi đi học, có 1.200 em không có khả năng đến trường và phải lớn lên trong công xưởng — chỉ cốt để cho chủ xưởng khỏi phải trả cho công nhân người lớn mà các em thay thế, một số tiền công gấp đôi tiền trả cho trẻ em. Nhưng bọn chủ xưởng giàu thường có một lương tâm co giãn, và linh hồn của một người thuộc phái kiên thành cũng chưa phải đã sa xuống địa ngục vì có thêm hay bớt đi một em bé bị héo hon, hơn nữa, nếu như cái linh hồn ấy mỗi ngày chủ nhật đều đi lễ nhà thờ hai lần. Bởi vì người ta đã xác lập được rằng trong số các chủ xưởng, những kẻ theo phái kiên thành đối xử với công nhân của mình tồi tệ hơn cả; họ tìm mọi cách hạ thấp tiền công của công nhân, làm như thế để cho công nhân không còn có khả năng rệu chè, nhưng trong cuộc bầu cử những người truyền đạo thì bao giờ họ cũng là những kẻ đầu tiên mua chuộc công nhân của họ.

...

Hiển nhiên rằng, ở một vùng mà chủ nghĩa kiến thành thâm nhập đến mức như vậy, thì tinh thần kiến thành ấy, trong khi lan ra khắp mọi hướng, ắt phải thâm sâu vào tất cả mọi mặt của đời sống và ảnh hưởng tai hại đến những mặt đó. Tinh thần ấy tác động chủ yếu là vào sự nghiệp giáo dục, trước hết là các trường nhân dân. Một bộ phận các trường quốc lập hoàn toàn nằm trong tay phái kiến thành; đó là những trường dòng, mỗi xã có một trường. Những trường nhân dân khác, tuy vẫn còn bị đặt dưới sự giám sát của hội đồng bảo trợ của giáo hội, nhưng vẫn được tự do hơn nhiều, vì những trường này chịu ảnh hưởng của cơ quan dân sự nhiều hơn. Do vậy, người ta còn thể thấy rất rõ ảnh hưởng kìm hãm của chủ nghĩa thần bí, bởi vì trong khi các trường dòng, giống như thời còn mờ mịt hầu tước Các-lơ Tê-ô-đô, ngoài việc dạy cho học sinh đọc, viết và làm tính, chỉ nhồi nhét cho chúng sách văn đáp giáo lý, thì các trường khác vẫn dạy một số khoa học nhập môn và cả một ít tiếng Pháp nữa, thành thử rất nhiều học sinh nhờ ảnh hưởng đó mà ngay cả sau khi đã tốt nghiệp rồi vẫn còn tìm cách tiếp tục học tập. Những trường này phát triển rất nhanh, và từ khi thực hành chế độ quản lý Phổ thì vượt xa những trường dòng mà trước kia chúng thua kém rất nhiều, bởi

vì học phí của trường dòng rẻ hơn rất nhiều, và nhiều bậc cha mẹ vẫn gửi con cái mình đến đó học, một phần là do lòng sùng đạo, một phần là vì họ cho rằng về phương diện phát triển trí lực của trẻ em thì cần dựa vào tinh thần tôn giáo mà tăng cường tinh thần thể tục.

Trong số những trường học loại cao, thành phố Vúp-péc-tan có ba trường phải tự mình bỏ kinh phí ra: ở Bác-men có trường thị lập, còn ở En-bơ-phen có trường trung học tân khoa và trường trung học.

Trường thị lập ở Bác-men được cấp kinh phí rất ít, do đó rất thiếu giáo viên, nhưng nó vẫn làm tất cả những gì mà nó có thể làm được. Trường này hoàn toàn nằm trong tay một hội đồng bảo trợ keo kiệt và thiên cận, hội đồng này trong phần lớn các trường hợp cũng chỉ lựa chọn giáo viên trong số những tín đồ thuộc phái kiên thành. Ông giám hiệu cũng chẳng xa lạ gì với giáo phái này, nhưng trong khi thừa hành nhiệm vụ của mình, ông vẫn tuân theo những nguyên tắc cứng rắn và biết cách chỉ ra rất khéo cho mỗi thầy giáo biết rõ địa vị của mình. Tiếp sau ông giám hiệu ấy là ngài I-ô-han I-a-côp E-vích, ông này biết dạy tốt theo một cuốn sách giáo khoa tốt, và trong việc giảng dạy lịch sử, ông là một môn đồ hăng hái của hệ thống Nuê-xen chủ trương kể những câu chuyện vui. Ông là tác giả của nhiều trước tác

về mặt giáo dục, trong đó có một tác phẩm lớn nhất—cổ nhiên là xét về mặt khối lượng—tên gọi là «Người nhân đạo», do nhà xuất bản Ba-ghen ở Vê-den in thành hai tập, 40 tờ, giá một đồng ta-le. Toàn bộ trước tác của ông ta đầy những tư tưởng cao cả, những nguyện vọng tốt đẹp và những phương án không thể thực hiện được. Người ta nói rằng thực tiễn sư phạm của ông ta tụt lại rất xa so với cái lý luận đẹp đẽ của ông ta.

Tiền sĩ Phi-líp Si-phơ-lin, giáo viên chủ nhiệm thứ hai, là một nhà giáo dục giỏi nhất của trường này. Có lẽ ở nước Đức không ai hiểu biết một cách sâu sắc kết cấu ngữ pháp tiếng Pháp hiện đại như ông ta. Ngôn ngữ được ông ta lấy làm cơ sở không phải là ngôn ngữ rô-man cổ, mà là ngôn ngữ cổ điển của thế kỷ trước, đặc biệt là ngôn ngữ của Vôn-te, và từ Vôn-te ông ta chuyển sang văn phong của các tác giả hiện đại. Kết quả của những công trình nghiên cứu của ông ta được trình bày trong cuốn «Hướng dẫn học tập tiếng Pháp, gồm ba tập», trong đó tập thứ nhất và tập thứ hai đã được xuất bản vài lần, còn tập thứ ba thì cũng sẽ ra mắt nay mai trong dịp lễ Phục sinh. Không còn nghi ngờ gì nữa, ngoài cuốn sách giáo khoa tiếng Pháp do Cơ-nê-ben biên soạn, thì đây là một cuốn sách giáo khoa tiếng Pháp tốt nhất mà chúng ta hiện có; ngay sau khi xuất bản tập thứ

nhất, cuốn sách giáo khoa này đã được khắp nơi hoan nghênh và hiện nay hầu như được truyền bá một cách chưa từng thấy trong khắp nước Đức và cho đến tận Hung-ga-ri và các tỉnh ven bờ biển Ban-tích nước Nga nữa.

Những giáo viên còn lại đều là những thanh niên vừa mới tốt nghiệp trung học, trong đó có một số được đào tạo có căn bản, một số khác thì ôm nặng một mớ lộn xộn đủ mọi thứ kiến thức. Trong số giáo viên trẻ ấy có ông Cuê-xơ, bạn của Phơ-rai-li-grát, là một giáo viên giỏi nhất; trong một cuốn sách tham khảo cho giáo viên, có một bài khái luận của ông ta về thi ca, trong đó ông hoàn toàn loại trừ loại thơ giáo huấn, còn những loại mà người ta thường gán cho nó thì ông ta liệt vào loại sử thi và thơ trữ tình; bài này chứng tỏ sự am hiểu văn đề và sự sáng sủa của tư tưởng. Người ta mời ông ta đến Đuyt-xen-đoóc-phơ và vì các ngài trong hội đồng bảo trợ biết ông ta là kẻ thù của mọi thứ chủ nghĩa kiên thành, cho nên rất vui lòng để cho ông ta đi. Một giáo viên khác thì trái ngược lại với ông ta, giáo viên này, khi một học sinh lớp 4 hỏi Gơ-tơ là ai, ông ta đã trả lời «là một kẻ vô thần».

Trường trung học tân khoa ở En-bơ-phen được cấp kinh phí rất dồi dào; vì vậy nó có thể lựa chọn những thầy giáo giỏi nhất và tổ chức giáo trình đầy đủ hơn. Nhưng trong trường thì

thịnh hành một chế độ nhồi sọ đến phát khiếp, khiến cho học sinh trong vòng nửa năm đã có thể biến thành kẻ đần độn. Nhân tiện cũng xin nói rằng ban giám hiệu nhà trường ít khi làm cho người ta cảm thấy sự có mặt của họ: hiệu trưởng thường nửa năm đi vắng và chỉ khi cần xử lý việc gì hết sức nghiêm khắc thì người ta mới thấy sự có mặt của ông ta. Kết hợp với trường trung học tân khoa là trường dạy nghề; tại đây học sinh phải bỏ một nửa cuộc đời mình vào các loại bản vẽ. Trong các thầy giáo, đáng chú ý là tiên sĩ Cru-dơ; ông ta đã ở sáu tuần lễ tại nước Anh và đã viết một cuốn sách nhỏ về phát âm tiếng Anh, điểm nổi bật của cuốn sách này là nó hoàn toàn vô dụng; tiếng tăm của học sinh trường này rất xấu khiến cho Đi-xtơ-vêch có lý do than phiền về thanh niên En-bơ-phen.

Trường trung học En-bơ-phen ở trong hoàn cảnh rất eo hẹp, nhưng được công nhận là một trong những trường học tốt nhất ở nước Phổ. Nó là tài sản của hội cải cách tôn giáo, nhưng rất ít chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thần bí của hội ấy, bởi vì các giáo sĩ không được nhà trường quan tâm đến, còn những ủy viên của hội đồng bảo trợ thì chẳng hiểu gì công việc của nhà trường, vì thế nhà trường lại càng phải chịu đựng sự keo kiệt của họ. Các ngài ấy không hề có một khái niệm về những ưu điểm của nền giáo dục trung học Phổ, ra sức cung cấp cho trường

trung học tân khoa tất cả mọi thứ — kinh phí và học sinh, — còn đối với trường trung học thì họ chê trách rằng học phí thậm chí cũng không trang trải được những khoản chi của nhà trường. Hiện nay đang diễn ra những cuộc thương lượng về việc chuyển giao trường trung học cho chính phủ, chính phủ rất quan tâm đến việc này; nếu việc chuyển giao không thành, thì mấy năm nữa trường sẽ phải đóng cửa vì thiếu tiền. Việc tuyển lựa thầy giáo hiện nay cũng nằm trong tay các ủy viên hội bảo trợ, những người này quả thực là có thể ghi rất chính xác một khoản này hay một khoản khác vào sổ cái, nhưng chẳng hiểu gì về tiếng Hy-lạp, tiếng La-tinh hoặc toán học. Nguyên tắc chọn lựa chủ yếu của họ là: chọn một người vô tài thuộc phái cải cách còn hơn chọn một người *thông thạo công việc* thuộc phái Lu-the, hoặc — điều này lại càng tệ hơn — chọn một tín đồ Thiên chúa giáo. Nhưng vì trong số những nhà ngôn ngữ học Phổ, phái Lu-the đông hơn nhiều so với phái cải cách, cho nên trên thực tế, hội đồng bảo trợ hầu như chưa bao giờ có thể theo đúng nguyên tắc của mình.

Tiền sĩ Han-sơ, giáo sư và quyền hiệu trưởng, sinh tại Lúc-cau vùng Lau-đít-xơ, làm thơ và viết văn xuôi bằng tiếng La-tinh của Xi-xê-rôn và là tác giả của nhiều bài thuyết giáo, nhiều bài luận văn về giáo dục học và một cuốn sách

giáo khoa dạy tiếng Hê-brơ. Nếu như ông ta không phải là người thuộc phái Lu-the, và nếu như hội đồng bảo trợ không keo kiệt đến như thế, thì ông ta đã là một hiệu trưởng chính thức từ lâu rồi.

Tiền sĩ Ai-sơ-hốp, một giáo viên chủ nhiệm thứ hai, đã cùng với một đồng sự trẻ hơn ông, tiền sĩ Ben-tơ, đã viết một cuốn ngữ pháp tiếng La-tinh; nhưng bài phê bình của Ph. Ha-dơ đăng trong tờ «Allgemeine Literatur-Zeitung» đánh giá cuốn sách ấy không cao lắm. Sở trường của ông ta là tiếng Hy-lạp.

Tiền sĩ Clau-den, giáo viên chủ nhiệm thứ ba, rõ ràng là một người giỏi nhất toàn trường, một giảng viên am hiểu tất cả các môn, tinh thông lịch sử và văn học. Lối trình bày của ông ta hấp dẫn lạ thường; ông là người duy nhất biết làm cho học sinh thích thú thơ ca, — một sự thích thú mà nếu không thế thì chắc đã bị tàn lụi đi một cách thảm hại nhất trong đám người phi-li-stanh ở Vúp-pec-tan. Theo tôi được biết thì với tư cách là nhà trước tác, ông ta chỉ viết có một tác phẩm phương pháp luận khoa học về đề tài «Pin-đa — nhà thơ trữ tình», cuốn sách này đã làm cho ông rất nổi tiếng trong giới giáo viên trung học trong và ngoài nước Phổ. Đương nhiên cuốn sách do đó không đem bán trên thị trường sách.

Cả ba trường đó đều mới thành lập năm 1820; trước đây ở En-bơ-phen và ở Bác-men chỉ có một trường sơ học 5 lớp ¹⁾ và nhiều trường tư thực; những trường này không thể đem lại một học vấn đầy đủ. Hậu quả của tình hình đó còn thể hiện rõ ở thể hệ thương nhân già ở vùng Bác-men. Học vấn thì chẳng có gì cả; ai mà biết đánh bài hoặc chơi bi-a, biết đàm luận tí chút về chính trị và nói một câu xã giao hay ho thì ở En-bơ-phen và ở Bác-men đều được coi là người có học thức. Lối sống của những người này thật là đáng sợ, nhưng họ lại cảm thấy tuyệt trần; ban ngày họ vùi đầu vào việc buôn bán, lao mình vào công việc đó một cách say sưa và hứng thú đến mức thật khó mà tin được; buổi tối, đến một giờ nhất định, tất cả bọn họ tụ họp lại thành từng đám, đánh bài tiêu khiển, đàm luận về chính trị, hút thuốc và khi đồng hồ điểm chín giờ thì họ trở về nhà. Cuộc sống của họ ngày này sang ngày khác trôi qua như vậy, không mấy may thay đổi, và khôn thay cho kẻ nào vi phạm lối sống đó, kẻ đó có thể tin chắc rằng tất cả các nhà giàu sang trong thành phố sẽ đối xử với mình không chút xót thương. — Những người cha thì sốt sắng chỉ ra cho thanh niên con đường ấy; con cái đến lượt chúng lại

¹⁾ Tiếng Đức là Rektoratschule — tức là tên gọi các trường sơ học 5 lớp tại tỉnh Ranh và Ve-xơ-pha-len.

cũng mong muốn nối gót theo cha. Những chủ đề câu chuyện của họ rất là đơn điệu: người vùng Bác-men nói nhiều hơn về ngựa, người vùng En-bơ-phen thì lại nói nhiều hơn về chó, còn khi họ cao hứng lên, thì họ bắt đầu bình phẩm về bề ngoài của những người đàn bà xinh đẹp hoặc tán gẫu về chuyện buôn bán, và đó là tất cả những câu chuyện của họ. Họ hoàn họ cũng nói đến văn học, và họ hiểu văn học là những tác phẩm của Pôn đơ Cốc, Ma-ri-ê-t, Trôm-lít-xơ, Ne-xơ-rôi và những tác giả tương tự. Về chính trị, với tư cách là những người Phổ chính công — bởi vì họ đang ở dưới nền thông trị Phổ, — họ *à priori*¹⁾ kiên quyết thù địch với mọi thứ chủ nghĩa tự do, nhưng tất cả những cái đó chỉ còn khi nào nhà vua vui lòng duy trì bộ luật của Na-pô-lê-ông cho họ, bởi vì một khi bộ luật ấy bị bãi bỏ thì tất cả chủ nghĩa yêu nước của họ cũng biến mất. Chẳng ai hiểu được ý nghĩa văn học của nhóm «Nước Đức trẻ», họ coi đó như là một hội bí mật, một cái gì giống như phái mị dân, do các ngài Hai-nơ, Gút-xcốp, Mun-tơ chủ trì. Một vài người trong số những chàng thanh niên cao quý có lẽ đã đọc một tác phẩm nào đó của Hai-nơ, có thể là đã đọc «Phong cảnh trên đường», mà không đọc những bài thơ trong đó, hoặc đã đọc «Kẻ tồ

¹⁾ từ trước.

giác», nhưng những tác phẩm khác thì họ chỉ có một số khái niệm lơ mờ qua ý kiến của các mục sư và quan chức.

Ph. Ăng-ghe-n viết trong
tháng Ba 1839

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n,
Toàn tập, tiếng Nga, xuất
bản lần thứ 2, t. 1, tr. 456,
464 - 467

THƯ GỬI ÁC-NÔN-ĐƠ RU-GIƠ¹⁾

*Béc-lin,
ngày 26 tháng Bảy 1842*

... Tôi quyết định hoàn toàn từ bỏ hoạt động văn học trong một thời gian nào đây và thay vào đó là học tập nhiều hơn. Lý do của quyết định đó đã hiển nhiên. Tôi trẻ và đang tự học triết học. Tôi có đủ tri thức để tạo cho mình một niềm tin nhất định và trong trường hợp cần thiết bảo vệ niềm tin ấy, nhưng không có đủ tri thức để làm việc đó thực sự có kết quả. Đối với tôi, kiến thức sẽ càng là đòi hỏi, vì tôi chỉ là

¹⁾ Arnold Ruge (1802-1880), nhà báo Đức, thuộc phái Hê-ghe-n trẻ. Lúc làm biên tập viên của tạp chí *Niên giám nước Đức*, Ru-giơ viết thư yêu cầu Ăng-ghe-n gửi bài cho tạp chí của mình. Ăng-ghe-n đã trả lời như trên.

một «anh chàng chào hàng thích triết học» và không có quyền luận bàn sách vở triết học do không có bằng tiến sĩ. Tôi hy vọng rằng khi nào tôi lại viết một cái gì đó, và bây giờ đã ký tên thật của mình¹⁾ thì lúc ấy đã thỏa mãn được những đòi hỏi đó. Còn về chuyện ấy thì hiện nay tôi không thể quá phân tán sức mình, bởi vì sắp tới chắc là tôi lại phải dành nhiều thời gian hơn cho công việc buôn bán²⁾. Cho tới nay hoạt động văn học của tôi, theo chủ quan, chỉ hạn chế ở những bài thử viết là kết quả chắc phải chỉ ra cho tôi thấy những khả năng bẩm sinh của tôi phải chăng sẽ cho phép tôi góp phần có kết quả vào sự tiến bộ, tham gia một phần sinh động vào cuộc vận động hiện đại. Tôi có thể hài lòng về kết quả và giờ đây tôi coi con đường học tập khoa học là bốn phần của mình, tôi

¹⁾ Trước đó, những bài viết của Ăng-ghe-nơ đăng trên tờ tạp chí «Điện tín nước Đức» như *Những bức thư từ Vúp-péc-tan*, *Se-linh bàn về Hê-ghe-nơ...* đều ký bí danh là «F. Ôt-soan». Hai tác phẩm của Ăng-ghe-nơ: *Se-linh và sự phát hiện* và *Se-linh, nhà triết học trung thành với Chúa Cơ-dôc, hay sự biến hình của trí tuệ trần gian thành trí tuệ thần linh*, xuất bản năm 1842, đều không ký tên tác giả.

²⁾ Từ cuối năm 1837 cha Ăng-ghe-nơ bắt Ăng-ghe-nơ thôi học để tập buôn bán. Từ mùa thu 1841 đến mùa thu 1842 Ăng-ghe-nơ làm nghĩa vụ quân sự ở Béc-lin. Sau khi giải ngũ, cha ông lại phái ông sang học buôn bán ở Man-tre-stơ, nước Anh.

tiếp tục học tập khoa học với một hứng thú càng lớn hơn, ngày càng nắm chắc được nhiều hơn cái mà con người lúc sinh ra không có...

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 27, tr. 365 - 366

THƯ GỬI CÁC MÁC

Oa-téc-lu,
ngày 25 tháng Tám 1857

... Tôi vừa mới lại bắt đầu tắm biển. Nói chung tôi tắm biển thì thấy trong người khỏe khoắn và sáng khoái thêm nhiều, tuy lúc đầu chỗ tiêm hình như có gay go thêm chút ít. Nhưng là điều không thể tránh được.

Nói chung hiện nay tôi cảm thấy trong người rất dễ chịu, các vết thương cũng đỡ làm tôi lo lắng. Ông già của tôi có lẽ đã đến Man-tre-stơ. Ngày mai tôi sẽ tìm hiểu đích xác về chuyện ấy. Nếu thật thế tôi sẽ đi ngay Man-tre-stơ và vài ngày sau sẽ đến một bãi biển nào đó tốt hơn cho việc chữa bệnh, có lẽ sẽ đến đảo Mên. Vì thế tạm thời anh cứ gửi thư đến Man-tre-stơ. Ngay sau khi khỏi hẳn và không phải tắm biển đều đặn nữa, tôi dự định đi biển, có lẽ sẽ dùng tàu

biển qua Đốp-lin và Poóc-xmao, đến đảo Oai-tơ.
Tại đây chúng ta sẽ có thể cùng họp hội nghị
quân sự...¹⁾»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn
tập, tiếng Nga, xuất bản lần
thứ 2, t. 29, tr. 132

THƯ GỬI CÁC MÁC

Rai-dơ, ngày 18 tháng Chín 1857

«... Tình hình của tôi đã khá hơn nhiều, bệnh
tật đã tự nó chấm dứt, không còn có hạch nào
viêm nữa và bây giờ tôi chỉ còn làm cái việc
chữa bệnh cho khỏi hần, chữa cho các vết
thương khỏi hần (việc này thật ra tiên hành cũng
chậm chạp) đồng thời tích lũy thịt và mỡ. Việc
tắm biển đã có tác dụng rất tốt đối với tôi.

Tôi lại có thể bơi thoải mái dễ dàng. Điều đó
chứng tỏ tôi đã thành công như thế nào trong
việc chữa bệnh... Tuần sau tôi sẽ có ngày đi Bơ-
rai-tơn, rồi từ đó tới Gióc-xi. Sram²⁾ cũng sửa
soạn đến đây, ông ta đã viết cho tôi như thế.

¹⁾ Ý nói bàn những vấn đề quân sự mà hai người
cùng quan tâm, cùng những bài đang viết về các vấn đề ấy.

²⁾ Sram (1813-1882) một nhà báo Đức, theo phái
dân chủ tiểu tư sản.

Thề thì anh cũng có thể tạt qua Bơ-rai-tơn, rồi
nên sắp xếp được công việc, anh sẽ cùng tôi đi
Gióc-xi. Du lịch đường biển có lẽ cũng có ích
đôi với anh...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn
tập, tiếng Nga, xuất bản lần
thứ 2, t. 29, tr. 140

THƯ GỬI CÁC MÁC

Man-tre-stơ,
ngày 15 tháng Mười một 1857

«... Sức khỏe của tôi tốt: tất cả mọi người,
kể cả Hêch-sơ¹⁾ đều ngạc nhiên thấy tôi khỏi
bệnh như thế. Trí nhớ còn yếu, vẫn còn đôi chút
uể oải và tôi không chịu được rượu nữa. Vết
thương cuối cùng đã khỏi rất tuyệt. Vì cưỡi ngựa
và bớt làm việc bàn giấy, tôi sẽ lấy lại được sức
khỏe. Còn công việc ở phòng giấy thì tôi đã thỏa
thuận với nhà máy của chúng tôi để chuyển
sang chế độ chỉ làm việc mỗi tuần ít ngày...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn
tập, tiếng Nga, xuất bản lần
thứ 2, t. 29, tr. 168

¹⁾ Bác sĩ người Đức ở Man-tre-stơ chữa bệnh cho
Ăng-ghe-n.

THƯ GỬI CÁC MÁC

*Man-tre-sto',
ngày 31 tháng Chạp 1857*

«... Thử bảy vừa qua tôi đi săn cáo, ngồi trên yên ngựa bảy tiếng đồng hồ. Những chuyện như thế bao giờ cũng làm tôi bị kích động ghê gớm hàng mấy ngày. Đó là một sự thỏa mãn thể chất tuyệt diệu nhất mà tôi được hưởng. Khắp cánh đồng, tôi chỉ nhìn thấy hai người cưỡi ngựa giỏi hơn tôi, nhưng ngựa của họ cũng tốt hơn. Chuyện ấy đã làm cho sức khỏe của tôi hồi phục hẳn. Ít nhất cũng có hai chục anh chàng ngã ngựa, hai con ngựa đã bị quân đến hoàn toàn không còn tích sự gì nữa, giết được một con cáo (khi người ta kết liễu đời nó tôi có ở đây). Cũng không có tay nào thật sự đáng mặt săn cáo. Tất nhiên họ cưỡi ngựa cừ hơn tôi nhiều...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 201 - 202

THƯ GỬI CÁC MÁC

Man-tre-stor,
ngày 11 tháng Hai 1858

«... Hôm qua tôi đã bị cảm dỗ bởi một lời mời cưỡi ngựa đi săn, có chó săn đuổi thỏ rừng, nên đã ngồi trên yên bảy giờ. Nói chung chuyện ấy có tác dụng rất tốt đối với tôi, nhưng đã trở ngại công việc...

... Nhân tiện, để anh khỏi có điều nghĩ sai về tình hình sức khỏe của tôi, tôi muốn báo tin cho anh biết thêm rằng hôm qua tôi đã cưỡi con ngựa của tôi vượt qua một cái lũy đất và một hàng rào cao 5 phút và vài điu-im¹⁾. Đó là lần tôi nhảy cao nhất từ trước tới nay. Muốn làm được những động tác như thế một cách nhẹ nhàng thì dù sao chân tay cũng phải khá khỏe. Nói chung chúng ta đã có cái gì để phô cho kỵ binh Phổ thấy về kỹ thuật cưỡi ngựa khi lại trở về Đức. Các ngài ấy sẽ khó theo được tôi. Hiện nay tôi tập luyện rất nhiều, mỗi ngày một khá hơn, và cũng dần dần có danh tiếng. Nhưng mãi đến bây giờ tôi mới được biết những điều khó khăn

¹⁾ Phút là thước Anh bằng 0,305 mét, còn Điu-im bằng 0,025 mét.

thật sự của việc cưỡi ngựa trên địa hình không thuận lợi. Đó là một điều cực kỳ phức tạp...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 226, 227-228

THƯ GỬI CÁC MÁC

Man-tre-stơ, ngày 18 tháng Hai 1858

«... Về chuyện cưỡi ngựa tôi sẽ viết cho anh lần khác. Cưỡi ngựa căn bản là cơ sở của tất cả các việc luyện tập quân sự của tôi, anh còn muốn sao nữa? Mọi tên crapauds¹⁾ đều tưởng rằng thằng cha tôi tệt Bô-na-pác là một người anh hùng vì hắn cưỡi ngựa thường thôi, nhưng đẹp. Nhưng ở đây nhiều người biết rằng hắn vượt chướng ngại vật ở mức rất xoàng và chịu bỏ cuộc trước những vật chướng ngại mà người viết thư này vượt được, không cần phải đắn đo gì cả. Ngoài ra, cưỡi ngựa còn là môn thể thao duy nhất trong đó tôi đạt được kết quả ít nhất cũng là trung bình. Hơn nữa trong khi đuổi theo ai hoặc trong khi săn đuổi, tỷ số nguy hiểm rất ít (xác suất 1:10.000), cho nên tất cả những việc

¹⁾ Tiếng Pháp trong nguyên bản: «Kẻ tầm thường ở Pháp» (theo chú thích của bản tiếng Nga).

đó có một sức hấp dẫn không sao cưỡng nổi. Nói chung anh cứ yên tâm: tôi có thể gầy cò trong những hoàn cảnh khác, chứ không phải là trong khi ngã ngựa đâu...»¹⁾

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 231

THƯ GỬI CHO VỢ CỦA MÁC

Man-tre-stơ, ngày 11 tháng Năm 1858

«... Hôm nay Mu-rơ²⁾ cưới ngựa 2 giờ. Sau đó anh ấy cảm thấy trong người khỏe khoắn đến nỗi tinh thần hăng say của anh ấy lây cả sang công việc dưới đây...

Tôi hy vọng rằng Mu-rơ sẽ chăm cưới ngựa. Nếu có thể, một tuần nữa chắc chắn anh ấy lại có thể viết được...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 29, tr. 454-455

¹⁾ Đoạn này Ph. Ăng-ghe-n trả lời thư của Các Mác ngày 14 tháng Hai 1858.

²⁾ Vôn là tên của một số dân tộc theo đạo Hồi ở Tây Bắc châu Phi. Đây là biệt hiệu Ph. Ăng-ghe-n thân mật đặt cho Mác.

THƯ GỬI CÁC-LÔ CA-PHE-RÔ¹⁾

Luân-đôn, ngày 16 tháng Bảy 1871

«... Tôi hiểu rất rõ tình trạng của anh ở Nê-a-pôn. Nó cũng giống cái cảnh mà chúng tôi đã sống ở Đức cách đây 25 năm, khi chúng tôi bắt đầu tổ chức phong trào xã hội. Hồi đó chỉ có một số ít những người vô sản ở Thụy-sĩ, ở Pháp và ở Anh tiếp thu được tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ủng hộ chúng tôi; chúng tôi chẳng có tí phương tiện gì để hoạt động trong quần chúng, và cũng như các anh, chúng tôi buộc lòng phải tuyển chọn những người ủng hộ trong số những giáo viên, những nhà báo và những sinh viên, — Cũng may là thời kỳ này của phong trào cũng dễ tìm ra những con người không thuộc giai cấp công nhân theo nghĩa đúng của từ này; sau đó, khi công nhân trở thành yếu tố trội nhất trong phong trào thì những người như vậy, tất nhiên cũng trở nên ít đi...»

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 33, tr. 211 - 212

¹⁾ Ca-phe-rô, (Cafiero), Các-lô (1846 - 1892) — tham gia phong trào công nhân Ý, Ủy viên Quốc tế, từ năm 1872 là một trong những người lãnh đạo tổ chức vô chính phủ Ý, cuối những năm 70 thì rút khỏi tổ chức này, năm 1879 đưa in tập «Tur bản» quyển 1 của Các Mác bằng tiếng Ý.

THƯ GỬI A. BÊ-BEN¹⁾

*Luân-đôn,
ngày 28 tháng Ba 1875*

... Ngay cả đến vấn đề dùng công đoàn để tổ chức giai cấp công nhân, với tính cách là một giai cấp, cũng không được đề cập tới. Mà chính đó lại là một điểm hoàn toàn căn bản, vì nói cho đúng ra, đó là vấn đề tổ chức giai cấp của giai cấp vô sản, trong đó giai cấp vô sản tiến hành những cuộc đấu tranh hàng ngày chống tư bản và tự rèn luyện về kỷ luật; tổ chức đó ngày nay, ngay giữa hoàn cảnh phản động ghê gớm nhất (như trường hợp ở Pa-ri hiện nay) cũng tuyệt đối không thể bị phá hủy được nữa. Do tính chất quan trọng mà tổ chức này cũng có cả ở Đức nữa, nên theo ý chúng tôi thì tuyệt đối cần phải nói đến tổ chức này

¹⁾ Bê-ben (Bebel), Ap-gút-xơ (1840 - 1913) — nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và quốc tế, thợ tiện; Ủy viên Quốc tế I, từ 1867 là đại biểu quốc hội, một trong những nhà sáng lập và lãnh tụ Đảng xã hội-dân chủ Đức, tiến hành cuộc đấu tranh chống Lát-xan, trong thời gian chiến tranh Phổ-Tây-ban-nha, đứng trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản, lên tiếng bảo vệ Công xã Pa-ri, bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen.

trong cương lĩnh và nếu có thể thì phải dành cho nó một địa vị trong tổ chức của Đảng.

...

Thực ra thì cương lĩnh chính thức của một Đảng không quan trọng bằng những hành động của Đảng đó. Nhưng một cương lĩnh *mới* thì giống như một ngọn cờ người ta vừa mới treo lên trước mắt mọi người, và chính là căn cứ vào cương lĩnh đó mà người ta phán đoán về Đảng. Vậy bất cứ trong trường hợp nào, cương lĩnh này cũng quyết không thể thụt lùi được như trường hợp dự án cương lĩnh hiện nay so với cương lĩnh Ai-xơ-nách. Cũng cần phải nghĩ đến điều mà công nhân các nước khác sẽ nói về cương lĩnh này, và các ấn tượng người ta sẽ có ở ngoại quốc khi thấy toàn bộ giai cấp vô sản phái xã hội—dân chủ lại quỳ gối trước mặt bọn Lát-xan như thế.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, Tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 34, tr. 103, 105

THƯ GỬI C. SMÍT¹⁾

Luân-đôn, ngày 5 tháng Tám 1890

... Nói chung, danh từ «duy vật» được nhiều nhà văn trẻ ở Đức dùng đơn thuần như một danh từ trống rỗng mà họ áp dụng vào các sự vật khác nhau và chẳng cần phải nghiên cứu thêm gì cả, nghĩa là họ chỉ cần dán nhãn hiệu đó lên rồi coi vấn đề đã được giải quyết. Nhưng quan niệm duy vật lịch sử của chúng ta, chủ yếu là một kim chỉ nam cho sự nghiên cứu, chứ không phải là một đòn bẩy dùng cho những câu tạo *à la*²⁾ chủ nghĩa Hê-ghen. Cần phải nghiên cứu lại từ đầu toàn bộ lịch sử, cần phải xem xét lại một cách tỉ mỉ những điều kiện tồn tại của mọi kết cấu xã hội khác nhau, trước khi tìm cách rút ra từ những điều kiện đó những quan điểm chính trị, pháp lý, mỹ học, triết học, tôn giáo, v.v., phù hợp với những kết cấu đó. Trong vấn đề này, cho đến nay, người ta chưa làm được mấy, vì chỉ có ít người bắt tay vào việc đó một cách nghiêm chỉnh. Trong lĩnh vực này,

¹⁾ Smít (Schmidt), Côn-rát (1863-1932)—nhà kinh tế và triết học Đức, thời kỳ đầu tán thành học thuyết kinh tế của Mác, về sau tham gia nhóm tư sản chống đối chủ nghĩa Mác, tác giả những tác phẩm thể hiện một trong những nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa xét lại.

²⁾ Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: theo kiểu.

chúng ta cần rất nhiều người giúp đỡ; lĩnh vực thì hết sức rộng rãi, và người nào muốn làm việc nghiêm chỉnh cũng có thể làm được nhiều và trở thành xuất sắc. Nhưng đáng lẽ làm như vậy, rất nhiều thanh niên Đức lại chỉ đơn thuần lợi dụng câu sáo về chủ nghĩa duy vật lịch sử (và *bất kỳ cái gì* cũng có thể biến thành một câu sáo) để mang những kiến thức tương đối ít ỏi của họ về lịch sử — vì lịch sử kinh tế còn ở tuổi sơ sinh — mà cố gắng xây dựng hết sức nhanh chóng lên thành một hệ thống nhân tạo, và tưởng mình như thế là hết sức phi thường. Rồi sau đây, một Bác-thơ nào đó có thể xuất hiện và tận công vào cái mà giới của hắn vô luận thế nào cũng đã quy thành một câu nói trống rỗng.

Tuy nhiên, đâu sẽ vào đó tất cả. Ở nước Đức hiện nay, chúng ta đã đủ sức mạnh để vượt mọi thử thách. Một trong những việc lớn nhất mà Đạo luật chống chủ nghĩa xã hội đã giúp ích cho chúng ta là làm cho chúng ta thoát khỏi được sự quây rầy của cái nhà «bác học» Đức mang cái mã xã hội chủ nghĩa. Hiện nay chúng ta có đủ sức mạnh để cải tạo nhà «bác học» Đức đang lên mặt quan trọng. Bản thân anh đã từng có một số thành tích thiết thực, chắc anh phải thấy rằng rất ít có những nhà văn trẻ gia nhập Đảng lại chịu khó học tập kinh tế, lịch sử kinh tế, lịch sử thương mại, công nghiệp, nông

nghiệp và lịch sử các kết cấu xã hội. Trong số họ có bao nhiêu người biết được thêm cái gì về Mau-re nữa, ngoài tên của ông ta! Tính tự mãn của nhà báo phải khắc phục mọi việc, và rồi kết quả cũng phù hợp với cái đó! Hình như những người ấy thường nghĩ rằng đối với công nhân bất cứ cái gì cũng là thích dụng cả. Nếu những người đó biết được rằng Mác coi những sáng tác tốt nhất của ông vẫn còn chưa đủ tốt đối với công nhân, rằng Mác coi là một tội ác nếu ông cung cấp cho công nhân một cái gì chưa phải là tốt nhất!...

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 37, tr. 371 - 372

THƯ GỬI J. BLOCH¹⁾

Luân-đôn,

ngày 21 - 22 tháng Chín 1890

... Theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong lịch sử, *xét đến cùng*, là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. Cả Mác lẫn tôi chưa bao giờ khẳng định gì hơn.

¹⁾ Bloch (Bloch), I-ô-xíp (1871 - 1936) — sinh viên trường đại học tổng hợp Béc-lin, sau là nhà báo, nhà xuất bản và biên tập tạp chí «Sozialistisch Monatshefte».

Do đó, nếu có ai xuyên tạc câu đó khiến cho nó có nghĩa là chỉ có nhân tố kinh tế là nhân tố *duy nhất* quyết định, thì họ đã biến câu đó thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa. Tình hình kinh tế là cơ sở, nhưng mọi yếu tố khác nhau của thượng tầng kiến trúc—những hình thái chính trị của cuộc đấu tranh giai cấp và những kết quả của nó—như những hiến pháp do giai cấp chiến thắng thiết lập sau cuộc đấu tranh thắng lợi v.v.—những hình thái pháp luật, và ngay cả những phản ánh của tất cả những cuộc đấu tranh thực tế đó trong đầu óc những người tham gia đấu tranh, như các lý luận chính trị, pháp lý, triết học, những quan điểm tôn giáo và sự phát triển sau này của những quan niệm đó thành hệ thống giáo lý, cũng đều ảnh hưởng đến quá trình của những cuộc đấu tranh lịch sử và trong nhiều trường hợp lại chiếm ưu thế trong việc quyết định *hình thức* của những cuộc đấu tranh đó. Giữa tất cả những nhân tố ấy, có sự tác động qua lại; trong lòng những nhân tố ấy, sự vận động kinh tế như một cái tất yếu, cuối cùng tự mở ra cho mình một con đường giữa vô số những sự ngẫu nhiên (nghĩa là những sự vật và sự kiện mà quan hệ nội tại thì quá xa xôi hay rất khó xác định đến nỗi chúng ta có thể coi là không có, là không đáng kể). Nếu không thế, việc áp dụng lý luận vào bất cứ một thời kỳ nào của lịch sử,

có lẽ sẽ dễ dàng hơn là việc giải đáp một phương trình đơn giản bậc nhất.

Chúng ta tự sáng tạo ra lịch sử của chúng ta, nhưng trước hết là sáng tạo với những tiền đề và trong những điều kiện hết sức xác định. Trong những tiền đề và điều kiện đó, điều kiện kinh tế là tối hậu quyết định. Thế nhưng, những điều kiện chính trị, v.v., và ngay cả cái truyền thống đang ám ảnh đầu óc mọi người cũng có tác dụng, tuy tác dụng này không phải là tác dụng quyết định. Nhà nước Phổ cũng từ những nguyên nhân lịch sử, và xét tới cùng là, từ những nguyên nhân kinh tế, mà phát sinh ra và phát triển lên. Nhưng khó mà không sa vào lỗi thông thái rờm nếu lại đi khẳng định rằng trong số nhiều nước nhỏ ở miền Bắc nước Đức, chính Bơ-ran-đen-bua là do sự tất yếu kinh tế mà trở thành một cường quốc thể hiện sự khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam về mặt kinh tế, ngôn ngữ, và sau cuộc cải cách tôn giáo, thì cả về mặt tôn giáo nữa, chứ không phải là do những nhân tố khác (trước hết do tình hình là nhờ chiếm được Phổ, xứ Bơ-ran-đen-bua bị lôi cuốn vào những vấn đề ở Ba-lan và qua đó mà bị lôi cuốn vào những vấn đề chính trị quốc tế, là những quan hệ cũng đóng vai trò quyết định trong quá trình triều đại Áo trở thành một cường quốc). Nếu không muốn trở thành trò cười thì cũng sẽ khó mà dùng nguyên nhân kinh

tê để cắt nghĩa sự tồn tại của mỗi một tiểu quốc Đức trong quá khứ và hiện tại, hay nguồn gốc của hiện tượng di chuyển phụ âm trong tiếng thượng Đức là hiện tượng đã mở rộng đường phân chia về mặt địa lý do dãy núi từ Xu-đét đến Tau-nu-xơ tạo nên, thành cả một đường nứt thực sự xuyên qua toàn nước Đức.

Hai là, lịch sử đã diễn ra theo cái hướng là kết quả cuối cùng luôn luôn phát sinh từ những sự xung đột giữa nhiều ý chí cá nhân, mỗi ý chí cá nhân này lại do nhiều điều kiện sinh sống đặc biệt tạo ra. Do đó, có rất nhiều lực chống đối lẫn nhau, một loạt vô tận những hình bình hành lực, là những cái tạo nên một hợp lực, tức là sự biến lịch sử. Cái hợp lực này lại có thể được coi là một sản phẩm của một lực tác động như một chỉnh thể một cách *vô ý thức* và mù quáng. Bởi vì điều mà cá nhân này muốn lại bị cá nhân kia cản trở, và cái cuối cùng xuất hiện ra là một cái mà không có ai mong muốn cả. Bởi vậy cho đến nay, lịch sử đã tiến triển theo kiểu một quá trình tự nhiên, và, về căn bản, cũng bị chi phối bởi cùng những quy luật vận động như tự nhiên. Nhưng do chỗ những ý chí cá nhân—mỗi ý chí lại có một yêu cầu riêng tùy theo sự thúc đẩy của cơ thể và của hoàn cảnh bên ngoài, xét tới cùng là của hoàn cảnh kinh tế, (hoặc là hoàn cảnh riêng của mỗi người, hoặc là hoàn cảnh xã hội chung)—không đạt

được điều chúng mong muốn, song lại hợp nhất thành một ý chí trung bình chung thành một hợp lực chung, nên không có thể kết luận rằng những ý chí đó là bằng con số không. Trái lại, mỗi một ý chí đều đóng góp vào cái hợp lực và do đó mà nằm trong cái hợp lực ấy.

Hơn nữa tôi muốn anh nghiên cứu lý luận này căn cứ vào những nguyên bản chứ không căn cứ gián tiếp vào những sách do người khác viết lại, điều đó thật ra thì dễ hơn nhiều. Mác không viết một cái gì mà trong đó lý luận ấy không được vận dụng. Nhưng, đặc biệt là tác phẩm «*Ngày 18 tháng sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ*» là một thí dụ hết sức tuyệt diệu của sự áp dụng lý luận đó.

...

Mác và tôi cũng có chịu trách nhiệm một phần về việc những anh em trẻ đôi khi nhân mạnh quá mức vào mặt kinh tế. Đối với kẻ thù, chúng tôi phải nhân mạnh cái nguyên lý chủ yếu mà họ phủ nhận, và chúng tôi cũng ít khi có thì giờ, có chỗ và cơ hội để làm cho những nhân tố khác nhau tham gia vào sự tác động lẫn nhau, có được địa vị đúng của chúng. Nhưng khi phải trình bày một thời kỳ lịch sử, nghĩa là khi áp dụng lý luận vào thực tế, thì lại là một vấn đề khác và ở đây không thể có một sự sai lầm nào được. Nhưng đáng tiếc là có quá nhiều trường hợp là người ta nghĩ rằng

người ta đã hiểu đầy đủ một lý luận mới và có thể vận dụng lý luận đó không khó khăn gì, một khi người ta chỉ nắm được những nguyên tắc chủ yếu, và điều đó không phải bao giờ cũng là đúng. Và tôi không thể không trách cứ nhiều người «mác-xít» mới về điểm đó được, và cũng phải nói rằng họ đã phạm phải những điều hết sức kỳ quái.

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, Tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 37, tr. 394 - 396

THƯ GỬI C. SMÍT

Luân-đôn,

ngày 27 tháng Mười 1890

... Sự phản ánh của những quan hệ kinh tế dưới hình thức những nguyên tắc pháp luật cũng tất yếu phải là một sự phản ánh lộn ngược: nó xuất hiện ngoài ý thức của những người đang hoạt động; nhà luật học tưởng tượng rằng họ hành động theo những nguyên tắc tiên nghiệm, trong khi những nguyên tắc này thật ra chỉ là những phản ánh kinh tế; cho nên mọi vật đều bị đảo ngược. Sự đảo ngược ấy chừng nào mà chúng ta chưa nhận thức ra nó, thì nó tạo thành cái mà chúng ta gọi là *quan điểm tư tưởng*, tác động trở lại đến cơ sở kinh tế và có

thể, trong những giới hạn nhất định, thay đổi cơ sở kinh tế; điều đó đối với tôi hình như cũng là một điều hiển nhiên.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 37, tr. 418

THƯ GỬI PH. MÊ-RINH¹⁾

*Luân-đôn,
ngày 14 tháng Bảy 1893*

... Nếu tôi có phản đối ông thường chỉ là phản đối việc ông đã gán cho tôi những công lao quá đáng: ngay như kể cả những điều mà cùng với thời gian tôi cũng có thể nghĩ đến một cách độc lập, thì Mác cũng đã phát hiện ra sớm hơn nhiều, với một *coup d'oeil*²⁾ sắc bén hơn và nhãn quan rộng hơn. Người ta đã có cái may

¹⁾ Mê-rinh (Mehring), Phơ-ran-xơ (1846-1919) — nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân ở Đức, nhà sử học và nhà báo; những năm 80 trở thành nhà mác-xin; viết nhiều tác phẩm về lịch sử nước Đức và Đảng xã hội-dân chủ Đức, viết tiểu sử C. Mác; đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập Đảng cộng sản Đức.

²⁾ Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: *sự quan sát*.

mắn làm việc trong bốn mươi năm với một người như Mác, thì trong lúc Mác còn sống, thường không được thừa nhận đúng mức. Nhưng khi người vĩ đại đã mất thì lại dễ xảy ra trường hợp là người ta bắt đầu đánh giá cao quá mức người bạn chiến đấu kém Mác và hình như chính đây là trường hợp của tôi hiện nay. Cuối cùng lịch sử sẽ giải quyết tất cả một cách đúng đắn, nhưng lúc bấy giờ thì tôi đã yên ổn từ già cuộc đời, và cũng chẳng còn biết đâu vào đâu nữa.

Ngoài ra cũng chỉ còn một điểm thiếu sót mà trong các tác phẩm của Mác cũng như của tôi không bao giờ được nhấn mạnh đầy đủ; và về phương diện này chúng tôi đều có lỗi ngang nhau. Nghĩa là chúng tôi đã nhấn mạnh trước hết, và *buộc phải* nhấn mạnh trước hết vào việc *rút* những quan niệm chính trị, pháp lý và những quan niệm tư tưởng khác và rút những tác dụng do những quan niệm đó quy định từ những sự kiện kinh tế làm cơ sở cho những quan niệm đó. Nhưng làm như vậy chúng tôi đã coi nhẹ mặt hình thức—tức là coi nhẹ những phương pháp và phương tiện nhờ đó những khái niệm này, v. v., đã hình thành—vì chúng tôi muốn tôn trọng nội dung. Do đây các kẻ thù của chúng tôi đã có dịp may để nói láo và xuyên tạc, mà Pôn Bác-thơ là một thí dụ rất rõ rệt.

Hệ tư tưởng là một quá trình do con người mệnh danh là nhà tư tưởng đã hoàn thành một cách có ý thức, nhưng với một ý thức sai lầm. Những động lực thực sự thúc đẩy người đó, thì người đó không biết; nếu không thế thì hệ tư tưởng sẽ không còn là một quá trình tư tưởng nữa. Do đó người ấy tưởng tượng ra những động lực sai lầm, hoặc chỉ có bề ngoài. Vì đây là một quá trình tư tưởng, nên người đó suy luận ra cả hình thức lẫn nội dung của nó từ tư duy thuần túy, hoặc là từ tư duy của bản thân người đó hoặc là từ tư duy của các tiền bối của người đó. Người đó chỉ chú ý tới những vật liệu tư tưởng; không xem xét kỹ vấn đề, người đó cho rằng những vật liệu này là sản phẩm của tư duy, và không chú ý tìm tòi xem chúng có còn nguồn gốc nào khác xa xôi và độc lập đối với tư duy không. Cái kiểu làm như vậy là một điều tất nhiên đối với người đó, vì người đó cho rằng do chỗ mọi hoạt động của con người được thực hiện *thông qua* tư duy, nên xét đến cùng những hoạt động ấy cũng hình như *dựa* vào tư duy mà thôi.

Vậy nhà tư tưởng lịch sử (lịch sử ở đây chỉ là một danh từ bao gồm chung tất cả mọi lĩnh vực thuộc về *xã hội*,—chứ không phải chỉ thuộc về tự nhiên—như chính trị, luật pháp, triết học, thần học), thấy mỗi lĩnh vực khoa học là một vật liệu đã tự hình thành một cách độc

lập trong tư tưởng của những thế hệ trước và đã trải qua một loạt quá trình phát triển độc lập của nó trong đầu óc của những thế hệ nối tiếp nhau ấy. Thật ra, những sự việc bên ngoài, thuộc vào lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, có thể góp phần quyết định sự phát triển đó, nhưng theo tiền đề đã được mặc nhiên thừa nhận, thì bản thân những sự việc đó cũng chỉ lại là kết quả của một quá trình tư tưởng, thành thử chúng ta vẫn ở trong cái thế giới của tư duy thuần túy, tư duy này hình như đã tiêu hóa được ngay cả những sự việc ngoan cố nhất.

...

Gắn liền với điều này, con có cái quan niệm lạ lùng của các nhà tư tưởng; vì chúng tôi cho rằng những lĩnh vực tư tưởng khác nhau đã đóng một vai trò trong lịch sử đều không có sự phát triển lịch sử độc lập, nên chúng tôi cũng cho rằng những lĩnh vực đó không có *tác dụng lịch sử*. Như thế là xuất phát từ quan niệm tầm thường, không biện chứng, về nguyên nhân và kết quả coi như những cực đối lập nhau một cách cứng nhắc, từ sự hoàn toàn không hiểu biết gì về tác động qua lại. Những người đó thường hoàn toàn cô ý quên rằng một khi một nhân tố lịch sử được tạo ra bởi những sự kiện khác mà xét tới cũng là nguyên nhân kinh tế, thì nó cũng tác động đến môi trường

xung quanh và thậm chí có thể tác động ngược trở lại những nguyên nhân đã tạo ra nó...

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 39, tr. 82-83, 84

THƯ GỬI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ CỦA SINH VIÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA²⁴

*Luân-đôn,
ngày 19 tháng Chạp 1893*

Các bạn thân mến!

Xin cảm ơn các bạn đã ân cần mời tôi đến dự Đại hội sinh viên xã hội chủ nghĩa và tôi rất lấy làm tiếc rằng không thể nhận lời mời ấy được, vì tôi còn bận nhiều công việc quan trọng và cấp bách không trì hoãn được. Vì vậy tôi chỉ còn có cách chúc Đại hội của các bạn mọi sự thành công xứng đáng với nó. Mong rằng những cố gắng của các bạn sẽ góp phần phát triển trong sinh viên cái ý thức rằng chính từ hàng ngũ của họ sẽ ra đời một giai cấp vô sản lao động trí óc, có sứ mệnh đóng vai trò to lớn trong cuộc cách mạng sắp tới, bên cạnh và cùng với những người anh em lao động chân tay của mình.

Những cuộc cách mạng cơ bản của thời trước Đại hội các trường đại học tổng hợp rất nhưng trạng sự, coi đó là chất liệu ban đầu tru tử để ra

thứ 2, 3, 19, 11, 62, 63, 69

trong học và các chuyên gia khác, vì vậy để không những là phải nắm lấy việc quản lý bộ máy chính trị, mà còn phải nắm lấy việc quản lý toàn bộ nền sản xuất xã hội, và ở đây, thay cho những câu nói kêu, cần có những tri thức vững chắc.

Lưuân-dôn,

chính gửi tới chào anh em!

Ph. Ăng-ghe-n

Các bạn thân mến!

Cư Mac và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 22, tr. 432

ở tại đơn vị này công việc quản lý và clip bách khoa về kinh doanh

còn có một chiếc Đại hội của các ban đại sự thành công xứng đáng là một công việc những cố gắng của các bạn sẽ góp phần phát triển trong sinh viên và ở thời điểm chính trị hùng vĩ của họ

Lưuân-dôn,
ngày 25 tháng Giêng 1894
Chính con người sáng tạo ra lịch sử của mình, nhưng là sáng tạo trong một hoàn cảnh nhất định, mà con người phải thích ứng và trên cơ sở của những quan hệ thực tế đương tồn

tại, trong đó quan hệ kinh tế, mặc dù có thể bị những quan hệ khác, — những quan hệ về chính trị và tư tưởng — ảnh hưởng đến đâu chăng nữa, nhưng xét đến cùng nó vẫn là những quan hệ quyết định, hình thành sợi dây chỉ đạo xuyên qua toàn bộ sự phát triển, sợi dây duy nhất làm cho ta hiểu được sự phát triển.

Con người tự sáng tạo ra lịch sử của mình, nhưng từ trước đến nay họ chưa tuân theo một ý chí tập thể theo một kế hoạch chung, mà cũng chưa phải là trong khuôn khổ một xã hội nhất định và có tổ chức. Những cố gắng của họ đi ngược lại với nhau, và chính đó là lý do khiến tất cả các xã hội đại loại như vậy, đều bị chi phối bởi cái tất yếu được biểu hiện dưới hình thức *ngẫu nhiên* và được *ngẫu nhiên* bổ sung. Cái tất yếu xuyên qua sự ngẫu nhiên ở đây, xét đến cùng, lại là cái tất yếu kinh tế. Ở đây chúng ta đề cập đến vấn đề những người mà người ta gọi là vĩ nhân nào đó xuất hiện ở một thời nhất định nào đó, trong một nước nhất định nào đó. Nhưng nếu chúng ta phê bỏ người đó đi, thì lại xuất hiện sự đòi hỏi phải có một người khác thay thế, và người thay thế này sẽ xuất hiện — thích hợp ít hay nhiều — nhưng cuối cùng thì cũng xuất hiện. Chính cũng là ngẫu nhiên mà Na-pô-lê-ông, anh chàng người Coóc-sơ ấy lại chính là nhà độc tài quân sự mà nền Cộng hòa Pháp bị kiệt quệ bởi cuộc chiến

tranh của mình, hết sức cần đến; nhưng đã có bằng chứng rằng nếu không có Na-pô-lê-ông, thì có một người khác thay thế chỗ ông ta, vì mỗi khi cần đến một người như thế thì người đó sẽ xuất hiện: Xê-da, Au-gu-xtơ, Cơ-rôm-oen v.v.. Nếu Mác đã tìm ra quan điểm duy vật lịch sử, thì Chi-e-ri, Mi-nhê, Ghi-dô và tất cả những nhà sử học nước Anh cho đến năm 1850, đã chứng tỏ rằng có nhiều người đã gắng đi theo hướng đó; và việc Moóc-gan cũng phát hiện ra quan điểm đó chứng tỏ là thời gian đã chín muồi để có phát hiện đó và phát hiện đó phải được thực hiện.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 39, tr. 175 - 176

CHÚ THÍCH

¹ *Gia đình thần thánh hay phê phán sự phê phán có tính chất phê phán* là tác phẩm đầu tiên Mác và Ăng-ghe-nơ viết chung. Tác phẩm này viết khoảng tháng Chín, tháng Mười một 1844, được đăng tháng Hai 1845 ở Phơ-răng-phuộc-na Mai-nơ. — 13

² Cuối năm 1847, đầu năm 1848 theo sự ủy nhiệm của Đại hội lần thứ II của Liên đoàn những người cộng sản mà hai ông là những nhà lãnh đạo, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ đã viết «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», bản cương lĩnh đầu tiên của một đảng cách mạng vô sản thế giới. Trong văn kiện này hai ông đã trình bày thế giới quan cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa duy vật triệt để, bao gồm cả mặt sinh hoạt xã hội, trình bày phương pháp biện chứng là học thuyết toàn diện và sâu sắc nhất về sự phát triển, trình bày lý luận đấu tranh giai cấp và vạch ra vai trò lịch sử của giai cấp vô sản, người sáng lập ra xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa. — 16

³ *Những ý nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề* là bài luận Mác làm khi thi tốt nghiệp trường trung học ở Tore-vơ. — 49

⁴ Mác đã dành ba bài báo để nói về các cuộc tranh luận của Hội nghị dân biểu khóa 6 tỉnh Ranh; trong ba bài này chỉ có bài thứ nhất và bài thứ ba là được đăng. Trong bài đầu tiên của loạt bài này, tiếp tục sự phê phán của mình đối với chế độ kiểm duyệt phản động ở Phổ bắt đầu ngay từ bài báo không được đăng vào thời kỳ đó «Nhận xét bản chỉ thị mới nhất về chế độ kiểm duyệt của Phổ», Mác vạch trần tính chất nghèo nàn của báo chí phản động Phổ và đem hình ảnh một báo chí dửng dưng, chiến đấu, biểu hiện nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân, ra đối lập với báo chí phản động đó. Trong bài này, Mác còn bàn đến một vấn đề khác, đã làm xao xuyến quần chúng nhân dân và bộ phận tiên bộ trong giai cấp tư sản ở nước Đức tiền cách mạng, — tức là chế độ đại diện. Lấy cuộc thảo luận về vấn đề tự do báo chí và về việc công bố những biên bản của hội nghị các đảng cấp làm ví dụ, Mác đã chỉ ra rằng Hội nghị dân biểu không có gì giống với cơ quan đại diện của nhân dân, rằng hội nghị này bênh vực những đặc quyền đẳng cấp, bất chấp những lợi ích của nhân dân. Việc đăng bài báo nói về các cuộc bàn cãi về tự do báo chí đã mở đầu cho sự cộng tác của Mác với tờ «Nhật báo tỉnh Ranh». — 52

⁵ *Kölnische Zeitung* (Báo Khuên) là tờ báo hàng ngày ở Đức xuất bản dưới tên gọi đó từ năm 1802 ở Khuên. Trong những năm 30 và đầu những năm 40 thế kỷ XIX, tờ báo này đã bảo vệ nhà thờ Thiên chúa giáo chống lại đạo Tin lành; hồi đó đang thống trị ở Phổ. Năm 1842 Héc-mét, một nhà chính luận phản động, nhân viên mật vụ của chính phủ Phổ, đã trở thành biên tập viên chính trị của tờ «*Kölnische Zeitung*», và báo này đã tiến hành một cuộc đấu tranh dữ dội chống lại báo «*Nhật báo tỉnh Ranh*» do Mác chủ biên. — 57

⁶ Bài báo này của Các Mác nhằm chống lại A. Ru-giơ, là người đã viết trên tờ «Vorwärts!» («Tiên lên!») với bí danh «Người Phổ».

«Vorwärts!» là một tờ báo tiếng Đức xuất bản mỗi tuần hai kỳ ở Pa-ri từ tháng Giêng đến tháng Chạp 1844. Ngoài bài báo trên đây của Mác, báo còn đăng cả những bài của Ăng-ghe-n. Do ảnh hưởng của Mác là người tham gia mật thiết vào công việc biên tập của báo từ mùa Hè năm 1844, báo bắt đầu mang tính chất cộng sản chủ nghĩa; nó đã phê phán gay gắt những trật tự phản động ở Phổ. Theo yêu cầu của chính phủ Phổ, tháng Giêng 1845 nội các Ghi-dô đã quyết định trục xuất Mác và một số cộng tác viên khác nữa của báo ra khỏi nước Pháp; việc xuất bản tờ «Vorwärts!» bị đình bản. — 59

⁷ Tác phẩm này của Mác đến nay đã có ba bản thảo, mỗi bản thảo đều có số trang riêng của nó. — 70

⁸ *Luận cương về Phơ-bách* do Mác viết ở Brúc-xen mùa xuân 1845. Lần đầu tiên được Ăng-ghe-n cho đăng vào năm 1888 cùng với tác phẩm của ông là «Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của nền triết học cổ điển Đức» trong đó có chỉ rõ địa điểm và thời gian viết bản luận cương. — 77

⁹ Cơ sở của tác phẩm *Lao động làm thuê và tư bản* là những bài giảng của Mác giảng cho Hội công nhân Đức ở Brúc-xen hồi cuối tháng Chạp 1847. — 87

¹⁰ Tác phẩm *Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850* là một loạt bài báo dưới nhan đề chung «Từ 1848 đến 1849»

được viết riêng cho tạp chí «Neue Rheinische Zeitung. Politische-ökonomische Revue». — 91

¹¹ Tác phẩm này của Mác gồm 7 bản thảo kinh tế của ông, viết từ tháng Bảy 1857 đến tháng Ba 1859. Tác phẩm này tổng kết cả một thời kỳ hoạt động lý luận căng thẳng của Mác trong lĩnh vực kinh tế chính trị, bắt đầu từ khoảng tháng Bảy 1850, ít lâu sau khi Mác đến Luân-đôn và là sự tiếp tục của thời kỳ những năm 40. — 95

¹² Bản chỉ thị này của Mác viết cho các Đoàn đại biểu của Đại hội lần thứ I của Hội liên hiệp lao động quốc tế họp ở Giơ-ne-vơ từ ngày 3 đến ngày 8 tháng Chín 1866. — 116

¹³ *Tư bản* là tác phẩm thiên tài của chủ nghĩa Mác, hoàn thành bước ngoặt cách mạng trong khoa học kinh tế. Mác đã viết tác phẩm này trong vòng 40 năm, từ đầu những năm 40 đến cuối đời. — 120

¹⁴ *Nội chiến ở Pháp* — một trong những tác phẩm quan trọng nhất của chủ nghĩa cộng sản khoa học, trên cơ sở kinh nghiệm của công xã Pa-ri được tiếp tục phát triển những quan điểm cơ bản của học thuyết mác-xít về đấu tranh giai cấp, về nhà nước, về cách mạng và về chuyên chính vô sản. — 189

¹⁵ *Cương lĩnh Gô-ta* — Cương lĩnh của Đảng xã hội dân chủ Đức được thông qua năm 1875 tại Đại hội Gô-ta, khi thống nhất hai đảng xã hội chủ nghĩa Đức trước kia vẫn tồn tại riêng biệt, Mác và Ăng-ghe-n đã phê phán gay

gắt bản dự án cương lĩnh Gô-ta, coi đó là một bước thụt lùi lớn, thậm chí so với cương lĩnh Ai-sơ-nách năm 1869. — 195

¹⁶ *Đại cương phê phán về kinh tế chính trị học* là tác phẩm kinh tế đầu tiên của Ăng-ghe-n trong đó ông đứng trên quan điểm của chủ nghĩa xã hội để xem xét chế độ kinh tế của xã hội tư sản và những phạm trù cơ bản của khoa kinh tế chính trị tư sản. Về sau, Mác đã đánh giá cao tác phẩm đó của Ăng-ghe-n, gọi nó là «Lược thảo thiên tài phê phán những phạm trù kinh tế». — 229

¹⁷ *Cuốn Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh* do Ph. Ăng-ghe-n viết ở Bắc-men tháng Chín 1844 - tháng Ba 1845. Ph. Ăng-ghe-n nghiên cứu điều kiện sống của giai cấp vô sản Anh trong thời gian ông sống ở nước Anh - tháng Mười một 1842, tháng Tám 1844. — 230

¹⁸ Tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* của Ăng-ghe-n có tính chất một bản đề cương của cương lĩnh của Liên minh những người cộng sản, viết dưới dạng Hỏi—Đáp. Sau này khi viết «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản», những nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã sử dụng rất nhiều quan điểm được nêu trong «Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản». — 242

¹⁹ *Lời nói đầu tác phẩm của C. Mác «Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850»* do Ăng-ghe-n viết giữa 14 tháng Hai và 6 tháng Ba cho bản in riêng xuất bản ở Béc-lin năm 1895. — 253

²⁰ Tác phẩm *Vấn đề quân sự ở Phổ và Đảng công nhân Đức* của Ph. Ăng-ghe-nơ được in thành sách mỏng ở Hăm-bu-éc vào cuối tháng Hai 1865 và đã gây được tiếng vang rộng rãi ở Đức. — 254

²¹ *Chống Duy-rinh* là một tác phẩm kinh điển của Ph. Ăng-ghe-nơ đã đi vào lịch sử. Tác phẩm này ra đời là kết quả trực tiếp của cuộc đấu tranh tư tưởng trong Đảng xã hội-dân chủ ở Đức. — 274

²² Tác phẩm *Liệu châu Âu có thể giải trừ quân bị được không?* do Ph. Ăng-ghe-nơ viết tháng Hai 1893 nhân cuộc thảo luận ở trong nghị viện Đức về dự thảo luật quân sự do chính phủ đề ra. Bản dự thảo dự định tăng rất nhiều quân đội và bổ sung tiền cho ngân sách quân sự, làm cho rất nhiều tầng lớp nhân dân không hài lòng; việc này đã thức tỉnh cả một số đảng phái tư sản cũng đứng lên chống lại dự luật này và tháng Năm 1893, nó đã bị đã bỏ nghị viện bác bỏ. Song đến tháng Bảy 1893, sau khi giải tán quốc hội và bầu lại, một bản dự luật quân sự tương tự đã được nghị viện thông qua. — 313

²³ *Những bức thư từ Vúp-péc-tan* là tác phẩm chính luận đầu tiên của Ph. Ăng-ghe-nơ, với tác phẩm này, ông bắt đầu cộng tác với tạp chí «Telegraph fur Deutschland» từ năm 1839 đến 1841. «Telegraph fur Deutschland» («Điện tín nước Đức») là tạp chí văn học, do Gút-xcốp sáng lập, xuất bản ở Hăm-bu-éc từ 1838 đến 1848. Cuối những năm 30 và đầu những năm 40, tạp chí này đã biểu hiện những quan điểm của hội «Nước Đức trẻ». — 317

²⁴ Đại hội quốc tế của sinh viên xã hội chủ nghĩa được triệu tập theo sáng kiến của nhóm sinh viên xã hội chủ nghĩa ở Giơ-ne-vơ, họp ở Giơ-ne-vơ từ 22 đến 25 tháng Chạp 1893. Tham dự Đại hội này có 26 Đoàn đại biểu của các tổ chức sinh viên từ Ác-mê-ni-a, Bỉ, Bun-ga-ri, I-ta-li-a, Đức, Ba-lan, Ru-ma-ni, Pháp, Nga và Thụy-sĩ. Đại hội đã xem xét các vấn đề về sự tham gia của các cán bộ lao động trí óc vào phong trào xã hội chủ nghĩa, về chủ nghĩa bài Do-thái, về chủ nghĩa vô chính phủ, về «chủ nghĩa xã hội Nhà nước» và các vấn đề khác. — 351

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN	
GIA ĐÌNH THẦN THÁNH HAY PHÊ PHÁN SỰ PHÊ PHÁN CÓ TÍNH CHẤT PHÊ PHÁN (<i>Chống Bru-nô Bau-ơ và đồng bọn</i>)	13
TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN . . .	16
LỜI KÊU GỌI CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG GỬI ĐỒNG MINH NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN (<i>Tháng Ba 1850</i>).	39
CÁC MÁC	
NHỮNG Ý NGHĨ CỦA MỘT THANH NIÊN KHI CHỌN NGHỀ	49
NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN CỦA HỘI NGHỊ DÂN BIỂU KHÓA 6 CỦA TỈNH RANH (<i>Bài thứ nhất</i>). NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN VỀ TỰ DO BÁO CHÍ VÀ VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÁC BIÊN BẢN CỦA HỘI NGHỊ CÁC ĐẢNG CẤP	52
XÃ LUẬN BÁO «KÖLNISCHE ZEITUNG» SỐ 179	57
	363

NHỮNG NHẬN XÉT PHÊ PHÁN VỀ BÀI BÁO CỦA «MỘT NGƯỜI PHỔ» «VUA PHỔ VÀ CÁI CÁCH XÃ HỘI»	59
BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC NĂM 1844	70
LUẬN CƯƠNG VỀ PHƠ-BÁCH	77
SỰ KHÔN CÙNG CỦA TRIẾT HỌC (<i>Trả lời cuốn «Triết học của sự khôn cùng» của ông Pru-đông</i>)	80
LAO ĐỘNG LÀM THUÊ VÀ TƯ BẢN	87
ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP TỪ 1848 ĐẾN 1850	91
NGÀY 18 THÁNG SƯƠNG MÙ CỦA LU-I BÔ-NA-PÁC-TƠ	93
NHỮNG BẢN THẢO KINH TẾ CÁC NĂM 1857-1859	95
LỜI TỰA CUỐN «PHÊ PHÁN CHÍNH TRỊ KINH TẾ HỌC»	97
TUYÊN NGÔN THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP LAO ĐỘNG QUỐC TẾ. THÀNH LẬP NGÀY 28 THÁNG CHÍN 1864 TRONG MỘT CUỘC HỘI NGHỊ CÔNG KHAI Ở LUÂN-ĐÔN, PHỐ LÔNG Ê-CƠ- RƠ PHÒNG XANH MÁC-TIN	101
ĐIỀU LỆ CHUNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP LAO ĐỘNG QUỐC TẾ	108
TIỀN LƯƠNG, GIÁ CẢ VÀ LỢI NHUẬN	114

CHỈ THỊ VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ GỬI CÁC ĐẠI BIỂU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LÂM THỜI	116
TƯ BẢN. <i>Phê phán khoa kinh tế chính trị (Quyển thứ nhất)</i>	120
NỘI CHIẾN Ở PHÁP. TUYÊN NGÔN CỦA ỦY BAN TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP LAO ĐỘNG QUỐC TẾ VỀ CUỘC NỘI CHIẾN Ở PHÁP 1871 . .	189
PHÊ PHÁN CƯƠNG LĨNH GÔ-TA . . .	195
THƯ GỬI CHO CHA. <i>Béc-lin, ngày 10 tháng Mười một 1873</i>	205
THƯ GỬI J. VAI-ĐÊ-MAI-Ơ. <i>Luân-đôn, ngày 5 tháng Ba 1852</i>	213
THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN. <i>Luân-đôn, ngày 14 tháng Bảy 1857</i>	214
THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN. <i>Luân-đôn, ngày 25 tháng Chín 1857</i>	216
THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN. <i>Luân-đôn, ngày 14 tháng Hai 1858</i>	217
THƯ GỬI PH. ĂNG-GHEN. <i>Luân-đôn, ngày 31 tháng Năm 1858</i>	218
THƯ GỬI L. CU-GHEN-MAN. <i>Luân-đôn, ngày 9 tháng Mười 1866</i>	219
THƯ GỬI L. CU-GHEN-MAN. <i>Luân-đôn, ngày 12 tháng Tư 1871</i>	221
THƯ GỬI PH. BÔN-TE. <i>Luân-đôn, ngày 23 tháng Mười một 1871</i>	223
	365

THƯ GỬI MÔ-RI-XƠ LA-SA-TƠ-RƠ. Ngày 18 tháng Ba 1872	226
PH. ĂNG-GHEN	
ĐẠI CƯƠNG PHÊ PHÁN VỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC	229
TÌNH CẢNH GIAI CẤP CÔNG NHÂN Ở ANH	230
MÔ TẢ NHỮNG CÔNG XÃ CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA VỪA MỚI XUẤT HIỆN VÀ HIỆN NAY CÒN TỒN TẠI	238
DIỄN VĂN Ở EN-BÉC-PHEN	239
NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN	242
LỜI NÓI ĐẦU TÁC PHẨM CỦA C. MÁC «ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP TỪ 1848 ĐẾN 1850»	253
VẤN ĐỀ QUÂN SỰ Ở PHỔ VÀ ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC	254
BỘ «TƯ BẢN» CỦA MÁC	255
BỔ SUNG LỜI TỰA CUỐN «CHIẾN TRANH NÔNG DÂN Ở ĐỨC»	256
LỜI NÓI ĐẦU QUYỀN «BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN»	258
TÁC DỤNG CỦA LAO ĐỘNG TRONG SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ VƯỜN THÀNH NGƯỜI	262

CÁC MÁC	269
CHÔNG ĐUY-RINH. ÔNG Ơ-GIÊ-NI ĐUY-RINH ĐÀO LỘN KHOA HỌC	274
ĐIỀU VĂN TRƯỚC MỘ CÁC MÁC . . .	299
NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC .	303
LIỆU CHÂU ÂU CÓ THỂ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ ĐƯỢC KHÔNG?	313
NHỮNG BỨC THƯ TỪ VÚP-PÉC-TAN .	317
THƯ GỬI ÁC-NÔN-ĐƠ RU-GIƠ. <i>Béc-lin,</i> <i>ngày 26 tháng Bảy 1842</i>	327
THƯ GỬI CÁC MÁC. <i>Oa-téc-lu, ngày 25</i> <i>tháng Tám 1857</i>	329
THƯ GỬI CÁC MÁC. <i>Rai-dơ, ngày 18 tháng</i> <i>Chín 1857</i>	330
THƯ GỬI CÁC MÁC. <i>Man-tre-stơ, ngày 15</i> <i>tháng Mười một 1857</i>	331
THƯ GỬI CÁC MÁC. <i>Man-tre-stơ, ngày 31</i> <i>tháng Chạp 1857</i>	332
THƯ GỬI CÁC MÁC. <i>Man-tre-stơ, ngày 11</i> <i>tháng Hai 1858</i>	333
THƯ GỬI CÁC MÁC. <i>Man-tre-stơ, ngày 18</i> <i>tháng Hai 1858</i>	334
THƯ GỬI CHO VỢ CỦA MÁC. <i>Man-tre-</i> <i>stơ, ngày 11 tháng Năm 1858</i>	335
THƯ GỬI CÁC-LÔ CA-PHE-RÔ. <i>Luân-đôn,</i> <i>ngày 16 tháng Bảy 1871</i>	336
	367

THƯ GỬI A. BÊ-BEN. <i>Luân-đôn, ngày 28 tháng Ba 1875</i>	337
THƯ GỬI C. SMÍT. <i>Luân-đôn, ngày 5 tháng Tám 1890</i>	339
THƯ GỬI J. BŁOC. <i>Luân-đôn, ngày 21-22 tháng Chín 1890</i>	341
THƯ GỬI C. SMÍT. <i>Luân-đôn, ngày 27 tháng Mười 1890</i>	346
THƯ GỬI PH. MÊ-RINH. <i>Luân-đôn, ngày 14 tháng Bảy 1893</i>	347
THƯ GỬI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ CỦA SINH VIÊN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. <i>Luân-đôn, ngày 19 tháng Chạp 1893</i>	351
THƯ GỬI V. BÔR-GI-ÚT. <i>Luân-đôn, ngày 25 tháng Giêng 1894</i>	352
CHÚ THÍCH	355

